



THIỆN PHÚC

ĐẠO PHẬT
TRONG
ĐỜI SỐNG
TẬP X

THIỆN PHÚC

ĐẠO PHẬT
TRONG
ĐỜI SỐNG

Buddhism In Life
Book X



Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại
Oversea Vietnamese Buddhism

MỤC LỤC

- 474. Bình Thường Tâm Thị Đạo
- 475. Đường Vào Đất Phật
- 476. Con Đường An Vui Và Hạnh Phúc
- 477. Người Biết Sống Với Chơn Lý
- 478. Cư Trần Lạc Đạo
- 479. Đạo Phật Và Sự Phát Triển Con Người Đến
Toàn Thiện Toàn Mỹ
- 480. Niết Bàn Của Người Con Phật
- 481. Theo Đạo Phật Nào?
- 482. Hình Tượng Bên Ngoài Hay Tâm Địa Bên Trong?
- 483. Tu Đến Chừng Nào?
- 484. Niềm Tin Nỗ Lực Và Sự Giải Thoát
- 485. Hành Trì Trong Đạo Phật
- 486. Hiện Đời Giải Thoát
- 487. Đường Giải Thoát
- 488. Hãy Trở Về Với Chính Mình
- 489. Ly Khổ Đắc Lạc
- 490. Ai Giàu Có, Ai Nghèo Khó?
- 491. Khả Năng Thành Phật Của Con Người
- 492. Thế Cũng Đủ Rồi!!!
- 493. Niết Bàn Là Những Gì Mà Chúng Ta Đang Có
- 494. Từ Người Lên Phật
- 495. Thông Dong
- 496. Mười Pháp Giới Hay Lục Phạm Tứ Thánh
- 477. Tu Là Không Lầm Cái Giả Và Không Quên
Cái Thật Trong Từng Sát Na
- 498. Sự Thành Công Của Người Con Phật
- 499. Những Lời Di Giáo Cuối Cùng Trước Khi
Phật Nhập Niết Bàn
- 500. Hiếu Hạnh Của Người Phật Tử
- 501. Những Cái Lớn Nhất Của Đời Người

LỜI GIỚI THIỆU

Phật tử Thiện Phúc là một trong những Phật tử tại California nói riêng và Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ nói chung, ngoài công tác xã hội, đời sống gia đình, Phật tử Thiện Phúc dành thì giờ nhàn rỗi chú tâm nghiên cứu Kinh điển Phật đà hầu tìm lối thoát cho tâm linh mình và cống hiến cho xã hội những gì mà mình đã thu thập trong ba tạng Kinh, Luật và Luận.

Sự quan tâm nghiên cứu học hỏi và sáng tác không phải không có lý do. Lý do vì Phật tử Thiện Phúc đã trải qua chốn ngục tù đọa đầy suốt tám năm năm trực tiếp nếm mùi đắng cay ngọt bùi, đời sống lao đao sau khi bước ra khỏi ngục tù, lại gặp gió táp mưa sa trong cuộc viễn hành thập tử nhất sinh giữa biển cả mênh mông đầy nguy hiểm. Nghĩ lại cuộc đời quá khứ:

Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa!

Vâng, không nên trách oán, Phật tử Thiện Phúc dững mãi tìm được đời sống, đời sống đạo đức. Nguồn sống đạo đức Việt Nam là đạo đức Phật giáo. Phật tử Thiện Phúc không những không căm thù oán hận, mà muốn mọi người quay trở lại đường thiện, hồi tâm cảnh giác kiếp sống phù du sáng nở tối tàn, rửa sạch tâm hồn tội lỗi đã gây tạo. Như Kinh Pháp Cú (Dhammapada), Đức Phật dạy:

“Lấy oán trả oán

Oán không bao giờ dứt

Lấy lòng hỷ xả từ bi trả oán

Oán kia tự nhiên hết.”

Từ đó, Phật tử Thiện Phúc thấm nhuần Phật lý, phát tâm Bồ Đề biên soạn bộ “Đạo Phật Trong Đời Sống” chia ra làm nhiều tập, diễn dịch đạo lý từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu, từ thô thiển

đến vi tế, vì chơn lý Phật đà cao siêu vi diệu nếu Phật tử và độc giả các giới không nắm được những lời giáo lý cơ bản trước khi đi sâu vào vấn đề khác tìm chơn lý, tự mình thiếu căn bản khó mà đạt đến mục đích tối thượng, như không xây cất từng lầu thứ nhất thế nào có thể xây cất từng hai từng ba, vân vân.

Công phu biên soạn bộ “Đạo Phật Trong Đời Sống” gồm có nhiều tập, đây là Tập X, tôi được vinh dự đọc qua bản thảo, cảm thấy việc làm của Phật tử Thiện Phúc không ngoài mục đích đóng góp phần nào trong ngôi nhà Phật pháp hiện tại và tương lai, đáp ứng nhu cầu của đồng bào Phật tử Việt Nam ở hải ngoại cũng như tại nước nhà. Vì lợi ích chung tôi không ngại viết lời giới thiệu đến Phật tử và độc giả các giới gần xa, không thể bỏ qua mà không đọc tập Đạo Phật Trong Đời Sống để thưởng thức lời dạy của Phật mà soạn giả đã dày công nghiên cứu, thực hiện vấn đề hữu ích “tự lợi lợi tha.”

Kính Cẩn

*Hòa Thượng Thích Quảng Liên
Viện Chủ Tu Viện Quảng Đức
Sài Gòn, Việt Nam*

LỜI CHỨNG MINH VÀ KHUYẾN TẤN

*Xin khuyến khích cùng các hàng đọc giả
Quyển sách này, do Thiện Phúc viết ra
Chín quyển trước, cũng đã viết nói qua
Quyển thứ mười, để bổ sung đầy đủ.*

*Khen Thiện Phúc đã dày công tích tụ
Trải nhiều năm, Phật lý đã thông qua
Mở tâm từ, muốn giúp kẻ gần xa
Tìm học hỏi, Đạo Phật Trong Đời Sống.*

*Tu nhiều hạnh, nhiều pháp môn không giống
Do mỗi người, tiến hóa trước hay sau
Nên pháp tu, đủ hình thức sắc màu
Nhưng chung kết, cũng không ngoài Bát Chánh.*

*Tham sân si, phải diệt đi trừ lánh
Thập Hạnh nguyên cố gìn giữ luôn luôn
Khẩu ý thân thức liễm trở về nguồn
Giới Định Tuệ, thực hành không sơ suất.*

*Thiện Phúc ngộ mới ra công tướng thuật
Những điều gì, Đức Phật đã nói ra
Trước mình tu, tự giác kế giác tha
Đến tròn đủ, công viên đầy quả mãn.*

*Hiếu đạo Phật, không bao giờ nhàm chán
Nếu hành trì, đúng pháp quý vô song
Nguồn an vui hạnh phúc mãi trong lòng
Được giải tỏa bao nỗi niềm u uất.*

*Chính Thiện Phúc đã thực hành đúng lúc
Đem cho mình lợi lạc biết dường bao
Nay viết ra để giúp ích đồng bào
Hiếu đạo Phật, thực hành trong đời sống.*

*Tu đâu phải với mở chuông kèn trống
Ở bên ngoài chỉ hình thức mà thôi
Cốt làm sao trau sửa gắng vun bồi
Tâm trong sạch, dứt lìa mê đắm nhiễm.*

*Mong đọc giả, cố ra công tìm kiếm
Chín quyển qua, đồng để tựa như vậy
Dạy rõ ràng yếu lý thật là hay
Lời đơn giản, nhưng thâm huyền vô tận*

*California ngày 28 tháng 8 năm 2006
Hòa Thượng Thích Giác Nhiên
Pháp Chủ GHPGTGKHTG*

LỜI MỞ ĐẦU

Kính thưa chư thiện hữu tri thức,

Đức Phật đã từng khẳng định trong các kinh điển của Ngài rằng đạo Phật không chỉ dành riêng cho Phật tử, đạo Phật là đạo của chúng sanh mọi loài. Hễ ai chịu hành trì những lời Phật dạy trong cuộc sống hằng ngày, chịu bố thí trì giới, chịu nhẫn nhục và tinh tấn thiền định để tận diệt ác pháp, tăng trưởng thiện pháp và thanh tịnh thân khẩu ý, người đó là Phật tử. Hễ ai chịu ban vui cứu khổ, bác ái vị tha và hằng sống trong tinh thần từ bi hỷ xả, thì cho dù bất cứ ở đâu, ở chùa, ở chợ, ở sở hay ở nhà, người đó vẫn là một Phật tử chân chánh. Kinh Pháp Hoa đã nói rõ về mục đích thị hiện của Đức Phật. Vì thấy trong đời ngũ trước ác thế, chúng sanh lăn lộn trong cõi trầm luân, chịu quá nhiều khổ đau phiền não, nên Ngài thị hiện chỉ nhằm một mục đích duy nhất là “khai thị cho chúng sanh được ngộ nhập tri kiến Phật.” Sau những năm tháng tu hành tầm cầu chơn lý, Đức Phật đã giác ngộ và giải thoát. Ngài đã mang hết những gì mình liễu ngộ ra mà trao truyền lại cho chúng ta, chỉ với một mục đích là những mong cho chúng sanh mọi loài đều có được cuộc sống an lạc và tự tại. Nếu chỉ thị hiện để truyền giảng triết thuyết cho đời sau biện giải hý luận thì chắc Thế Tôn đã không thị hiện. Nếu chỉ xem những triết thuyết nhà Phật như những chủ đề cho nhàn đàm hý luận, thật tình mà nói, những triết thuyết ấy không giúp ích được gì cho ai. Ngược lại, nó còn làm cho chúng ta thêm loạn động và điên đảo hơn. Chính vì thế mà sau một đời hoằng pháp lợi sanh, Đức Phật đã nhắn nhủ với chúng đệ tử rằng: “Trong 49 năm hoằng hóa, ta chưa nói một lời nào.” Những lời di huấn cuối cùng của Đức Từ Phụ quả là một thông điệp quá rõ ràng cho

những người con Phật hậu bối chúng ta: Hãy thâm thâm tiến tu, chứ đừng nói đừng rằng cho thêm nặng nghiệp.

Kính thưa quý vị,

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật đã dạy rằng không riêng gì tứ đại này giả hợp, mà cả thế giới và vũ trụ cũng là duyên hợp, chứ không có chủ thể. Tuy nhiên, so với không gian vô cùng, vũ trụ vô tận, và thời gian vô định thì kiếp con người chẳng khác chi làn điển chớp hay giọt sương mai trên đầu cành ngọn cỏ. Thật vậy! Đời người như một giấc mơ, trăm năm nào khác cuộc cờ đổi thay. Quý vị ơi! Từ vô lượng kiếp, chúng ta đã lăn trôi gây tội tạo nghiệp, bây giờ muốn tu hành chân chánh, chúng ta sẽ không có đủ thời giờ để tu trì những lời Phật dạy, thì giờ đâu để chúng ta dong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận? Nếu chúng ta cam tâm làm nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, thì không nói làm gì. Tuy nhiên, nếu chúng ta đã nhìn thấy rồi nẻo về địa ngục mà quyết chí tu hành, xin hãy mau quay lại với chính mình, xin hãy tự dọn mình dưới ngọn hải đăng Phật Pháp, xin hãy lắng nghe lời Phật dạy “Trong thời không có Phật, luôn lấy giới luật làm Thầy.” Làm được như vậy, cho dù có sanh ra trong đời mạt pháp, không trông thấy Phật, chúng ta vẫn hằng sống với Chánh pháp, hằng cạnh kề Đức Như Lai không sai khác.

Kính thưa quý vị,

Những lời di giáo cuối cùng của Phật Tổ tuy đã gần hai mươi sáu thế kỷ qua, vẫn còn vang vọng trong tâm thức người con Phật hậu bối chúng ta: “Nếu các ông không trì giới mà đòi tu tâm tu thiền để mong cầu giải thoát, các ông chỉ là những con người đang nấu cát mà muốn thành cơm. Nói cho rõ ra, là mấy ông đang giỡn chơi với địa ngục.” Thật vậy quý vị ơi! Cõi Phật là cõi thanh tịnh. Cõi Tây Phương Cực Lạc là cõi nước của Đức Phật A Di Đà và là nơi an trú của chư Bồ Tát, cõi ấy sẽ không bao giờ

dung chứa những ai không tròn giới hạnh đâu! Người con Phật quyết chí tu Phật phải luôn nhớ rằng ai nhìn kinh Phật qua văn tự ngôn ngữ, kẻ đó rồi sẽ phải sa vào hầm hố của “nhàn đàm hý luận.” Người con Phật chơn thuần phải luôn tâm niệm rằng kinh là mạng sống của chính mình, đọc tụng kinh là hít thở dưỡng khí vào buồng phổi tâm linh của chính mình, chứ không phải là tom góp những hiểu biết của thường tình thế tục. Lời Phật dạy thì vô lượng vô biên hơn lá trên rừng. Ai có khả năng gom hết lá trên rừng thì cứ gom. Ai muốn làm việc đội đá vá trời thì cứ làm. Người con Phật chơn thuần luôn hiểu nghĩa “tu” một cách đơn giản. Tu là “sửa.” Nếu chúng ta chịu sửa và chịu sửa mãi những sai trái lỗi lầm, chịu ăn năn sám hối những tiền khiên ác nghiệp thì chắc chắn một ngày không xa nào đó sẽ không còn những hậu quả bẽ bàng. Nếu chúng ta chịu thâm thâm tiến tu thì chắc chắn sẽ được toàn thiện toàn mỹ y như lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Chính Đức Phật đã khẳng định rằng chúng sanh, nhứt là con người, ai ai cũng đều có khả năng phát huy Phật tánh ngang nhau. Là con Phật, chúng ta phải vững tin như vậy, phải tin vào khả năng sáng tạo đang ngậm ngủ trong mọi người chúng ta. Người Phật tử chơn thuần thiết tha với sự nghiệp tu tập, xin hãy chấm dứt ngay sự lãng phí thì giờ qua những cuộc nhàn đàm hý luận. Hãy thâm thâm mang tư tưởng từ bi hỷ xả của Phật Tổ vào đời sống hiện thực, hãy tự cải thiện mình và phục vụ tha nhân một cách tích cực, không mỏi mệt, không thối chuyển. Thật tình mà nói, phàm trí của chúng ta, dù có giỏi biện luận thế mấy, cũng khó tự mình tìm được về nguồn chơn tâm. Thôi thì hãy ráng lắng nghe Phật Tổ, tu trì sao cho thân khẩu ý luôn thanh tịnh. Hãy tự xem thân khẩu ý là tạo hóa mà cũng chính là những tác nhân tiêu diệt chúng ta. Hãy tự xem thân khẩu ý của chính mình vừa tạo ra thiên đàng, mà cũng vừa tạo ra địa ngục ngay trong

kiếp sống này. Đức Phật vì thương xót chúng sanh mà trong thời Ngài còn tại thế, Ngài đã luôn nhấn nhủ với tứ chúng rằng: “Đường tu không nên trì trệ, vì có ai biết được ngày mai sẽ ra sao, hoặc giả vô thường tứ đại có chịu chờ chúng ta đến ngày mai hay không?” Những đại đệ tử của Ngài là những Thánh Tăng mà Phật còn khuyến tấn như vậy, huống là chúng ta? Những người con Phật hãy cố gắng đừng nói đừng rằng, mà hãy tự mình sống đúng với chân lý, sống đúng với những lời Phật dạy, sống cho tròn nhân đạo, rồi từ đó đi dần lên Thánh hay lên Phật. Làm được như vậy, chúng ta mới có khả năng sám hối tất cả những tội lỗi oan khiên từ muôn kiếp, từ đó chúng ta mới có đủ đại hùng và đại lực để chữa bỏ ác nghiệp từ thân khẩu ý, và cũng từ đó chúng ta mới có thể luôn tri hành hợp nhất. Quý vị ơi! Coi vậy mà chúng ta không còn nhiều thì giờ nữa đâu. Chúng ta như “cá cạn nước” đang cố vẫy vùng trong vũng cạn. Nếu không kịp tu và khéo tu thì không bao lâu nữa, những con cá ấy chỉ còn trở lại những bộ xương khô mà thôi. Tuy nhiên, bây giờ vẫn còn kịp cho những con cá quyết hóa long. Hãy còn kịp cho những ai quyết lấy gương sống tu của Phật làm lý tưởng, lấy giới đức và đạo hạnh của Phật làm mẫu mực cho cuộc sống cuộc tu hằng ngày của chính mình. Mong cho ai nấy đều cùng nhau hướng về Ánh Đạo Vàng của Phật Tổ, cùng dắt dìu nhau trên đường về quê hương Cực Lạc. Mong một ngày không xa nào đó, pháp giới chúng sanh đồng thành Phật quả. Mong lắm thay!!!

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Viết tại California ngày 20 tháng 8 năm 2006

Thiện Phúc

474. BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO

Tâm là cái gì mà ai ai cũng đề cập đến. Các thiền sư thì cho rằng bước thành tựu của thiền giả phải là “vô tâm” vì các ngài cho rằng “vô tâm thị đạo.” Pháp môn của nhà thiền là nhìn thẳng vào tâm người để thấy tánh; tuy nhiên, các thiền sư lại không dạy rõ ràng là làm cách nào để nhìn thẳng được vào tâm, hoặc giả nếu có dạy thì mỗi người một vẻ, làm sao hàng hậu bối chúng ta có thể y nương vào đó mà tu hành giải thoát đây? Chúng ta thử nhìn lại quá trình lịch sử Thiền Tông từ sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến nay, trừ những bậc thượng căn thượng trí như các vị tổ, có mấy ai có được cái phong thái giải thoát của các ngài? Thật tình mà nói, từ ngày Thiền Tông được chấn hưng trên khắp thế giới, số người tu thiền thì nhiều nhưng số người được giải thoát rốt ráo thì chẳng bao nhiêu, mà ngược lại số người cuồng tâm loạn tưởng về Thiền thì nhan nhản khắp nơi khắp chốn. Tại sao lại có trạng huống trở trêu này hử quý vị? Có lẽ trong thời mạt pháp này, Phật tử với kiến thức về Phật lý thì nhiều nhưng họ không chịu dùng cái kiến thức ấy vào việc tu trì mà ngược lại chỉ dùng để giải khuây trong các cuộc trà dư tửu hậu, họ chỉ thích nhàn đàm hý luận hơn là tĩnh tâm tu hành. Thế nên chúng sanh vốn dĩ đã loạn động càng loạn động hơn. Phướn động, gió lay hay chính tâm này loạn động, tu giáo, tu tâm, đốn ngộ, tiệm ngộ, hay nói trắng ra lý thuyết và những giai thoại về giác ngộ và giải thoát của chư tổ và ngay cả của Phật Tổ không ăn nhằm gì đến cuộc tu hành giải thoát của chính mình nếu mình không chịu tu hành y như Phật mà chỉ một bề học cho nhiều để nhàn đàm hý luận. Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ rằng tâm mình vốn không hề lay động thì tội gì phải đi tìm cái gọi là “chẳng lay

động” bên ngoài để gán ép một cách gượng gạo vào cái tâm bốn định của mình. Còn cái định nào tuyệt vời hơn cái “bốn định” sẵn có của mình? Người con Phật chơn thuần phải hằng nhớ như vậy để không lằng xằng chạy đông chạy tây nhập định xuất định. Nhận bay qua hồ, nhận không buồn lưu ảnh, thế mà hồ này cứ lằng xằng lịch xịch đi tìm cái ảnh vốn dĩ đã không có của nhận, thật là tội nghiệp! Đã gần hai mươi sáu thế kỷ qua kể từ ngày Đức Phật thành đạo, thế mà mãi đến hôm nay vẫn có lắm người con Phật vẫn tiếp tục cho rằng ngoại trừ Phật ra, không ai trong chúng ta có thể nào tu cho đến giác ngộ và thành Phật được. Giáo lý mâu nhiệm của Phật đã đi vào lòng của nhiều dân tộc qua một khoảng thời gian hai ngàn sáu trăm năm, thế mà chúng ta vẫn còn nhìn đạo Phật bằng nhãn quan xa cách, chúng ta cứ tưởng tượng đạo Phật là huyền bí cao xa. Thậm chí có người lại đồng hóa đạo Phật với thần quyền, dị đoan, mê tín, vãn vãn. Chính vì những sai lầm ám muội này mà thay vì tận hưởng những giáo pháp thanh lương của Phật để đi về bờ giác thì chúng ta cứ tiếp tục lặn hụp trong biển đời sanh tử. Trong thời Phật còn tại thế, trong các thời thuyết pháp của Ngài, không như chúng ta ngày nay hễ mở miệng ra là nói trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, liễu sanh thoát tử, siêu sanh Tịnh độ, sắc tức thị không, sắc bất dị không, tức tâm tức Phật. Ngược lại, Như Lai luôn nói những chuyện rất bình thường như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, ngủ nghỉ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Ngài dạy phải khắc kỷ để lợi tha, chớ đắm chìm trong dục lạc, phải cố mà điều nhiếp thân thể, hơi thở và tâm ý không cho thân phóng dật, không cho hơi thở quá dồn dập, không cho tâm dong ruổi như vượn chuyền cây. Chính vì thương xót chúng sanh mà trong Kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã dạy: “Bình thường tâm thị đạo.” Nhưng thế nào là cái tâm bình thường? Phàm phu chúng ta cứ mãi rong ruổi đào bới trong văn tự, nào là

tâm là tướng, tâm là gương, tâm là tánh, tâm như tường vách, vân vân và vân vân, nhưng quý vị ơi, càng đào bới trong ngôn ngữ văn tự để tìm những cái cao xa, chúng ta càng xa đạo. Người tu hành phải là hành giả chứ không thể là học giả, thuyết giả hay luận giả. Con người ấy biết cái gì thì tu cái ấy, không gượng ép hay gò bó vì gượng ép và gò bó là những thứ không phải bình thường. Tuy nhiên, Phật tử chơn thuần nên cẩn trọng vì nhen đây những kẻ chỉ chuyên nhàn đàm hý luận có thể chen vào hý luận rằng “bình thường tâm thị đạo” tức là cứ bình thường để cho mọi việc trôi qua, hoặc giả bình thường chẳng thiện chẳng ác, cứ để cho mọi việc trôi qua một cách bình thường chứ đừng đếm xỉa gì đến chúng. Tu hành như vậy vô hình trung mình tự đồng hóa mình với con trâu, con bò, con heo hay con chó, cứ trây lười giải đãi, cứ ăn no lại nằm để cho việc đời tự nhiên trôi qua một cách ổng phí. Thật là tội nghiệp!

Con đường tu Phật trước mắt của chúng ta hãy còn dài và phải trải qua nhiều giai đoạn khó khăn gian khổ. Tuy nhiên, nếu chúng ta không thực hiện nổi con đường quảng đại và cao tột của các vị Bồ Tát thì chúng ta vẫn hằng sống hằng tu được theo Phật bằng cái tâm “bình thường” của mình trong cuộc sống hằng ngày. Nói gì thì nói, cái cao tuyệt nhưng khó làm của các vị Bồ Tát vẫn theo gương sáng của Đức Phật là lấy “lợi tha làm tự lợi” cho chính mình là con đường tất yếu mà ai trong chúng ta rồi cũng phải một lần kinh qua.

Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng đạo Phật là đạo của chơn lý, là đạo của trí tuệ, là đạo của cuộc sống bình thường và đơn giản. Chính Đức Từ Phụ đã từng khẳng định trong Kinh Hoa Nghiêm: “Bình thường tâm thị đạo.” Phật đã dạy quá rõ ràng rồi còn gì nữa? Vũ trụ vạn hữu duyên nhau trong sức tác động của nguyên lý duyên khởi, thân phận con người cũng không chạy ra ngoài nguyên lý này. Tuy nhiên, Đức Từ Phụ đã

khẳng định “bình thường tâm thị đạo.” Ngài muốn nhắn với chúng ta rằng sở dĩ con người vẫn còn vướng phải những tai ách của tám ngọn gió độc và sanh, lão, bệnh, tử là vì con người không chịu sống với cái tâm bình thường của chính mình.

Thế nào là sống với cái tâm bình thường? Sống với cái tâm bình thường là lúc còn tại gia trong gia đình phải giữ đúng đạo làm con, làm chồng, làm cha, làm mẹ, làm vợ; ngoài xã hội phải là một công dân gương mẫu; đối với quốc gia phải hết lòng bảo vệ, phải quên mình giữ nước. Làm một Phật tử phải quy-y Tam Bảo, hành trì ngũ giới và phải lấy luật “luân hồi nhân quả” làm kim chỉ nam cho mọi hành động trong cuộc sống hằng ngày. Người con Phật luôn bình tâm suy xét lại những hành vi thiện ác của chính mình trước khi than trời trách đất. Hãy tự đánh giá đúng tự tâm tự thân của mình chứ đừng đổ thừa cho trời ghen, đất ghét, hay trời định tiền định, hay số kiếp số mạng. Trong Đoạn Trường Tân Thanh, Thanh Tâm Tài Nhân đã nêu ra nhận thức của ông về cái tâm như sau:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.”

Thanh Tâm Tài Nhân đã khiêm tốn mà nói vậy chứ kỳ thật chữ tâm kia phải bằng vạn lần chữ tài mới đúng. Chính vì vậy mà khi xuất gia, người Phật tử phải phát đại nguyện vì đạo mà tinh tấn tu hành, phải một lòng thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh. Tâm bình thường còn là cái tâm không ngăn ngại bởi duyên cảnh đổi thay, nghĩa là không bị gượng ép vì bất cứ lý do gì. Đói ăn, khát uống, mệt thì ngủ nghỉ, vui thì nói vui, buồn thì nói buồn, giận thì nói giận, vân vân. Tâm bình thường có thể giúp chúng ta sống ngay trong lòng trần tục mà vẫn an vui tự tại. Tuy nhiên, đạo Phật nói dễ khó làm, con người cứ ham nói và

ham tìm cầu đến nổi kinh điển vẫn luôn hiện hữu trong đời sống mỗi người, thế mà chúng ta cứ mãi đi tìm kinh điển qua văn tự bên ngoài. Chính vì sự hướng ngoại cầu hình này mà chúng ta xa lìa cái tâm bình thường vốn sẵn có ở mỗi người chúng ta, để lang thang tìm kiếm, có khi tìm kiếm cái gì chính mình cũng không biết nữa, tìm chưa được cái này thì đã mất cái kia, và cứ thế mà chúng ta cứ phải luyến thương quá khứ, bất mãn với hiện tại và thao thức cho những ảo vọng của tương lai. Chúng ta đang tự mình chồng chất lên thân phận nhỏ bé của chính mình bằng những chuỗi dài của trầm thống và khổ đau. Nếu chúng ta chịu hằng sống tu với cái tâm bình thường thì cho dù vạn pháp có đến có đi, có sinh có diệt, có còn có mất, có tốt có xấu, có thuận có nghịch, đâu có gì vướng bận được cái tâm bình thường ấy. Nhận bay qua hồ, nhận không buồn lưu ảnh lại, thế sao hồ cứ mong cầu giữ cho được ảnh nhận? Trên đời này có cái gì được gọi là tất toàn đâu, thế mà con người cứ mãi mong cầu những cái tất toàn cho thêm bi ai khổ lụy! Người con Phật chơn thuần phải thấy cho rõ chỗ này để có đủ khả năng “tùy sở trụ xứ.” Cái tâm “tùy sở trụ xứ” này chính là cái tâm “bình thường” mà Phật muốn khuyến nhủ hàng đệ tử của Ngài trong các buổi giáo chúng. “Tùy sở trụ xứ” là biết ứng dụng Phật pháp ngay trong cuộc sống thực tế của chúng ta để mang lại an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc cho mình và cho người. “Tùy sở trụ xứ” là biết làm thế nào chuyển được ác nghiệp của thân khẩu ý thành những nghiệp thiện lành; chuyển những xấu xa, tàn bạo, độc ác thành tốt đẹp, thanh cao và hiền thiện. “Tùy sở trụ xứ” là biết đem tất cả những tinh túy của đạo Phật mà biến thành hạnh phúc cho tha nhân. “Tùy sở trụ xứ” là không ám muội si mê tạo hạnh phúc của mình trên đau khổ của người; ngược lại, người con Phật chơn thuần luôn vị tha bác ái, luôn thấy hạnh phúc của mình là sự chấm dứt khổ đau phiền não của người. “Tùy sở trụ xứ” với cái

tâm bình thường không có nghĩa là buông xuôi đầu hàng hoàn cảnh. Người con Phật có tâm “bình thường” và biết “tùy sở trụ xứ” là con người dám can đảm chiến đấu với ma quân, từ ma tham, sân, si, đến ma mạn, nghi, tà kiến và sát, đạo, dâm, vọng. Hơn nữa, người biết “tùy sở trụ xứ” là người có hạnh tu cao tuyệt và quảng đại của một vị Bồ Tát chứ không có tư tưởng yếm thế, tiêu cực, chỉ mong cầu sớm được giải thoát tự thân khỏi cõi đời ứ trước này. Con người ấy luôn lấy “lợi sanh vi bản hoài” nghĩa là lấy lợi tha làm tự lợi làm hoài bão tu tập hạnh Bồ Tát, chứ không giải thoát cho mình còn thì sống chết mặc ai. Con người ấy dù biết rằng cõi Ta Bà này là cảnh giới ô trọc, đầy ngũ trược ác thế, đầy máu lệ và khổ đau, nhưng không tự mình cầu mong sanh về cõi an lạc, thanh tịnh và trường tồn để mặc cho chúng sanh tiếp tục lăn trôi lặn ngụp trong biển đời sanh tử.

Thói thường chúng ta hay rong ruổi tìm cầu, hoặc giả chỉ học chứ không chịu hành, nhưng quý vị ơi! Chỉ học mà không hành thì thà đừng học đừng biết, vì làm như vậy chúng ta chỉ tự mình trưởng dưỡng tánh ngã mạn cống cao và giết chết Bồ Đề tâm nơi chính mình mà thôi. Thật vậy, tỉnh giác để nhận ra chính mình và liễu ngộ chơn lý để chấm dứt luân hồi sanh tử không phải là một môn học, không phải do học mà được. Người con Phật chơn thuần phải thấy và phải biết như vậy để lục thời sám hối lục căn, tinh tấn tu hành, lấy huyễn thân làm bè đưa mình vượt thoát sông mê bể khổ. Tụng kinh được vài biến, niệm chú được đôi câu, ngồi thiền được vài cử là tốt, nhưng tất cả những thứ này chỉ là những giải pháp nhất thời. Điều quan trọng ở đây là người người phải cố tạo cho mình cái tâm “bình thường” trong mọi tình huống, tử như phát nguyện nhẫn nhục là phải nhẫn nhục trong mọi thời mọi lúc, chứ không nhẫn trong thuận duyên, còn lúc bị người thóa mạ, đánh chửi thì sân hận lại ùng ùng nổi lên. Phát nguyện trường trai là phải trường trai trong mọi hoàn

cảnh như Ngài Lục Tổ Huệ Năng, dù phải sống chung đụng với đám thợ săn, và dù có bị bọn họ theo dõi, Ngài vẫn chỉ ăn rau luộc chứ không thối chí nản lòng. Nên nhớ rằng những sợi dây ngăn ngại, dù bên trong hay bên ngoài, đều do tự mình kết buộc lấy chính mình, chứ không ai trói buộc mình cả. Người có tâm bình thường là người không còn bị ngăn ngại bởi tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, cũng như những chấp ngã, thủ trước, ái dục, trạo cử, tật đố, san tham và lười biếng. Con người ấy luôn có khả năng vượt thoát khỏi những ràng buộc của chính mình, không để cho vô minh, ái dục và bản ngã sai sử và buộc kết mình vào sông mê biển khổ. Con người ấy dù có ê chề mệt mỏi với bao kiếp lặn hụp trong biển đời sanh tử và rất muốn được vào sống trong cõi Niết Bàn tịch tịnh, nhưng vì bồn hoai lấy lợi tha làm tự lợi nên luôn tích cực nhập thế, đi vào cõi Ta Bà uế trước mà cứu thế độ sanh, không sợ nghịch cảnh. Trái lại, luôn xông pha vào mọi chốn mọi nơi, từ nơi vắng vẻ thanh tịnh đến chốn phồn hoa đô hội, chui mình vào phiền não, lăn lộn trong cõi dục giới đầy quyến rũ để thử thách tâm mình xem coi nó có giữ được “bình thường” trong mọi tình huống, thử xem coi nó đã thật sự hết cặn cáu hay chỉ là sự tạm thời lắng đọng chờ tác động là khuấy lên. Con người với tâm “bình thường” luôn dẫn thân vào đời với nhiều trở ngại chùng nào tốt chùng ấy, vì đó là những cơ hội thử thách mức độ “bình thường” của tâm mình. Người có tâm “bình thường” nhìn cái gì cũng “bình thường” chứ không có thân sơ bạn thù, hay khao khát dục vọng. Con người ấy cũng đói ăn khát uống. Hễ thấy ai khổ đau bèn tìm mọi cách cứu độ. Con người ấy sẵn sàng làm tất cả mọi việc, có nhiều khi rất thông thường, nhưng rất nhiều khi lại vượt ra ngoài mực thước của phàm tình thế tục, không ai làm được, không ai làm nổi. Con người ấy có thể ở chùa, tịnh xá, ở chợ, ngoài đường

hay ở nhà, ở nơi ô uế thối tha, hoặc tịnh tịch nơi sơn lâm cùng cốc, hay bất cứ nơi nào trong cõi Ta Bà này.

Như trên đã nói, người có tâm bình thường là người biết “tùy sở trụ xứ,” chứ không đè nén, không lấy đá đè cỏ, vì lấy đá đè cỏ chỉ là nhứt thời đè nén sự phát triển của cỏ mà thôi. Cũng như vậy, vui, buồn, thương, ghét và tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng không thể nào lấy vải thưa mà che mắt Thánh. Chúng ta e dè và sợ sệt những đoạn đường mà chúng ta phải đi qua, nhưng một khi đã qua rồi thì đường nào cũng như đường nào, tất cả chỉ là những con đường bình thường. Thoạt nghe chữ “tâm bình thường” chúng ta cứ nghĩ đến cái gì tầm thường và không quan trọng, nhưng chữ “bình thường” trong đạo Phật là cái gì mà phàm phu chúng ta khó nắm bắt vô cùng. Tâm bình thường theo đạo Phật chẳng những lấy lợi tha làm tự lợi, mà còn luôn đem “từ bi hỷ xả” ra cứu khổ ban vui cho mọi loài chứ không chỉ hạn cuộc nơi con người. Người với tâm “bình thường” luôn trang bị cho mình với đủ đầy giới luật, thiện pháp và làm lợi ích cho chúng hữu tình trong mọi tình huống. Khi cần bố thí là bố thí rộng lớn, không hạn cuộc, bố thí hoàn toàn, trọn vẹn, bố thí mà không thấy có nhân, ngã, bỉ, thử, bố thí không một chút tiếc luyến cho dù vật bố thí có quý giá đến đâu, cho dù ngay cả thân mạng đi nữa họ cũng không màng. Không vì danh lợi mà bố thí, không cầu người cảm ơn mà bố thí, không mong phước báu mà bố thí, không phân biệt ai cho ai nhận. Con người có tâm “bình thường” luôn nhận, nhận, nhận, nhận những cái đáng nhận và nhận luôn những cái không đáng nhận, vì theo Phật thì trên đời này không có cái gì mà không đáng nhận cả. Con người ấy cam chịu những điều khổ não nhục nhã và xót đau người làm cho mình mà không hờn giận, phẫn uất hay tính chuyện trả thù trả oán. Con người ấy luôn bình thản, không xao động trước thuận cảnh cũng như nghịch cảnh, khi gặp thuận duyên không cười hỷ

hả hay mừng vui thích thú, khi gặp nghịch cảnh không oán hận hay than trời trách đất. Tâm con người ấy lúc nào cũng bình thường chứ không vướng bận hay điên đảo. Đây chính là cái tâm thật là “bình thường” của người con Phật. Ngoài ra, người có tâm bình thường, bình thường đến độ sáu trần không thể nào rù quén lục tặc trỗi dậy được trong lòng mình, vì thế mà vọng niệm không sanh không khởi, tam độc không nhiễm, nên thân khẩu ý luôn thanh sạch. Đối với con người ấy, cái gì cũng bình thường, nệm ấm chăn êm hay một manh chiếu thô không sai khác, món ngon vật lạ hay dưa muối tương rau không ảnh hưởng, sắc hay không sắc con người ấy vẫn luôn như như bất động. Chính vì thế mà những cạm bẫy lợi danh của thường tình thế tục là vô nghĩa với họ. Trong cuộc sống hằng ngày, ngoài bố thí, làm lợi lạc chúng sanh và lắm khi gánh cả công việc cho tha nhân. Con người có tâm bình thường luôn nói lời nhỏ nhẹ yêu thương để cảm hóa tha nhân. Con người ấy thông hiểu giáo lý nhưng không nhàn đàm hý luận, dù thông suốt mọi phương pháp luận lý để nếu cần phải biện luận chống lại tà ma ngoại đạo, để vạch rõ cho mọi người thấy được giá trị chơn thật của Phật pháp và những khiếm khuyết của các học thuyết khác. Con người ấy thông thạo văn chương ngôn ngữ, biết nhiều thứ tiếng để truyền bá Phật pháp chứ không để tầm chương trích cú cho nhàn đàm hý luận. Con người ấy cứ tiếp tục xông pha vào nghịch cảnh để thử xem coi tâm mình có bình thường trong mọi tình huống hay vẫn còn phiền não nhiễm ô.

Thế mới biết cái “bình thường” trong đạo Phật quả không bình thường chút nào đối với thường tình thế tục. Cái tâm lúc nào cũng giữ được bình thường trong thuận duyên cũng như nghịch cảnh không phải là chuyện dễ. Thói thường chúng ta hay tìm thuận cảnh và tránh xa nghịch cảnh để cho mọi việc được hanh thông. Nhưng nếu chúng ta cứ ở mãi trong thuận cảnh thì làm gì

có cơ hội thử thách xem coi tâm mình có bình thường trong mọi hoàn cảnh hay không. Người tu Phật luôn xem các nghịch cảnh là những phương tiện tốt giúp mình quan sát cái tâm “bình thường” của chính mình để tiến tu, vì nếu không thắng được nghịch cảnh, không giữ được tâm bình thường thì còn cứu độ được ai?

Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng cái “tâm bình thường” mà Phật và chư Tổ đã dạy ở đây vốn dĩ đã tự có trong mỗi người chúng ta, chứ không cần phải tầm cầu hay thiết lập, chẳng cần phải gượng ép dựng xây, mà chỉ cần quay lại với chính mình bằng những gì mà Đức Từ Phụ đã trao truyền. Hãy cố mà tỉnh dậy giữa cơn trường mộng, hãy cố quay về sống với cái tâm bình thường mà tự thở giờ mình vẫn có để phá tan những vui buồn thương ghét và những lo âu kinh hoàng của thường tình thế tục, cũng như viễn ly những điên đảo mộng tưởng, từ ly tham, ly chấp, ly hận, ly mê. Hãy tỉnh thức một cách tự nhiên không gượng ép vì tu chứng nhất như, có nghĩa là tu hành và thâm nhập biến tánh không sai khác, không tìm cái gì và cũng không được cái gì, mà chỉ hằng sống với cái tâm sẵn có của mình. Sóng và nước chưa từng tự tách rời, cũng như gió và lửa vẫn chưa hề lìa nhau, thì tại sao chúng ta lại cố công trong vô vọng tách rời thân tâm nhất như của chúng ta? Chỉ khi nào chúng ta thấy rõ như vậy thì cho dù niệm có khởi có động, nhất nhất trong đi đứng nằm ngồi và mọi sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày đều là chơn như thì còn nói chi nữa đến giác ngộ và giải thoát? Làm được như vậy cho dù chưa đạt được cứu cánh Niết Bàn của Tam Thế Chư Phật, cuộc sống cuộc tu của chúng ta cũng đã thông dong, tự tại, an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc lắm rồi vậy!

475. ĐƯỜNG VÀO ĐẤT PHẬT

Tại sao ai trong chúng ta cũng sanh ra, lớn lên, rồi bịnh hoạn, rồi già yếu và tử vong, nhưng không có cái sanh lão bệnh tử nào giống với cái sanh lão bệnh tử nào? Mỗi chúng sanh nói chung và con người nói riêng đều có một vị trí khác nhau trong không gian vô cùng và thời gian vô tận này. Chính vì thế mà mỗi người chúng ta dù cùng đi đến mục tiêu cuối cùng là tử vong, nhưng cuộc hành trình trăm năm này của chúng ta lại hoàn toàn khác nhau. Tại sao cùng sanh ra làm con người mà lại có người đẹp kẻ xấu, người giàu kẻ nghèo, người sang kẻ hèn, người phú quý kẻ cùng đing hạ tiện?

Theo Phật thì từ vô thủy, trong không gian vô cùng và thời gian vô tận này, Phật tánh ở chư Phật thế nào thì Phật tánh ở chúng sanh cũng như thế ấy. Tuy nhiên, theo dòng thời gian, Phật tánh ở chư Phật vẫn vậy, trong khi đó chúng sanh thì ngày càng xa lìa cái Phật tánh của chính mình, cho đến một lúc nào đó tự mình từ chối Phật tánh của mình để bỏ nhà đi bụi đời, không còn biết đâu là đường đi lối về. Thậm chí còn tin tưởng tà vạy, chỉ một bề y nương vào những thế lực bên ngoài. Chính vì thế mà trước khi nhập diệt, Đức Phật đã để lại những lời di giáo sau cùng: “Hãy tự mình là nơi nương tựa cho mình, tự mình là hòn đảo vững chắc cho mình dù sóng yên gió lặng hay dù mưa dầm sóng vỗ.” Đây là điểm tối quan trọng trong giáo lý nhà Phật. Về nương nơi chính mình không có nghĩa là không cần đến ai vì chính Phật cũng đã từng nhấn nhủ tứ chúng rằng khi mê thấy độ, đến khi đã ngộ rồi phải tự độ và độ tha kia mà. Thật là một giáo lý trung dung tuyệt vời cho cả người tại gia và bậc xuất gia. Khi mê vì bị vô minh che lấp nên không còn thấy đâu là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Khi mê thì ôm lòng làm nô lệ cho tham sân si, làm bạn bè với mạn nghi tà kiến, và

làm đệ tử cho sát đạo thâm vọng. Lúc đó phải nhờ đến thầy chỉ vẽ cho thấy đâu là đường chánh nẻo tà. Khi sa chân vào sa đọa truy lạc thì nhờ đến thầy chỉ cho giáo lý hướng thượng. Khi mê rong ruổi đó đây gây tội tạo nghiệp thì phải nhờ thầy dạy cho con đường thoát nghiệp thoát tội. Điều này không có gì sai trái vì không biết đường thì phải nhờ thầy chỉ đường chỉ nẻo. Tuy nhiên, không thể nào nhắm mắt ỷ lại vào tha lực mãi được. Người Phật tử chơn thuần phải lắng nghe lời Phật dạy, phải tinh tấn tu hành sao cho hết mê, phải vệt bỏ vô minh u tối cho trí tuệ bừng sáng, để một ngày nào đó hết mê tự độ, rồi độ tha. Khi đã hết mê rồi, bất cứ người Phật tử chơn thuần nào cũng phải cố gắng đem lời vàng của Phật ra mà dẫn dắt dòng đời, phò hưng Phật pháp. Lúc đó chẳng những tự mình rửa sạch bụi trần, chuyển si mê làm trí tuệ, bỏ hôn muội lấy quang minh, thấy đâu là nẻo tà đường chánh. Người con Phật chơn thuần phải luôn tâm niệm tự mình cải ác theo lành và giúp người bỏ tà về chánh. Con người ấy nếu không được phước đức tròn đầy và tướng hảo quang minh sáng chói rõ ràng như Phật, thì ít ra cuộc sống cuộc tu từ đầu đến chân cũng đầy lòng từ bi hỷ xả. Con người ấy dù tu theo pháp môn nào, dù thiền, dù tịnh, hay dù mật cũng một lòng tinh tấn tu hành giải thoát. Giải thoát là tự cõi trời; giải thoát là tự nguyện trả nợ tiền khiên; giải thoát là hiện đời bỏ ác làm lành; giải thoát là chối bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm vọng; giải thoát là sống một cuộc sống thật bình dị trong an lạc, tỉnh thức và thanh tịnh. Đạo Phật, muốn nói là một tôn giáo cũng được, muốn nói là một phương tiện sống đầy an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc cũng được. Triết lý sống theo đạo Phật ngập tràn những từ bi hỷ xả, khoan dung độ lượng, bác ái vị tha, luôn lấy lợi tha làm cứu cánh trong cuộc sống, luôn tự chuyển hóa và giúp tạo dựng một đời sống cao đẹp và đầy ý nghĩa, trong mọi hoàn cảnh xã hội. Trong các kinh điển, Đức Từ Phụ đã khẳng

định về tinh thần bình đẳng cao tuyệt của đạo Phật: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Nghĩa là ai cũng có thể đi vào đất Phật và có đầy đủ khả năng tiến tới chỗ giác ngộ hoàn toàn như Đức Phật. Như vậy đường vào đất Phật là con đường hiện thực, tại đây và ngay trong kiếp này, chứ không mơ hồ không nắm bắt được. Đường vào đất Phật là con đường chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, con đường diệt trừ mọi ám muội si mê cho mình và cho người để cho tâm trí ngày càng sáng ra, để từ đó tận diệt được những khổ đau phiền não mà dựng nên một đời sống đầy an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc. Đường vào đất Phật là con đường mà trên đó niềm tin vào khả năng hiểu biết đúng đắn rằng mỗi người trong chúng ta đều có khả năng thành Phật. Đường vào đất Phật là con đường của tình thương và sự hiểu biết với chúng sanh mọi loài, không phân biệt giai cấp, không mục hạ vô nhân. Đường vào đất Phật là con đường mà năm xưa Đức Từ Phụ đã khai mở với lòng thương người thương vật vô hạn, cứu khổ ban vui, là con đường sống thật thanh cao và tu thoát trần, là con đường sống an vui không bị phiền não quấy nhiễu và chết trong an ổn tự tại.

Hơn thế nữa, hai lối cốt yếu để vào đất Phật là phát tâm và lập nguyện vì có phát tâm mới có sự khởi đầu và có lập nguyện mới có tinh tấn nỗ lực tự lợi lợi tha và tự giác giác tha. Phát tâm ở đây là phát tâm Bồ Đề và lập nguyện ở đây là nguyện “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Kinh Hoa Nghiêm có dạy: “Bỏ mất Bồ Đề tâm mà tu các thiện pháp, đều thành ma nghiệp.” Người con Phật chơn thuần phải luôn cẩn trọng, vì bỏ mất Bồ Đề tâm mà còn tai hại như thế, huống là chưa phát hay không chịu phát tâm Bồ Đề mà tu các thiện pháp chắc hẳn phải rơi vào ma đạo không thể nghĩ bàn. Dù xuất gia hay tại gia, muốn đi vào đất Phật không thể chậm trễ trong việc phát tâm lập nguyện. Nếu nói muốn đi vào đất Phật mà không chịu xét tự

tâm, chỉ lo trau tria bề ngoài, tham cầu lợi dưỡng, ham muốn danh thơm tiếng tốt của thường tình thế tục, đắm say dục lạc hiện đời, vân vân, kẻ ấy đang hành trình vào ma địa. Người Phật tử chơn thuần muốn đi vào đất Phật phải phát tâm không mong cầu lợi dưỡng, danh vọng, cũng chẳng tham đắm dục lạc; mà tất cả chỉ hành sử vì lợi tha mãn chúng. Con người ấy luôn tâm tâm niệm niệm thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh, dù gặp phải khó khăn trở ngại đến đâu cũng chặt lòng chặt dạ không thối lui, dù chúng sanh có ngoan cường thế mấy cũng không nản chí thối tâm. Trên đường về đất Phật dĩ nhiên ai trong chúng ta cũng sẽ phạm phải tội lỗi, khi phạm phải lỗi lầm, đừng hoảng sợ thối lui, mà phải phát lồ sám hối. Chính Đức Phật đã nói rõ ràng trong các kinh điển của Ngài: “Trên đời này có hai hạng người cao quý như nhau, một là các bậc Thánh chưa bao giờ phạm phải lỗi lầm, hai là những người có phạm lỗi nhưng biết nhận và sửa lỗi.” Ngược lại, những ai có tội lỗi mà không chịu sám hối diệt trừ, trong tâm uế trước mà bề ngoài uy nghi, hoặc trước siêng năng tinh tấn sau biếng nhác thối lùi, hoặc có hảo tâm nhưng bị lợi danh lôi kéo nhiễm ô, kẻ đó không chóng thì chầy sẽ rơi vào ma đạo. Hơn thế nữa, người con Phật chơn thuần phải luôn phát nguyện rộng lớn, luôn tu hành cho mình và cho mọi người, chứ không vì sợ tam giới như nhà lửa hay thấy sanh tử như oan gia nên chỉ cầu tự mình thoát ly khổ ải còn thì sống chết mặc ai. Muốn đi vào đất Phật, người con Phật phải luôn xả vọng ly tướng vì ngoài tự tâm tự tánh ra không còn một pháp nào khác nữa, phải biết thẩm sát thâm sâu nên tu trừ cái gì và nên xả bỏ cái gì. Nói rằng đi vào đất Phật là phát tâm như hư không, phát nguyện như hư không, tu hành như hư không, và chứng quả như hư không, lại cũng không thấy tướng hư không là thế nào, nhưng không rời bỏ trọng ân, luôn nghĩ nhớ đến sự khổ sanh tử, luôn sám hối nghiệp chướng, luôn cầu hướng thượng, nếu chưa đến

được đất Phật thì quyết chí tu hành sao cho được vãng sanh về Cực Lạc, luôn phát tâm hoằng trì Chánh pháp và tôn trọng tánh linh của chính mình. Mỗi khi tưởng nghĩ đến công đức sâu dày của Đức Từ Phụ, trên đường về đất Phật dù thịt nát xương tan người con Phật luôn phát tâm rộng lớn, tu đạo Bồ Tát, phát huy Phật pháp, cứu độ chúng sanh để được phần nào đáp đền ân Phật. Đức Phật đã vì thương xót chúng sanh nên Ngài đã nhiều đời kiếp trước phát tâm tu hạnh Bồ Tát, chịu đủ mọi điều khổ cực, đã trải qua vô lượng kiếp tu hành và giáo hóa chúng sanh, đã thay thế chịu khổ cho chúng sanh trong địa ngục, đến khi chúng sanh có đủ căn lành được sanh vào nhân đạo, đức Phật đã thương xót để lại cho chúng ta cả một kho tàng Pháp Bảo chỉ dẫn cho chúng ta “Đường Vào Đất Phật,” chúng ta không có quyền lơ là trên bước đường trở về quê hương Phật. Người con Phật phải canh cánh bên lòng rằng cha mẹ nhiều đời đã vì ta mà gây tội tạo nghiệp, lắm khi vì mình mà cha mẹ không thiết gì đến con đường trở về đất Phật của riêng họ. Người con Phật chơn thuần phải tinh tấn tiến tu Phật đạo để có khả năng cứu độ chúng sanh trong ba cõi mười phương, làm được như vậy chẳng những cha mẹ hiện đời mà cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp cũng được siêu thoát. Trên đường về đất Phật, chúng ta phải trải qua nhiều đời kiếp hành trình, phải gặp nhiều chúng sanh đa loại, biết đâu những loài sâu bọ ngoài đồng ruộng đã không từng là cha mẹ hay con cái của chúng ta trong những đời quá khứ. Vì thế người con Phật luôn xem chúng sanh mọi loài như Bồ Đề quyến thuộc của chính mình. Hơn thế nữa, trong nhiều kiếp luân hồi sanh tử, khi làm trời, làm người, mà lắm khi lại chìm nổi trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hay a-tu-la, người con Phật phải luôn tỉnh giác rằng biết đâu con gà con vịt mà chúng ta sắp cắt cổ mổ bụng đây lại chính là cha mẹ hay con cái của chúng ta trong những đời quá khứ? Cũng như vậy, người mà chúng ta đang ôm ấp thương yêu

trong hiện đời rất có thể đã từng là oan gia của ta đời trước. Chính vì thế mà chúng ta phải phát tâm chấm dứt tử sanh sanh tử để đi về đất Phật, phải phát tâm ra khỏi bể ái dục, tự giác giác tha để một ngày không xa nào đó ai nấy đều đồng bước lên con đường trở về đất Phật. Tuy nhiên, đạo Phật nói dễ khó làm. Dễ nói đến độ đứa trẻ năm bảy tuổi vẫn nói được, nhưng khó làm đến độ già bảy tám chục tuổi vẫn chưa chắc đã làm xong. Tại sao lại có trạng huống này? Bản chất của chúng sanh là ưa tà ghét chánh, lúc nào cũng chột mê chột tỉnh, lúc nào cũng ham tự mình trói hơn là cởi trói. Chúng ta như những cánh kiến mùa thu đang ở bên bờ của vực thẳm của tai ương hoạn họa, thế mà chúng ta vẫn đứng đưng như không, vẫn lấy những khoái lạc tạm bợ của thế gian làm hạnh phúc. Phật vì thương xót nỗi mê chìm của chúng sanh muôn loài nên Ngài mở lượng từ bi, phát đại nguyện tìm đường giác ngộ giải thoát. Ngài đã giác ngộ giải thoát và chia sẻ lại tất cả những gì Ngài biết. Còn chúng sanh chúng ta vẫn cứ đi trong u u minh minh, không chút kinh vì cõi Ta Bà ngũ trược ác thế này, vẫn vỗ tay tán trợ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Hỡi những người con Phật chơn thuần, hãy lắng nghe lời Phật dạy: “Sớm mai được nghe đạo, xé chiều dù có chết cũng không tiếc.” Thật vậy, Phật cũng đã từng khuyến tấn tứ chúng rằng: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Được thân người, gặp Phật pháp mà nỡ để cho thời gian luống qua vô ích quả là uổng cho một kiếp người.” Trong thời không có Phật và chưa có Phật pháp thì không nói làm chi, đàng này Phật đã thị hiện và đã trao truyền lại cho chúng ta tất cả những gì Ngài liễu ngộ, thế mà chúng ta vẫn cứ cam tâm lăn trôi trong ba nẻo sáu đường, hết ngày dài rồi lại đêm thâu chúng ta mãi miết rong ruổi theo ác nghiệp, chướng nghiệp; chúng ta vẫn sống trơ trơ như cỏ cây đất đá, thật là tội nghiệp cho chúng ta quá!

Hỡi những người con Phật chớ thuận! Hãy mau tỉnh giấc mê đồ. Hãy thấy lửa đang hừng hực cháy trong cõi Ta Bà ngũ trước ác thế này. Hãy giữ vững tín tâm nơi Đức Thích Tôn Từ Phụ. Hãy cố gắng hành trì diệu pháp, vun trồng tịnh duyên. Hãy tin rằng chỉ có tu theo Phật mới có cơ tiêu tam chướng, trừ phiền não và diệt chư tội chư ác. Những người con Phật hãy cố gắng nghe kinh học pháp để liễu nghĩa Phật pháp, hãy dựa vào cả lý lẫn sự để hiểu rõ ràng tông chỉ của Phật, hãy sống tu với kinh điển sao cho tâm mình in với tâm Phật. Hãy sống tu như Phật ngay từ bây giờ, chớ đừng đợi đến lúc tóc bạc răng long, bụng trống lòng cao, chẳng còn muốn nương tựa vào bạn lành nữa, ngược lại chỉ biết ngông nghênh ngã mạn, tà kiến, ác kiến, một đời đã trôi qua với đầy đầy những sân hận, tham lam, bòn sẻn và tội lỗi ác nghiệp, không còn chỗ nào cho từ bi hỷ xả, bác ái vị tha, bố thí, nhẫn nhục nữa. Đừng mơ tưởng viễn vông nữa hỡi những người con Phật! Đừng tưởng rằng hằng ngày cứ lăn trôi theo tham, sân, si, hoặc giả chỉ tu qua loa, đến chừng gần nhắm mắt niệm mười câu “Lục Tự Di Đà” là được Phật rước về Tây Phương Cực Lạc. Hãy tỉnh cơn trường mộng hỡi những người sống say chết mộng! Tất cả những thứ đó chỉ là vọng kiến tưởng tượng vô căn cứ mà thôi, chớ không có cái gì đúng theo luật “nhân quả” cả. Theo Phật, hễ nhân nào là quả đó, không có ngoại lệ, hiện tại gieo nhân phiền não tham, sân, si, không có lý gì khi chết lại gặt được quả “Tây Phương Cực Lạc” được, còn hiện tại an vui tự tại và cứ an vui tự tại mãi thì khi chết phải là an vui tự tại thôi. Đường vào đất Phật không phải là con đường tưởng tượng hay huyền ảo, mà là con đường có thật, con đường mà năm xưa Phật Tổ đã đi và đã đến. Đây là con đường của sự chuyển hóa mà tiến trình phải mất một thời gian là ba a tăng kỳ, không có ngoại lệ, không có chuyện tu tắt tu tóm. Trên con đường này niềm tin luôn ấp ủ trong tim, hạn chế tự ngã và buông

xả những thử thách lớn trong đó ai trong chúng ta cũng nên luôn nhớ rằng tất cả chỉ là sản phẩm của tâm thức và do tâm thức dựng nên chứ không có tự ngã. Đường vào đất Phật không có hình tướng vì nó bao trùm cả tam thiên đại thiên thế giới, nó chính là con đường tâm linh không có giới hạn mà mọi người Phật tử chúng ta hằng ấp ủ. Khi đi trên con đường này, người con Phật lúc nào cũng phải làm một người quan sát vô tư mới mong vượt qua khỏi bờ mé của những hệ lụy, phiền não và khổ đau. Mọi sự mọi việc có đến có đi, có thành có hoại, chúng tự vướng rồi tự gỡ, tự hợp rồi tự tan, chúng ta cứ thản nhiên đi tới thì cơ hội đến được thanh tịnh độ hay đất Phật sẽ gần hơn. Phải làm người quan sát vô tư và phải buông xả chúng ta mới có khả năng cân bằng những nỗ lực, tác ý và năng lực của chúng ta. Đánh rơi tư cách của người quan sát vô tư là chúng ta vướng mắc ngay lập tức vào đủ thứ hệ lụy. Nhiều khi chúng ta cứ tưởng chúng ta đang nỗ lực tiến tu, nhưng kỳ thật chính cái vọng tưởng “tưởng mình đang nỗ lực tiến tu” này sẽ làm chúng ta vướng mắc ngay lập tức vào bẫy rập của thường tình thế tục. Người con Phật hãy luôn cẩn trọng, đường vào đất Phật của chúng ta hãy còn xa và hãy còn cần nhiều a tăng kỳ kiếp, nhưng tiến trình đi vào đất Phật không thể thiếu những hành trang mà Phật Tổ đã trao truyền, phải tịnh lự thân tâm để có được khả năng phản quang quang tự kỷ, từ đó thấy được mình hãy còn vướng gì và cần tu gì. Trên con đường ấy không thể nào thiếu được “Văn Tư Tu” thật đúng nghĩa của nó. Hãy tỉnh thức những gì đang tuần tự xảy ra nơi chính mình thì chúng ta sẽ thấy ngay rằng Phật pháp và thế gian pháp không sai khác. Bát Chánh Đạo ở đây mà Bát Tà Đạo lại cũng ở đây, chánh niệm ở đây mà tà niệm vọng niệm lại cũng ở đây, chúng hiện diện ngay trong chúng ta ở mọi thời mọi lúc, chúng ta không cần phải gò ép kèm giữ chúng, chỉ cần chúng ta tỉnh thức để thấy được những gì đang xảy ra quanh ta là

đủ. Trên đường vào đất Phật, chúng ta sẽ không chỉ gặp kỳ hoa dị thảo, mà chúng ta sẽ gặp nhiều lắm những rác rưởi của thường tình thế tục như tham lam, sân hận, si mê, tật đố, ganh tỵ, ghen ghét, ác kiến, tà kiến, vân vân và vân vân. Chúng ta phải tinh tấn tự chuyển hóa những thứ này một cách thư thả, hòa ái và kham nhẫn. Người con Phật nên luôn nhớ lời Phật dạy: “Tất cả chỉ là những sản phẩm của vọng tưởng,” nhớ để thấy rằng chính vọng tưởng là tác nhân làm hạn chế khả năng đi vào đất Phật của mình, thấy để buông bỏ vọng tưởng mà quay trở về cái thấy biết như thực và ngay trong lúc này của mình. Người con Phật nên luôn nhớ rằng muốn đi vào đất Phật, phải cố gắng chuyển hóa ngay những gì mà mình có thể chuyển hóa được, chẳng kể ích hay nhiều, chứ đừng chờ đợi vì thời gian sẽ không chờ đợi một ai đâu quý vị ơi! Tuy nhiên, chuyển hóa không có nghĩa là học hay đàm luận, chuyển hóa là một tiến trình mà theo giáo thuyết nhà Phật thì đây là tiến trình “tự thanh tịnh,” “tự tu sửa,” “tự hướng thượng,” vân vân. Người con Phật phải luôn thấy đời mình như một giấc mơ, trăm năm nào khác cuộc cờ đối thay. Tích tắc trôi qua là đã một đời loay quay với những mẩu chuyện cũ kỹ của quá khứ hay ảo vọng của tương lai, mà chẳng thấy đâu là những giây phút quý báu của hiện tại. Người tu Phật không bao giờ hồ đồ đồng hóa mình với những biến cố xảy ra bên ngoài hay những ảo vọng bên trong tâm thức. Chừng nào chúng ta còn tiếp tục đồng hóa chúng ta với những biến cố bên ngoài hay những ảo vọng bên trong, chừng đó chúng ta chưa đi được trên con đường trở về đất Phật. Kỳ thật, tất cả rồi sẽ qua đi chứ không có gì là vấn đề nếu chúng ta dám can đảm cả quyết như vậy. Có nỗi khổ, nỗi lo âu, nỗi khổ đau phiền não, hay nỗi bi thương trầm thống nào có thể tự tồn với luật “Sanh trụ dị diệt” đâu? Chỉ vì chúng ta cứ mãi nghĩ hay mãi ôm ấp những nỗi bi thương trầm thống đó mà thôi. Chúng ta phải luôn thành thật với

chính mình và luôn tự hỏi, “Vì sao chúng ta quyết định tu hành. Nếu câu trả lời là chúng ta muốn đi vào đất Phật thì chúng ta phải thành thật với chính mình trong cuộc sống cuộc tu, phải sống phải tu sao cho thật xứng đáng là là một người con Phật. Người con Phật phải luôn nhớ rằng đạo Phật nói dễ khó làm, nói dễ đến độ đứa trẻ lên bảy cũng có khả năng nói được, nhưng khó làm đến độ ông lão tám mươi chưa chắc đã làm xong. Nói vô thường thì dễ, nhưng chứng kiến cảnh gió vô thường thổi qua cướp mất những người thân như cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái không phải là chuyện dễ. Dù khó chứng kiến thế mấy thì vô thường vẫn là vô thường. Tất cả vạn sự vạn vật trên đời này đều là vô thường, chứ chẳng có chi là thường còn. Khi thấy được như vậy, chúng ta mới có khả năng quẳng gánh lo âu mà bước lên đường vào đất Phật. Hỷ nộ ái ố, lo buồn, phiền não, vân vân chẳng làm gì được cho chúng ta trên đường vào đất Phật ngoài việc trì kéo chúng ta đi ngược lại. Người con Phật phải thấy như vậy để luôn trầm tĩnh trong mọi tình huống. Người con Phật chơn thuần phải luôn thấy được nguyên nhân của khổ đau, sự khởi sanh của khổ đau và làm cách nào để chấm dứt những khổ đau phiền não, mà không u mê kết bè làm bạn với chúng. Một khi đã thấu triệt được bốn chơn lý cao thượng (khổ tập diệt đạo) rồi thì chúng ta mới có năng lực giải thoát hoàn toàn khỏi sự khống chế của tâm thức và tình cảm, từ đó chúng ta mới vượt thắng được “tự ngã” và không bám vào bất cứ thứ gì ngay cả những chứng đắc nếu có. Người con Phật chơn thuần phải nên luôn nhớ rằng thời gian thấm thoát thoi đưa, một đời người qua nhanh hơn ánh điện chớp, thế mà lúc gặp thiện tri thức ta lại khinh chê, lúc gặp Phật pháp không chịu nhiếp tâm tu trì mà cứ nhõn nhờ nhàn đàm hý luận, tức là phỉ báng khinh chê Phật Tổ, mà khinh chê Phật Tổ là tự chối bỏ ông Phật nơi chính mình để tiếp tục đắm chìm nơi biển khổ sông mê vậy! Ngày xưa Đức Từ Phụ còn bỏ cả thân

mạng để cầu nửa bài kệ, lấy thân làm giường ngồi mà cầu diệu pháp, bóc da làm giấy, bẻ xương làm bút, chích máu làm mực để sao chép kinh điển trong những kiếp trước của Ngài. Lại nữa, Đức Dược Vương Bồ Tát đã đem thân làm đèn đốt để báo ơn chư Phật, Ngài Thường Đề Bồ Tát đã ban tim gan mình để học được pháp Bát Nhã, Ngài Thần Quang đã chặt cánh tay mình để làm lễ cầu đạo, vân vân. Bấy nhiêu đó đủ cho thấy kẻ phàm phu chúng ta há có con đường nào khác sao quý vị? Chư Phật và chư Bồ Tát mà còn bắt đầu bằng con đường cầu đạo này, thế nhưng những chúng sanh đang lặn hụp trong trầm luân khổ hải lại chẳng biết kinh vì, chẳng những không tìm đến các bậc minh sư để nghe kinh học pháp mà còn rong ruổi nhàn đàm hý luận, chê kinh ngạo pháp. Thật tình mà nói, cái tội nhàn đàm hý luận và chê kinh ngạo pháp còn nặng hơn tội chưởi mắng Phật. Phật tử chơn thuần phải luôn biết kinh vì, kéo đời đời phải sa vào địa ngục vô gián.

Lại nữa, người tu Phật không bao giờ ưa chuộng cái văn hoa bóng bẩy bên ngoài mà quên mất nghĩa lý thâm diệu của kinh. Thấy được nghĩa lý của kinh mà không chịu hành trì một cách rốt ráo thì thà là đừng thấy đừng biết vẫn hơn. Thấy như vậy người tu không thể nào để đuôi trâu lười được. Người con Phật chơn thuần phải biết dùng gươm trí huệ cắt đứt mọi gốc rễ của khổ đau phiền não, phải cắt đứt ngay khi những gốc rễ ấy vừa mới manh nha, phải can đảm đoạn tuyệt ái dục, phải từ chối không chứa sắc tướng, không nhiễm trần ai. Muốn thoát ly sanh tử không nói mà được, không luận mà tới. Ngược lại, phải công phu tu luyện như người kéo cây lấy lửa, dù kéo bao lâu đi nữa, hễ chưa được lửa là vẫn phải tiếp tục kéo một cách quyết liệt chứ không được ngừng. Bản chất của chúng sanh hễ một giờ không niệm Phật là giờ ấy niệm ma, hễ một giờ không tham thiền nhập định là giờ ấy còn dây dưa với nhân ngã bỉ thử chứ làm sao dứt

khoát được với các mối nhơn duyên. Người phát tâm tu theo Phật phải luôn cẩn trọng. Nhân đàm hý luận về thường hay vô thường, thế giới vũ trụ hữu biên hay vô biên, Đức Phật cho là chuyện viển vông, không ích lợi gì cho cuộc sống của con người. Trước khi nhập diệt, chính Đức Phật đã nhấn nhủ tứ chúng rằng: “dù tu dưới bất cứ pháp môn nào mà không chịu giữ giới là không phải tu theo Phật. Người không giữ giới là người không chịu nhìn vào thực tế của cuộc sống cuộc tu, con người ấy không cách chi thoát khỏi ưu bi khổ não của trần tục, chứ đừng nói chi đến Niết Bàn hay giải thoát. Đức Phật khẳng định đạo Phật là đạo của mọi loài chúng sanh, đặc biệt là con người. Khi nào con người còn chất chứa tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, khi đó từ bi hỷ xả, và lục độ Ba La Mật của nhà Phật vẫn là những món ăn tinh thần cấp thiết cho mọi người. Khi nào xã hội này còn đầy dẫy những bất công thối nát, chường đó tứ chánh cần, tứ như ý túc và ngũ căn, ngũ lực vẫn là những cây chổi quét sạch rác rưởi của trần tục. Khi nào tâm chúng sanh vẫn còn là một mớ bụi nhùi, vẫn còn rong ruổi trong bợn nhơ trần cấu, chường đó Bát Thánh Đạo và Thiên định vẫn còn là những món ăn cần thiết và tuyệt vời cho mọi loài. Theo đạo Phật, không có cái gì ngẫu nhiên mà hiện hữu, không có thiên lý an bài, cũng chẳng có tiền định. Ngược lại, giáo lý nhà Phật nói rõ: “Hễ cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia cũng không.” Không bao giờ có chuyện trồng cây tham, sân, si mà nở ra hoa an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc. Cũng như vậy, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, và sát, đạo, dâm, vọng không bao giờ đưa con người đến giác ngộ và giải thoát. Hoa của bông lung, phóng túng và phá giới phải là địa ngục không sai khác. Tuy nhiên, đạo Phật không chủ trương trốn đời khổ hạnh hay thuận đời để được an hưởng lạc thú vật chất. Những người con Phật phải dùng trí tuệ và giáo lý tuyệt luân của nhà Phật mà bước lên đường trung dung. Người con

Phật không dùng mưu sâu kế độc để hại ai, nhưng cũng không nhu nhược yếu hèn để cho ai muốn làm gì thì làm. Những người con Phật luôn nhìn nhau bằng phẩm hạnh, đạo đức và trí tuệ chơn chánh, và luôn tự phấn đấu để tận diệt tham, sân, si, hỷ, nộ, ái, ố luôn lấy lục hòa mà đối xử với nhau, luôn lấy từ bi hỷ xả để san bằng những bất công của xã hội, luôn buông bỏ tất cả để giải thoát khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não. Người con Phật luôn noi gương Đức Phật để cải thiện tự thân hầu biến gia đình và xã hội thành những nơi tốt đẹp hơn. Theo Đức Phật, chúng ta đừng đổ thừa vào bất cứ thứ gì vì con người là nhân tố chính. Gia đình và xã hội nên hư, tốt xấu là hoàn toàn tùy thuộc vào sự hành xử của mỗi người chúng ta. Đã từ vô thủy chúng ta vì mê mờ mà thân, khẩu, ý gây tội tạo nghiệp. Cũng vì mê mờ mà chúng ta cứ đi quanh đi quẩn mãi trong vòng luân hồi sanh tử. Người con Phật chơn thuần, muốn đi ngược dòng, trước hết phải thanh tịnh thân khẩu ý bằng cách giữ giới. Có giữ giới mới bỏ được các nghiệp xấu và từ đó tâm ý mới được trong sạch vắng lặng. Từ đó mà chúng ta chỉ một bề bỏ ác làm lành. Nếu chúng ta tu y như Phật, với cái nhìn như thật của trí huệ, lấy như thật đoạn tận các lậu hoặc để được giác ngộ và giải thoát thì sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ được như Phật. Nếu chúng ta chịu đi đứng trên tám nhánh của con đường Trung Đạo, tức là hiểu biết chân chánh, suy nghĩ chân chánh, nói lời chân chánh, việc làm chân chánh, mưu sinh chân chánh, siêng năng làm lễ phải, nhớ nghĩ chân lý và giữ tâm linh vắng lặng theo chánh đạo thì con đường thoát ly khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não là tất nhiên.

Trên đời này chúng ta đã có quá nhiều chương duyên nghịch cảnh và khổ đau phiền não. Ngoài sinh, lão, bệnh, tử ra chúng ta còn quá nhiều khổ đau khác. Nào là mơ ước mà không toại nguyện, thân thể thanh suy, người không ưa mà phải gặp hằng ngày, hoặc phải chia ly xa lìa những người thân yêu, rồi

đến những tai nạn do thiên nhiên tạo ra từ bão táp phong ba đến thủy và hỏa tai thế mà đa phần chúng ta cứ ngoảnh mặt làm ngơ làm như chúng ta không nghe không thấy gì đến những hệ lụy đang từng giây từng phút vây quần lấy chúng ta. Chúng ta cứ an nhiên tiếp tục cá lớn nuốt cá bé rồi người bắt cá lớn, người có uy thế hiếp người cô thế thật là tội nghiệp vô cùng. Người con Phật chơn thuần, dù xuất gia hay tại gia, phải tự khắc tự chế theo giới luật mà Đức Từ Phụ đã trao truyền, nếu không giữ được 348 hay 250 giới cho tỳ kheo ni và tỳ kheo, thì hãy cố giữ cho được 48 giới cho Bồ Tát hay 10 giới cho sa di. Nếu không giữ được giới cho người xuất gia thì ít ra phải cố giữ cho được 5 giới cho người tại gia. Nếu không giữ được 5 giới thì xin hãy cố giữ được giới nào hay giới đó, chứ đừng rong ruổi hết chùa này đến chùa khác biện giải hý luận. Thế giới thường hay vô thường, hữu biên hay vô biên, chư pháp hữu hữu vô vô không ăn nhằm gì đến cuộc sống an lạc, tỉnh thức, hạnh phúc và cuộc tu giác ngộ giải thoát của mình. Càng biện giải hý luận, tâm ta càng loạn động và ý ta càng dần thân vào những tranh chấp hơn thua, được mất một cách triền miên. Nên nhớ đường vào đất Phật luôn rộng mở cho chúng sanh mọi loài, nhưng tự chúng sanh phải đi vào bằng cả thân lẫn tâm. Cổ đức có dạy: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.” Thật vậy, đường đi dù dễ thế mấy, hễ không đi thì không tới. Trên đường về đất Phật, khi mê mờ thì nhờ ánh sáng của Phật Pháp Tăng dẫn dắt, nhưng khi tâm thức đã lóe được ánh sáng của chính nó thì chúng ta phải vận dụng cái ý thức sáng suốt ấy mà tự tu tự độ để rồi sau đó độ tha cứu chúng nếu cần. Người con Phật luôn vận dụng ý thức sáng suốt của mình để phản quang tự kỷ, để thấy cho được những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến còn chất chứa trong tâm mình. Người con Phật nên dùng ý thức sáng suốt để thấy rõ bộ mặt thật của vạn pháp, thấy sự tương

quan mật thiết của nhân quả, thấy tính đặc thù của trùng trùng duyên khởi, cái này có thì cái kia có, cứ thế mà trùng trùng duyên hợp duyên tan. Trên đường về đất Phật, người con Phật phải luôn thấy vạn pháp vô ngã, do duyên hợp mà có hình tướng, rồi khi duyên tan thì hình tướng liền dị diệt. Hơn thế nữa, người con Phật phải luôn thấy tâm này vô thường và biến diệt biến hiện không ngừng nghỉ. Cái thân của hôm nay không còn là cái thân của hôm qua, cũng như vậy cái tâm của hôm nay không còn là cái tâm của hôm qua nữa. Con người ấy luôn ý thức được những điều mình sắp nói sắp làm sẽ có tác động thiện lành hay tác hại lên chúng sanh như thế nào, nên luôn cẩn trọng xem coi thân khẩu ý có làm tác hại đến chúng sanh khác hay không. Nếu thấy những điều mình sắp nói sắp làm sẽ mang lại lợi lạc cho tha nhân là nói là làm ngay dù biết rằng khi nói và làm những điều này có phải thịt nát xương tan, người con Phật chớ thuận vẫn làm. Ngược lại, khi thấy được những điều mình sắp nói sắp làm sẽ mang lại khổ đau cho tha nhân, người con Phật quyết không làm dù khi nói hay làm như vậy mà có được của cải chất đầy tam thiên đại thiên thế giới. Người con Phật phải luôn vận dụng ý thức sáng suốt để thấy rõ đâu là ác, đâu là thiện, đâu là thanh tịnh, đâu là nhiễm ô, đâu là động, đâu là tĩnh, vân vân, để từ đó nhiếp tâm tu trì lời Phật dạy: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý.” Người con Phật phải luôn thấy những sai trái trong nhận thức trước đây của mình, Đức Phật gọi đó là “giác ngộ.” Nhờ thấy những sai trái trong nhận thức trước đây của mình mà chúng ta có cơ bỏ tà về chánh, bỏ ngụy về chơn, bỏ thiên về viên, bỏ biên kiến định kiến mà quay về với chơn lý nhất như. Trong thời Đức Phật còn tại thế, Ngài đã vạch cho chúng sanh mọi loài về con đường về đất Phật, nhưng không có lần nào Ngài nói giống lần nào. Có lúc Ngài nói Ngũ Thừa (Nhân, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát), có lúc Ngài nói

Tam Thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát), rồi có lúc Ngài nói Nhất Thừa (Phật Thừa). Đối với một bậc chánh đẳng chánh giác như Đức Thế Tôn thì không có chuyện bất nhất, nghĩa là khi nói vậy khi nói khác. Dù Ngũ, Tam hay Nhất Thừa, con đường nào cũng đưa chúng sanh về đất Phật; tuy nhiên, Đức Phật đã tùy theo căn cơ của từng loại chúng sanh mà dẫn dắt họ trong khả năng mà họ có thể tiến tu được. Thấy như vậy, người con Phật chơn thuần, hãy đi thẳng vào đời, dù ở trong vai trò nào cũng cố gắng làm tròn nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Hãy cố dẹp bỏ mọi chấp trước phân biệt của thường tình thế tục như là tôi tốt anh xấu, tôi đúng anh sai, tôi hiền anh dữ, tôi hay anh dở, tôi sang anh hèn, tôi cao thượng anh hạ tiện, tôi tu cao anh tu thấp, vân vân và vân vân. Một khi vừa khởi tâm thấy người xấu tức là mặc nhiên thừa nhận mình tốt, từ đó mà lòng ngã mạn cống cao được trưởng dưỡng, đến lúc nào đó thì chúng ta sẽ thấy rằng những người chung quanh toàn là người xấu xa hèn hạ, mà hễ xấu xa là mình muốn tránh, rồi rồi mình trở thành một chúng sanh lạc loài và khổ đau nhứt của địa cầu này, rồi từ lạc loài đi đến chỗ chán đời yếm thế, rồi sanh ra làm càng làm bậy và gây thêm tội tạo thêm nghiệp. Phật tử chơn thuần hãy cố quay về với chính mình sao cho tâm ý chúng ta luôn bình thản trong cuộc sống cũng như trong cuộc tu. Trong cuộc sống hằng ngày chỉ nên thấy lỗi mình chứ không nên thấy lỗi người, chỉ nên thấy mình hãy còn dở chứ đừng thấy người dở, vì như vậy chúng ta mới có chỗ cho tu học và hành trì. Nên luôn nhớ “bảy mươi chưa chắc mình lành,” dù tài giỏi thế mấy cũng có những sơ hở hay khuyết điểm của riêng mình. Chính vì thế mà trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng đã dạy: “Nếu người thật chơn tu, không thấy người đời lỗi. Nếu thấy lỗi của người, lỗi mình đến bên trái. Người sai ta không sai, ta sai tự có lỗi. Chỉ dẹp tâm mình sai, dứt trừ phiền não sạch. Yêu ghét chẳng bận lòng, đuổi thẳng hai

chân nghĩ.” (Nhược chơn tu đạo nhơn, bất kiến thế gian quá. Nhược kiến tha nhơn phi, tự phi khước thị tả. Hà phi ngã bất phi. Ngã phi tự hữu quá. Đản tự khước phi tâm, đả trừ phiền não phá. Tắng ái bất quan tâm, trường thân lưỡng cước ngọa). Đây không phải là lời nói lúc trà dư tửu hậu của thường tình thế tục, mà là những lời cảnh tỉnh nghiêm túc của một bậc giác ngộ như Lục Tổ Huệ Năng. Thật vậy, người chơn tu không có đủ thì giờ để phản quang tự kỷ để thấy những sai trái của mình, xem coi mình còn tham sân si bao nhiêu để tu sửa, thì có đâu thì giờ để đi soi mói lỗi người. Người có sai trái là chuyện của người, không ảnh hưởng đến nắng mưa giải thoát của chính mình. Người con Phật nên nhớ vừa mở miệng ra nói lỗi người là mình đã tạo nghiệp rồi. Đừng tiếp tục ngụy biện theo lối của lũ Ba Tuần là “chỉ ra chỗ sai trái cho người sửa, chứ không chỉ thì làm sao họ biết mà sửa?” Vân vân và vân vân. Kỳ thật, bản chất ngã mạn cống cao của chúng sanh nó trỗi lên một cách vi tế mà mình không thể nào đoán biết được. Chính vì vậy mà Đức Phật khuyên chúng ta chỉ nên thấy lỗi mình chứ không nên thấy lỗi người. Làm được như vậy, dù chưa hoàn toàn thoát ly tham, sân, si chúng ta cũng không bị ngũ dục lục trần cuốn hút vào nẻo vô định của luân hồi sanh tử. Hãy cố gắng hơn lên hỏi những người con Phật!

476. CON ĐƯỜNG AN VUI VÀ HẠNH PHÚC

Phật tử chúng ta ai lại chẳng muốn chọn cho mình một cuộc sống hưởng thụ và cuộc tu tự tại, nhưng trong xã hội văn minh vật chất hôm nay có lắm người chỉ biết cái thế trí biện thông để nói chứ không chịu làm. Bao nhiêu kinh Phật họ cũng đều đọc hết, nhưng đọc để chơi cho vui qua ngày tháng chứ không phải đọc để thấu lý rồi từ đó y nương theo mà tu hành. Thật tình mà nói, những hạng ấy tính tình cao ngạo hơn trời, nhưng âm chất lại mỏng thua tờ giấy quyến. Xã hội hôm nay sở dĩ phải đắm chìm trong xáo trộn cũng tại vì những con người sống say chết mộng, nói hay làm dở này. Những hạng này lúc nào cũng biện giải hý luận, lúc nào cũng dương dương tự đắc và luôn cho những lý luận của mình là siêu phàm nhập Thánh. Kỳ thật, ngay cả những việc thật bình thường và tối thiểu của một người con Phật như ngũ giới, họ vẫn chưa giữ được và cũng chưa hề có ý định trì giữ những giới này bao giờ. Bệnh ba hoa chích chòe, ăn nói khoác lác đã trở thành thông bệnh cho rất nhiều Phật tử hôm nay. Chính vì nhìn thấy và đoán biết tâm địa của chúng sanh trong thời mạt pháp nên Đức Từ Phụ đã dạy trong Kinh Tuệ Giác: “Tất cả các pháp đều vô thường, đau khổ và vô ngã. Con đường diễn biến từ quá khứ đến hiện tại chính là nguồn gốc của sanh, lão, bệnh, tử. Tất cả những đau khổ này đều do tâm si mê u muội của những con người cao ngạo, suốt đời chỉ biết có nhàn đàm hý luận, chỉ biết nói chứ chưa bao giờ biết làm.”

Thật tình mà nói, Phật và chúng sanh đã từng một thời có cùng một bản tánh, nhưng Phật đã thành Phật, còn chúng sanh vẫn lặn ngụp, lặn trôi trong tam đồ lục đạo. Một thuở một kiếp

nào đó, Phật Tổ cũng lang thang trong ba nẻo sáu đường, nhưng những cảnh sanh, lão, bệnh, tử bên ngoài thành Ca Tỳ La Vệ đã là những cú sốc mạnh làm động não tâm tư của một chúng sanh mong muốn vươn lên làm Phật. Sau khi giác ngộ và giải thoát, Phật Tổ đã khẳng định: “An vui không thể có trong dục lạc vì dục lạc là nguồn gốc của mọi khổ đau phiền não và lo âu. Không có bất cứ thứ gì trong cõi Diêm Phù Đề này có thể thỏa mãn được lòng tham dục của con người.” Lời dạy dỗ của Thế Tôn vẫn còn như vang vọng đâu đây, nhưng hãy suy gẫm lại đi hỡi những người con Phật! Hãy tự hỏi lòng mình xem coi tại sao Thế Tôn đã thành Phật gần 26 thế kỷ rồi, mà mình vẫn còn lặn ngụp lăn trôi. Hôm nay có cơ duyên làm người, nhưng chưa biết ngày mai sẽ phải làm con gì? Con tròng, con đế, hay con trâu, con bò, con heo? Tại sao một thời Thế Tôn cũng nghiệp duyên trữu nặng, thế mà giờ này Ngài đang ngự trị nơi Niết Bàn tịnh tịch, còn chúng ta vẫn tiếp tục sống trong mê mờ. Trong các kinh điển Phật, Đức Từ Phụ đã dạy quá rõ ràng về cuộc sống an vui hạnh phúc và cuộc tu tự tại giải thoát. Chúng sanh, nhứt là con người cứ mãi trầm thống khổ đau vì những nhận thức sai lầm, từ đó chúng ta cam tâm nhận giả làm chơn, nhận tà làm chánh, nhận ác làm thiện, nhận vô thường giả tạm làm chơn như vĩnh hằng chính vì vậy mà những sự việc xảy ra trên đời, có người lấy làm vui thích, có người lại không tán thán. Lại có những việc có người cho là khổ trong khi người khác lại vui vẻ thực hành. Chẳng hạn như có người cho rằng chạy lạt khó nuốt và giới luật khó giữ, trong khi có người thì luôn trường trai giữ giới. Ai muốn nghĩ sao thì cứ nghĩ, nhưng với người con Phật, những lời dạy dỗ của Thế Tôn luôn là kim chỉ nam cho cuộc sống an vui hạnh phúc và cuộc tu giải thoát, không thể nghĩ bàn. Trong Kinh Hạnh Phúc, Đức Phật dạy: “Những tham cầu thỏa mãn sở thích nhất thời chỉ là những nhân của khổ đau phiền não về sau này mà thôi.” Người con

Phật muốn sống an vui hạnh phúc phải luôn tu tỉnh, phải luôn sống lương thiện, không làm việc ác, phải lấy cái vui của người làm cái vui của mình, luôn sống phù hợp với đạo lý xã hội. Người con Phật nên luôn nhớ rằng cuộc sống an vui hạnh phúc của mình liên quan mật thiết với sự an vui và hạnh phúc của người, vì muốn được an vui hạnh phúc mà gây khổ đau phiền não cho người là chuyện nghịch lý. Nếu mình không muốn ai trộm cắp của mình thì mình đừng trộm cắp của ai. Nếu mình không muốn ai sân hận với mình thì mình đừng sân hận với ai. Nếu mình không muốn ai làm tổn hại mình thì mình đừng làm tổn hại ai. Chính vì không muốn sát sanh hại vật mà người Phật tử ăn chay. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật dạy: “Ly dục để sanh hỷ lạc là tâm ý của người thoát tục” nghĩa là nếu tránh xa được ngũ dục trần thế (sắc, thanh, hương, vị, xúc) hay tài sắc danh thực thù sẽ có được cái vui của người thoát tục. Cuộc sống an vui và hạnh phúc của người con Phật là cuộc sống sáng suốt chứ không si mê theo thường tình thế tục. Con người ấy luôn tự phản tỉnh, luôn thấy rõ từng tâm niệm của mình, niệm tham, niệm sân, niệm tà kiến vừa khởi lên liền biết nên không chạy theo. Người có cuộc sống an vui và hạnh phúc luôn tự thắng mình, luôn thắng những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, luôn được an ổn và có mối quan hệ vui vẻ với tha nhân. Con người ấy luôn tỉnh thức từng giây từng phút. Con người ấy luôn biết rằng nếu không khéo trong cuộc sống hằng ngày thì phiền não và vô minh sẽ khống chế và tăng trưởng, mà một khi phiền não vô minh tăng trưởng thì khổ đau trầm thống sẽ liền theo sau như bóng theo hình. Hơn thế nữa, con người ấy luôn lấy an vui hạnh phúc của người làm an vui và hạnh phúc của chính mình, luôn làm lợi ích cho tha nhân, luôn khuyên nhủ người khác với những giáo lý sống tu tuyệt vời của nhà Phật. Người có cuộc sống an vui hạnh phúc luôn làm con Phật chứ không làm những tên cùng tử quên

mất kho báu nhà mình, lang thang phiêu bạt trong nghèo cùng rách rưới. Đức Phật đã dạy quá rõ ràng ai trong chúng ta cũng đều có sẵn một ông Phật, nhưng khổ nỗi vì bị vô minh trần áp nên chúng ta quên mất ông Phật ấy để chạy theo vọng tưởng rồi tạo hết nghiệp này đến nghiệp khác để cứ mãi trầm luân trong ba nẻo sáu đường. Người con Phật muốn sống an vui và hạnh phúc phải nghe theo lời Phật dạy, phải biết vọng tưởng là không thật nhưng lại có khả năng dẫn mình đi mãi trong luân hồi sanh tử và khổ đau phiền não, vì vậy mà từ nay quyết định quay về sống với ông Phật nơi chính mình chứ không tiếp tục đuổi hình bắt bóng nữa. Người con Phật hãy lắng lòng suy gẫm và hành trì những lời Phật dạy trong cuộc sống cuộc tu hằng ngày để thấy rằng sống tu theo đạo Phật thật đơn giản và bình dị như Phật Tổ năm xưa. Giáo lý nhà Phật chưa bao giờ dạy ai trốn chạy những vô thường và khổ đau phiền não. Phật đã dạy rõ ràng rằng tu theo Phật là đem thân tâm mà dung nhiếp và thanh lọc khổ đau. Phật không tự xưng là toàn năng để bắt ép ai phải theo Ngài để được Ngài ban cho cuộc sống an lành hạnh phúc. Tuy nhiên, từ vô lượng kiếp chúng sanh đã lăn trôi trong vô lượng phiền não ràng buộc làm cho cuộc sống ngày càng trở nên khốn đốn và khổ não hơn. Lại không có duyên lành và phước đức nên lúc nào cũng quay cuồng trong cơn “túy sanh mộng tử.” Thế nên muốn cầu an vui hạnh phúc trong cuộc sống, hay tự tại giải thoát trong cuộc tu, con đường tu Phật là con đường độc đạo. Thế nhưng ngay cả những người tự xưng là con Phật, lại lắm khi đi ngược lại những lời Phật dạy. Thay vì dung nhiếp và thanh lọc khổ đau phiền não thì chúng ta lại u mê trốn chạy chúng. Thay vì chấp nhận tha nhân với những dị biệt để cùng nhau sống tu hài hòa thì chúng ta lại chống báng lẫn nhau. Người con Phật hãy lắng lòng nghe lời Phật dạy: “Muốn sống an vui hạnh phúc, muốn tu giải thoát, từ bi hỷ xả, nhu hòa nhẫn nhục, và khiêm cung từ tốn là

những bước đi vững chắc cho mọi người. Lấy nhu hòa điều phục cường bạo, lấy nhẫn nhục đối đãi kẻ sân hận, lấy khiêm cung từ tốn đáp lại những kẻ cống cao ngã mạn, lấy quảng tâm bố thí trao cho những kẻ tham lam bòn sẻn, lấy từ bi trao cho kẻ cùng hung cực ác, lấy hỷ xả đáp lại người câu chấp định kiến.” Người con Phật phải luôn nhớ như vậy để luôn cần tu nghiệp lành chứ không để cho việc đời lôi cuốn và thời gian luống qua, chợt khi gió vô thường thổi qua, hối tiếc cũng không còn kịp nữa. Nên nhớ rằng tất cả tội phước trên đời này đều do chính tâm này tạo ra, như vậy an lạc hạnh phúc hay khổ đau phiền não cũng do chính tâm này mang lại. Thế nên người con Phật lúc nào cũng phải cẩn trọng, lúc nào cũng phải tỉnh thức trong chánh niệm chứ không thể một giây một phút để duôi, hoặc học được một ít, thiền được vài cử, tụng được vài biến kinh, trì được đôi câu chú đã vội cho là đủ, rồi rong ruổi đó đây đem phàm tâm loạn tưởng ra nhàn đàm hý luận. Làm như vậy chẳng những cuộc sống hiện tại không an vui hạnh phúc, mà coi chừng trạm dừng chân kế tiếp sẽ phải là thiết vi hay vô gián địa ngục nữa là khác.

Dẫu biết đời là bể khổ với đủ đầy vui, buồn, thương, ghét, mong ham, mừng giận; tuy nhiên, nếu chúng ta biết quay lại với chính mình mà sống thật tỉnh thức thì tất cả mọi hệ lụy của thất tình lục dục sẽ bị triệt tiêu, chúng đến chúng đi không còn là những rai rức đối với chúng ta nữa. Người con Phật phải luôn nhớ những lời di huấn cuối cùng của Phật Tổ: “Không có sự giải thoát nào, không có sự thanh lọc nào có thể thực hiện được nếu không cố gắng tự tâm tự thân. Con đường khả dĩ đi đến giác ngộ là tự xoay lại với chính mình, tự kiểm soát những hành vi hằng ngày của chính mình, tự thanh lọc những uế trước trong tâm ý của chính mình.” Nói gì thì nói, căn bản và cốt lõi của người tu Phật muốn an vui hạnh phúc lúc tại gia, hoặc tự tại giải thoát lúc xuất gia vẫn là “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh

kỳ ý.” Nếu nói thế thì có người sẽ cho rằng đây là sơ cơ tu thấp. Vâng! Người con Phật đừng nói đừng rằng, hãy quay ngay về chỗ “sơ cơ tu thấp” này mà tu rồi sẽ thấy. Con đường dẫn tới an vui hạnh phúc và an nhiên tự tại phải là con đường quay về chiến đấu với chính mình. Chính Đức Từ Phụ đã khẳng định: “Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình. Tự chiến thắng chính mình mới là chiến công vẻ vang oanh liệt nhất.” Những con người “túy sanh mộng tử” đang đi trong vô minh với chất chông những “nhàn đàm hý luận,” hãy quay về soi rọi lại chính mình. Luôn nhớ rằng Phật khai sinh ra những giáo lý nhà Phật không nhằm mục đích nhàn đàm hý luận. Giáo lý ấy sẽ không được gọi là thậm thâm vi diệu nếu không được đem ra phục vụ cho cuộc sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc, cũng như cuộc tu an nhiên tự tại và giải thoát. Chúng ta không bác bỏ những hình thức bề ngoài như lễ bái, chùa chiền; tuy nhiên, di huấn cuối cùng của Đức Từ Phụ vẫn là “hãy tự mình đốt đuốc lên mà đi, hãy quay về nương tựa nơi chính mình nếu muốn sống hạnh phúc và tu giải thoát.” Trước khi nhập diệt, Đức Thế Tôn đã ân cần vạch rõ cho hàng hậu bối thấy rõ rằng mọi loài chúng sanh đều có khả năng kiến tạo cho mình một ánh đuốc rực rỡ để lúc nào cũng đi được trên con đường an vui hạnh phúc. Người con Phật chớ thuận muốn đi trên con đường an vui hạnh phúc phải luôn trang bị cho mình một ánh đuốc, nếu ánh đuốc ấy chưa có khả năng giúp ta trục chỉ Tây Phương Cực Lạc hay Phật quốc, thì ít ra nhờ ánh đuốc ấy mà chúng ta thấy được những trầm thống khổ đau và phiền não của các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a tu la, để từ đó tinh tấn tu hành sao cho ít nhất trong đời kế tiếp được trở lại làm người mà tiếp tục tiến tu. Người con Phật nên luôn nhớ rằng dù tu pháp môn nào, dù Thiền, Tịnh, Mật hay Luật tất cả chỉ là phương tiện giúp ta tịnh lự để có khả năng phản quang tự kỷ, từ đó thấy mình đang vướng gì và mình cần tu

những gì để có thể vượt thoát khỏi những vướng mắc này, để rồi cuối cùng đi được trên con đường “an vui hạnh phúc” để một ngày không xa nào đó có khả năng nắm tay chư Phật thông dong trên đường giải thoát. Người con Phật phải luôn cẩn trọng ở điểm này để không vướng mắc vào những phương tiện mà Phật đã đặt ra cho chúng ta tu hành. Tất cả các pháp môn chỉ là phương tiện chứ không phải là cứu cánh. Cứu cánh của hàng xuất gia là thành Phật, còn cứu cánh của hàng tại gia là phải thành thối đi về trên đường “an vui và hạnh phúc.” Ngay cả “đầu tròn áo vuông” cũng chỉ là phương tiện bề ngoài không hơn không kém. Ngày xưa có những bậc sa môn “đầu bù tóc rối với râu ria xồm xoàm” như Tổ Bồ Đề Đạt Ma, thế mà Ngài vẫn được vua Lương Võ Đế và mọi người tôn kính. Ở đây không phê bình hay biện giải về Thiên, niệm Phật hay mật chú, xuất gia hay tại gia, ai có cơ duyên với pháp môn nào thì tu theo pháp môn đó, chứ đừng niệm được vài câu lục tự Di Đà lại vội chê người tu thiên, tu mật hay tu Luật. Nên nhớ tất cả những thứ này chỉ có một công dụng duy nhất là giúp cho chúng ta tỉnh lặng hay lắng đọng tất cả những cặn cẩu để từ đó phản quang tự kỷ thấy coi mình vướng gì và cần tu những gì để sống an vui hạnh phúc và tu giải thoát. Tất cả những pháp môn cũng giống như những chiếc bè, ai muốn dùng loại bè nào cứ dùng, nhưng đừng cố chấp vào chiếc bè mà quên mất cứu cánh, thậm chí lắm khi còn khởi sanh ngã mạn cống cao rồi biến thành khinh sư chê đạo, hay vô tình hủy báng giáo pháp cao thượng mà mình đang theo đuổi. Người con Phật nên luôn nhớ rằng chìa khóa chính cho người con Phật mở cửa đi vào cuộc sống an vui hạnh phúc và cuộc tu an nhiên tự tại là sống tu tỉnh thức trong luật “nhơn quả.” Đã sanh ra làm chúng sanh, dù là người hay là thú, mình sẽ phải gặt hái hậu quả của những gì mà mình đã gieo, không có ngoại lệ. Chính vì thế mà Đức Thế Tôn hằng khuyến tấn người tại gia phải ráng giữ tam

quy ngũ giới, hoặc hành trì thập thiện. Phật đã dạy trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới rằng: “Thiện nam tín nữ chỉ cần quay lưng lại với sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và những chất cay độc thì cuộc sống phải là an vui và hạnh phúc.” Người tại gia nên luôn nhớ rằng vì phước mỏng, nghiệp nhiều, duyên thiếu, nên đời kiếp này dù được làm người nhưng vẫn chưa được cơ may xuất trần trọn vẹn, thế nên chúng ta phải dụng công tu tâm dưỡng tánh, phải y nương theo bốn trạng thái cao thượng (từ bi hỷ xả) mà Đức Từ Phụ đã truyền trao, phải nhiếp tâm tu trì công đức, phước đức để hóa giải dần những ác nghiệp đã tạo gieo từ vô lượng kiếp. Để nếu chưa đủ thiện duyên xuất gia thoát trần trong kiếp này thì vẫn được tái sanh làm một con người trọn lành trong kiếp lai sanh mà tiếp tục tiến tu. Trước khi làm bất cứ chuyện gì phải nên nghĩ đến hậu quả của nó, phải luôn mang bốn cái tâm lớn mà Phật đã trao truyền vào cuộc sống cuộc tu hằng ngày của mình và của người, luôn ban vui cho tha nhân bằng tình thương tỏa rộng không phân biệt, luôn tìm cách cứu khổ cũng như làm vui đi những nỗi phiền của tha nhân, thấy ai đói thì giúp miếng ăn, thấy ai khát thì giúp cho thức uống, thấy ai lạnh thì giúp cho manh quần tấm áo, thấy ai lo lắng sợ hãi bèn phát tâm an ủi vỗ về. An vui và hạnh phúc thật sự của con người vẫn là cái tâm hoan hỷ, hoan hỷ khi gặp được người tốt, hoan hỷ khi gặp được chơn sư lương hữu, hoan hỷ khi gặp được chánh pháp. Ngoài ra, an vui và hạnh phúc là những người có tâm rũ bỏ tất cả những phiền trước của trần thế, tâm người ấy không chấp trước, thân không giữ riêng cho mình bất cứ thứ gì. Người con Phật hãy ráng làm người không nhiễm trước, không nhiễm trước cả thân lẫn tâm; chấm dứt mọi hệ lụy của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Có người cho rằng đạo lý nhà Phật vượt ngoài khả năng thành đạt của con người. Vâng! Sự suy nghĩ như vậy cũng phải, nhưng chỉ phải với những con người

không chịu phấn đấu, những con người đầu hàng hoàn cảnh, rồi từ đó tự phó thác mình cho những lý luận mù quáng, tự phó thác mình cho cái mà mình chưa bao giờ biết, chưa bao giờ thấy, để rồi buông tay nhắm mắt tận hưởng những thú vui trần tục.

Kỳ thật, theo quan niệm của Phật giáo thì cuộc sống con người là một chuỗi dài những thử thách, mà cũng là một chuỗi dài những cơ hội cho chúng sanh, nhất là con người, thăng hoa hưởng thượng. Những diễn biến trong cuộc sống hằng ngày chính là cơ hội hãn hữu cho con người thành tựu một cuộc sống tâm linh cao quý. Tuy nhiên, trong tiến trình thăng hoa hưởng thượng này, con đường tất yếu mà ai trong chúng ta đều phải kinh qua là tu trì y theo đạo đức nhà Phật. Người tin Phật và tu theo Phật phải luôn nhớ rằng: “Trong mười pháp giới, từ địa ngục lên Phật là một tiến trình dài, dài đến hơn ba a tăng kỳ, nhưng thời gian trong tiến trình tu Phật chỉ là những mấu chốt nhỏ nhoi trong pháp giới mà thôi.” Tuy nhiên, chính những mấu chốt nhỏ nhoi này là tụ điểm của vô số nghiệp, cả thiện lẫn ác, là những mấu chốt của cơ hội, hoặc xô đẩy con người đi xuống, hoặc đưa con người đi lên. Thấy rõ như vậy thì cho dù tại gia hay xuất gia, người con Phật không còn thấy khung trời tại gia hạn hẹp với đầy đầy những uế trước trần thế, hay xuất gia chỉ để tìm một khung trời cao rộng. Cuộc sống an vui hạnh phúc là cuộc sống đạo hạnh nơi chính thân tâm mình, luôn sống với chơn lý, luôn có tâm lành, luôn biết tự kềm chế, luôn thu thúc lục căn trong mọi tình huống và luôn tỉnh thức trong chánh niệm, nghĩa là khi mình đang làm việc gì phải nhận biết mình đang làm việc đó, chứ không sống say chết mộng. Nếu tất cả mọi việc xảy ra trong cuộc sống hằng ngày đều được chúng ta ghi nhận thì tất cả những khó khăn về cảm xúc của chúng ta sẽ từ từ biến mất, từ đó mà chúng ta có được cuộc sống an vui và hạnh phúc. Thật vậy, còn cuộc sống nào an vui và hạnh phúc hơn cuộc sống

không luyến ái và vượt lên khỏi mọi dục vọng; mọi thành kiến, tà kiến, biên kiến đều tận diệt; mọi chấp ngã, chấp tướng, chấp pháp đều ngưng bật. Con đường duy nhất khả dĩ có thể giúp chúng ta sống hài hòa giữa vật chất và tinh thần, giữa lý trí và tình cảm, giữa tim và óc phải là sống tu theo những giáo lý tuyệt vời của Đức Từ Phụ. Thiên đường hay địa ngục đã hiển bày, tâm tạo thiên đường, tâm tạo địa ngục. Chính vô minh vọng động làm cho chân không diệu hữu mù mịt, cũng chính vô minh vọng động đã cướp mất tư thái an nhiên tự tại để chỉ chừa trơ lại những khổ đau phiền não cho thân tâm này. Người con Phật phải luôn tỉnh giác như vậy để quay lại với chính mình, y nương theo chánh giáo Phật Đà để cuộc sống này có cơ tốt đẹp hơn, hồn nhiên hơn, và nhịp nhàng hơn với thiên nhiên và vũ trụ. Trong thời Phật còn tại thế, Ngài đã luôn khẳng định với tứ chúng rằng: “Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, giai tác Phật sự, giai kham Phật đức, Phật hạnh, Phật nguyện và giai thành Phật đạo.” Thật vậy, chúng ta ai nấy đều sẵn có Phật tánh và đều có khả năng sống kết hợp hài hòa giữa lý trí và tình cảm, tri thức và hành động, trí tuệ và từ bi để đạt tới cuộc sống an vui hạnh phúc và cuộc tu tự tại, giác ngộ và giải thoát. Đạo Phật chủ trương an vui hạnh phúc hay giác ngộ giải thoát ngay trong kiếp này, và ngay trên hành tinh này. Nếu mọi người chúng ta khiêm tốn tu trì, dồn hết tâm niệm của mình vào cuộc sống tu tỉnh giác thì Tây phương Cực lạc là đây chứ không đợi đến một kiếp xa xăm nào khác. Kỳ thật, đạo Phật quan niệm sống rất bình thường nhưng lại khác xa với thường tình thế tục. Với đạo Phật, sống mà không an vui hạnh phúc là không đáng sống; sống mà không biết yêu thương chúng sanh mọi loài là không đáng sống; sống mà không biết tư duy về những đau khổ của chúng sanh là không đáng sống; sống mà không biết bố thí lợi tha là không đáng sống; sống mà không ý thức mình đang nghĩ gì, nói gì và làm gì là không đáng sống;

sống mà vẫn còn ôm ấp tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến ác kiến, biên kiến và sát, đạo, dâm, vọng là không đáng sống; sống mà tâm trí không sáng suốt để cho thân tiếp tục gây tội tạo nghiệp là không đáng sống. Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã dạy chư Bồ Tát như thế này: “Bồ Tát tự nghĩ, ta từ vô thủy đến nay do tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng mà thân, khẩu, ý phát sanh vô lượng vô biên ác nghiệp. Nếu như các nghiệp ấy mà có thể tướng, thì tận cả hư không cũng không thể nào dung chứa cho hết được. Chính vì thế mà chư Bồ Tát nên đối trước chư Phật, thành tâm sám hối, từ nay về sau quyết đem hết cả ba nghiệp làm cho thanh tịnh.” Người Phật tử, nhứt là người tại gia đã thấy chưa? Các bậc Bồ Tát mà còn phải phát lồ sám hối nghiệp chướng như vậy, huống là phàm phu chúng ta? Chưa nói đến cuộc tu giác ngộ và giải thoát, chỉ nói đến cuộc sống “an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc,” nếu không nhờ công phu tinh cần sám hối để diệt trừ những ác nghiệp đã tạo tác trong quá khứ cũng như chặn đứng những ác nghiệp đang tạo và sẽ tạo, thì đến bao giờ mới được? Người con Phật phải luôn canh cánh bên lòng là “Ta Bà ngũ trước ác thế là cõi của khổ đau phiền não.” Khổ sanh, già, bệnh, chết, khổ cầu bất đắc, khổ oán tắng hội, khổ thương yêu xa lìa, khổ ngũ uẩn thanh suy. Bao nhiêu nỗi trầm thống đang vây quần con người trong cõi nước tạm bợ này. Không phải thấy để bi quan yếm thế, mà thấy để tích cực tiến tu đạo đức y như Phật, thấy để thay vào tình cảm ích kỷ hẹp hòi bằng tình thương bao la rộng lớn. Thấy để biết một khi chọn đường tu Phật, chúng ta phải rũ bỏ tất cả, chứ không dương dương tự đắc với tiền tài danh vọng, không tự cao tự đại với mở kiến thức phàm phu tục tử, không cuồng ngôn loạn ngữ để rồi thay vì tới chùa với tâm thanh tịnh, lắng lòng tu tập thì chúng ta lại tự năm tự bảy ngay trong chùa để nhàn đàm hý luận, làm loạn động mình và loạn động người khác. Làm như vậy mình có

khác chi loài ma trời Ba Tuần? Người con Phật nên nhớ rằng thói tự cao tự đại với mở kiến thức tầm chương trích cú, rồi tự mãn đui tu mù luyện chỉ là tự mình đào sâu hố thẳm tội lỗi, tự mình tự tận con đường thăng hoa hưởng thượng của chính mình mà thôi. Người con Phật nếu không thấy như vậy để quay về y nương theo Phật, thì hết đời này sang kiếp khác, chúng ta chỉ là những sinh vật sống dật vờ, sống như bèo giạt hoa trôi, luôn bị nước cuốn, luôn bị cảnh dẫn. Trần cảnh vô tình, vô tri, vô giác, nhưng chúng ta là những sinh vật con người, hữu cảm, hữu trí, không lẽ chúng ta tiếp tục để cho vật vô tri khống chế người hữu cảm? Người con Phật nên luôn nhớ rằng ngoài ta ra không ai có thể kiểm soát được những hành động tạo tác của mình. Giáo lý nhà Phật nói “thậm thâm và sâu rộng đến vô lượng vô biên và vô cùng vô tận như pháp giới, nhưng nếu nói gọn lại thì giáo pháp ấy cũng có thể gói gọn trong một đời người an lạc, tỉnh thức, hạnh phúc, giác ngộ và giải thoát. Người con Phật quyết không nhìn, không nói hay không hý luận với Phật pháp, ngược lại chỉ một bề thực nghiệm tự thân thì trùng trùng duyên khởi của Hoa Nghiêm không ở đâu xa, mà là ở ngay trong những phút giây an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc của cuộc sống này. Trong Kinh Trường Bộ, Đức Phật dạy: “Con đường an vui và hạnh phúc, này các Tỳ Kheo, là con đường từ bỏ sát sanh mà sống biết thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh mọi loài, là con đường từ bỏ lấy của không cho mà tự sống thanh tịnh, là con đường từ bỏ tà hạnh và dâm dục hèn hạ, mà tịnh tu phạm hạnh và sống giải thoát, là con đường từ bỏ nói láo và lừa gạt, mà chỉ nói những lời chân thật và đáng được tin cậy, là con đường từ bỏ nói lưỡi hai chiều, mà chỉ nói những lời đưa đến sự hòa hợp, là con đường từ bỏ nói lời độc ác mà chỉ nói những lời ta nhã dễ nghe và dễ thông cảm, là con đường từ bỏ nói lời ỷ ngữ mà chỉ nói những lời đúng với chánh pháp, những lời đáng được trân quý giữ

gìn, những lời hợp thời thuận lý, là con đường không làm tổn hại một ai dù là cây cỏ.”

Tóm lại, muốn sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc, người con Phật phải luôn bỏ ác làm thiện; ở thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm; ở khẩu không nói dối, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời độc ác hay thù dết; ở ý thì không tham lam, không sân hận, không si mê, tà kiến, biên kiến. Tuyệt đối không sa hầm vướng bẫy của bọn ma trời “nhàn đàm hý luận,” nói hay làm dở, quyết không đến chùa với tâm ngã mạn cống cao. Người muốn đi trên con đường an vui và hạnh phúc nên luôn nhớ rằng đạo Phật và những giáo lý tuyệt vời của nhà Phật là để sống để tu chứ không phải để nhàn đàm hý luận. Người con Phật nên luôn nhớ hễ ai làm chủ được tâm mình lúc sống thì lúc mạng chung cũng sẽ làm chủ được tâm mình. Bên cạnh đó, cuộc sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc của người con Phật không thể thiếu vắng ân tình hiếu hạnh, ân cha, nghĩa mẹ, công thầy, và ân chúng sanh mọi loài. Người con Phật chơn thuần chí tâm chí thành tu tập sẽ không dừng lại ở cuộc sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc; không dừng lại ở ngũ giới, thập thiện, cũng không dừng lại ở những ân tình hiếu hạnh. Người con Phật phải nhận rõ chân tướng của khổ đau phiền não để dung nhiếp, thanh lọc và biến chúng thành những ao sen ngát hương ngay trong cõi Ta Bà này. Chúng ta phải thấy cho được bộ mặt thật của vô minh, mắc xích căn bản dẫn tới hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, hữu, thủ, sinh, lão, tử. Vì vô minh mà chúng ta cho rằng những đối đãi giữa tâm và cảnh là thật, rồi từ đó sanh ra ưa ghét, từ ưa ghét dẫn đến muốn có và muốn bỏ, do tâm muốn có muốn bỏ này mà chúng ta cho rằng vạn vật hằng hữu (vật có, thân có, cảnh có và có mãi mãi), do chấp hữu này mà chúng ta sanh ra, gây tội tạo nghiệp và tiếp tục lăn trôi. Người con Phật phải thấy vạn hữu đều do duyên hợp duyên tan, chứ không hằng hữu. Thấy

để không chấp chặt cũng như vướng mắc, hay sa hầm vướng bẫy vào vạn hữu. Tiến trình từ người lên Phật hãy còn dài, nhưng khởi đầu không thể thiếu được trong tiến trình ấy của người con Phật phải là cuộc sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc. Mười phương ba đời chư Phật đều phải khởi điểm từ đây, chúng ta sẽ không có ngoại lệ. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật đã dạy tứ chúng về cuộc sống an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc như thế này: “Cho dù sống lâu cả ngàn năm mà thiếu đạo đức từ bi, sống mà không biết học hỏi để phân định chánh tà, không tu tâm cầu tiến, cuộc sống đó không được gọi là hạnh phúc thật sự.” Mục đích tối thượng của người tu Phật là giác ngộ giải thoát, tuy nhiên chính Đức Phật đã khẳng định: “Không có giải thoát trong cuộc sống không an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc.” Trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới, Đức Phật đã dạy hai chúng tại gia rằng: “Mục đích trước mắt của hai chúng tại gia là an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc. Tuy nhiên, không phải gom góp tiền của danh vị cho nhiều cho cao là hạnh phúc. Hạnh phúc chân thật của con người là con người ấy biết đem tâm lượng từ bi hỷ xả chan hòa vào tha nhân. Hạnh phúc chân thật là kính tin nơi nhân quả luân hồi tội phước. Hạnh phúc chân thật là biết lấy giáo pháp để gột rửa tâm hồn.” Người con Phật phải lắng lòng suy gẫm những lời Phật dạy ngay từ bây giờ để chấm dứt bước đường rong ruổi, chấm dứt những ham muốn truy cầu, chấm dứt những đuổi hình bắt bóng ngay từ bây giờ. Quý vị ơi! Thời gian thấm thoát thoi đưa, thoáng một cái là chúng ta đã già, tóc bạc, da nhăn, răng long, gối mỏi. Thoáng một cái mà thân phận bèo giạt hoa trôi nầy tan rữa, không lẽ chúng ta cứ mãi rảo bước làm khách phong trần? Không đâu những người con Phật! Mong cho ai nấy cùng mạnh dạn lên đường ngay từ bây giờ!

477. NGƯỜI BIẾT SỐNG VỚI CHƠN LÝ

Chơn lý là cái gì tuyệt đối và đúng mãi với thời gian vì thế ngôn ngữ và văn tự tạm bợ của thế gian sẽ không bao giờ chuyên chở được chơn lý. Dù có nói gì hay viết gì, không ai trong chúng ta có thể phơi bày được chơn lý đâu. Chính vì thế mà trong thời Phật còn tại thế Ngài đã nhiều lần khuyên tứ chúng nên nhớ lấy lời khuyên dạy của Ngài mà tu hành hơn là ghi chép vào lá bối rồi trân trọng cất giữ. Tuy nhiên, trong cõi trần giả tạm này nếu cứ mãi một bề chấp chặt như vậy thì làm sao chúng ta có thể cùng nhau chia xẻ những điều hay trong lẽ đạo. Chơn lý đối với các học giả hay thuyết giả có thể là những gì cao xa khó hiểu, khó nắm bắt, nhưng chơn lý đối với những người con Phật cầu tu cầu giải thoát chỉ là những nguyên lý sống tu đơn giản. Người con Phật chơn thuần chỉ cần sống tu triệt để với những nguyên lý đó tức là đã tìm được chơn lý giải thoát rồi vậy. Chơn lý thứ nhất của người con Phật chơn thuần là sự bố thí thù thắng, bố thí mà không còn thấy ai nhận ai cho, bố thí từ tài vật, lời nói, những lời hay trong lẽ đạo, đến những lý lẽ làm cho người bớt khiếp sợ hay không còn khiếp sợ nữa. Thật tình mà nói, chỉ có các bậc “nhất thế trí” hay Bồ Tát mới làm được việc này vì nó là giống của giác ngộ, nó có công năng kết thành quả đại giác. Ngoài ra, chơn lý bố thí này còn là con đường đưa đến quả báo an lạc xuất thế. Bố thí vô tướng như vậy là bố thí thù thắng và bất khả tư nghì từ tính mạng đến tài sản, chỗ nào cũng cho, lúc nào cũng cho, ai cũng cho bất kể thân sơ bạn thù, luôn bố thí với cái tâm bất động. Chơn lý thứ hai của người con Phật hành trì giới luật không thối chuyển vì những giới luật mà Phật Tổ đã đặt ra cho cả hàng xuất gia lẫn tại gia là không thể nghĩ bàn. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Giới luật là vô thượng Bồ Đề,” kinh Niết Bàn, Đức Thế Tôn bảo: “Giới là nấc thang leo

đến tận cùng của lẽ thiện, và nó cũng là nền tảng cho tất cả lẽ thiện.” Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật lại khẳng định: “Giới luật chính là vị đạo sư sáng suốt nhất.” Đa phần các tông phái chủ trương hiểu rõ rồi mới tu tập, nhưng với giới luật Phật thì khác, đừng hỏi đừng rằng mà hãy thâm thâm trì giới một cách nghiêm chỉnh đi rồi sẽ thấy thân này đoan chính, và tâm này định tĩnh thanh tịnh như thế nào. Giới luật nhà Phật cũng giống như bánh lái tàu hay tay lái xe, nếu không giữ giới luật mà nói tu hành thì chẳng khác nào như những con tàu hay những chiếc xe không bánh lái. Dù thượng căn thượng trí mà không chịu trì giữ giới luật thì không sớm cũng muộn sẽ rơi vào vòng tay của lũ Ba Tuần. Ngược lại, kẻ hạ trí độn căn mà chịu tinh nghiêm trì giữ thì con đường về đất Phật sẽ không còn xa nữa. Cho nên bám chặt vào giới luật, ngay cả bám chặt vào mơ hình thức phiền toái là bám chặt vào Vô Thượng Bồ Đề, là bám chặt vào vị đạo sư sáng suốt để leo đến tận cùng của lẽ thiện mà Phật tử, như là những đứa con tại gia nên bám vào. Trong thời cận đại, khi Thiền Tông phát triển mạnh, có rất nhiều người hiểu lầm về cả Thiền lẫn luật nên họ chê rằng giới luật Phật giáo phiền phức và không thích hợp. Họ cho rằng chỉ cần “thiền” một mạch là có thể “kiến tánh thành Phật,” nên lắm khi họ cứ “thiền” mà không biết mình đang thiền cái gì. Xin nhắc lại, Thiền, Tịnh, Mật chỉ là những phương tiện mà Phật chế ra cho hàng đệ tử của Ngài “tự tịnh kỳ ý” chứ không phải là cứu cánh thành Phật. Muốn thành Phật phải giải thoát hết thảy mọi khổ đau, phiền não của trần thế. Dù sao thì giới luật nhà Phật là rất cần thiết để ngăn ngừa tội lỗi. Chính Đức Phật là một bậc đã đạt đến mức độ cuối cùng của thiền định, bậc đã nhìn thấy được chiều hướng của tâm lý nên Ngài đã đặt ra giới luật cho đệ tử của Ngài ngăn đón những cơn gió độc của trần thế. Người con Phật hậu bối phải trân quý những giới luật của Thế Tôn như một chơn lý sống tu tuyệt vời. Chơn lý thứ

ba của người con Phật là nhẫn nhục. Theo đạo Phật, nhẫn là nhịn, là chịu đựng về cả ba mặt thân khẩu ý. Nhục là sự sỉ nhục hay xấu hổ. Nhẫn nhục là nhịn hay chịu đựng sự sỉ nhục hay xấu hổ về cả ba mặt thân, khẩu và ý. Nếu chúng ta chỉ nhẫn nơi thân và khẩu còn ý thì vẫn thâm thâm oán hận thì đó không phải là thứ nhẫn nhục mà Đức Phật muốn nói. Nhẫn nhục theo ý Phật là phải thân nhẫn, khẩu nhẫn và ý nhẫn, nghĩa là nơi thân không tỏ thái độ hay cử chỉ chống đối dù phải cam chịu khổ đau; nơi miệng không thốt ra lời độc ác; còn nơi ý thì phải luôn bình thản. Người con Phật phải tu tập nhẫn nhục sao cho không còn thấy ai làm mình khổ nhục. Ngược lại, luôn thấy thương cho mọi loài vì bị vô minh khống chế mà không thể nào nhẫn nhục được. Làm được như vậy mới xứng đáng là một con người biết sống với chơn lý. Ngoài ra, người có khả năng nhẫn nhục cao độ sẽ làm cho tha nhân cảm mến quý trọng vì dáng vẻ hiền hòa, lời nói hòa dịu và tâm trí luôn sáng suốt. Thân tâm con người ấy luôn khinh an hỷ lạc và cuộc sống luôn an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc. Trong gia đình, con người ấy luôn là mẫu mực làm gương cho mọi người; ngoài xã hội, con người ấy đi đâu đến đâu cũng kết tụ Bồ Đề quyến thuộc; trong cuộc tu hành giải thoát, con người ấy lúc nào cũng có khả năng trưởng dưỡng chủng tử Phật vì lúc nào con người ấy cũng vận dụng lòng từ bi hỷ xả, ánh sáng trí tuệ và tánh bình đẳng với mọi loài chúng sanh. Lúc còn tại thế, Đức Thế Tôn đã nêu cao gương nhẫn nhục khi bị Đề Bà Đạt Đa nhiều lần quấy phá như thả voi dữ và lăn đá từ trên núi cao xuống, dù bị thương nơi chân nhưng Thế Tôn không tỏ ra một chút bức tức. Có lần ngoại đạo sai một người đàn bà đến mắng chửi Thế Tôn hết ngày này sang ngày khác, ngày nào cũng vậy, Thế Tôn cũng luôn giữ vẻ điềm nhiên, chẳng những thế hễ đến trưa là Ngài sai tôn giả A Nan dọn cơm cho chị ấy dùng, vì Ngài sợ chị đói. Đến ngày thứ bảy, Thế Tôn kêu chị đàn bà ấy

lại và hỏi: “Này chị! Nếu chị đem cho ai món gì mà người ta không chịu lấy thì chị phải làm sao?” Chị ngoại đạo trả lời: “Thì tôi đem về.” Thế Tôn bèn đáp lại: “Ở đây cũng vậy, ta không nhận những lời nhục mạ của chị, thôi chị hãy đem về đi.” Sở dĩ Thế Tôn hành xử như vậy vì hơn ai hết, Ngài là bậc biết sống với chơn lý trong từng giây từng phút. Hơn nữa, nếu chúng ta không chịu nhận nhục mà để cho sân hận tự do phát triển thì công đức ngàn đời tu tập của chúng ta sẽ bị thiêu rụi. Người biết sống với chơn lý “nhẫn nhục” không phải để được đời ca tụng hay tán thán, cũng phải vì sợ sệt trước uy quyền của ai, cũng không mong được ai ban thưởng, cũng không phải vì yếu hèn buông xuôi hay đầu hàng hoàn cảnh. Con người ấy không nhẫn vì những lý do tham dục cho vị kỷ, mà nhẫn nhục với một mục đích duy nhất là “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Chơn lý sống kế tiếp là “tinh tấn.” Tinh tấn theo nhà Phật là siêng năng tu tập, siêng năng làm những việc thiện lành, siêng năng đoạn tận ác nghiệp, cũng như siêng năng thanh lọc thân khẩu ý. Người biết sống với chơn lý “tinh tấn” là người luôn hăng hái tu tâm dưỡng tánh, luôn thấy lỗi mình chứ không thấy lỗi người, luôn phát tâm trừ bỏ ác hạnh và phát triển thiện hạnh. Con người ấy luôn tinh tấn ngăn ngừa những điều ác chưa sanh, luôn tinh tấn dứt trừ những điều ác đã sanh, luôn tinh tấn làm phát sanh những điều lành chưa sanh và tiếp tục phát triển những điều lành đã sanh. Chơn lý sống kế tiếp là “thiền định.” Chữ thiền là do chữ Phạn “Dhyana” và chữ Hán là “Thiền Na” mà ra. Thiền định có nghĩa là tịnh lự, nghĩa là để tâm vắng lặng chứ không khởi lên các vọng tưởng, mà chỉ tập trung tư tưởng vào một niệm hay một cảnh duy nhất chứ không cho nó tán loạn, nhờ đó mà tâm thể vắng lặng, tâm dụng được sáng tỏ, cũng nhờ đó mà khả năng quán sát và suy nghiệm chơn lý cao hơn. Người biết sống với chơn lý “thiền định” là người luôn phá trừ mây mờ vô minh, nhờ

đó mà tâm trí luôn sáng suốt, luôn minh tâm kiến tánh. Trong cuộc sống hằng ngày, nhất là cuộc sống của những đứa con tại gia, thực tập thiền định không phải là chuyện dễ vì phải bận bịu với đủ mọi thứ. Người con Phật muốn được sống với chơn lý “thiền định” phải bằng mọi cách tự sắp xếp thì giờ để tìm đến một minh sư hay thiện hữu tri thức nhờ dẫn dắt và phải mất nhiều công phu cũng như thì giờ mới mong tu luyện thiền tập có được kết quả. Dù khó khăn gian khổ thế mấy mà Phật đã làm được, chúng ta quyết chí theo chân Ngài. Tuy nhiên, người con Phật biết sống với chơn lý “thiền định” luôn nhớ rằng không vì ưa cõi trên chán cõi dưới mà tu thiền, không chỉ vì chấp vào cái “ngã không” mà tu thiền, cũng không vì chấp vào “ngã không, pháp không” mà tu thiền. Con người ấy luôn biết xưa nay tánh này vốn thanh tịnh mà quay trở vào phản quang tự kỷ để tu tập, nếu chưa trở về được với tâm tánh thanh tịnh của các Đức Như Lai thì ít ra con người ấy cũng luôn phát được đại hạnh đại nguyện “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Trong Trường Bộ Kinh, Đức Phật dạy: “Người tại gia biết sống với chơn lý là người không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời độc ác và không uống những chất cay độc. Người xuất gia biết sống với chơn lý còn phải đi xa hơn thế nữa, phải không làm tổn hại một ai ngay cả cây cỏ, chỉ ăn một ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, không múa hát mà cũng không đi xem múa hát, không ca nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, không nằm giường cao rộng, không nhận vàng bạc, không nhận và không ăn thịt chúng sanh, không nhận nô tỳ dù trai hay dù gái, không nhận gia súc, không nhận đất đai nhà cửa, không buôn bán, không gian lận cân đo và tiền bạc, không cất chứa đồ ăn thức uống hay gia vị, không nhận vải vóc phi thời, không nhận xe cộ, không cờ bạc, không dùng những thứ vải vóc

màu mè hay lông thú, không thoa dầu, không đấm bóp để tìm sự thoải mái khoái lạc cho thân thể, không nói chuyện nhảm nhí vô ích, không tranh chấp, không làm môi giới, không nói lời gièm pha siểm nịnh, không xem tướng hay bói quẻ đoán mộng, không xem tinh tú đoán vận hạn, không coi ngày lựa giờ, không xem đất đai phong thủy.” Đức Phật đã chỉ vạch quá rõ ràng về “con người biết sống với chơn lý,” sống theo hay không sống theo là hoàn toàn tùy thuộc ở chúng ta. Ai trong chúng ta cũng đều biết rằng cứu cánh cao tuyệt của đạo Phật là giải thoát, nhưng lắm khi chúng ta lại mù mờ về đối tượng đích thực của giải thoát. Chúng ta chỉ một bề rong ruổi đó đây tìm cầu những thứ cao xa, chứ nào có ngờ rằng đối tượng đích thực của sự giải thoát là những khổ đau phiền não. Hễ sống được với chơn lý là không khổ đau phiền não, là giải thoát. Tuy nhiên, khổ đau phiền não luôn gắn liền với cuộc sống hằng ngày, vấn đề ở đây là phải làm sao vẫn sinh hoạt bình thường mà không vướng phải những khổ đau phiền não. Muốn làm được như vậy, người con Phật phải hằng sống với chơn lý để cho tâm thần không dao động trước những cám dỗ, chứ không phải chỉ tạo vẻ trang nghiêm bề ngoài. Có người cho rằng phải tu thiền như chư Phật, chư Tổ thì mới mong giải thoát. Nhưng hãy suy nghĩ kỹ lại mà xem từ sau Phật và những vị Tổ như Bồ Đề Đạt Ma và Huệ Năng có mấy ai được phong cách giải thoát của mấy ngài? Không có mấy ai. Vậy thì để thực hiện lời Phật dạy: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý,” vấn đề thiện ác vẫn là đạo đức chính yếu của người tu Phật. Đừng ai hàm hồ cho rằng “thiện ác” chỉ là phạm lệ của thường tình thế tục. Kỳ thật, vấn đề “thiện ác” đã chiếm hết hai phần ba giáo lý nhà Phật, phần cuối cùng chỉ là “tự tịnh kỳ ý.” Người con Phật không điên đảo theo lối “thiện ác” của thế gian, một tên tội phạm nếu có tiền mượn luật sư giỏi có thể không bị thế gian chê là ác; ngược lại, một người vô tội

nghèo nàn có thể bị thế gian kết án là ác. Thế gian đang bị quay vòng trong điên đảo, chúng ta không thể nào để bị cuốn hút vào trong đó được. Người con Phật phải biết sống với chơn lý mà Đức Phật đã trao truyền để nhận ra đâu là thiện, đâu là ác, đâu là chánh, đâu là tà, đâu là chơn, đâu là ngụy. Người con Phật phải sống với chơn lý một cách chơn thật ngay trong nội tâm của chính mình. Và phải nhận rằng những hành vi nào trái với giới luật nhà Phật là ác, những hành vi nào đúng với giới luật là thiện.

Quý vị ơi, đời người như một giấc mơ, như ánh điện chớp, như hoa sớm nở tối tàn, hay như bóng câu qua cửa sổ. Chúng ta sẽ không có đủ thời giờ để mà tìm cầu những cái cao xa khó nắm bắt. Người con Phật chơn thuần luôn biết trân quý bất cứ thời gian nào mình có được để tu tập chứ không để cho thời gian luống qua một cách lãng phí. Đừng phí công vô ích chạy đông chạy tây tìm cầu chơn lý. Chơn lý không ở đâu xa mà ở ngay chính mỗi người chúng ta. Chúng ta có khả năng làm ma thì chúng ta cũng có khả năng làm Trời làm Phật, u mê ám muội cũng nơi ta mà ánh sáng chân thiện mỹ lại cũng nơi ta, tà kiến cũng ta mà chánh kiến cũng ta, ngụy lý cũng ta mà chơn lý cũng ta. Phật tử chơn thuần hãy mau quay trở về với chính mình, thắp sáng đèn tâm của mình bằng đuốc tuệ Phật, một khi mây tan thì trời trong và chơn lý hiện. Hãy luôn tỉnh thức rằng dù thân này có bốn ba dây đó nhưng tâm này vẫn bất động, dù cảnh không ngừng biến chuyển nhưng tâm chưa hề chuyển biến. Thế nên người biết sống với chơn lý luôn tự chủ chứ không nhân ngã thị phi. Người ấy luôn làm người trong cuộc cho cuộc sống cuộc tu của mình, chuyển lay lay chuyển hay không là tự mình chứ không do bất cứ ai. Người biết sống với chơn lý là người luôn biết điều tâm sao cho tánh của nó luôn như nước, thật nhu nhuyễn và có thể kinh qua mọi trạng huống với sức mạnh vô

song. Tâm của người ấy phải là một mảnh ruộng tốt nơi chỉ mọc lên những cây lá đạo đức chứ không có cỏ dại tà kiến. Con người ấy luôn tự tại an nhiên trong chánh niệm chứ không suy nghĩ tà vạy, thế nên con người ấy đi đâu đến đâu cũng chỉ mang lại sự kiết tường cho mình và cho người.

Quý vị ơi, thân còn dễ tu chứ tu tâm thì quả là thiên nan vạn nan, nhưng chúng ta không có con đường nào khác hơn con đường “thiên nan vạn nan” ấy, vì đúng như lời Phật dạy: “Người biết sống với chơn lý là người biết tu tâm dưỡng tánh.” Thấy thế mới biết tâm tánh quan trọng hơn thân nhiều. Nói như vậy không có nghĩa là người biết sống với chơn lý không tu thân. Người biết sống với chơn lý luôn tinh tấn tu trì cả thân lẫn tâm cùng lúc. Con người ấy luôn tỉnh thức rằng thân chúng sanh chẳng qua chỉ là tứ đại duyên hợp mà thành còn tâm phàm phu thì luôn nhiễm trước với tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến. Thế nên người biết sống với chơn lý luôn dùng giới luật mà Phật đã chế ra để thúc liễm thân và tu trì những trợ đạo của Phật để giúp tâm đoạn tận tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Người biết sống với chơn lý, dù sống trong bất cứ thời nào cũng luôn gần gũi với chư Phật vì chơn tâm Phật tánh của người ấy luôn hiển lộ. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Tâm, Phật và chúng sanh không sai khác.” Tuy nhiên, chư Phật luôn hằng sống với chơn lý nên tâm các Ngài luôn thanh tịnh và giải thoát để làm Phật, còn chúng sanh tâm phàm ô nhiễm nên luôn vô vô minh minh chứ không còn thấy được bản mặt thật của mình nữa. Tuy nhiên, người con Phật chơn thuần biết sống với chơn lý không u mê ám muội cho rằng tu chỉ là tu tâm còn thân thì bỏ mặc. Đồng ý chúng ta không nên trau tria trứu mến thân này, nhưng như vậy không có nghĩa là chúng ta bỏ bê cho thân này ra sao cũng mặc kệ. Thân và tâm đâu phải là hai thực thể cách biệt, kỳ thật thân tâm thẩm thấu vào nhau. Hễ thân thể tráng kiện thì tâm thần linh

mẫn. Ngược lại, thân mà bệnh thì tâm làm sao mình mẫn cho được. Nên nhớ thân tâm luôn đồng cảm, nếu tâm buồn thì thân khó mà an, nếu thân ương yếu thì tâm khó mà mình mẫn. Người biết sống với chơn lý không bao giờ cứng nhắc hành xác thân khổ hạnh hay để cho tâm thể dồn nén cảm xúc, hoặc từ chối không đếm xỉa đến thân thể của mình vì cho rằng nó bất tịnh. Nếu mình cho rằng tu là tu tâm tu tánh rồi làm ngơ với thân xác là vô hình trung muốn làm giảm thiểu cơ hội tu tập của mình. Thân này là thân tứ đại (đất, nước, lửa, gió) chứ không phải là một khối sắt mà vi trùng không thể xâm nhập được. Người biết sống với chơn lý phải luôn tỉnh thức như vậy để một khi thân này ương yếu mình cũng phải chăm sóc mà không trau tria hay trứu mến, chứ không u mê ám muội tụng kinh hay ngồi thiền cho nó tự lướt qua, không có ý chí tâm thức nào có thể khống chế được những con vi trùng lao phổi hay thương hàn. Người biết sống với chơn lý còn là người biết sống thuận lý với thiên nhiên. Chính vì thế mà cổ đức có dạy: “Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.” Thuận theo thiên nhiên thì tồn tại mà nghịch lại thì diệt vong. Nếu đốn rừng một cách bừa bãi mà không chịu trồng dựng rừng lại thì không lâu sau đó mình sẽ bị những cơn hồng thủy hoại diệt.

Ngoài ra, Phật tử chơn thuần cố tránh lối ngụy biện của tà ma ngoại đạo: tu tắt tu tóm. Chính Đức Từ Phụ đã khẳng định trong các kinh điển của Ngài về ba a tăng kỳ tu tập để đi đến Phật quả. Ai dám nói ngược lại với lời Phật dạy thì cứ nói, người con Phật chơn thuần sẽ không bao giờ làm chuyện đó. Con người ấy cứ thắm thắm sống tu với chơn lý dầu biết 3 a tăng kỳ là vô tận vô biên với bao lần lên xuống xuống lên, con người ấy vẫn một lòng sống với chơn lý, luôn giác ngộ vạn sự vạn vật vô thường. Cõi nước mà chúng ta đang sống đây chỉ là tạm bợ chứ không có gì vĩnh hằng, con người tan hợp hợp tan. Con người ấy

dù ở trong đời ô trược loạn động nhưng lúc nào cũng an nhiên tự tại chứ không bị vướng víu bởi bát phong, bát khổ. Con người ấy luôn trân quý hoa nở nhưng không hắt hủi hoa tàn. Một khi đã giác ngộ thế gian vô thường thì khi trẻ không háo thắng, khi già không thấy khổ, khi bệnh hoạn ốm đau không buồn muốn tự tận. Người ấy luôn an nhiên tự tại trước tiến trình “sinh trụ dị diệt.” Hễ có sinh là có trụ, hoại và diệt. Người ấy không bị “sinh lão bệnh tử” gây khổ đau phiền não nữa vì người ấy luôn biết rằng có thân là có bệnh. Tuy nhiên, muốn sống được với chơn lý chúng ta phải luôn đem lời Phật dạy ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày cho đến khi nào tâm có khả năng dứt bỏ vạn duyên, không còn mảy may chấp trước. Tuy biết rằng sinh tử là biển khổ, niết bàn là bĩ ngạn nhưng người biết sống với chơn lý vẫn đi thẳng vào biển khổ sống hòa mình với chúng sanh vạn loài, chứ không cầu Bồ Đề vì sợ sinh tử nữa. Người biết sống với chơn lý là người luôn có đầy đủ bi trí dũng, luôn phát khởi lòng thương yêu rộng lớn với muôn loài, luôn tâm nguyện cứu nhân độ thế. Con người ấy luôn tập trung tâm ý vào công việc tu tập đoạn tận phiền não tham, sân, si. Người biết sống với chơn lý là con người phước huệ song tu vì nếu không tu huệ để nhìn thấy rõ bản mặt thật của vạn hữu, chúng ta sẽ khó lòng thực hiện những công hạnh bố thí cúng dường, mà tập khí không bố thí cúng dường là những nhân của keo kiệt bủn xỉn. Chính vì thế mà trong thời Phật còn tại thế Ngài thường khuyên tứ chúng nên “phước huệ song tu,” vì cái này làm trợ duyên cho cái kia. Ngoài ra, người biết sống với chơn lý là người luôn thấy được thế gian vô thường, cõi nước này rất mong manh, tứ đại lại khổ không, ngũ uẩn là vô ngã vì luôn sinh diệt biến đổi và giả dối không chủ, tâm là nguồn của mọi việc ác, thân là rừng nghiệp tội. Con người ấy luôn thấy hễ ham muốn nhiều là khổ nhiều vì bao nhiêu sinh tử trầm luân đều do tham dục mà ra. Trong cuộc sống hằng ngày,

người biết sống với chơn lý luôn “thiếu dục tri túc” vì nếu tâm không biết đủ mà chỉ lo việc tham cầu thì càng ngày tội ác càng chất chồng. Thế nên người ấy luôn “cư trần lạc đạo” và lấy trí tuệ làm tài sản ở đời. Vì thấy rõ “đời người như một giấc mơ, trăm năm nào khác cuộc cờ đổi thay” nên người ấy luôn tinh tấn từng giờ từng phút sống theo lời Phật dạy chứ không cam tâm để cho ma quân phiền não khống chế. Người ấy luôn cảnh giác rằng tham sân si là đầu dây mối nhợ của cuộc trầm luân sanh tử nên lúc nào cũng y nương theo lời Phật dạy, luôn học rộng nghe nhiều trong tinh thần tu tập để tăng trưởng trí tuệ, xóa bỏ vô minh và thành tựu giác ngộ rồi đem niềm vui tối thượng này mà chia sẻ với mọi người. Người biết sống với chơn lý là người luôn thấy rằng ác duyên ác nghiệp thường được kết tạo bởi sự nghèo khổ bần hàn nên con người ấy luôn thực hành hạnh nguyện bố thí lợi tha, bố thí mà không phân biệt thân sơ, bạn thù. Con người ấy luôn nhớ rằng mọi tỵ hiềm, ganh ghét và đố kỵ đều xuất phát từ sự chấp ngã sai lầm thế nên trong bất cứ trạng huống nào con người ấy cũng luôn biết “phản quang tự kỷ,” luôn nhớ đến lỗi mình chứ không nhớ đến lỗi người, đi đâu đến đâu người ấy vẫn luôn tìm cách kết tụ Bồ Đề quyến thuộc chứ không ghét bỏ một ai dù cho kẻ đó có cùng hung cực ác thế mấy. Hơn nữa, những người con Phật biết sống với chơn lý phải luôn biết cẩn trọng về ngũ dục vì luôn biết rằng ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) là tai họa cho cả Tăng lẫn tục. Con người ấy luôn đi thẳng vào đời nhưng lúc nào cũng sống trong tịnh hạnh. Tiền tài của cải dù rất cần cho cuộc sống nhưng với người con Phật tiền tài của cải không là những thứ đem lại hạnh phúc nên chúng không bao giờ khống chế được những con người biết sống với chơn lý. Tình yêu nam nữ với người xuất gia là đoạn tận, riêng với người tại gia thì ngoài tình yêu ấy, chúng ta còn cả một trời “tứ vô lượng tâm” mà Phật Tổ đã trao truyền. Người biết sống với chơn lý luôn thấy

rằng địa vị quyền uy, ăn ngon mặc đẹp hay ngủ nghỉ thái quá chỉ là những thứ luôn trì kéo chúng ta đi xuống. Người biết sống với chơn lý là người luôn thấy rằng “cây càng lớn tàng càng to thì càng dễ làm môi cho gió to, cũng như vậy con người càng cao danh vọng thì càng dày gian nan.” Người biết sống với chơn lý luôn thấy được sự thiêu đốt của khổ đau phiền não và lửa sân hận nên luôn phát tâm “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh,” luôn phát nguyện gánh chịu vô lượng khổ cho chúng sanh mọi loài được an lạc. Người biết sống với chơn lý luôn chế ngự và giảm thiểu tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, phần, hận, não, phú, tật, san, cuồng, kiêu, siểm, vô tâm, vô quý, tổn hại, trạo cử, hôn trầm, tán loạn, phóng dật, bất tín, trây lười, thất niệm, bất chánh tri. Theo nhà Phật, tham đứng đầu trong mọi ác pháp của chúng sanh. Chúng sanh chẳng những tham cho mình mà còn tham cho gia đình quyến thuộc. Chính vì tham mà cá nhân tranh chấp, gia đình bất tín, xã hội băng hoại và thế giới luôn xảy ra những việc xung đột. Kế đến sân hận đứng hàng thứ nhì trong các ác pháp. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã ân cần dạy bảo: “Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chương môn khai.” Nghĩa là một hành vi tạo tác do nóng giận nổi lên sẽ mở cửa cho hàng vạn nghiệp chương. Chẳng những thế, sự sân hận còn xóa đi bao công đức đã được tích tụ từ muôn kiếp. Cũng theo Kinh Hoa Nghiêm: “Nhất sân chi hóa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi lâm.” Nghĩa là một đốm lửa sân có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức. Chính vì thế mà Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã ân cần nhắc nhở các thiền gia rằng: “Sân si nghiệp chương không chừa, bo bo mà giữ tương đưa ích gì?” Người biết sống với chơn lý luôn thấy rằng dù có tụng trì thiên kinh vạn quyển, hoặc cúng dường trăm ngàn vị Phật, nhưng vẫn sân hận cau có với người thì chỉ là giỡn chơi với địa ngục mà thôi, chỉ gây tội tạo nghiệp vào thân tâm chứ chẳng lợi ích gì cho

ai. Ngược lại, người biết sống với chơn lý luôn sống bằng trí tuệ chứ không vô vô minh minh hay đui tu mù luyện, vì chính sự si mê làm cho tâm tính con người mờ ám, không có khả năng phân biệt phải trái, chánh tà, hay dở, lành dữ, lợi hại. Cũng chính sự si mê khiến cho con người hành động liều lĩnh mà tạo thêm nghiệp tội. Vì si mê mà con người mê tín mù quáng và gây nghiệp bất thiện. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đặt sự si mê lên trên cả tham sân nên Ngài thường nhắc tứ chúng rằng: “Bất úy tham sân khởi, duy khứng tự giác trì.” Những người con Phật biết sống với chơn lý không bao giờ có tâm ngã mạn cống cao, không bao giờ ỷ mình có quyền thế tiền bạc mà hiếp đáp kẻ thế cô nghèo nàn, không bao giờ ỷ mình phú quý mà hiếp đáp kẻ cơ hàn. Người ấy luôn thấy rằng càng ngã mạn cống cao, tâm con người càng mờ mịt si mê, công đức càng tổn hại và nghiệp tội càng nặng và vì thế mà luân hồi không dứt.

Đức Phật đã dặn tứ chúng đừng vội tin bất cứ thứ gì ngay cả lời Phật dạy, nhưng đây chỉ là những gì mình chưa rõ hay chưa hiểu, hay những gì mà mình không thể nào áp dụng vào đời sống của chính mình, chứ giáo pháp thậm thâm của Phật là không thể nghĩ bàn, sông có thể cạn, núi có thể mòn, trái đất này, vũ trụ này có thể bị hoại diệt, nhưng những chơn lý ấy không bao giờ thay đổi. Người biết sống với chơn lý là người không bao giờ nghi ngờ đạo đức chơn chính, không nghi ngờ giáo pháp nhà Phật vì những ai tu theo Phật mà còn đem lòng nghi ngờ giáo pháp ấy, không chịu an trú vào giáo pháp ấy thì trước sau gì cũng chạy theo tà ma ngoại đạo. Người biết sống với chơn lý là người không bao giờ chấp thủ thân kiến vì luôn thấy rằng thân này là do tứ đại giả hợp chứ không phải là ta, hễ đủ duyên thì hợp, hết duyên thì hoại diệt, chính vì thế mà con người ấy không bao giờ lo toan bồi đắp cho thân này một cách thái quá. Con người ấy luôn hằng sống với chơn lý chứ không chấp thủ biên kiến, không

nuối tiếc mãi sự hiểu biết thô thiển của mình, không chấp thủ quàng xiên theo thường kiến (chấp cái ta còn mãi), đoạn kiến (chấp chết là hết), vân vân. Người biết sống với chơn lý không bao giờ hàm hồ cho rằng mình đúng người sai. Con người ấy luôn biết rằng tài mình chỉ là hạt cát nhỏ trong sa mạc mênh mông nên người ấy luôn biết lắng nghe ý kiến của mọi người, luôn sống hài hòa với tha nhân trong mọi hoàn cảnh. Con người ấy quyết không tin và làm theo những quy luật quái gở của ngoại đạo tà giáo như gieo mình vào lửa, giết vật cúng tế, hay tự tử tập thể để được cứu rỗi, vân vân. Người biết sống với chơn lý không bao giờ thờ phượng quàng xiên như thờ trâu, thờ bò, hay ông táo bình vôi, xin xăm, bói quẻ, cúng sao, giải hạn, hay xem xét long mạch phong thủy. Con người ấy luôn tìm cách xóa bỏ tà kiến để tự tâm quay về với chánh kiến chánh đạo.

Ngoài ra, người biết sống với chơn lý chẳng những không sân, không tức giận một ai, mà cũng không uất hận ghen ngào làm mất đi tính ôn hòa, hoặc đi đến xô xát làm tổn hại cho mình và cho người. Con người ấy chưa bao giờ hờn dỗi một ai. Hễ cái gì trái với đạo lý là nói một cách thẳng thắn rồi thôi, chứ không để tâm hờn dỗi hay gây mưu lập kế báo thù, hay giận cá chém thớt bằng cách đem xung đột đến cho những người không dính dáng gì đến vấn đề của mình. Người biết sống với chơn lý không bao giờ phiền muộn ray rức vì con người ấy hiểu rõ luật vô thường của vạn hữu, cái gì rồi cũng sẽ qua đi có gì đâu mà phải buồn rầu bứt rứt hay nóng giận dỗi hờn không dứt. Người biết sống với chơn lý là người tu thiệt vì con người ấy luôn tỉnh thức tự thân tự tâm, luôn sám hối tội lỗi mà mình đã gây tạo chứ không che dấu. Con người ấy thẳng không kiêu, bại không nản, không ganh ghét đố kỵ với ai. Ngược lại, thấy ai hơn hay giỏi liền hoan hỷ vui theo chứ không khó chịu hay tìm cách làm giảm uy tín của người. Con người ấy lại luôn biết chia sẻ với tha nhân

điều hay lẽ thiệt, luôn từ bi hỷ xả, luôn bố thí lợi tha. Hễ biết được cái gì hay bèn đem ra chia sẻ với người hay mách giúp người một cách thực tình. Người biết sống với chơn lý không bao giờ manh tâm lừa dối gạt gẫm người để cầu danh cầu lợi. Con người ấy cũng không ỷ quyền cậy thế hay tiền bạc mà bức hiếp người khác. Con người ấy lại càng không bợ đỡ nịnh hót hay nói lười hai chiều để được người tín dụng. Mỗi khi làm việc gì sai trái hay tổn hại tha nhân, con người ấy luôn biết tàm quý. Nhờ vậy mà con người ấy ngoài thì luôn được mọi người tín nhiệm, trong thì tâm không hôn trầm tán loạn, hay bất chánh tri; thân không điều cử (điên đảo không trầm tĩnh), phóng dật (không tự chế được bản thân) hay giải đãi (lười biếng).

Tóm lại, người biết sống với chơn lý là người biết dung hòa giữa thân và tâm. Tu không phải là trau tía những hình thức bên ngoài, vì chiếc áo không làm nên thầy tu, nhưng nếu chúng ta không khởi đầu cuộc tu hành bằng chiếc áo thầy tu thì chúng ta khởi đầu bằng cái gì đây hỡi quý vị? Nói gì thì nói, dù áo nào thì áo, người biết sống với chơn lý luôn tâm niệm tu là tập sống với tâm linh chứ không phải là vật chất. Con người ấy phải biết sống với tâm linh của mình, phải biết dung hòa thân tâm, phải biết sống thật với tình cảm mà không đi ngược lại lý trí chứ không đóng kịch hay mượn danh tu để khoe cái đạo đức giả của mình hay mượn đạo tạo đời. Người biết sống với chơn lý luôn thức tỉnh rằng sở dĩ bây giờ mình phải tu là vì tự thọ giờ mình chỉ biết kết tụ nội kết tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, biên kiến, sát, đạo, dâm, vọng, vui, buồn, thương, ghét tự thọ giờ mình chỉ là một tên kịch sĩ kỳ tài nên bây giờ mình muốn quay về sống thật với chính mình. Con người ấy luôn biết rằng nguyên nhân của khổ đau phiền não không phát sanh từ hoàn cảnh hay từ người khác mà là chính từ nơi mình. Đức Phật đã dạy hễ cái gì hợp với chơn lý, cái đó là Phật pháp, vì thế người biết sống với

chơn lý không tự hạn hẹp mình trong giáo lý nhà Phật mà phải biết tung tăng bơi lội trong biển chơn lý để tự mình hài hòa với thiên nhiên vũ trụ, tự mình thông dong đi về cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt.

478. CƯ TRẦN LẠC ĐẠO

Thật tình mà nói, không riêng gì những người con Phật mà chúng sanh mọi loài đều phải thấy rằng nếu không chịu “cư trần lạc đạo” thì không chóng cũng chẳng những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng sẽ biến chúng ta thành nô lệ cho chúng mà bè lũ tay sai của chúng là bát phong (còn, mất, được, thua, vinh, nhục) và bát khổ (sinh, lão, bệnh, tử, thương yêu xa lìa, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm thanh suy) sẽ vây quần lấy chúng ta không rời nửa bước. Đức Phật dạy: “Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng là những nhân của khổ đau phiền não.” Nhưng do đâu mà chúng ta có thể tận diệt được những nhân khổ đau phiền não này? Nếu không chịu “cư trần lạc đạo” thì chắc chắn hết ngày dài rồi lại đêm thâu chúng ta tiếp tục trưởng dưỡng những nhân khổ này. Như vậy chuyện tu hành của người con Phật thật đơn giản, chỉ cần cư trần lạc đạo (sống trên đời mà vẫn vui với đạo) là đủ.

Quý vị ơi! Thái tử Sĩ Đạt Đa muốn tu thành Phật mà còn phải “cư trần lạc đạo” huống là chúng ta? Những chúng sanh đã lăn trôi từ vô lượng kiếp muốn tìm thấy đường về quê hương Phật, không có con đường nào khác hơn con đường “cư trần lạc đạo.” Thật vậy, an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc chỉ đến với những ai biết cư trần lạc đạo và thiếu dục tri túc mà thôi. Trên đời này có mấy ai “cao danh vọng” mà không “dày gian nan” đâu bao giờ? Cái hạnh phúc bên ngoài mà chúng ta đang chạy theo đó chỉ làm cho chúng ta thêm loạn động đảo điên chứ không giúp ích gì cho con đường tu đạo của chúng ta cả quý vị ơi! Cổ đức có dạy: “Sáng nghe được đạo, chiều tối mạng vong cũng cam.” Thật vậy, chưa nói chi đến tu hành, chỉ cần chúng ta chịu “cư trần lạc đạo” thì chúng ta đã đi được hơn một nửa đường về quê hương Phật rồi. Vì khi đã “cư trần lạc đạo” là dù sống trong bất cứ trạng

huống nào, chúng ta vẫn vui với đạo, nghĩa là không còn nữa những còn mất, thịnh suy, lời lỗ, vui buồn, khen chê, thân sơ, bạn thù, thương ghét, lên xuống, vân vân. Tuy nhiên, “cư trần lạc đạo” nói dễ khó làm; nói không tham sân si thì dễ chứ thực hành được không tham sân si là khó vô cùng, vì bản chất cố hữu của chúng sanh là như thế đó, lúc nào cũng chỉ biết nói chứ không chịu làm. Khi nghèo đói hoạn nạn thì chỉ mong cho có được no cơm ấm áo và bình yên để tu tập, nhưng khi đã có tiền một lại muốn tiền hai, khi có nhiều tiền lại muốn có nhiều hơn nữa, cứ như thế mà quên mất chuyện tu hành. Khi lâm nguy thì phát tâm thương người, kính tin Phật pháp và ao ước có cơ làm việc phước thiện, nhưng đến khi hết hoạn nạn thì chỉ lo trau tria cho thân này, không còn nghĩ chi đến ai khác, còn nói chi đến đạo tâm tu hành. Quý vị ơi! Hãy bình tâm suy nghĩ lại đi, chúng ta như cá cạn nước, một ngày chúng ta sống là một ngày chúng ta đi gần đến nhà mồ. Mạng sống của con người chỉ trong hơi thở. Một hơi thở ra mà không thở vào là đã mạng một. Mạng sống này còn nhanh hơn đóa phù dung sớm nở tối tàn, sớm còn tối mất. Nếu chúng ta không sớm tỉnh thức lời Phật dạy mà tu hành, cứ chạy theo đuổi hình bắt bóng với những hy vọng hảo huyền, cứ để cho tham dục, ích kỷ, bôn sển lôi cuốn thì một mai lia đời còn kịp đâu nữa mà hối tiếc? Khi đã biết được thế nào là cư trần lạc đạo thì chúng ta sẽ biết thiếu dục tri túc, biết mở rộng lòng ra đón lấy tha nhân trong mọi tình huống, biết từ bi hỷ xả, biết bố thí lợi tha, biết phản quang tự kỷ để chỉ thấy những sai sót của mình chứ không bươi móc lỗi ai, để biết chúng ta đi đến cõi này với hai bàn tay trắng và một mớ nghiệp mang theo từ vạn kiếp, nếu không khéo chúng ta rồi cũng sẽ ra đi với hai bàn tay trắng mà nghiệp thì vẫn trĩu nặng thêm. Tình thâm phụ mẫu, thê tử không thể nào níu kéo được tử thân, cũng không chịu thế nghiệp được cho ta. Tiền rừng bạc biển, danh vọng quyền uy tột đỉnh cũng

không lay chuyển được gió mưa vô thường. Người con Phật hãy lắng nghe lời Phật dạy, hãy nhìn thẳng vào cuộc đời và sống thực với chính mình để thấy rõ mọi hiện tượng thành suy, thành bại cũng như thực chất của sanh, lão, bệnh, tử, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng đều là những chất liệu xây dựng địa ngục ngay trong đời này kiếp này. Quý vị ơi! Phàm Thánh tại tâm chứ không do vật chất dư thừa hay quần là áo lụa mà thành. Chư Phật và chư Bồ Tát lúc nào cũng an vui vì các Ngài biết “cư trần lạc đạo.” Các Ngài sống nơi cõi trần mà luôn vui với nẻo đạo, luôn biết sống với tâm địa của chính mình chứ không mê hình chấp bóng. Các Ngài luôn biết xoay vọng thức về chơn tâm. Còn chúng ta thì ngược lại, chỉ biết ngày ngày rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận chứ không chịu hồi quang phản chiếu để về sống thực với tâm địa của mình. Chư Phật và chư Bồ Tát luôn gieo vào ruộng tâm của các Ngài những kỳ hoa dị thảo, còn chúng ta chẳng những bỏ trống tâm này cho cỏ dại phiền não tham, sân, si, ích kỷ tự do phát triển, thậm chí có khi chúng ta còn gieo trồng chúng một cách cố ý nữa là khác. Chư Phật và chư Bồ Tát biết “cư trần lạc đạo” nên các Ngài luôn an nhiên tự tại trước lẽ vô thường sanh, trụ, dị, diệt của chúng sanh và vạn vật, thế nên sự sống chết còn mất với các Ngài cũng chỉ như một cuộc lữ hành về quê cũ mà thôi chứ không làm cho các Ngài mảy may xúc động. Còn những phàm phu tục tử như chúng ta luôn ray rức khổ đau trước sanh ly tử biệt, luôn chất chứa sâu dầy những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Dầu biết hơi thở ra này rồi sẽ chẳng bao giờ còn được thở vô nữa nhưng chúng ta vẫn trào dâng những ham mong huyễn ảo.

Phật tử chơn thuần phải luôn cẩn trọng, phải biết thực hành cuộc sống “cư trần lạc đạo” chứ đừng rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận. Trước khi nhập diệt, Đức Thế Tôn đã nói với chúng đệ tử rằng: “Suốt 49 năm hoằng hóa, ta chưa từng nói một lời nào.”

Sao lạ vậy hở quý vị? Tam Tạng kinh điển của Thế Tôn dù học trong muôn kiếp vẫn chưa hết, sao Thế Tôn lại nói như vậy? Người con Phật phải cố hiểu chơn ý của Thế Tôn qua câu nói này. Phải chăng Thế Tôn muốn nhắn nhủ tứ chúng hãy nên sống tu như Như Lai, chứ đừng bàn đừng luận. Đạo Phật là đạo của những hành giả chứ không phải là đạo cho những thuyết giả. Thật vậy, tri thức phàm phu của những thuyết giả chỉ làm cho họ thành những con két nói tiếng người, làm cho họ thành những kẻ chỉ biết ba hoa chích chòe, khoa môi múa mỏ, vọng ngôn lộng ngữ để hết ngày dài rồi lại đêm thâu, họ đi khắp nơi nơi nhàn đàm hý luận, gieo trồng thêm tội ác. Họ chỉ biết nói chứ không biết mình đang nói gì và đang làm gì.

Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ lời Phật dạy về tính ưu việt của con người: con người có thể tạo ra địa ngục, nhưng cũng chính con người ấy cũng có thể tạo ra thiên đường. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Con người là hơn cả, vì con người có khả năng làm nên các pháp lành.” Thật vậy, thánh thiện hay phàm phu, trầm luân hay giải thoát, vô minh hay giác ngộ đều do nơi con người. Cũng như vậy, cũng chính con người chạy theo những dục lạc trần thế hay trở về sống với “cư trần lạc đạo” để xây dựng đời sống thánh thiện an lạc trong ánh Từ Quang của Phật Tổ. Kỳ thật, sống trong cõi trần nhiễm trước này mà có thể vui được với đạo là điều hãn hữu vô cùng, nhưng chư Phật và chư Tổ đã làm được, chúng ta là đệ tử của các Ngài thì chúng ta cũng nên noi theo gương hạnh của các Ngài trong cuộc sống cuộc tu hằng ngày. Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng nguồn gốc của khổ đau là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Tuy nhiên, những thứ này không khởi lên được nơi những người biết “cư trần lạc đạo.” Ngày trước vua Trần Nhân Tông, sau khi liễu đạo đã nhường ngôi cho con mà lên núi Trúc Lâm tu hành rồi trở

thành vị Sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài đã dạy rằng:

“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc san hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.”

Thật vậy, sống trong cõi trần thế này mà muốn được vui theo đạo lý thì phải biết tùy hoàn cảnh mà ứng xử và phải ứng xử một cách bình thường như đói ăn, mệt ngủ nghỉ. Vạn vật vạn sự rồi cũng phải đi vào tiến trình sanh, trụ, dị, diệt, không có gì để cho chúng ta phải bận tâm lo buồn. Đừng rong ruổi tìm cầu đâu xa mà quay về ngay với chính mình vì trong mỗi người chúng ta ai cũng đều có của báu, đó là bản tánh chân thật hay chơn tâm. Hãy noi gương Phật Tổ năm xưa, đi vào đời mà tâm không vướng mắc, không lăng xăng lộn xộn, đảo điên, thị phi, hơn thiệt thì chớ cần nói chi đến thiền định, lúc đó con người thật của chúng ta sẽ hiển lộ. Lúc đó dù muốn hay không muốn, dù sống thanh bần hay phú quý, chúng ta vẫn luôn sống vui theo đạo lý. Kinh Pháp Hoa đã khẳng định: “Chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra nơi đời: khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.” Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, quyền uy tột đỉnh để đi vào rừng sâu núi thẳm tu hành giải thoát. Ngài đã để lại cho Phật tử hậu bối chúng ta một thông điệp quá rõ ràng: “Cư trần lạc đạo.” Cư trần lạc đạo là phải từ bỏ hay giảm thiểu những tham dục. Đức Phật đã bao đời bao kiếp tu hành và đã thành Phật mà còn phải như vậy, huống là chúng ta, những chúng sanh đang hãy còn lăn trôi trong luân hồi sanh tử? Cả cuộc đời của Đức Phật là một thông điệp rõ ràng và hùng hồn nhất cho những ai muốn thoát khỏi mê lầm đau khổ để đạt đến cảnh giới vô thượng như Phật.

Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng thế giới vô thường, đất nước tan biến, tứ đại giả hợp, hễ đủ duyên thì hợp mà hết duyên thì tan. Tất cả mọi hiện hữu trên thế gian này đều là giả tạm. Tuy nhiên, do bị vô minh che lấp chơn tâm mà vọng tâm trôi dạt nhận lầm các pháp hữu vi (sinh diệt) là thường còn vĩnh viễn, nhận thân này tồn tại mãi rồi từ đó ta lê lét tấm thân này đi khắp đó đây qua bao kiếp luân hồi hết kiếp này qua đời khác, chúng ta cứ mãi chạy theo đuổi hình bắt bóng chứ chưa bao giờ biết “cư trần lạc đạo.” Phật tử chơn thuần muốn sống trong trần mà vẫn vui với đạo lý phải trước nhất chuyển mê thành ngộ bằng cách đoạn diệt vô minh. Vì vô minh mà chúng ta lăn trôi tạo nghiệp, gây khổ cho mình và cho người. Vì vô minh mà chúng ta tham đắm nhiễm trước, sân hận, ngã mạn, cống cao, nghi hoặc, giết tróc, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, vâng vâng, nhưng diệt vô minh bằng cách nào? Thông điệp đơn giản của Đức Phật: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý.” Phật pháp nói dễ khó làm, dễ nói đến độ đưa trẻ lên năm lên bảy cũng có thể nói được, nhưng lại khó làm đến độ cụ già bảy tám mươi tuổi vẫn làm chưa xong. Phật tử chơn thuần nếu muốn thực hiện được thông điệp đơn giản này của Đức Phật phải cương quyết tu trì theo Phật, phải hằng sống hằng tu với 37 phẩm trợ đạo trong tiến trình “Tín Giải Hành Chứng.” Tín là tin sâu vào Phật pháp và Tam Bảo vì người Phật tử mà thiếu lòng tin vào Tam Bảo sẽ khó lòng mà tu trì trong bể Pháp mênh mê. Tuy nhiên, nếu tin mà không biết mình tin cái gì thì sự tin ấy cũng bằng thừa. Đức Phật đã từng khuyến tấn đệ tử đừng vội mù quáng tin ngay cả lời Phật nói, mà phải xem coi những lời ấy giúp gì được cho mình và cho người. Hãy xem cho kỹ những lời dạy ấy coi chúng có thể giúp mình chuyển mê thành ngộ hay chuyển khổ đau phiền não thành an lạc tự tại hay không. Phật tử chơn thuần cũng nên luôn nhớ rằng Phật pháp muôn đời vẫn là

chơn lý. Đôi khi chúng ta gặp phải thầy tà bạn ác hành trì sai giáo lý thì Phật khuyên ta nên “y pháp bất y nhân” nghĩa là lúc nào cũng sống cũng tu y như pháp Phật đã dạy chứ không đui tu mù luyện theo thầy tà bạn ác. Một khi đã thấu hiểu những lợi ích của Phật pháp rồi thì người con Phật sẽ lên đường một cách tinh tấn, không thối chuyển không run sợ trước bất cứ một trở lực nào. Trên đời này có lắm kẻ tin nhận Phật pháp nhưng chỉ tin nhận để cho có mà chơi, hoặc để rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận chứ chưa một lần thật sự sống tu theo giáo pháp cao thượng ấy. Họ như những kẻ sống say chết mộng hay những khách lữ hành đang đói khát, vào nhà hàng chỉ mãi mê đọc thực đơn mà chơi chứ không chịu mua thức ăn để ăn cho no bụng. Phật tử chơn thuần một khi đã tin nơi giáo pháp cao thượng của Phật, một khi đã hiểu giáo pháp ấy lợi lạc cho mình và cho người, sẽ cương quyết tinh tấn hành trì chứ không để cho vọng tâm khống chế cuộc sống cuộc tu của mình. Làm được như vậy, con người ấy rồi cũng sẽ có khả năng “cư trần lạc đạo,” có khả năng buông bỏ tất cả những gì cần buông bỏ. Làm được như vậy, người con Phật sẽ luôn có khả năng đi thẳng vào đời mà vẫn vui với đạo lý cao thượng của đấng Cha Lành. Làm được như vậy thì còn nói chi đến thoát ly gia đình, họ hàng, thân thích và những sinh hoạt thế gian. Những con người ấy dù ở trong trần vẫn luôn có thể sống tu theo Phật chứ cần chi phải đi vào chốn sơn lâm cùng cốc. Tuy nhiên, nói gì thì nói, nếu ai có đủ cơ duyên xuất gia thì vẫn hơn vì người xuất gia đã vượt qua được vế đầu của “cư trần,” giờ thì chỉ tu hành sao cho lúc nào cũng vui với đạo mà thôi. Xuất gia là đã vượt qua được phân nửa đường tu vì không phải ai cũng làm được chuyện cắt ái ly gia xa lìa danh vọng, quyền uy, nhà cao cửa rộng để xuất gia. Như vậy phải là đại hạnh lắm mới có đủ cơ duyên xuất gia tu theo Phật. Chính vì thế mà Đức Phật đã từng khuyên dạy những Phật tử tại gia dù có quyền cao chức

trọng thế mấy, cũng nên luôn đánh lễ các vị sa môn dù vị đó chỉ mới xuất gia gia nhập Tăng Đoàn.

Nói gì thì nói, Đức Phật vẫn luôn quan tâm đến những đứa con tại gia của Ngài vì thời nào cũng vậy số người xuất gia chỉ đếm được trên đầu ngón tay mà thôi. Trong Kinh Thi Ca La Việt, Đức Phật đã nhắc nhở chúng tại gia rằng: “Nếu vì hoàn cảnh hay thiếu duyên xuất gia thì tại gia vẫn tu được ngay trong chức nghiệp mình đang làm, tu ngay trong gia đình mình đang sống, kết tụ Bồ Đề duyên thuộc ở bất cứ chỗ nào mình đi qua, tham gia công tác xã hội từ thiện bất cứ lúc nào mình có thể làm được. Nhưng quan trọng hơn cả là phải thọ Tam Quy trì Ngũ Giới. Thật vậy, Phật tử tại gia như những khách lữ hành đang rong ruổi trên bước đường vô định, nếu không có kim chỉ nam Phật Pháp Tăng và Ngũ Giới chắc chắn chúng ta sẽ bị lạc đường. Quy-y Phật là tôn xưng đáng giác ngộ hoàn toàn như Phật Thích Ca làm Thầy chứ không quy-y theo thiên thần quỷ vật. Quy-y Pháp là y theo giáo pháp do Phật nói ra để có khả năng “cư trần lạc đạo” và có khả năng ngăn ngừa các điều ác, làm các điều lành và thanh tịnh tâm ý để thấy đâu tà đâu chánh mà tu trì để được giải thoát như Phật. Quy-y Tăng là nguyện bước chân theo những trưởng tử Như Lai để tránh rơi vào hầm hố của thầy tà bạn ác. Ngoài ra, Phật tử tại gia muốn đi vào đời mà vẫn vui với đạo thì không thể thiếu sự hành trì ngũ giới, vì nhờ đó mà chúng ta biết tôn trọng sự sống và quyền sống chung, bảo đảm tài sản và quyền lợi chung; tôn trọng phẩm tiết, đức hạnh và hạnh phúc chung, tôn trọng sự thật và lòng thành tín, tôn trọng an ninh trật tự của tha nhân.

Tóm lại, nếu chưa đủ cơ duyên xuất gia để ngày ngày vui với đạo thì người tại gia vẫn có thể đi thẳng vào đời và vui với đạo được với một điều kiện là phải lắng nghe và hành trì những lời Phật dạy. Con người ấy ngoài việc tu trì 37 phẩm trợ đạo còn

phải luôn thấy rằng tâm theo cảnh là tâm tạo nghiệp, là tâm của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến; người biết “cư trần lạc đạo” vẫn phải đi vào đời, vẫn phải nhìn thấy cảnh nhưng cương quyết không theo, con người ấy vẫn còn buồn thương giận ghét, nhưng chỉ xem chúng như gió thoảng mây trôi, hay nước chảy qua cầu chứ không da diết đến nỗi phải bi lụy cho mình và cho người. Dầu biết rằng đi vào cõi “sinh trụ dị diệt” mà không bị “sinh trụ dị diệt” chi phối là điều khó, nhưng phật đã làm được và Ngài đã thành Phật, chúng ta há có con đường nào khác sao quý vị? Người con Phật phải làm đủ mọi cách để có được “cư trần lạc đạo,” từ trí huệ hữu học đến trí huệ Bát Nhã, từ sự biện biệt của phàm phu để phân biệt chánh tà đến công phu tu tập để tận diệt những chấp trước mê đại nơi chính mình. Trong bóng tối trùng điệp của si mê chỉ có ngọn đuốc Phật Pháp mới có đủ công năng soi đường dẫn lối cho chúng ta lần bước về nẻo sáng của trí tuệ và chỉ có nẻo sáng của trí tuệ chơn thật mới có thể giúp chúng ta phá tan bóng tối của vô minh phiền não để đi thẳng được vào đời mà vẫn vui với đạo. Mong cho ai nấy đều tinh tấn tiến bước để một ngày không xa nào đó người người đều có khả năng “cư trần lạc đạo” và cùng nhau thông dong nắm tay chư Phật đi vào cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt. Mong lắm thay!!!

479. ĐẠO PHẬT VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI ĐẾN TOÀN THIÊN TOÀN MỸ

Chúng ta đã bước vào thiên niên kỷ thứ ba với tuyệt đỉnh của nền văn minh vật chất. Khoa học kỹ thuật hiện đại đã thu hẹp thế giới thành một ngôi làng, không gian thu nhỏ, thời gian đến với nhau giữa Đông và Tây được thu ngắn lại với những phương tiện truyền thông và vận chuyển hiện đại. Con người đang sống và đang hưởng thụ đầy đủ các phương tiện tiện ích. Đáng lý con người hôm nay phải sung sướng hơn con người trong bất cứ thời nào trong lịch sử văn minh nhân loại. Thế nhưng nhân loại hôm nay đa phần phải mang nhiều khổ lụy hơn là sung sướng hạnh phúc. Hãy nhìn ngay trong thành phố của những thiên thần (Los Angeles) của tiểu bang giàu có nhất nước Mỹ thì chúng ta sẽ thấy nhan nhản những người vô gia cư, những trẻ bụi đời, những vụ phạm pháp, nhà tù và nhà thương điên. Ngay cả những gia đình đang sống trong nhà cao cửa rộng cũng đang rạn nứt vỡ tan vì cha mẹ ly dị, con cái ly tán. Thật tình mà nói, nhân loại đang quần quai trong thương đau bất hạnh hơn bao giờ hết.

Tại sao lại như vậy? Tại sao con người phải chết đói trên đồng thực phẩm? Tại sao con người phải chết lạnh bên những tòa cao ốc ngất trời? Theo Phật, từ vô thủy vô chung, tâm, chúng, sanh và Phật nào có sai khác. Chúng ta vẫn hiện tiền một tâm, vẫn đủ vạn pháp, vẫn có trí sáng. Tuy nhiên, do bởi vô minh nên vạn pháp biến thành hoa đốm trên hư không, trí sáng bị che mờ nên đối cảnh hôn mê mờ mịt và khởi lòng tham đắm chấp nhiễm, sanh trưởng vị ngã ích kỷ. Chính vì thế mà hết ngày dài rồi lại đêm thâu, con người rong ruổi đó đây, gom góp bất cứ thứ gì có thể gom góp được, còn thì sống chết mặc ai. Ngày trước khi còn là những sinh vật du mục, ngày ngày đi lượm hoặc hái những quả

chín, chúng ta chỉ lượm chỉ hái vừa đủ cho nhu cầu của chính mình, nên không có cảnh chết trên đồng thực phẩm. Còn bây giờ, những kẻ mưu trí dùng đủ xảo kế gom góp và xây dựng cho phần mình. Lại nữa, với dòng đời phát triển, chúng sanh, nhứt là con người, ngày càng ngã mạn cống cao, càng tà kiến, biên kiến, sát, đạo, dâm, vọng cứ thế mà chúng ta lăn trôi và lăn trôi tạo nghiệp, vô lương vô ngân, cho nên con đường trước mặt lúc nào cũng là tam đồ ác đạo.

Người con Phật nên luôn nhớ rằng tánh linh ở Phật như thế nào thì tánh linh ở chúng ta cũng như thế ấy. Gần hai mươi sáu thế kỷ về trước, Đức Phật đã thị hiện. Ngài đã xác quyết rằng mọi chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật nếu chúng sanh chịu tìm trở về với chính mình. Đức Phật đã khẳng định: “Dù người tu hay người không tu, Phật tánh ấy vẫn sẵn có, vẫn tròn đầy. Tuy nhiên, người không tu vì bị vô minh khố chế nên Phật tánh không hiển lộ được trong cuộc sống hằng ngày, cũng như ngọc quý bị vùi dưới lớp bụi mờ.” Vì sao Đức Thích Tôn Từ Phụ đã thành chánh đẳng chánh giác mà chúng ta vẫn còn làm kẻ phàm phu tiếp tục lăn trôi trong hôn mê điên đảo? Đức Thế Tôn thì công đức trang nghiêm với đầy đủ thần thông trí tuệ, trong khi chúng ta vẫn tiếp tục chất chứa vô lượng khổ đau phiền não? Rõ ràng tâm, Phật, chúng sanh không sai khác; tâm ta và tâm Phật vốn chỉ một thể, nhưng vì mê ngộ nên khác nhau. Theo đạo Phật, sự phát triển của con người là sự trở về với chính mình, tập sống tập tu sao cho hòa hợp với chính mình. Sự phát triển của con người trong đạo Phật không mang vác hay công thêm bất cứ thứ gì của trần thế. Ngược lại, tự phát triển mình là tự buông bỏ; buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng và buông bỏ cả ngã chấp, tướng chấp, pháp chấp. Sự phát triển của con người trong đạo Phật là tự mình làm thanh sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý để tự mình vượt thoát ra khỏi

khổ đau và tìm thấy sự an vui của cuộc sống ngay trong đời này kiếp này. Phát triển tự thân là tự thấy rõ sự thật về chúng sanh và vạn vật, không bị cái ngã nó khống chế ta về cả tình cảm lẫn lý trí. Theo nhà Phật, sự phát triển con người đến toàn thiện toàn mỹ chính là cuộc cách mạng tâm linh vô cùng to lớn và vô cùng khó khăn. Tuy nhiên, nếu ai trong chúng ta cũng làm được điều này thì thế giới khổ đau sẽ tự hoại diệt và nhường chỗ lại cho một thế giới an lành tốt đẹp. Tự phát triển là tự loại bỏ những mê tín mù quáng từ đó chúng ta có thể bớt lo âu, bớt sợ sệt trước những thử thách khó khăn của cuộc đời đồng thời cũng khiến chúng ta cởi bỏ được những trói cột phiền não và những hệ lụy của cuộc đời.

Theo đạo Phật thì chúng ta phát triển bằng cách nào? Đức Thích Tôn Từ Phụ đã chỉ dạy quá rõ ràng về sự phát triển con người đến toàn thiện toàn mỹ bằng cách rèn luyện đạo đức và tinh thần qua “giới định huệ.” Người con Phật dùng đại bi, đại trí, đại dũng cũng như những chất liệu bồi dưỡng cho cả thân lẫn tâm được tươi tốt. Rèn luyện đạo đức và tinh thần của con người không phải là cái gì cao xa không nắm bắt được. Nó đơn giản và thực tiễn đến độ ít ai chịu nghĩ đến như việc “trở về làm chủ lấy chính mình.” Tự thuở giờ ai trong chúng ta vẫn cứ ngỡ mình là chủ chứ nào có ngờ đâu bấy lâu nay mình chỉ là nô lệ, nô lệ của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Chúng ta luôn bị hoàn cảnh hay tình cảm lôi cuốn và sai khiến. Chúng ta cứ mãi rong ruổi đi tìm, tìm chưa được cái này thì đã mất cái kia, lắm khi chính chúng ta còn không biết mình đang đi tìm cái gì nữa đây. Đạo Phật dạy cho chúng ta biết sống, sống không bị đời nghiền nát mà vẫn hợp với nhân nghĩa đạo lý của một con người. Phát triển con người theo cung cách đạo Phật là xa lánh sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ cũng như uống những chất cay độc. Muốn toàn thiện toàn mỹ con người, chúng ta không còn cách gì

khác hơn là mỗi người chúng ta hãy thường xuyên tử tế với nhau và cùng nhau học hỏi những lời hay trong lẽ đạo. Phát triển con người theo đạo Phật là gột rửa những u muội si mê, vì chính chúng đã sanh ra vô vàn phiền não, rồi từ phiền não này sanh ra phiền não khác. Cứ thế mà chúng ta lầm lũi đi vào con đường gây tội tạo nghiệp. Vô minh sanh phiền, phiền sanh tội, tội chồng chất và hậu quả là một cuộc lặn trôi không ngừng nghỉ. Phát triển con người theo đạo Phật là lánh xa tất cả những ngu dốt, thù hận, vọng động, dục vọng, tham đắm, truy cầu, là mọi người cùng sống với nhau trong tình tương kính, trong từ bi hỷ xả và thành tâm. Chúng ta đã và đang lặn ngụp trong biển đời đau khổ vì đã mê muội xem thường đạo lý nhân quả, đã ngu si không hiểu biết được sự hư thực của Ta Bà, nên chỉ thấy Phật qua hình tướng. Không ai chối cãi hình tướng rất cần cho những kẻ sơ cơ sơ tâm; tuy nhiên, nếu chấp chặt vào nó thì chẳng khác nào chúng ta tự đem thân tâm mình mà giao cho cát, đá, xi măng. Đạo Phật không chỉ dạy bằng những giáo điều cứng nhắc và mù quáng, mà bằng sự thực nghiệm tự thân để đạt đến giác ngộ chơn chính. Sự giác ngộ chơn chính chính là sự phát triển toàn vẹn của người con Phật, từ đó mà con người mới có khả năng đánh tan được mọi nghi hoặc, diệt trừ tận căn rễ của ái dục và tội ác. Người con Phật đi thẳng vào đời để phát triển nhân cách và tìm lại Phật cách của mình một cách ung dung tự tại chứ không lẩn trốn tránh né. Trong cuộc sống hằng ngày ai trong chúng ta cũng đều phải học hỏi những tiến bộ của khoa học kỹ thuật để tự tồn trong xã hội văn minh hiện đại, nhưng học để có kiến thức mà sinh tồn chứ không phải học để lấy bằng cấp cao chỉ với một mục đích là kiếm tiền. Những kiến thức mà chúng ta thu thập được về con người, xã hội, kinh tế và chính trị phải được đem ra áp dụng trong cuộc đời sao cho có lợi cho mình và cho người. Hơn thế nữa, những kiến thức ấy phải được mang ra

phụng sự đồng loại. Mục tiêu chính của đạo Phật là phát triển con người bằng cách tự cải thiện qua đối trị các trở ngại và phiền não, đối trị từ lo sợ, thù ghét, nghi hoặc, thèm khát, nhục dục, đến trây lười, giải đãi vì chính chúng là những nhân tố chính tàn phá sự an định của chúng ta. Công năng của sự phát triển toàn vẹn nơi con người thật thù thắng đến nỗi dù lòng mình có tán loạn thế mấy đi nữa, mà chịu phát tâm niệm một câu A Di Đà Phật thì từ hành động, nhãn quan đến sự suy nghĩ của con người ấy đều là siêu phàm. Siêu phàm ở đây không có nghĩa mơ huyền. Hành động, ý nghĩ và nhãn quan siêu phàm là vì chúng mang lại hạnh phúc và lợi ích cho con người và làm cho chúng ta rũ sạch mọi điều ô nhiễm để trở về với cái tâm lúc nào cũng tự tại, lúc nào cũng từ bi hỷ xả; làm cho chúng ta biết đâu là thiện ác chánh tà, đâu là mê tưởng vọng tưởng, còn đâu là sự yên tĩnh trong sáng. Sự phát triển của con người theo đạo Phật là sự trở về sống với chính mình để không vong thân, để thấy dòng đời luôn trôi chảy tuyệt vời trong từng phút giây hiện tại, quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa tới, có bám víu và mơ tưởng cũng bằng thừa. Sự phát triển toàn vẹn của con người trong đạo Phật tuyệt vời đến nỗi những thành bại, vinh nhục, hơn thua, được mất không làm được một gợn mây nhỏ trong bầu trời giác ngộ của người con Phật. Mỗi ngày với người con Phật là một ngày tuyệt vời, thắng không kiêu, bại không nản; chứ không thành công thì tiếp tục chạy theo tham vọng còn thất bại thì tìm đường tự tận như thường tình thế tục. Dù sóng gió bên ngoài có làm cho biển dậy cồn, nhưng tâm tư của người con Phật luôn bình lặng và tinh thần thật bình đẳng. Sự phát triển con người theo đạo Phật là đưa con người trở về với chính mình, chứ không vong thân hưởng ngoại cầu hình, là xây dựng và chuyển hóa con người qua kinh nghiệm tự thân chứ không qua giáo điều. Đây là sự phát triển đúng nghĩa của nó y như lời Phật dạy: “Các con chớ vội tin

những gì người ta đồn đại, hoặc được lặp đi lặp lại nhiều lần, vì sự đồn đại có khi không đúng và sự lặp đi lặp lại làm sao tránh khỏi những điều thêm bớt. Các con cũng chớ vội tin những gì do truyền thống để lại vì truyền thống lắm khi mang nhiều thiếu kiến chủ quan sai lầm. Các con cũng đừng vội tin những gì do kinh điển để lại vì kinh điển lắm khi bị chép sai, hoặc người chép tự sửa theo ý mình. Các con cũng đừng tin những gì do các bậc thầy nói ra vì các thầy vẫn còn là phàm Tăng chưa chứng ngộ nên vẫn không tránh khỏi sai lầm chấp trước. Và cuối cùng, ngay cả lời ta nói, khi chưa hiểu ý ta muốn nói gì, các con nên cân nhắc suy gẫm và chỉ tin nghe theo những gì nếu đem áp dụng vào cuộc sống thật sự mang lại an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc cho mình và cho người mà thôi.” Muốn đi đến toàn thiện toàn mỹ, người con Phật trước nhất phải thấy vạn sự vạn vật vô thường để không còn khư khư ôm chấp thiên kiến định kiến sai lầm của thường tình thế tục; phải thấy được vạn vật kể cả con người, không có tự ngã, để từ bỏ tánh ngông cuồng tự cao tự đại mà hòa mình vào dòng sống của mọi người mọi loài; phải thấy đời này sự khổ sự buồn luôn vây quanh lấy chúng sanh, thấy để nhanh chân vượt thoát khỏi vòng khoái lạc thế tục ngăn ngại. Sự phát triển của người con Phật là sự cởi bỏ những vây quanh của bóng tối ngu si, sân hận và những chất ngất của đau khổ não phiền, hiểu biết ý nghĩa thịnh suy, đạo lý nhân quả, cũng như nguyên nhân cội rễ của những lo âu, khổ ải, sanh, lão, bệnh, tử. Sinh cũng khổ, bệnh cũng khổ, già cũng khổ, rồi chết cũng khổ, những gì mình không ưa mà cứ gặp mãi cũng khổ, những gì mình yêu thích mà phải xa lìa cũng khổ, cầu bất đắc cũng khổ (mong muốn mà không toại nguyện). Sự phát triển của người con Phật là một tiến trình hưởng thượng. Con người vì không xa lánh được sự chấp nê nên khổ, không cưỡng được sự réo gọi của dục vọng, muốn nghe, muốn thấy, muốn nếm, muốn ngửi, muốn xúc chạm

nên khổ. Sự phát triển của con người đến toàn thiện toàn mỹ, đến vô ưu vô khổ, theo đạo Phật, con người ấy phải hằng sống với bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo; phải thấy vì đâu mà có khổ, cái khổ nó chồng chất lên chúng sanh từ muôn vạn kiếp như thế nào, làm sao diệt khổ để sống đời an lạc??? Con người muốn phát triển toàn vẹn để lìa phàm nhập Thánh phải sống với tám con đường cao cả mà Đức Từ Phụ đã vạch ra: hiểu đúng, nghĩ đúng, làm đúng, sống đúng, cố gắng đúng, nhớ đúng và giữ tâm cho đoan chính. Trong tiến trình phát triển này, thân tâm con người luôn thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp, thân luôn Khang kiện, tâm luôn tràn ngập với ánh sáng của từ, bi, hỷ, xả. Đi đâu đến đâu con người ấy luôn hành xử với mọi người bằng cái tâm không phân biệt, không khinh khi, không xu nịnh, không ghen ghét, không nóng giận. Ngược lại, con người ấy luôn từ bi lân mẫn, luôn bảo vệ chúng sanh mọi loài, luôn nhớ vạn vật vô thường, chúng sanh vô ngã, nên từ ý nghĩ, lời nói, đến việc làm đều tỏa chiếu một màu sáng an lạc xóa tan não phiền đau khổ của biển đời sanh tử tử sanh này. Con người được phát triển theo những lời dạy dỗ của Phật sẽ thấy rằng mưa rơi, gió thổi, hoa nở, hoa tàn, hoa rơi, lá rụng, và ngay cả sự có mặt và ra đi của con người đều do duyên mà có, rồi cũng vì duyên mà tan hoại. Vạn sự vạn vật trên đời này, không nhiều thì ít, đều có liên quan với nhau. Một giọt nước chẳng những có công năng làm lớn biển Thái Bình, mà cả bốn biển xung quanh đều lớn. Con người muốn phát triển đến nhân cách toàn thiện toàn mỹ để tìm về Phật cách mà mình đã một lần đại đột xa lìa, con đường duy nhất là phải hằng sống hằng tu với những lời Phật dạy. Hết đủ duyên thì xuất gia, còn duyên chưa đủ thì tại gia tu cũng vẫn được, miễn là tu đúng với chánh pháp và thực hành đúng lời Phật dạy. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển phải thấy được kết quả hưởng thụ thì mới được gọi là tu đúng đường hành đúng pháp. Thí dụ như

hồi chưa tu thì làm nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng đến chừng tu rồi thì phải luôn cảnh tỉnh để kèm chế và làm chủ cho được bọn này, đó là tu đúng. Ví bằng càng tu mà tham, sân, si không bớt; mạn, nghi, tà kiến không giảm; sát, đạo, dâm, vọng không rời thì coi chừng mình đang tu theo tà ma ngoại đạo, chứ không phải tu Phật. Người chưa tu thì tham, sân, si vây quần như những áng mây đen vần vũ, sấm chớp có thể nổi lên bất cứ lúc nào. Khi đã tu như trời quang mây tạnh, thế mà sấm chớp vẫn còn nổi lên thì hãy coi chừng!!! Con người đang phát triển đến toàn thiện toàn mỹ là con người biết chế tâm chứ không khoe tướng. Nếu tướng vẫn khoe mà tâm không biết chế thì vẫn sống trong mê mờ và rồi đây cũng sẽ chết trong mê mờ tham luyến. Nếu tướng vẫn khoe mà không biết điều phục tâm mình thì nào khác chi những kẻ sống say chết mộng, sống thì lẫn lẩn trong chấp nê rồi thì khi chết cũng lẫn lẩn trong bế tắc của huyền giả. Ngược lại, con người phát triển đúng theo giáo pháp nhà Phật, thì con người ấy sẽ sống trong an lạc, tỉnh thức, hạnh phúc và sẽ chết trong tận cùng của an lạc và giải thoát. Theo đạo Phật, muốn phát triển con người đến toàn thiện toàn mỹ, con người cần phải thực hành vô lượng pháp lành để đối trị mọi phiền não, nhờ có công tu đức mà tánh đức hiển lộ, cũng như viên ngọc minh châu đã được mài giũa và trân trọng để vào chỗ cao ráo sáng sủa vậy.

Người con Phật đã thấy chưa sự lợi lạc của sự phát triển đến toàn thiện toàn mỹ trong cung cách nhà Phật? Những người con tại gia vì duyên nghiệp chưa dứt nên vẫn phải lập gia đình, có vợ, có con, có sản nghiệp, có họ hàng quyến thuộc. Tuy nhiên, những thứ này không là nợ nần oan gia, ngược lại, tất cả đều là bạn đồng tu tuyệt vời. Tất cả đều đến và đi trong thông dong tự tại. Lúc đang sống, chúng ta cố sống một đời thật đáng sống, đến khi hết duyên hết nghiệp phải ra đi, cũng ra đi trong an nhàn

tự tại. “Thôi cũng đủ rồi” tan hợp hợp tan. Sống tu được như vậy, cho dù Niết Bàn chưa tới, cũng không bị nghiệp lực dẫn dắt vào tam đồ ác đạo. Sống tu được như vậy là trở về với cái bản tâm thật sự, là làm chủ lấy mình, là hiểu được trọn vẹn chơn lý của Đức Từ Phụ, là tam nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh, là từng niệm khởi lên chơn chánh, từng bước thanh thoi, tâm trí lúc nào cũng trong sáng như trời quang mây tạnh. Không nói nhiều chúng ta cũng dư biết cõi nước sắp bước vào của chúng ta sẽ là cõi nước nào? Nếu không là Niết Bàn tịnh tịch, thì cũng phải là Tây phương Tịnh Độ, hoặc giả là cõi vô ưu vô sanh và vô diệt nào đó!!!

480. NIẾT BÀN CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Đạo Phật công nhận đời là bể khổ, nhưng không dừng lại ở đó, cũng không tiêu cực đầu hàng bể khổ. Ngược lại, những người con Phật tích cực xông thẳng vào cõi Ta Bà ngũ trước ác thế như những cánh sen vươn lên từ ao tù nước đọng tanh hôi mà vẫn tỏa ngát hương thơm thanh khiết. Ai trong chúng ta cũng đều biết mục đích tối thượng của đạo Phật là Niết Bàn tịnh tịch, nơi của vô ưu, vô sanh và vô diệt. Tuy nhiên, ai trong chúng ta lại không nhớ lời Phật dạy trong Kinh Pháp Hoa: “Ta thị hiện nơi đời vì một đại sự nhơn duyên: khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.” Ngài cũng khẳng định trong các kinh điển rằng: “Nếu đạo này chỉ lợi lạc cho tỳ kheo mà tỳ kheo ni không lợi lạc thì không phải là đạo ta; nếu đạo này chỉ lợi lạc cho tỳ kheo và tỳ kheo ni mà không lợi lạc cho ưu bà tặc và ưu bà di, cũng không phải là đạo ta.”

Đức Thích Tôn Từ Phụ không đề xuất một triết lý siêu hình hoặc mơ hồ huyền hoặc, Ngài đã khẳng định: “Hễ ta tu thành Phật thì chúng sanh mọi loài đều có khả năng tu thành Phật như ta.” Lời dạy bất hủ của Ngài vẫn còn vang vọng đâu đây:

“Ta là Phật đã thành,
Chúng sanh là Phật sẽ thành.”

Gần hai ngàn sáu trăm năm về trước, Ngài đã thành Phật, Ngài đã nhập Niết Bàn, Ngài đã đi vào cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt. Hai ngàn sáu trăm năm sau, chúng ta vẫn còn đây, vẫn lăn trôi trong lục đạo, vẫn chưa tìm được Niết Bàn cho chính chúng ta. Niết Bàn của những người xuất trần ly thế trong giáo đoàn của Thế Tôn là cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt. Thế còn Niết Bàn của những đứa con tại gia là đâu? Câu nói của Thế Tôn vẫn còn

văng vẳng chưa xa: “Nếu đạo này chỉ lợi lạc cho chư Tăng Ni mà không lợi lạc cho Phật tử tại gia, đó không phải là đạo ta.” Những đứa con tại gia luôn tin tưởng như vậy, hễ có Niết Bàn cho người xuất gia thì cũng có Niết Bàn cho người tại gia. Trong suốt 49 năm hoàng hóa Đức Từ Phụ đã không viết xuống một câu nào. Dụng ý của Ngài đã quá rõ. Đạo này không phải là một học thuyết hay triết lý suông. Đạo này là con đường sống tỉnh thức, an lạc và hạnh phúc; và là con đường tu giác ngộ và giải thoát. Đúng như vậy! Hễ đủ duyên xuất trần ly thế và tinh tấn tu hành thì con đường trước mặt là nẻo về giác ngộ và giải thoát, là Niết Bàn tịch tịch. Tuy nhiên, nhân duyên chưa đủ, tại gia mà quyết chí dọn đường theo chân Thế Tôn, thì con đường trước mặt vẫn là tỉnh thức, an lạc và hạnh phúc. Con đường mà năm xưa Duy Ma Cật, Bàn Long Uẩn và Lục Tổ Huệ Năng đã đi và đã đến. Những người xuất trần ly thế vì không làm việc kiếm tiền và không chung sống với phàm nhân nên con đường diệt khổ có phần thênh thang hơn những đứa con tại gia. Trong thiên đường, nơi tự viện hoặc tịnh xá cô liêu, không đương đầu trực tiếp với thường tình thế tục nên những đứa con xuất gia dễ dàng vâng giữ những giới luật mà Thế Tôn đã đề ra. Nơi đó sự cám dỗ của ma vương cũng như những chướng ngại phàm tục không khủng khiếp như giữa chợ đời. Nơi đó các Ngài có thể sống đời phạm hạnh, xa lìa đắm say vật dục và ái nhiễm trần thế. Nơi đó các Ngài dễ dàng lắng đọng để nhìn thấu suốt sự vô thường của vạn vật, hay tính chất không có tự ngã của mọi loài, cũng như sự đau khổ vô cùng vô tận của biển đời. Nơi đó các Ngài có đủ duyên để quán chiếu về bản thể con người và sự sống chỉ là một tổng hợp liên tục của vật chất và tinh thần. Tuy nhiên, đa phần những người tin Phật lại là những Phật tử tại gia, muốn hưởng thượng song hỷ còn duyên nghiệp hỷ còn bận bịu với gia đình và xã hội. Đức Phật đã tận tường chỉ dạy rằng: “Châu báu nơi chính mình, hãy

trở về tìm lấy, đừng tiếp tục rong ruổi hưởng ngoại cầu hình.” Dù xuất gia hay tại gia, hễ thấu triệt được chơn lý “vạn vật giả hợp đều hoại diệt,” thì sẽ có khả năng buông bỏ tất cả mọi thứ để hưởng về giác ngộ và giải thoát. Dù xuất gia hay tại gia, hễ nhận biết Thế Tôn chỉ là một bậc đạo sư đưa đường dẫn lối cho chúng sanh thoát khổ, sẽ có khả năng tự mình nương theo những giáo pháp của Ngài để hưởng thụ. Dù xuất gia hay tại gia, hễ nhìn thấy được ánh sáng nơi giáo pháp của Phật là cần thiết cho sanh chúng trên đường trở về đất Phật, con người ấy rồi sẽ lần bước theo Như Lai.

Sự thật tối hậu trong đạo Phật là chơn lý của sự giải thoát, là tự mình tu tập chứ không hưởng ngoại cầu hình, không bám víu vào bất cứ thứ gì vì có gì đâu để mà bám víu? Càng bám víu càng khổ, càng tom góp vật chất thì càng vướng mắc và càng đi ngược lại với chơn lý tu hành. Niết Bàn trong đạo Phật không phải là một danh từ trừu tượng mơ hồ. Niết Bàn là sự chấm dứt của khổ đau, là tương quan nhân quả không còn nữa. Hễ không gieo thì không gặt. Mọi sự mọi vật tự bao giờ vẫn vậy, trong ta hay ngoài ta, đều biến chuyển theo quy luật nhân quả, không có ngoại lệ! Hễ cam tâm chạy theo loạn động thì “cái này sanh rồi cái kia sanh, cái này có rồi cái kia có.” Một khi đã quyết tâm tu trì theo Phật, quyết trở về quê hương chân như mà chúng ta đã một lần đại đột xa rời thì phải quyết trở về hành trì cho bằng được lời Phật dạy: “Cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt.” Thấy và làm được như vậy thì cho dù biển đời có đau khổ và không chắc thật, con người ấy vẫn có cuộc sống an lành ngay trong những giây phút hiện tại. Nghĩa là bất luận xuất gia hay tại gia, một khi vô minh ái dục bị triệt tiêu thì sự an lành hạnh phúc sẽ xuất hiện ngay bây giờ và ở đây. Niết Bàn là trạng thái an lành. Tuy nhiên, muốn biết trà ngon thì phải pha và tự uống. Cũng như vậy, muốn biết Niết Bàn an lành và hạnh

phúc như thế nào, con đường duy nhất cho cả xuất gia lẫn tại gia phải là con đường tu tâm dưỡng tánh, hành thiện không hành ác và tự tịnh kỳ ý; phải diệt trừ ngã chấp, nghi hoặc, tà kiến, mê tín dị đoan; phải đoạn trừ tham dục và ác tánh; phải thanh sạch những kiết sử còn sót lại để không còn tham đắm một cõi nào, dù là cõi sắc hay cõi vô sắc.

Những đứa con Phật chơn thuần, dù xuất gia hay tại gia phải cố mà sống trong Niết Bàn, dù dư thừa hay không dư thừa, dù hiện đời hay ở đời nào. Con đường duy nhất để bước vào cõi này, nơi thiếu vắng khổ đau phiền não phải là con đường có đầy đủ giới, định, huệ. Phải kèm giữ thân tâm, phải tập trung và huấn luyện tâm trí sao cho khi nhìn sự vật, ta nhìn đúng như bản mặt thật của nó, phải hiểu biết đúng, luôn suy nghĩ về từ bi hỷ xả, luôn nói lời hòa ái chơn thật, luôn hành động có lợi cho mình và cho người, luôn sinh sống lương thiện, luôn siêng năng tu tập, luôn kiểm soát thân khẩu ý để chỉ nhớ nghĩ về các pháp lành, luôn tĩnh tâm và trau dồi trí tuệ. Quả là khó khăn cho tâm viên ý mã này được an trú ở tâm Bồ Đề mà không bị vọng niệm quấy phá. Tuy nhiên, Đức Phật đã từng dạy đồ tử chúng rằng muốn được như vậy khi bố thí phải bố thí với hạnh vô tướng; khi độ sanh phải độ với hạnh vô ngã. Nếu chúng ta không để cho hai thứ ngã chấp và pháp chấp vướng víu chúng ta thì tha nhân, ta và chúng sanh không còn ai trói buộc được ai nữa. Trên đời này không một người con Phật nào mà không nghĩ đến Niết Bàn, nhưng người con Phật phải vô cùng cẩn trọng vì nếu không khéo có những thứ huyễn giả mà ta cứ lầm tưởng là chân như, những thứ tạm bợ mà ta lại cho là trường cửu. Cuộc sống con người đáng trân quý ở chỗ biết sống đạo lý và luôn hành xử trong cung cách thẳng hoa hướng thượng, phải biết tìm về với chính mình mà sống đúng với chơn lý và lẽ thật của sự sống. Đức Từ Phụ đã từng khẳng định trong các kinh điển của Ngài là chỉ có tự thân

tự tâm mình là nơi nương tựa an toàn và tuyệt vời nhất cho mình, luôn đem đạo vào đời mà sống mà tu trong mọi hoàn cảnh, luôn giữ cho thân khẩu ý, lục căn và tâm thanh tịnh. Nếu ai trong chúng ta cũng làm được như vậy thì pháp giới đều thanh tịnh.

Đời người như một giấc mơ, nhưng vì bị vô minh che mờ mà con người luôn cho đời là vĩnh hằng, từ đó chấp nê đủ thứ, từ sự giàu sang đến danh vọng quyền uy, công hầu khanh tướng. Chúng ta có ngờ đâu tất cả chỉ là huyễn giả, thấy đó rồi mất đó, có đó rồi không đó. Nói gì thì nói, những đứa con Phật chơn thuần phải luôn biết tận dụng những gì mình có được mà tu tâm dưỡng tánh vì rời bỏ thế gian hư ảo này thì cũng không có thế giới chân thực, vĩnh viễn hay bất biến nào khác. Thế nên muốn làm cho trống vắng đau khổ não phiền trong cõi đời ô trược này, người con Phật phải sống trong những cám dỗ của dục vọng mà không bị chúng lôi kéo vào vòng sa đọa. Phải làm được điều này một cách trung dung, nghĩa là không tự hành hạ thân tâm mình một cách quá đáng. Con người muốn tạo cảnh giới Niết Bàn ngay trong đời này kiếp này phải tận diệt những phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ). Muốn làm được điều này người con Phật phải thấu triệt nhân duyên, phải tu thập thiện nghiệp để tự cải thiện cá nhân, gia đình và xã hội bằng những hành động thiện lành, phải dùng trí tuệ Bát Nhã để ứng xử trong mọi hành động, phải can đảm thay đổi những gì mình có thể thay đổi được và phải cố nhẫn nại chấp nhận hay điều chỉnh tự thân vào những việc mà mình không thể thay đổi được. Đạo Phật nói dễ khó làm vì chỉ làm được điều tốt hoặc giữ được tâm bình tĩnh trong thuận duyên thuận cảnh, chưa phải là tốt. Người con Phật chơn thuần, dù trong thuận duyên hay nghịch cảnh, vẫn làm được điều tốt, vẫn giữ được tâm bình tĩnh và tánh khiêm tốn. Dù trong trạng huống nào, người con Phật vẫn nói đúng, nói mềm mỏng, nói hiền hòa

chứ không nói sai, nói cộc cằn thô lỗ hay nói lời hung ác. Khi nghe ai khen ai chê, vẫn điềm nhiên tự tại chứ không lộ vẻ thích chí mà cũng không lộ vẻ khó chịu hay hằn học. Người con Phật chơn thuần, muốn vào cõi Niết Bàn ngay trong đời này kiếp này, phải xem được vinh, nhục, khổ, lạc, lợi, hại, khen, chê, dè bủ, mắng chửi như nước chảy qua cầu, như gió thoảng mây bay. Chúng đến rồi đi, đi rồi đến không hẹn kỳ. Làm được như vậy chẳng những ta không làm khổ mình, không làm khổ người khác, mà còn lánh xa được dục vọng và sống một đời bình yên nữa.

Chúng sanh đã triển miên lăn trôi, cũng như nhân loại đã oằn oại trong biển khổ chỉ vì không bao giờ biết thương yêu nhau, không có lòng từ bi hỷ xả, ngược lại cứ nuôi dưỡng mãi tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, biên kiến, sát, đạo, dâm, vọng, cứ phân chia giai tầng xã hội để đày đọa hành hạ lẫn nhau. Đức Từ Phụ thì xóa bỏ mọi cách biệt qua câu nói bất hủ của Ngài: “Không có giai cấp khi máu của chúng sanh cùng đỏ và nước mắt cùng mặn như nhau.” Thế nhưng chúng ta thì khác, chúng ta làm ngược lại tất cả những gì Phật dạy. Chúng ta phân biệt chủng tộc, màu da, giai cấp, giàu nghèo, sang hèn. Nếu chúng ta chịu lắng lòng nghe lời Phật dạy, chịu xóa bỏ những thành kiến phân biệt giữa ta với người thì vạn triệu nguồn thương yêu sẽ cùng tràn ngập vào biển khổ mà làm vơi đi nỗi trầm thống của chúng sanh. Lúc đó muốn tìm cảnh ghét bỏ cấu xé lẫn nhau không phải là chuyện dễ. Lúc đó đi đâu đến đâu, chúng ta sẽ chỉ thấy toàn là yêu thương nhường nhịn, an lạc và thái bình. Lúc đó tâm ta nào khác chi tâm của Thái Tử Tất Đạt Đa năm xưa. Cái tâm chỉ có vạn triệu nguồn yêu thương nhân thế ngự trị. Lúc đó dù ta đang sống trong cao sang hay nghèo khổ, vinh hoa phú quý hay bần hàn rách rưới, chúng ta sẽ không còn bị giam hãm bởi cao sang quyền tước, dục vọng, vinh hoa, hay lao tù lục đạo nữa. Người con Phật phải luôn thấy rằng thái bình an lạc và

hạnh phúc của Ta Bà chỉ là giả tạm, có chờ không, còn chờ hết, vui chờ buồn, hạnh phúc chờ khổ đau, trẻ chờ già, Khang kiện tinh anh chờ bệnh hoạn lú lẫn, da trắng má hồng chờ da nhăn má hóp. Dòng thời gian vẫn phủ phàng nghiền nát tất cả. Ngày xưa chính Thái Tử Tất Đạt Đa đã một lần sực tỉnh ngộ về bản mặt thật của những cuộc hoan ca, những tiếng đàn du dương trầm bổng, những khoái lạc nhục dục nào khác chi những tiếng than thở, rên rỉ cho một kiếp chúng sanh. Ngài đã thấy kiếp con người nào khác chi một kiếp phù du, sớm nở tối tàn, những vui sướng nếu có chỉ là tạm bợ trong một thời gian ngắn ngủi để rồi phải chịu một hậu quả thương đau trong muôn ngàn vạn triệu cảnh bề bàng và khổ não của một kiếp con người. Tất cả mọi người chúng ta đang phải đối đầu với những cuộc tan vỡ chia ly không ngừng. Chúng ta đang quờ quạng nếm mùi hạnh phúc vô thường và đang chạy theo ảo ảnh của đuổi hình bắt bóng. Nhà hiền triết Pascal đã ví nhân loại như đang ở trong một phòng tối khổng lồ, những người trí thì ở gần vách phòng, tay chân còn có thể nương theo bờ vách; còn những kẻ mê muội thì đang quờ quạng giữa phòng. Những kẻ mê muội như đang sống say trong bể vinh hoa phú quý để cho tham, sân, si mặc tình khống chế để rồi lại chết đi trong cơn trường mộng của trần thế. Thật tình mà nói, trần gian là một giấc mộng hãi hùng, từ lúc sanh ra đến ngày tạ thế, con người có bao lần vui và có mấy lần sầu? Đời vui ít sầu nhiều, thế mà ít ai trong chúng ta tỏ chút kinh vì. Chim ăn sâu bọ, người ăn chim. Thú rình mồi, người rình thú. Cá ăn kiến, kiến ăn cá. Nhân loại trong cõi Ta Bà này luôn bị chìm ngập trong biển khổ hãi hùng, sinh ra để đón chịu bao cảnh khổ đau phiền não. Lúc sống thì tranh danh đoạt lợi, hơn thua nhau từ lời ăn tiếng nói, đến khi chết rồi thì thân thể rã rời theo cát bụi. Lúc sống thì rượu chè bài bạc, miêng thì oang oát ong óng, thế trí biện thông chứ quyết không chịu kém thua một ai, lặn ngụp trong muôn ngàn ảo

ảnh, đến khi chết thì phải bỏ lại tất cả, phải nằm yên một đống như chồi cây khô. Muốn đạt được an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc, người con Phật phải luôn tắm mình trong tứ niệm xứ (quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã). Thật vậy, khi chịu quán sát chúng ta sẽ thấy thân là một vật bất tịnh chứ không phải là “Ta” và không thường còn; tâm vô thường vì tâm viên ý mã luôn biến đổi và luôn vọng động với thất tình lục dục (vui, buồn, thương, ghét, giận, ham), chứ không phải là “ta”; vạn pháp vô ngã chứ không có chủ thể; những gì mà chúng ta đang có và đang gìn giữ đều là mầm mống của khổ đau phiền não, nhưng vì vô minh mà con người cứ “thọ” hết thứ này đến thứ khác. Thế nên Đức Phật dạy: “Muốn chấm dứt khổ đau phiền não, con người phải quán triệt chơn lý ‘thọ thị khổ’ để bố thí hết những gì mình đã có chứ không thọ lãnh bất cứ thứ gì.” Ngoài ra, Niết Bàn của người con Phật còn là cuộc sống tỉnh thức vì đó là cách chối bỏ vọng niệm hữu hiệu nhất. Hễ không tỉnh thức là thất niệm, là bóng tối, là tự lãng quên mình để tha hồ bị ngũ trần lôi kéo đi trong mịt mù thăm thẳm, từ đó tự buông mình trong biển ái hà tham đắm của giác quan. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng sáu căn là cửa ngõ để tâm ý phóng ra ngoại cảnh, từ đó gây ra bao vướng mắc vào tham đắm và tạo bao nhiêu nghiệp tội để hết đời này đến kiếp khác phải lăn trôi trong tam đồ lục đạo. Thế nên cổ đức luôn khuyến tấn chúng ta chí thành sám hối lục căn. Cơ hội được thân người là khó khăn hãn hữu, cơ hội được gặp Phật pháp lại càng khó khăn hãn hữu hơn, người con Phật phải thấy như vậy để không luống qua kiếp này trong vô ích. Người con Phật phải luôn sống tỉnh thức để thấy được sự huyền mộng của trần thế, từ đó không còn u mê bám chặt vào vạn sự vạn vật, mà chỉ xem chúng như những phương tiện cho mình sống tu. Niết Bàn của người con Phật chỉ đến với những ai luôn sống tỉnh thức, sống phản quang tự kỷ để

soi lại tâm mình, phải suy tư và thận trọng trong mọi hành vi của mình, chứ không để mặc cho lục căn khống chế. Con người ấy không bao giờ sống say chết mộng theo thói của thường tình thế tục.

Thế giới văn minh vật chất càng cao càng làm cho con người chúng ta lạc lõng, tự đánh mất chính mình, chịu cam tâm làm nô lệ cho kim tiền vật chất, cũng như bị khuất phục trước uy lực của tham ái, trước mãnh lực của ái tình. Chúng ta những con người phàm nhân tục tử, đã có lại muốn có thêm, trọn đời chỉ biết mê say trong truy lạc, trong bã vật chất phù hoa mà không bao giờ biết đủ để rồi hết kiếp này sang kiếp khác phải bị trầm luân thống khổ. Con người chúng ta dù khôn hay dù dại, dù học thấp hay học cao, dù cặn cọt hay uyên bác, dù giàu hay nghèo, dù sang hay hèn nếu không khéo đều là những kẻ nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Phải sớm biết như vậy! Phải tự nguyện hướng về ánh Đạo Vàng của Phật Tổ, tự đào luyện lấy và tự nương theo chánh pháp để tu hành giải thoát. Phật đã vì chúng sanh mà ban rải tất cả những phương lương diệu dược, đã rải nhuận cam lồ khắp nơi nơi. Ngài đã sắm sửa thuyền Bát Nhã cho chúng sanh vạn loài. Ngài đã đóng mạnh tiếng chuông tỉnh thức, tiếng Pháp Âm Chánh Pháp hầu thức tỉnh quần sanh đang còn sống say chết mộng trong biển đời sanh tử của nhục dục thường tình, của ái ân vị kỷ. Giờ đến phiên chúng ta! Hãy can đảm lên hỏi những người con Phật! Hãy bước ngay lên thuyền Bát Nhã! Niết Bàn không đâu xa, mà địa ngục cũng chẳng đâu xa. Niết Bàn có thể là đây, mà địa ngục cũng có thể là đây. Người con Phật còn chần chờ gì nữa mà chưa chịu tu tập? Tu tập để thực hành đời sống an vui tự tại trong mọi hoàn cảnh. Tu tập để từng giây từng phút ta sống là từng phút trống vắng khổ đau phiền não, ngược lại tâm trí lúc nào cũng tỉnh thức, trong sáng và thoải mái. Tu tập để không còn bị lục căn lục trần

bức bách phải nghĩ, nói và hành động theo chúng để gây ra ác nghiệp. Tu tại gia hay tại chùa đều được, miễn sao ta tu với cái “tâm thành,” tu với cái tâm “hướng thượng,” muốn được gần gũi với chư Phật và chư Bồ Tát. Tu để không làm điều ác mà chỉ làm các điều lành. Tu để tự tịnh kỳ ý. Tu để thoát kiếp nô lệ cho tham sân si. Tu để tự biến chuyển những não phiền tiêu cực thành ra an lạc yêu đời. Tu để buông xả và buông xả tất cả. Tu để thấy rằng hễ nơi nào có ham muốn là nơi đó có u mê hờn giận, nơi nào còn ưa còn ghét, còn thị phi là nơi đó còn đầy đủ những vướng mắc của thường tình thế tục. Tu cho tới một lúc nào đó tâm mình chỉ còn duy nhất một màu “từ bi hỷ xả.” Đó chính là Niết Bàn của người con Phật. Niết Bàn không thể diễn đạt được bằng ngôn ngữ văn tự hay khái niệm, không phải ngôn ngữ bất lực mà do sự có mặt của ái và thủ của con người xuyên qua ngôn ngữ nên ngôn ngữ đành thúc thủ. Một khi ái và thủ diệt thì ngôn ngữ cũng chính là thật pháp. Một khi chúng sanh đạt được cái nhìn “như thực” nghĩa là nhìn được vạn pháp bằng “vô ngã” thì không có ngôn ngữ hay có ngôn ngữ, cái gì chúng ta nhìn cũng đều bằng “vô ngã pháp,” thoát ly mọi ý niệm và rời khỏi mọi tướng chấp thủ. Nói tóm lại, ngay trong cuộc sống hiện tại mà con người nỗ lực tự thân và tu tập đúng pháp sao cho vắng mặt ái trước và chấp thủ là chúng ta đang sống trong Niết Bàn. Như vậy Niết Bàn của người con Phật là sự giải thoát tham ái và chấp thủ trong cuộc sống hằng ngày mà không cần phải trốn chạy khỏi cuộc đời hay thế giới, nghĩa là không cần phải xuất trần thoát tục hay xuất gia ly gia. Nói như vậy không có nghĩa là cổ võ con người tránh né việc xuất gia, nhưng nói để cho mọi người thấy rằng ngay cả việc xuất gia cũng chỉ là những danh từ không hơn không kém, nên cũng đừng ai sanh tâm ái trước và chấp thủ vào cái danh từ ấy. Nói như vậy cũng không nhằm cổ võ mọi người nên tiếp tục cuộc sống trần tục bại hoại, mà nói để

mọi người cùng thoát ly ái trước và chấp thủ ngay trong cuộc sống trần tục. Ngoài ra, muốn đi đến Niết Bàn người con Phật phải vâng giữ lời Phật dạy trong cuộc tu hành, đừng thái quá mà cũng không nên bất cập. Trong Kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật dạy: “Đạo ta là trung đạo, nó ở giữa sự khổ hạnh và sự sống phù phiếm xa hoa. Hai cách sống trái ngược nhau ấy, người đi tìm một đời sống tinh thần phải xa lánh. Đó là hai thái cực, một đằng là đời sống khoái lạc hưởng về sự hưởng thụ, tìm những thú vui và thỏa mãn những dục vọng, đây là cách sống bản thủ, hèn hạ, phù phiếm, trống rỗng, trái với tinh thần, không xứng đáng với người. Một đằng là đời sống khổ hạnh, tự đày ải, thực là đáng buồn, đáng thương, vô ích và cũng không xứng đáng. Hỡi các thầy Tỳ kheo, cả hai con đường ấy, bậc đại trí đã xa lánh từ bỏ; Như Lai đã tìm thấy con đường giữa, con đường làm sáng nhãn quang của trí tuệ, con đường đi đến an lạc, tỉnh thức, hạnh phúc, toàn giác, là con đường đi đến Niết Bàn.”

481. THEO ĐẠO PHẬT NÀO?

Đúng theo lời dạy của Thế Tôn thì giáo pháp của Ngài chỉ thuần một vị “giải thoát.” Ngoài ý nghĩa tối thượng là sự giải thoát, đạo Phật còn là một triết lý thực tiễn nhằm giúp cho cuộc sống hiện tại hạnh phúc và có ý nghĩa hơn. Thế nhưng, trong thời mạt pháp này, giáo lý cao đẹp ấy không còn được con người dùng để chuyển hóa tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng nữa. Ngược lại, người ta dùng giáo lý ấy như một thứ đồ trang sức cho kiến thức phàm phu trong những buổi nhàn đàm hý luận. Nghĩa là thay vì dùng những hiểu biết chân chính để thấy được giá trị của chúng sanh là có thể thành Phật nếu tự tâm luôn ngời sáng, thì con người chỉ dùng những hiểu biết ấy giỡn chơi cho vui qua bữa vậy thôi. Người con Phật chớ thuận nên ngày ngày tự vấn lấy lòng mình xem coi mình đang theo đạo Phật nào?

Nói là ngày ngày tự vấn vì không thể lơ là được trong vấn đề tu tập, một ngày trôi qua là mạng ta giảm dần như cá cạn nước, một ngày trôi qua là một ngày ta đi gần đến nhà mồ, nên không thể nào trì hoãn được đâu. Người tu Phật phải luôn canh cánh bên lòng rằng: “Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Được thân người, gặp Phật pháp, mà lại cam tâm đem Phật pháp vào chỗ nhàn đàm hý luận thì quả là uổng cho một kiếp người. Một ngày trôi qua mà ta không chịu tu tập là ngày đó ta đi với ma.” Có người nói rằng họ đã xả bỏ tất cả mọi chấp trước, với họ không còn nhị biên thiện ác. Thế nên họ không cần phải làm chi điều thiện hay bỏ chi điều ác. Thật tình mà nói, ngoài chư Phật và chư Tổ ra, chưa ai trong chúng ta có khả năng “không thiện không ác” này. Thế mà có người chỉ đến chùa để nhàn đàm hý luận. Họ chuyên nói về Kim Cang, Hoa Nghiêm, Bát

Nhã, Bất Nhị hoặc giả những chuyện trên trời dưới đất, nhưng khi hỏi ra họ đang theo đạo Phật nào thì họ không có lấy được một chữ để trả lời. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giáo gần năm mươi năm và Ngài đã tùy cơ cảm hóa chúng sanh mọi loài. Pháp môn Phật tuy chia ra rất nhiều, nhưng cũng không ngoài “Giới Định Tuệ,” trong đó giới là tối quan trọng, nghĩa là người tu Phật dù theo bất cứ pháp môn nào cũng đều phải giữ giới. Rồi từ đó tùy theo pháp môn mình tu mà hoặc thiền, hoặc niệm Phật hay trì chú. Nghĩa là Đạo Phật được Phật Tổ Thích Ca khai sáng không có chỗ đứng cho nhàn đàm hý luận, đạo này lại càng không dung chứa những kẻ không “tri hành hợp nhất.” Trong đạo Phật, hiểu và làm bao giờ cũng phải đi đôi với nhau. Hiểu chỉ để nói mà không chịu làm ấy là nhàn đàm hý luận, hoặc giỡn chơi cho qua ngày tháng. Người con Phật chơn thuần, bất luận kẻ ngu người trí, phải biết mình đang theo đạo Phật nào? Ngày xưa Châu Lợi Bàn Đạc, đốt đến nỗi không thuộc lấy một chữ, nhưng ngài vẫn đắc quả A La Hán. Tại sao ngài lại được như vậy? Tại vì Ngài biết Ngài đang theo đạo Phật nào. Ngài không phí thì giờ cho việc nhàn đàm hý luận. Với Ngài, đạo Phật là đạo của che chở, cứu mang và thương xót. Chỉ cần nhìn vào sự hoại diệt của tờ giấy hay tấm vải, cũng đủ cho Ngài thấy được luật “thành trụ hoại không” của vạn hữu. Từ đó nhìn về cái “sinh lão bệnh tử” của con người, Ngài cảm thấy tự thương xót mình và thương xót người, nên chỉ Ngài đã quyết tâm tu và chứng quả A La Hán chỉ trong một kiếp mà thôi. Đạo Phật và giáo pháp của Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni để lại là một triết lý sống an vui hạnh phúc và tu hành giải thoát, không thể nghĩ bàn. Chánh Pháp chính là Phật. Chánh Pháp còn là Phật còn. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Hãy tuân theo Chánh Pháp mà tu, hãy giữ gìn giới luật mà sống thì lúc nào cũng cạnh kề Như Lai. Nếu không theo Chánh Pháp, không giữ giới luật, dầu có Như Lai bên cạnh

cũng chẳng giúp được gì.” Đạo Phật của Phật Tổ Thích Ca là đạo Phật của hành trì chứ không phải là đạo để nói. Những ai tu hành chơn chánh, giới đức tròn đầy với cuộc sống cuộc tu phạm hạnh đều là trưởng tử Như Lai. Ngược lại, nói theo đạo Phật mà giới không giữ, lục hòa không trọng, cuộc sống không phạm hạnh, đó chỉ là những kẻ phá đạo hại pháp theo thói của tà ma ngoại đạo. Người con Phật chơn thuần phải luôn biết mình đang theo đạo Phật nào, chứ đừng để cho lũ ma Ba Tuần lôi kéo chúng ta vào những cuộc nhàn đàm hý luận. Phải biết đạo Phật mình đang theo là câu trả lời cho mọi khổ đau hay hạnh phúc của con người, là chìa khóa cho những ai muốn bước vào cửa Đại Giác, là phương tiện đưa chúng ta đến gặp mười phương ba đời chư Phật. Tuy nhiên, đạo này không nói suông mà được, hoặc giả không hành trì mà thành. Người tu Phật phải luôn nhớ rằng đạo Phật mà mình đang theo dạy con người quay về tự tâm mà phản quang tự kỷ, để từ đó có cơ hội gột rửa những trần lao phiền não. Nếu thấy mình hỷ còn quá nhiều tham dục trong cuộc sống hằng ngày thì hỷ cố mà tu bất tịnh quán; nếu thấy mình hỷ còn quá nhiều sân hận thì hỷ cố mà tu từ bi quán; nếu tự thấy mình hỷ còn quá nhiều chướng nghiệp thì hỷ cố mà tu theo pháp niệm Phật; nếu tự cảm thấy mình hỷ còn nhiều u mê ám muội thì hỷ cố mà quán như duyên để thấy cho rõ được bộ mặt thật của vạn pháp. Làm được như vậy thì chẳng những với bản thân mình đã sống đúng theo cuộc sống hưởng thụ, mà với tha nhân lúc nào chúng ta cũng mang đến cho người thông điệp tuyệt vời về từ bi hỷ xả của nhà Phật. Pháp môn tu dù có khác nhau về danh xưng, hoặc thiền, hoặc niệm Phật hay trì chú. Tuy nhiên, nếu chúng ta dụng công tu tinh tấn hành hành thì thế nào chúng ta cũng có khả năng “nhất tâm bất loạn” để nhìn lại được bộ mặt thật của chính mình, nghĩa là “minh tâm kiến tánh” và đi đến giải thoát. Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng Phật

bàng bạc ở khắp mọi nơi mọi chốn, nơi nào có từ bi hỷ xả trong cuộc sống hằng ngày, là nơi đó có Phật; nơi nào có tình thương là có Phật; nơi nào có chơn lý là có Phật. Dù xuất gia hay tại gia mà phát tâm Bồ Đề, tu hành tinh tấn, thực hành từ bi hỷ xả, lợi tha quên mình thì con người ấy là Phật vì còn đâu nữa những vướng víu của thường tình thế tục. Ngày xưa Phật Tổ đã cắt ái ly gia không phải vì trốn chạy cảnh đời, cũng không phải vân du cho vui, lại cũng không phải nhàn đàm hý luận cho qua bữa. Mà Ngài muốn tìm ra manh mối của khổ đau phiền não. Chúng ta đang thừa hưởng gia tài Phật để lại, những gì Phật đã tu và đã thành là không thể nghĩ bàn. Ai muốn lăn trôi trong ba nẻo sáu đường thì cứ tiếp tục nhàn đàm hý luận, những người con Phật hậu bối chúng ta cương quyết nối chí Phật Tổ, quyết chỉ theo đạo Phật mà Ngài đã vạch ra năm xưa. Với Bát Thánh Đạo, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, cũng như Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo mà Phật Tổ đã trao truyền năm xưa. Người con Phật chơn thuần phải hiểu rõ vô thường, khổ, không, phải luôn tu tập Tứ Diệu Đế. Chỉ có vậy chúng ta mới mong đẹp được tham ái và vô minh là hai tên giặc dữ dẫn đến khổ đau phiền não. Người con Phật chơn thuần chấp nhận giáo lý nhà Phật và đem áp dụng vào cuộc sống khắp nơi, luôn tin rằng mỗi chúng sanh đều có Phật tánh và sẽ thành Phật để không còn dám sát sanh hại vật mà chỉ phóng sanh cứu vật. Con người ấy luôn tin Phật tại tâm nên chẳng bao giờ dám khởi lên những tư tưởng quàng xiên sai quấy, từ đó mà không còn tà ngôn vạ ngữ hay những hành động tội lỗi. Con người ấy luôn quảng tâm bố thí để tận diệt lòng bợn sền keo kiết; luôn khiêm cung từ tốn để đối trị ngã mạn cống cao. Làm được như vậy, cho dù chưa cắt đứt luân hồi sanh tử, cuộc sống cuộc tu của ta cũng là an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc lắm rồi vậy. Chúng ta sẽ không còn u mê chạy theo lục trần. Một khi chúng ta biết rõ chúng ta đang theo đạo Phật nào thì ngay trong cuộc sống

hiện tại của chúng ta đã là giải thoát. Chúng ta vẫn sống hòa nhập vào dòng đời mà không còn bám víu vào trần tục, chúng ta vẫn sinh hoạt bình thường với tâm vô nhiễm. Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ rằng Đức Phật cũng là một con người như bao con người, nhưng với quyết tâm kiên cường và chí nguyện tuyệt vời mà Ngài đã tu thành đạo quả. Nếu chúng ta quyết tâm theo đạo Phật Thích Ca thì chúng ta phải lấy đời sống và những lời dạy dỗ của Ngài làm kim chỉ nam cho cuộc sống cuộc tu của chính mình. Phật Tổ đã khẳng định hạnh phúc và giải thoát của con người phải bắt nguồn từ con người, chứ không từ bất cứ phía nào.

Người con Phật hậu bối, muốn chuyển mê khai ngộ, muốn ly khổ đắc lạc phải nắm cho được yếu lý nhà Phật: “đau khổ ở đây mà giác ngộ và giải thoát cũng ở ngay trong mỗi người chúng ta.” Theo đạo Phật Thích Ca thì tu bao lâu cũng được miễn là tu trúng. Trong Hội Lăng Nghiêm, Đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng chỉ có pháp môn “tham thiền” của Quán Thế Âm Bồ Tát là dễ tu dễ chứng cho chúng sanh trong cõi Ta Bà này. Pháp Môn “Phản Văn Tự Tánh,” nghĩa là quán tưởng hay nghe trở lại tánh hay nghe của mình. Tại sao Đức Phật không nhắc đến pháp môn “Niệm Phật” của Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát? Nên nhớ trong đạo Phật Thích Ca, không có ai có đủ khả năng quán tưởng trở lại tánh hay nghe của ai hoặc có thể phá chấp cho ai. Ngay cả Phật Tổ mà còn phải im lìm trước thái độ khinh mạn của Đề Bà Đạt Đa, huống là ta? Trong đạo Phật, phá chấp là tinh thần cao tuyệt nhất trong tu tập. Tuy nhiên, sự phá chấp phải được triển khai từ trong ra ngoài, chứ không bao giờ có sự phá chấp nào có thể bắt nguồn từ bên ngoài mà tồn tại được trong đạo Phật. Chỉ có chất đề hồ Phật pháp, khi đã thấm vào tim óc chúng sanh, mới có đủ công năng phá tan cái bản ngã vị kỷ cứng nhắc cũng như sự bám víu vô vọng của chúng sanh. Hiểu như vậy để mỗi người chúng ta phải

cố gắng dụng công thâm thâm tu tập, hãy đem phương pháp sống tu mà Phật đã trao truyền năm xưa để ít nhất dù chưa giải thoát, cuộc sống này cũng là an lạc, mọi ngu tối si mê cũng được chuyển thành trí tuệ hiểu biết, và những ích kỷ bần sần cũng phải lui bước để nhường chỗ cho vị tha hỷ xả. Như vậy dù tu theo bất cứ pháp môn nào, hễ dụng công tu hành đến chỗ rốt ráo thì thế nào cũng đến được chỗ “tịnh định,” rồi từ đó mà phát huệ và thấy rõ được đâu là nẻo về địa ngục còn đâu là giải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Phật tử chơn thuần nên luôn tin tưởng lời Phật dạy trong Hội Lăng Nghiêm: “Thuần tướng tức phi, thuần tình tức đạo,” nghĩa là nếu hoàn toàn quán tưởng sẽ lên các cõi trên, trái lại nếu chỉ sống theo dục tình và ái nhiễm sắc trần sẽ bị sa đọa xuống các cõi dưới. Trong Hội Lăng Nghiêm chỉ thuần là những bậc Thánh Tăng mà Đức Phật còn nhấn nhủ như vậy, huống là chúng ta, những kẻ đã gây tội tạo nghiệp trong nhiều đời nhiều kiếp, hôm nay muốn giải thoát khỏi vòng sa đọa, chúng ta phải dụng công bền chí tu hành, dù đến chết cũng không được thối chuyển, chúng ta phải vận dụng hết đại hùng đại lực và đại chí thoát trần mà tu tập mới mong dù chưa rốt ráo giải thoát thì đời sau cũng được tái sanh làm người mà tiếp tục tiến tu giải thoát. Chính vì vậy mà cổ đức có dạy: “Tu hành không Phật thì Tiên, dù chưa đại Thánh cũng thiên siêu nhân.” Cũng chính vì vậy mà trong suốt 49 năm hoằng hóa, Phật Tổ đã tùy duyên mà nói pháp. Thoạt đầu Ngài nói Hoa Nghiêm nhưng người đời không thấu hiểu nổi nên Ngài bèn nói pháp dễ hiểu như những bài thuyết giảng trong Kinh A Hàm, rồi Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn. Về “Thừa” cũng vậy, Ngài đi từ Nhân thừa, đến Thiên thừa, rồi Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngoài ra, người theo đạo Phật Thích Ca còn phải quy ngưỡng Tam Bảo, vì Tam Bảo là kim chỉ nam cho cuộc hành trình về đất Phật. Phật là đấng giác ngộ, là vị đạo sư cho trời và

người, Tăng là những trưởng tử Như Lai nối truyền Thích Ca Chánh Pháp, Pháp là toàn bộ giáo pháp được Đức Phật trao truyền lại. Làm con Phật phải tuân theo lời dạy của Phật, phải hiểu rõ và thực hành những lời Phật dạy, phải luôn sống theo Chánh Pháp. Một khi đã nhập được bước với Pháp, nghĩa là thâm nhập được bản thể của vạn pháp là thấu triệt chơn lý. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ lời Phật dạy: “Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan.” Thật tình mà nói, ngôn ngữ văn tự của thường tình thế tục không bao giờ có khả năng chuyên chở được giáo pháp tuyệt vời của nhà Phật. Chính vì thế nếu không khéo, dùng văn tự ngôn ngữ, hay chữ nào nghĩa ấy để giải kinh thì e rằng chúng ta sẽ nói oan cho tam thế Phật. Thường thì chư Phật dùng những câu chuyện bình thường để dẫn dắt chúng ta đến những nghĩa bóng hay ẩn dụ đằng sau là những chân lý mà chư Phật muốn đề cập đến. Thật ra Pháp của chư Phật phải được tồn trữ vào những bộ kinh “Vô Tự” mới có thể chuyên chở hết sự thật tuyệt đối mà các Ngài muốn trao lại cho chúng ta. Chánh Pháp là chân lý tuyệt đối mà không một văn tự ngôn ngữ nào có thể chuyên chở hay diễn tả nổi, chân lý ấy vượt ra ngoài vòng tương đối và phân biệt. Xuyên qua lịch sử các vị Thánh đệ tử Phật, chúng ta thấy Ngài Ca Diếp chỉ mỉm cười, Ngài Duy Ma Cật chỉ lặng thinh, Tổ Bồ Đề Đạt Ma quay mặt lại nhìn tường những chín năm ròng rã mà không nói không rằng. Phật pháp là như vậy đó. Tuy nhiên, căn cơ chúng sanh đa phần cạn cợt nên bắt buộc phải dùng văn tự ngôn ngữ mà chuyên chở giáo pháp, người con Phật phải luôn nhớ như vậy để không phải vướng mắc vào văn tự. Khi đọc tụng kinh Phật, chúng ta cần vượt qua nghĩa đen, phải không câu chấp vào danh tự tầm thường để thâm nhập vào ẩn dụ hay nghĩa bóng, rồi từ đó đem ra thực hành, sống tu đúng theo lời Phật dạy “tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.” Làm được như vậy thì không cần nói chi đến việc ra

khỏi thế tục gia hay phiền não gia, cuộc sống cuộc tu của người con Phật quả là an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc lắm rồi vậy.

Đạo Phật đã được Phật Tổ Thích Ca khai sáng với thiên hình vạn trạng. Ngài đã tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mà bày ra đủ thứ phương tiện thiện xảo với nhiều màu sắc đa dạng. Dù dưới hình thức hay phương tiện nào, đạo Phật không bao giờ dung chứa những con ma trời suốt ngày chỉ biết nhàn đàm hý luận. Chính Phật Tổ đã khẳng định, ai tu theo Phật, dù dốt đặc như Châu Lợi Bàn Đà Già, vẫn có khả năng tu hành giải thoát. Tuy nhiên, những kẻ nhàn đàm hý luận sẽ không bao giờ vượt thoát khỏi những khổ đau phiền não. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng sở dĩ mình còn lăn trôi đến giờ này là vì mình hãy còn vọng tu. Bây giờ muốn vượt thoát khỏi những hệ lụy của khổ đau phiền não, con đường duy nhất là phải tu theo đạo Phật mà Phật Tổ Thích Ca đã khai sáng, nghĩa là phải quay về tự tâm, phản quang tự kỷ, phải luôn nhớ rằng nhân quả tự tâm là chơn lý rạn ngời trong tiến trình thanh lọc thân tâm, phải luôn thấy rằng mọi sự mọi việc xảy ra trên cõi đời này, mọi tội lỗi khổ đau hay sung sướng đều phát ra từ ý nghĩ, lời nói và hành động của chính mình. Chính vì thế mà trước khi nhập diệt Đức Thế Tôn đã ân cần dặn dò tứ chúng: “Muốn trả ơn ta, hãy theo đúng lời dạy của ta là phải tự giác, giác tha. Muốn tự giác trước hết phải tự tu, tự học, chớ không phải là thăm hỏi, hầu hạ, hay cúng lạy đâu.” Thật vậy, người con Phật phải tự học tự tu, tự mình quán xét nội tâm, hồi quang phản chiếu và phát huy trí tuệ mới mong có ngày công viên quả mãn. Như chúng ta thấy đó, pháp môn tu Phật thì nhiều, ai muốn tu theo pháp môn nào cứ tu, nhưng luôn nhớ rằng, giáo pháp mênh mông của Đức Từ Phụ chỉ gom gọn về một mối “dứt hết các duyên là thành tựu Bồ Đề.” Về sau này các Tổ Bồ Đề Đạt Ma và Huệ Năng cũng đã mở đường giải thoát cho hàng đệ tử bằng cách khai thị cho họ “dứt

hết các duyên mà một niệm chẳng sanh.” Người con Phật chơn thuần hãy cố mà buông bỏ, buông bỏ và buông bỏ đến chẳng còn cái gì ràng buộc; hãy cố lấy lý trừ sự mà chẳng bị ràng buộc bởi cả lý lẫn sự thì chắc chắn một ngày không xa nào đó chúng ta sẽ thấy rõ được bản tánh vốn thanh tịnh xưa nay của chúng ta. Từ đó đối với chúng ta, Bồ Đề, sanh tử, Niết Bàn hay Tây Phương Cực Lạc tất cả chỉ là giả danh, nguyên chẳng ăn thua gì đến tự tánh của chúng ta cả. Từ đó chúng ta sẽ thấy rõ vạn sự vạn vật đều là mộng huyễn, cho đến thân tứ đại này cũng là mộng huyễn. Ta và sơn hà đại địa âu cũng chỉ như là bọt nước nổi trong biển cả. Hiểu được như vậy thì chúng ta còn lòng dạ nào mà chạy theo những “sanh trụ dị diệt” của trần thế để khởi tâm vui, buồn, thương ghét, thù, xả. Từ đó ngay cả thân ta ta cũng buông xả và xem nó như một thứ thân ma, thì làm gì cần, trần, thức, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng còn có khả năng vây quấn được chúng ta? Đó chính là cái mà Phật gọi là “vạn duyên buông bỏ.” Một khi vạn duyên buông bỏ thì vọng tưởng tự nhiên bị tiêu diệt và phân biệt chẳng còn khởi lên chấp trước. Làm được như vậy thì một niệm cũng chẳng sanh và tự tánh quang minh, toàn thể được tỏ bày, tức là “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật vậy.” Đó là tánh mà Phật Tổ đã từng khẳng định rằng trong tất cả chúng sanh, ai cũng đều có khả năng này. Hễ ai nhận chân được tánh thanh tịnh ấy mà tùy thuận theo các duyên nhưng chẳng nhiễm, ngày cũng như đêm, trong đi đứng nằm ngồi, ấy là hiện tiền thành Phật. Tuy nhiên, người con Phật chơn thuần phải luôn cẩn trọng vì thấy được bản lai chơn diện mục nói dễ khó làm. Nói dễ khó làm đến độ từ sau Hội Linh Sơn với Ngài Đại Ca Diếp đắc được truyền tâm pháp đến nay, có mấy ai có được phong thái của chư Phật và chư Tổ? Phật dạy chúng ta buông bỏ thì chúng ta cố trì giữ nắm bắt, Phật bảo chúng ta tịnh định thì chúng ta loạn đoạn động, Phật bảo chúng

ta nghĩ thiện thì chúng ta nghĩ ác, vân vân và vân vân, thì làm sao mà “kiến tánh thành Phật đây!” Dù đời nay chúng ta phước mỏng nghiệp dày, căn cơ không bằng đời xưa, lại thêm tánh chạy đông chạy tây nhàn đàm hý luận và chấp trước vào ngôn cú danh tự. Nhưng quý vị ơi ai trong chúng ta rồi cũng sẽ một lần làm “cá hóa long,” người con Phật chơn thuần còn chần chờ gì mà không dụng công “hóa long” ngay từ những giây phút hãy còn linh mãnh này. Người con Phật chơn thuần quyết không nhàn đàm hý luận, cũng không ngồi lim dim cho qua ngày qua bữa. Chúng ta phải luôn nhớ rằng xưa nay ta và Phật nào có chi sai khác, chỉ vì u mê mà ta cứ mãi lặn trôi trong tam đồ lục đạo. Nay thấu rõ giáo lý nhà Phật và quyết tâm tu trì theo Phật, dù tu theo bất cứ pháp môn nào cũng đi đến “kiến tánh thành Phật.” Thấy như vậy để biết rõ rằng dù mình đang tu theo đạo Phật nào, miễn là chánh tông đạo Phật, là trọn đời tu hành không thối chuyển. Tham thiền không thối chuyển như vậy mới gọi là tham thiền, niệm Phật không thối chuyển như vậy mới gọi là niệm Phật, trì chú không thối chuyển như vậy mới gọi là trì chú. Hãy tuân tự “Văn Tư Tu” cho đến khi thấy rõ vọng tưởng không thể tánh, nên chẳng sợ cũng chẳng cần phí sức hàng phục nó, mà chỉ cần làm người quan sát vô tư, vọng tưởng tự đến rồi tự đi chứ ta không mời, không thỉnh, cũng không xua đuổi. Chừng đó thì “chơn vọng đồng một thể,” chúng sanh và Phật chẳng hai, sanh tử Niết Bàn, Bồ Đề hay phiền não đều là bốn tâm bốn tánh, chẳng cần phân biệt, chẳng cần ưa, cũng chẳng cần nhàm chán, chẳng cần thủ, cũng chẳng cần xả. Như vậy tâm thanh tịnh này là gì nếu không phải là Phật? Mong cho ai nấy đều phát tâm tu theo Phật Tổ Thích Ca, cùng đi theo Ngài trên con đường “Từ Bi Hỷ Xả,” cùng hưởng về thế giới của Ngài, nơi đó chỉ có khoan dung, độ lượng, từ bi, bác ái, vị tha, cùng hành sử với nhau bằng đức tính thanh khiết cao thượng để một ngày không xa nào đó, chúng ta

có thể cùng nắm tay chư Phật đi vào cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt.

482. HÌNH TƯỢNG BÊN NGOÀI HAY TÂM ĐỊA BÊN TRONG

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Từ Phụ đã khẳng định với tứ chúng rằng: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.” Lời Phật dạy thật đơn giản, nhưng rõ ràng và đầy đủ. Người con Phật không còn gì nữa để mà nghi nan hay vấn đáp. Lời dạy ấy đã trả lời thẳng cho câu hỏi: “Hình tượng bên ngoài hay tâm địa bên trong?” Trước khi nhập diệt, Đức Thế Tôn lại một lần nữa nhấn nhủ tứ chúng rằng: “Sở dĩ ta không muốn chỉ định bất cứ ai làm người truyền thừa là vì ta muốn rằng trong bất cứ tình huống nào, người tu theo Phật cũng nên luôn nhớ một điều: y pháp bất y nhân.” Lại một lần nữa Thế Tôn dùng chỉ một cụm từ năm chữ, nhưng chứa cả một triết lý sống tu thực tiễn. Suốt dòng thời gian hành đạo bốn mươi chín năm của Đức Phật, Ngài luôn chỉ dạy cho chúng đệ tử những cái rất bình thường trong cuộc sống hằng ngày như đi đứng nằm ngồi, vân vân. Tuy nhiên, Ngài khẳng định oai nghi tế hạnh không có nghĩa là gò bó hay trau chuốt cho đáng vẻ bên ngoài, mà oai nghi tế hạnh phải toát ra từ phạm hạnh bên trong. Những lời vàng ngọc của Thế Tôn mỗi hôm nào đây hãy còn vang vọng thế mà hôm nay có lắm kẻ vừa mới biết phần nào giáo lý đã tưởng mình siêu đẳng, đi ngược lại với những lời Phật dạy, chỉ ngày ngày trau chuốt cho hình tượng bên ngoài cho oai nghi bề vệ mà quên hẳn tâm mình đang chất chứa đầy những rác rưởi của thường tình thế tục. Chúng sanh trong cõi Ta Bà mang thân nghiệp khác nhau, nên hình tượng bên ngoài cũng khác nhau. Tuy nhiên, tâm vẫn làm chủ tất cả, tâm tạo tác, tâm gây nghiệp

thiện ác. Trong trạng thái giải thoát của tâm, không có chỗ đứng cho hình tướng bên ngoài. Dù bề ngoài có “đầu tròn áo vuông” mà không chịu sống tu theo “tam thường bất túc” (ăn, mặc, ngủ nghỉ không được sung túc) thì những con người ấy vẫn còn tham dục tràn đầy. Ăn là để sống để tu chứ không phải để khoái khẩu; mặc làm sao cho đủ ấm chứ không phải cho đẹp cho sang nên cần chi quần là áo lụa; ngủ nghỉ để có sức khỏe sống tu nên cần chi chăn êm nệm ấm. Kỳ thật có sống được trong “tam thường bất túc” thì nội tâm chúng ta mới thao thức về sự giải thoát của mình và của người. Dù xuất gia hay tại gia, người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng hình tướng bên ngoài không giúp chúng ta giải thoát, chỉ có tâm địa bên trong mới có khả năng đưa chúng ta đi xuống hay đi lên mà thôi. Chính vì thế mà Đức Phật thường dạy trong các kinh điển của Ngài: “Đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia, phải tu hành tinh tấn, thượng cầu Bồ Đề, hạ hóa chúng sanh, phải buông bỏ danh lợi, phải ngày đêm nhớ luật vô thường, phải nắm lý vô ngã, phải cần tu như lửa đốt đầu, luôn sống thanh tịnh, hòa hợp, phải luôn giúp người hưởng thượng, phải tự lợi lợi tha, phải tự giác, giác tha rồi đi đến giác hạnh viên mãn.” Chính Đức Phật đã nhiều lần nhắc nhở tứ chúng rằng đạo này được dùng để soi sáng tư duy, để khơi dậy nguồn sáng trong mỗi người, để chỉ đường vạch mở những gì đang che mờ tâm thức, chứ đạo này không nhằm mục đích trau chuốt cho con người được tướng hảo quang minh. Tuy nhiên, tướng hảo quang minh tự nhiên đến với những con người đã đi đúng vào đạo, những con người đã vượt thoát khỏi sâu bi khổ não của trần tục. Thấy thế mới biết dù bề ngoài uy nghi bệ vệ mà bên trong chứa đầy tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng những kẻ ấy vẫn là những con ma trời chứ không là gì cả. Ngược lại, dù bên ngoài mang lột ăn mày mà bên trong đạo đức tròn đầy với tâm nguyện mang lại an vui lợi ích cho mọi người, con người ấy

vẫn là mẫu người tiêu biểu cho sự cao quý thánh thiện mà đạo Phật gọi họ là những vị Bồ Tát. Dù bề ngoài uy nghi bệ vệ mà tâm địa xấu xa ô nhiễm, mục hạ vô nhân, bươi móc lỗi người, ngã mạn cống cao, luôn so sánh phân biệt, luôn mang thành kiến định kiến, luôn đố kỵ ganh ghét, luôn tham lam bòn sẻn thì cái uy nghi bệ vệ đó chỉ là phong thái của loài ma trời không hơn không kém. Người Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ rằng: “nước biển chỉ thuần một vị mặn và giáo pháp Như Lai chỉ thuần một vị giải thoát.” Tuy nhiên, giáo pháp này chỉ giúp cho con người giải thoát nếu con người ấy biết quay vào bên trong để gột rửa, để phản quang tự kỷ hay để tu tâm dưỡng tánh. Giáo pháp này chẳng có ích lợi gì cho những kẻ hưởng ngoại cầu hình, hay những kẻ chỉ biết ngày ngày trau tria bồi bổ cho cái thân này. Cũng như vậy, giáo pháp này chẳng giúp ích gì được cho những kẻ học kinh nhằm thỏa mãn óc tò mò, những kẻ lượm lặt được dăm ba mớ kiến thức trong nhà thiền rồi đem ra nhàn đàm hý luận chứ không chịu tu hành. Người Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ rằng “chiếc áo không làm nên thầy tu.” Nếu chiếc áo mà làm nên thầy tu thì tự cổ chí kim đã có hằng hà sa số chư Phật, hoặc giả thế giới này không còn mang tên Ta Bà nữa. Nhưng thế giới này vẫn mang tên Ta Bà và chúng sanh vẫn không ngừng lăn trôi trong ba nẻo sáu đường. Tại sao lại có trạng huống này? Tại vì chúng ta vẫn lấy hình tướng mà nhìn Như Lai, và vẫn lấy âm thanh mà cầu Như Lai. Chúng ta vẫn nhìn Như Lai với 32 tướng hảo, vẫn tưởng đến Như Lai với những tiếng pháp âm trầm bổng. Chính vì thế mà chúng ta vẫn bị hình tướng và âm thanh lôi kéo để rồi mặt trời trí tuệ vẫn cứ rơi vào đất “có” và tâm trí vẫn mờ mịt vì đám mây mờ vô minh đã che lấp mất cửa “không.” Người con Phật chơn thuần phải thấy rõ điểm tối quan yếu này để tự quay lại nội tâm mình mà phản quang tự kỷ. Hãy luôn quán sát tự tâm từng giờ từng phút từ ý nghĩ, lời nói đến

hành động. Ba đời chư Phật và chúng sanh không sai khác, ngặt nỗi chúng ta bị tập khí làm mờ ám và ngoại cảnh giao duyên khiến tự tánh đã mờ càng mờ thêm. Chúng ta mang danh Phật tử nhưng ít ai chịu nhìn thẳng vào những lời Phật dạy. Phật và chư Thánh Tăng ngày xưa nào có để ý gì đến hình tướng bên ngoài, nào có thờ cúng lễ bái thần quyền. Hơn nữa chính Đức Phật đã dạy rõ ràng trong các kinh điển của Ngài rằng về phần tâm linh thì chúng sanh và Phật đều bình đẳng như nhau, về cuộc sống thực ngoài đời thì không có giai cấp khi máu của chúng sanh đều đỏ như nhau. Như vậy ai có quyền bắt ai phải thờ cúng hay lễ bái mình? Chúng ta, hàng Phật tử hậu bối, sở dĩ lễ kính chư Phật là để tỏ lòng biết ơn các Ngài đã vì thương xót chúng sanh mà thị hiện, ban cho chúng ta giáo pháp tuyệt vời, lễ bái là để tự nguyện noi theo gương các Ngài mà tu tập cho thành Phật như các Ngài, chứ đâu phải u mê chạy theo hình tướng bề ngoài, dù là hình tướng của các Ngài đi nữa cũng chỉ là những thứ huyễn giả chứ có gì đâu mà chúng ta chạy theo? Phật tử chơn thuần hôm nay quyết dùng trí dũng của người con Phật để phá tan bóng tối vô minh đã xô đẩy chúng sanh vào chỗ mê tín theo những tập tục quái dị và không cần thiết cho cuộc sống cuộc tu của chính mình. Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ lời Phật dạy về con người giải thoát là người không còn mê lầm bốn ngã chứ không phải là con người với tướng hảo quang minh; là người không còn nghi ngờ chứ không phải là những kẻ chỉ biết u mê chạy theo chỉ vàng chỉ đỏ hay áo vàng áo đỏ; là người không còn ham mộ nghi lễ cúng kiến chứ không phải là kẻ ham mê chuông mõ ngân nga trầm bổng của thường tình thế tục; là người không tham dục, không tham sắc, cũng không tham vô sắc, chứ không phải là kẻ chỉ một bề gom góp của bá gia bá tánh để trưởng dưỡng cái bản ngã của chính mình; là người không sân hận, không si mê, không tự cao tự đại, lại cũng không xao động trước bất cứ tình huống

nào. Con người giải thoát đi thẳng vào trần tục không còn khiếp sợ một ai hơn là sợ thân khẩu ý của chính mình. Đối với các bậc này, phước báo vô lậu các Ngài còn không màng, huống là phước báo hữu lậu của cõi nhơn thiên này. Phật tử chơn thuần quyết không u mê mù quáng tín ngưỡng đạo như quyền lực thần linh, không dùng hình dong tướng hảo bên ngoài để che đậy tâm địa thấp hèn bên trong. Ngày xưa Đức Phật đã vì đại nguyện tự độ độ tha mà Ngài đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, từ bỏ hết thảy mọi hình tướng bên ngoài để tự quay về với bốn tâm bốn tánh mà tu hành, không lý gì hôm nay chúng ta lại đi ngược lại với bốn giáo của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni để chỉ một bề trau tría cho hình tướng bên ngoài mà quên mất bốn tâm cần thiết bên trong. Người con Phật quyết không lấy vải the che mắt Thánh, quyết tu sửa tâm địa bên trong cho hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh chứ không chỉ nói suông, hoặc chỉ có hình tướng bên ngoài. Nên nhớ chiếc áo và cái đầu không làm nên thầy tu. Nếu chiếc áo cái đầu mà làm nên được thầy tu chơn chính thì thế giới này đâu còn mang tên Ta Bà nữa như đã nói ở phần trên. Bốn giáo của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy quá rõ về “Hình tướng bên ngoài hay Tâm địa bên trong,” ai tự nhận mình là con Phật chơn thuần, hãy mau quay trở về với tâm địa của chính mình mà sống mà tu, ví bằng ngược lại chỉ một bề ham chuộng hình thức bên ngoài thì tốt hơn nên tìm đạo khác mà tu, chứ đừng tiếp tục ù lì làm cho mang tiếng và ô uế đạo. Đồng ý đường tu vạn nẻo, ai muốn trở lại làm người thì ăn hiền ở lành và hành trì ngũ giới, ai muốn hưởng các quả lành hoặc làm trời hưởng phước thì tu thập thiện, vân vân, nhưng mục đích tối thượng của người tu Phật là giải thoát rốt ráo. Như vậy người quyết tâm tu theo Phật phải có hùng lực lia bỏ hạnh phúc tạm bợ mong manh của thế gian để hướng về giải thoát. Con người đó phải luôn canh cánh bên lòng là hình tướng bên ngoài chỉ là con số “không” trong nắng mưa

giải thoát. Chỉ có tâm địa bên trong mới là nhân tố quan yếu trong cuộc hành trình về đất Phật. Chỉ có giữ giới thanh tịnh và tu hành các thiện hạnh như bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn và kiên trì thiền định mới mong thoát khỏi những hệ lụy của khổ đau phiền não. Nếu những hệ lụy của khổ đau phiền não mà có thể được hình tướng bên ngoài che lấp thì Đức Từ Phụ đã không từ bỏ cung vàng điện ngọc để ra đi với chỉ ba bộ y bá nạp, một bình bát bể và một nhánh cây khô làm gậy. Nếu tụng kinh hay thuyết pháp mà có thể đoạn tận được khổ đau phiền não thì Đức Phật đã trở thành một tín đồ của Bà La Môn chứ Ngài không phải nhọc công nhọc sức tìm cầu. Cũng như vậy, nếu ngồi yên như khúc cây cục đá mà thành Phật thì Đức Phật đã là một tín đồ của Du Già (Yoga) chứ không cố chi phải ngồi tịnh lự 49 ngày đêm dưới cội Bồ Đề. Chính vì thế mà trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật đã dạy tứ chúng lần cuối trong Kinh Di Giáo: “Hãy tự thấp đuốc lên mà đi, hãy tự làm hải đảo để trú ẩn, đừng ỷ lại nhờ người khác tu giùm, ta chỉ là người dẫn đường, các con hãy tự cất bước, con đường tốt nhất là Bát Chánh Đạo trong Tứ Diệu Đế.” Dù bề ngoài có tướng hảo trang nghiêm thế mấy mà không chịu đi theo tám ngành Thánh Đạo của Thế Tôn thì cũng chỉ là giỡn chơi cho qua ngày tháng vậy thôi, mà không chừng trạm dừng chân kế tiếp sẽ là A Tỳ hay Vô Gián địa ngục nữa là khác. Ngày xưa A Nan bề ngoài tướng hảo quang minh thế nào, thế nhưng bên trong chẳng chịu tu học mà chỉ ỷ lại vào Phật, mong nhờ Phật độ cho nên suýt nữa là vương bầy Ma Đăng Già. Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng giải thoát là giải thoát khỏi mọi hệ lụy của trần thế, thành Phật tức là nhận ra ông Phật nơi chính mình, là trở về với bản tánh thanh tịnh sẵn có của mình, chứ không phải là thành tướng hảo như ông Phật xi măng mà ta vẫn thường thấy.

Người con Phật sơ cơ nên luôn cẩn trọng, đừng để cho hình tướng bên ngoài làm chóa mắt và che mất bầu trời giải thoát quang đặng. Sai một cự ly của trái đất này tức là sai đi hàng trăm dặm. Sai một cự ly trên hành trình về đất Phật là trật hướng hoàn toàn. Tu các thiện nghiệp mà quên mất Bồ Đề tâm còn rơi vào ma đạo, huống là tu hình tướng bên ngoài? Chính vì thế mà ai muốn lăn trôi cứ lăn trôi, người con Phật một khi đã quyết tâm tu hành giải thoát phải luôn hướng vào nội tâm mình mà trau sửa sao cho lòng từ bi luôn rộng lớn, vị tha bác ái, phải tu sao cho từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm luôn chơn chánh vì nếu ý không chơn chánh tất suy nghĩ và chứa chấp những điều bất chánh, lời nói không chơn chánh tất ong óng oang oát, thân không chơn chánh tất đi đứng nghênh ngang như con lật đật và không kinh vì những tổn hại cho tha nhân để rồi cuối cùng phải đi vào tà đạo. Người con Phật chơn thuần hãy chấm dứt ngay việc nấu cát mà mong cho thành cơm. Mong cho ai nấy đều thâm nhập kinh tạng và trí huệ như biển, để một ngày không xa nào đó không còn thế giới nào mang tên “Ta Bà” nữa.

483. TU ĐẾN CHỪNG NÀO?

Hôm nay chúng ta đang sống trong một xã hội văn minh vật chất và để thỏa mãn những nhu cầu vật chất con người phải làm lụng nhiều giờ và vất vả hơn nên thời giờ tu tập không có. Thế nhưng hễ có được giờ nào để tu tập thì mong cho giờ ấy trôi qua nhanh để còn làm những việc khác mà họ cho là cần thiết hơn. Người con Phật chớ thuận hãy bình tâm suy gẫm lại coi, còn giờ nào quan trọng và cần thiết hơn giờ tu tập? Nếu những giờ khác là cần thiết thì một bậc đại giác như Phật Thích Ca đã không từ bỏ ngôi báu, vợ đẹp, con ngoan, danh vị, quyền tước và cửa cái để đi tu. Ngài đã để lại cho hậu thế một thông điệp: “Không có thì giờ nào quan trọng và quý báu hơn thì giờ dành cho tu tập.” Tuy nhiên, vấn đề ở đây là chúng ta tu đến chừng nào mới thôi? Chúng ta đã lăn trôi tạo nghiệp từ vô thủy thì chuyện tu tập cũng không phải là một ngày một bữa. Theo Đức Từ Phụ thì trung bình một chúng sanh muốn tu thành Phật phải mất ít nhất là ba a tăng kỳ kiếp. Nhưng trong trùng điệp tử sanh luân hồi, nào ai biết được mình đã tu được bao lâu? Có thể chúng ta chưa tu ngày nào, mà cũng có thể chúng ta đã tu gần đến ba a tăng kỳ. Ly đã gần đây, chỉ cần một giọt nữa là tràn. Nói gì thì nói, người quyết tâm tu hành đến giải thoát không thể một phút nào để duôi hay khinh mạn được. Trong Bách Trượng Dã Hồ có tích rằng thuở xưa thời Đức Phật Ca Diếp có một Tăng sĩ tài ba, lâu thông tam tạng kinh điển. Ông thường hay đăng đàn thuyết pháp để giáo hóa tứ chúng đi theo con đường hướng thượng. Một hôm có người đến hỏi ông rằng kẻ tu hành ngộ đạo còn rơi vào vòng nhơn quả hay không? Ông bèn trả lời “không.” Vì một phút sai lầm, trả lời càng bướng mà ông phải mang thân làm chồn đến 500 kiếp. Sau nhờ Bách Trượng Hoài Hải giảng giải rằng: “Không ai có thể ở

ngoài vòng nhân quả,” ông mới giác ngộ mà hóa kiếp. Qua thí dụ điển hình trên, chúng ta thấy trong cuộc tiến hóa, chúng ta đã trải qua một cuộc hành trình dài. Nay được làm thân người và biết tu tập, không thể nào cam tâm tiếp tục để cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng dẫn dắt chúng ta làm cây cỏ, trùng đế, trâu bò, hay heo chồn nữa. Dù biết rằng ngày mai thành Phật, hôm nay vẫn luôn tỉnh thức rằng: “Chúng ta luôn chịu trách nhiệm về tư tưởng và hành động của mình trong luật nhân quả.” Lại nữa, dù muốn hay không muốn, ai trong chúng ta rồi cũng phải tu và tu cho đến khi thành Phật. Trong một kiếp ngụp lặn, tu học chưa thông thì phải tiếp tục đi trong nhiều kiếp nữa, đi cho tới khi nào “phản bổn hoàn nguyên” mới thôi. Mục tiêu tối thượng của những người con Phật là tu hành giải thoát. Một khi đã phát đại nguyện giải thoát là phải cương quyết giải thoát cho bằng được trong kiếp này. Những tưởng chúng ta ai cũng phải biết là mình phải tu đến chừng nào rồi. Tuy nhiên, nói dễ khó làm. Chúng ta hay mắc phải căn bệnh trầm kha là chỉ ưa nói chứ không ưa làm. Hoặc giả chỉ hoạch định chứ không thi hành. Chúng ta thích vẽ cho mình một con đường để đi đến đất Phật, trên đó có đầy kỳ hoa dị thảo, vẽ cho thành một bức tranh tuyệt đẹp rồi treo để ngắm chơi cho vui chớ ít khi chịu bình tâm suy nghĩ muốn tới được đất Phật chúng ta phải tu từ những việc mình suy nghĩ, nói, làm tất cả đều phải mang ý nghĩa, giá trị và lợi ích cho cuộc hành trình về quê cũ.

Thấy đời vô thường nên đi tu chưa đủ, thấy đời là biển khổ nên đi tu cũng chưa đủ, thấy chúng sanh vì nghiệp chướng sâu dày phải lăn trôi nên đi tu lại cũng chưa đủ. Người con Phật lại càng không vì chán ngán cái nền văn minh vật chất và sa đọa trong hưởng thụ truy hoan mà đi tu, hay vì chán đời mà đi tu. Người con Phật thực tâm muốn tu vì thấy tất cả những thứ vừa kể nên quyết tâm tháo gỡ mọi hệ lụy của khổ đau phiền não. Mục

đích duy nhất của người tu là tu cho tới chừng nào mình dứt bỏ được luân hồi sanh tử và đạt được phong thái đi về tự tại để thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sanh. Tuy nhiên, cuộc tu hôm nay hoàn toàn khác hẳn cuộc tu hôm qua. Người con Phật hôm nay phải đi thẳng vào cuộc đời, phải học phải biết và phải hiểu tất cả những phức tạp của cuộc sống hôm nay với tất cả đại hùng đại lực của một người quyết chí tu theo Phật. Người con Phật phải vô cùng cẩn trọng vì nếu không khéo chúng ta sẽ hành xử tệ hại hơn những con người của thường tình thế tục. Người tu theo Phật không phải không biết hưởng thụ, nhưng con người ấy đã thấy rồi bất cứ sự cảm thọ nào rồi cũng đưa tới khổ đau phiền não, nên tu cho tới chừng nào mình có khả năng khước từ không cảm thọ nữa. Con người ấy đã thấy rồi đấm nhĩm là nguyên nhân chính của luân hồi sanh tử nên quyết chí tu cho tới chừng nào có thể đi thẳng vào trần lao mà không bị trần lao đấm nhĩm. Thật tình mà nói, cái câu “tu tới chừng nào?” thoạt nghe đơn giản vì chỉ có 4 chữ ngắn gọn, nhưng kỳ thật không có bất cứ câu trả lời nào cho được ổn thỏa. Có thể một người hãy còn tại gia như Bàn Long Uẩn mà tâm tánh lúc nào cũng bình bình như như. Cũng có thể một người đã được nếm mùi vị thiền môn từ khi còn để chỏm, thế mà ở cái tuổi ngũ tuần, nghĩa là đã có trên bốn mươi mấy tuổi lập hạ, tâm tánh vẫn quàng xiên và lúc nào cũng chực xé rào bể lưới. Phạm phu tục tử như bầu trời vẫn vũ mây đen nên sấm chớp có thể nổi lên bất cứ lúc nào là chuyện bình thường. Còn những vị đã cắt ái ly gia, đã từ bỏ tất cả, giống như trời quang mây tạnh, thế mà sấm chớp lại nổi lên là chuyện vô lý và không tưởng. Thế nhưng những chuyện như vậy vẫn xảy ra như cơm bữa trong thời buổi hôm nay. Thử hỏi chúng ta phải tu đến chừng nào đây? Hãy bình tâm suy nghĩ cho kỹ hỏi những người con Phật! Một phút sơ sẩy có thể phải làm chôn 500 kiếp chứ không vừa. Chùa to Phật lớn, tụng kinh niệm chú thanh tao,

uy nghi bên ngoài, nói pháp lưu loát, vân vân, không trả lời được câu hỏi phải tu đến chừng nào? Con đường duy nhất của những người con Phật hôm nay là phải quay về với ông Phật nơi chính mình, thực tâm giải quyết những bế tắc xung đột nội tâm của chính mình và tự mình tìm ra câu trả lời cho câu hỏi tu đến chừng nào. Chùa to không khéo trở thành chùa Bà Đanh, Phật lớn không khéo sẽ trở thành Phật ngủ, tụng kinh niệm chú thanh tao không khéo là phải một đời “đĩ âm thanh cầu Như Lai” trong vô vọng. Nói pháp lưu loát không khéo sẽ trở thành những thầy nói kiếm tiền chuyên nghiệp. Người con Phật chớ thuận phải luôn cẩn trọng! Phải tu cho đến chừng nào những cái “không khéo” ấy không còn lảng vảng được gần mình nữa mới thôi. Tu theo Phật là tự mình khép lại cái cổng đời và mở ra cái cổng đạo. Phải tu cho tới chừng nào mà cổng đời luôn đóng và cổng đạo luôn mở, dù trong bất cứ tình huống nào. Đồng ý người tu Phật phải có phong thái và uy nghi của một người tu, nhưng phong thái và uy nghi ấy không bởi gò bó tự thân mà được. Ngược lại, nó phải được toát ra từ bên trong. Do lòng từ bi hỷ xả mà có được ái ngôn ái ngữ, do ái ngôn ái ngữ mà không vắng tục và thô lỗ như thường tình thế tục. Do tinh tâm thiền định mà đi đứng nằm ngồi đều đoan chánh trang nghiêm, do đó mà nhứt cử nhứt động gì cũng đúng theo oai nghi tế hạnh của một người có tu. Người tu Phật là phải tu cho tới khi nào không còn gò bó mà vẫn toát ra được những nét như tự tại không phải là chuyện giản đơn, không phải học mà được. Chúng ta ai cũng biết rằng con người có tánh tốt mà cũng có tật xấu, có vui mà cũng có buồn, có an lạc mà cũng có lo âu, có lúc tinh tấn mà cũng có lúc giải đãi, có lúc thành công mà lắm lúc cũng sa hãm sụp đổ. Thế cho nên chúng ta phải tu cho đến chừng nào chỉ còn cái tốt mà không còn cái xấu, chỉ tinh tấn chứ không giải đãi, chỉ an vui hạnh phúc chứ không còn lo âu khổ não, vân vân. Tu đến chừng nào sáu căn

không còn bị sáu trần lôi cuốn mình vào chỗ sa hầm sụp hố nữa. Tu đến chừng nào không còn nhận thức sai lầm, không còn chấp trước vị kỷ, không còn chấp ngã, không còn chấp pháp. Tu đến chừng nào chúng ta vẫn sinh hoạt bình thường, nghĩa là mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, da vẫn xúc chạm mà tâm này vẫn như như bất động. Mắt thấy sắc nhưng biết đó chỉ là giả hợp; tai vẫn nghe âm thanh nhưng biết đó là hư huyền; mũi vẫn ngửi mùi nhưng biết đó chỉ là mộng ảo; lưỡi vẫn nếm nhưng biết đó chỉ là vô thường; thân vẫn xúc chạm nhưng biết đó là bất tịnh; ý vẫn tư duy nhưng biết đó là mê lầm vọng tưởng. Người con Phật cứ thăm thăm tiến tu, tu mãi, nếu kiếp này chưa được thì kiếp sau, đừng hoài công với câu hỏi “tu đến chừng nào?” Cũng đừng bận lòng với sự “chứng đắc.” Phật tử chơn thuần phải nhớ rằng tu là trải qua một quá trình tu tâm sửa tánh và thiền định lâu dài, người con Phật mới có khả năng làm chủ được tâm ý qua tư tưởng, lời nói và hành động. Quá trình này phải bằng thực nghiệm tự thân, chứ không nói mà được, cũng không học mà có.

Hơn nữa, người tu Phật lúc nào cũng phải coi chừng tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Chúng ở ngay trong ta chứ không ở đâu xa. Ông bác sĩ A mà nhờ có ai đó chỉ gọi là ông A là đã phiền đã não rồi. Ông Thượng Tọa B mà bị kêu là Đại Đức B là không vừa ý rồi. Hãy coi chừng những tôn vinh sùng bái hời những người con Phật! Chúng là những viên gạch lót đường đưa ta vào địa ngục hồi nào không hay. Trong cuộc luân hồi trùng trùng mù mịt này, chưa chắc và chưa biết ai đã tu nhiều hơn ai. Vì thế một người dù lớn tuổi không thể nào khinh vì một chú tiểu còn để chỏm được đầu. Biết đâu chú tiểu 8 tuổi này đã tu từ ba a tăng kỳ trước, chỉ còn chờ giọt nước nhỏ nữa là tràn ly?

Ngày xưa trong tịnh xá Kỳ Viên Cấp Cô Độc, cư sĩ Cấp Cô Độc đã hỏi Phật: “Một cư sĩ như con phải tu đến chừng nào?”

Phật đã ôn tồn đáp lại: “Này Cấp Cô Độc! Phật tánh nơi ông và Phật tánh nơi Phật không sai khác. Tuy nhiên, Phật tánh nơi Phật đã hiển lộ, còn nơi ông muốn Phật tánh hiển lộ, phải trước tiên quy-y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới. Ông phải có lòng nhân chẳng giết hại, ông phải thanh liêm, thọ dụng có chừng mực và không trộm cắp. Ông phải trinh lương, trong sạch và không ô nhiễm. Ông phải dốc lòng gìn giữ chữ tín, tánh tình ôn hòa không dối trá và cuối cùng ông không nên dùng những chất cay độc có thể làm cho ông cuồng tâm loạn tưởng. Ông hãy tu đến chừng đó rồi tính nữa!” Câu trả lời của Đức Từ Phụ đã quá rõ ràng cho những ai tu Phật mà vẫn còn tại gia. Đừng rong ruổi đông tây nữa. Hãy tu đến chừng đó đi rồi tính nữa. Sẽ không bao giờ Phật trả lời cho câu hỏi “tu đến chừng nào đâu?” Hãy tu đến chừng đó đi rồi tính nữa! Tuy nhiên, một khi đã quyết chí tu là phải tu thiệt chứ không lừng khừng, không thể nào vừa thọ giới mà tâm vẫn còn thích nghiệp tà nghiệp ác, chẳng biết kinh vì tội ác báo ứng, chỉ giả danh phụng sự đạo pháp để cầu danh cầu lợi cho riêng mình. Ngược lại, nếu không vâng giữ được chánh giới, chưa học rộng kinh luật, chưa tu được trí huệ và cứu độ chúng sanh thì ít nhất người con Phật chơn thuần phải tu cho đến chừng nào ngũ giới vẹn toàn và thập thiện hoàn mãn để làm thiện duyên cho đời tu kế tiếp. Vì tu được như vậy, cho dù chưa được giải thoát rốt ráo, những nguyên nhân lớn đưa đến khổ đau phiền não hầu như đã đoạn tận. Từ đó người con Phật đã có cơ bản vững chắc để tiến tu định tuệ. Do ngũ giới vẹn toàn và thập thiện hoàn mãn, người con Phật mới có khả năng thoát ly dục vọng đam mê và những tư tưởng bất tịnh. Sau khi thoát ly được dục vọng đam mê và tư tưởng bất tịnh, tâm thức người con Phật sẽ từ từ dừng hẳn mọi sinh hoạt, lúc bấy giờ tâm ta chỉ là tâm “phóng xả.” Lúc đó dù thân tứ đại vẫn còn nhưng vui buồn sướng khổ không còn một

mảy may chướng ngại nào cho ta nữa. Thật là an lạc và hạnh phúc biết dường nào!!!

Ba a tăng kỳ quả là một thời gian quá dài so với đời người, nhưng thời gian nào rồi cũng sẽ tới nếu chúng ta chịu bắt đầu. Người con Phật chớ thuận nếu phải hỏi xem coi mình phải tu đến chừng nào thì cũng phải quay lại tự thân tự hỏi xem coi mình đã tu như thế nào rồi, tu đến chừng nào đã cải tà thành chánh, đã tu tập trọn vẹn 37 phẩm trợ đạo, đã thấy sự giả hợp của thân này, đã thấy tài sắc danh thực thùy trên cõi đời này chỉ như là mật dính trên lưỡi dao mà thôi. Người con Phật nên luôn nhớ rằng làm người đã khó, mà sanh ra vào những vùng có ánh sáng đạo phật và có được cơ duyên nghe pháp hiểu đạo cũng rất khó, nhưng hiểu đạo mà đem lòng kính tin và hành trì lại càng khó hơn; kính tin hành trì đã khó, nhưng kính tinh và hành trì mà còn phát được tâm Bồ Đề lại càng khó hơn nữa; phát tâm Bồ Đề đã khó, nhưng phát tâm Bồ Đề mà tu cho đến minh tâm kiến tánh lại càng khó hơn nữa. Hơn thế nữa, Đức Phật đã từng dạy rằng trên đời này không có cái gì dễ dàng trong cuộc hành trình hướng thượng, vì ngăn được lòng dục là khó, không mong cầu là khó, không sân hận là khó, không ỷ quyền cậy thế là khó, đối cảnh vô tâm là khó, không ngã mạn cống cao là khó, không khinh người sơ cơ là khó, không nói lời thị phi là khó, gặp việc mà như như bất động là khó, vị pháp vong thân là khó, học rộng hiểu sâu mà không nhàn đàm hý luận là khó, giàu sang mà chịu tu tập là khó, nghèo mà muốn làm phước bố thí là khó, gặp được thiện tri thức là khó, hiểu được phương tiện để cứu độ chúng sanh là khó, nghe được Phật pháp là khó, sinh ra nhằm thời có Phật là khó, tùy căn cơ mà hóa độ là khó, giữ tâm bình đẳng là khó, thấy chơn tánh mà học đạo là khó. Có người cho rằng học rộng hiểu đạo là đã đi được một phần đường giải thoát, nhưng học rộng hiểu đạo chẳng bằng bền chí tu hành vì chỉ có bền chí tu hành

mới trả lời được câu hỏi “tu đến chừng nào?” mà thôi. Nói gì thì nói, xuất gia thoát trần dù sao cũng rút ngắn được thời gian cho câu trả lời “tu đến chừng nào.” Còn tại gia vì chung sống với gia đình và xã hội với đủ mọi cảnh đấm nhểm vì thế mà khó giữ tịnh giới. Thấy thế mới biết con đường về quê hương Phật của người tại gia hãy còn xa xôi diệu vợi và thấy thế mới biết mình phải tu đến chừng nào. Chính vì thế mà Đức Thế Tôn đã ân cần dạy dỗ những người tại gia trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới: “Phương pháp giữ tịnh giới được tóm tắt trong 3 điều: đối với ngôi Tam Bảo và luật nhưn quả phải có lòng tin không thối chuyển, phải có lòng từ bi quảng đại và bình đẳng, phải có lòng lợi tha một cách bình đẳng và vô tư.” Chẳng luận là hạng người nào, nếu nguyện dụng công hành đạo, thì trước hết phải hết lòng tin nơi nhưn quả; nếu chẳng tin nhưn quả thì chắc chắn sẽ làm càng làm bướng và con đường trước mặt phải là “nẻo về địa ngục” không thể nghĩ bàn. Cổ đức dạy: “Muốn biết nhưn đời trước, hãy nhìn đời hiện tại của ta như thế nào? Muốn rõ quả đời sau thế nào, ta hãy nhìn lại cái nhưn trong đời hiện tại coi ta đang làm những gì?” Trong Kinh Trường Bộ, Đức Phật dạy: “Một khi đã tạo nghiệp thì nghiệp ấy chẳng bao giờ mất, khi nào nhưn duyên đủ đầy thì quả báo phải tự thọ lấy chẳng sai.” Và trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: “Nhưn địa bất chơn quả chiêu du khúc.” Nghĩa là chỗ tạo nghiệp nhưn không ngay thẳng, thì phải chịu quả báo cong vẹo. Thế cho nên hễ trồng nhưn lành thì gặt quả tốt; tạo nhưn dữ thì gặt quả dữ; trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, đạo lý nhưn quả rõ ràng như vậy đó. Người tu theo Phật đừng bao giờ mê muội về luật nhưn quả mà phải bị đọa lạc làm chồn đến 500 kiếp như một vị Tăng vì ăn nói quàng xiên. Sau nhờ Ngài Bách Trượng Hoài Hải giải cho tổ ngộ mới thoát được kiếp chồn. Người con Phật chơn thuần đừng nói đừng rằng mà hãy thâm thâm trì giới rồi sẽ thấy sự hiệu nghiệm của giới

luật nhà Phật. Giới là nguồn gốc của đạo Vô Thượng Bồ Đề, như giới mà sanh định tĩnh, như định tĩnh mà phát sanh trí huệ. Dù có tu thiền trong vạn triệu kiếp mà không chịu giữ giới thì chỉ là giỡn chơi với địa ngục mà thôi. Chính vì thế mà trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: “Nếu không trì giới mà tu thiền thì trần lao không ra khỏi; dù hiện tiền có nhiều trí huệ, rốt rồi cũng lạc vào tà ma ngoại đạo.” Trì giới là cách tu hành trọng yếu nhất của người con Phật. Người tu Phật trì giới sẽ được Long Thiên hộ pháp và tà ma ngoại đạo luôn kính sợ. Người phá giới, bất luận là tại gia hay xuất gia, chẳng những bị quỷ thần khinh khi mà tự thân những kẻ đó là những tên giặc phá nhà Như Lai. Giới là căn bản để dứt trừ tội lỗi và trì giữ cho tam nghiệp luôn được thanh tịnh. Đời nay có người chẳng chịu tu hành, thân thì râu lười trong giới luật, còn tâm thì lật đật như con vượn chuyền cây, thế mà miệng thì lúc nào cũng oang oác rằng mình là “thiền thầy,” “thiền sư” và đi đâu đến đâu cũng nhại nhại câu nói của Lục Tổ: “Tâm bình nào nhọc phải trì giới, hạnh trực đâu phải dụng tham thiền.” Phật tử chớ thuận hãy bình tâm suy gẫm xem coi tâm này đã bình, hạnh đã trực chưa? Xem coi mình đã không còn phân biệt thân sơ bạn thù, hay thắng không kiêu bại không nản, hay không giận hờn khi có ai đó tự nhiên đến lăng nhục mình. Nếu thấy mình chưa có khả năng “bình chân như vại” thì thôi hãy mau quay về với chính mình mà tu hành.

Người con Phật chớ thuận không nên rai rức với câu hỏi “tu đến chừng nào” mà nên quay về với chính mình tự hỏi xem coi mình đã “tu hành như thế nào?” Câu trả lời dù gói gọn trong năm chữ “ba a tăng kỳ kiếp” nhưng nó không đơn giản như vậy vì tiến trình quá dài và phức tạp của sự tu tập từ sinh ra làm được một chúng sanh con người, đến tin tưởng Phật Pháp Tăng, đến mở được tứ vô lượng tâm “từ bi hỷ xả” và tu tập được 37 phẩm trợ đạo, lục độ Ba La Mật, lục hòa không phải là chuyện đơn

giản. Với người oán thù mà dùng điều tốt lành để làm lợi ích cho họ không phải là chuyện dễ. Thấy người kinh sợ, hù dọa thêm thì dễ chứ nói lời an ủi khuyên lớn cho họ bớt sợ thì khó vô cùng. Thấy người đến xin, mắng nhiếc họ trây lười biếng nhác thì dễ chứ mở lòng bố thí quảng đại bình đẳng thì khó vô cùng. Đi xuống thì dễ chứ hướng thượng đi lên không phải là chuyện dễ. Nói một đàng làm một nẻo thì dễ, chứ nói sao làm vậy quả là khó. Biết các pháp hữu vi là vô thường biến diệt, nhưng lúc nào cũng cứ tưởng thân này là thường hằng bất biến. Biết mọi hành động đều phải trả quả nhưng vẫn cứ làm việc xằng bậy. Biết bố thí là dứt trừ được tâm tham ái và keo kiệt bủn sẻn, nhưng vẫn không chịu bố thí. Biết thọ nhiều là khổ nhiều nhưng vẫn cứ tiếp tục cảm thọ không chút kinh vì. Biết “nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chương môn khai” nhưng tâm này vẫn cứ sân hận ngút trời. Phật dạy thân cận minh sư thiện hữu, nhưng mình cứ mãi gần thầy tà bạn ác. Dù Phật dạy vạn pháp giả hợp, nhưng chúng ta cứ cho là có thật và thường hằng. Đến như danh vọng, địa vị, tiền của, quyền uy cho đến cái thân của ta cũng là giả chứ không có thật và không thường hằng. Theo Phật giáo Nguyên Thủy thì mọi vật đều vô thường, theo Phật giáo Đại Thừa, mọi vật đều vô ngã chứ không có chủ thể, nhưng chúng ta cứ u mê chấp có. Chính vì thế mà khi cơn gió vô thường thổi đến, mọi sự đều thay đổi, trước có sau không, trước đẹp sau xấu là khổ đau phiền não ập đến với chúng ta. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ lời Phật dạy: “Mọi sự mọi vật ở thế gian đều vô thường, thành trụ hoại diệt, có sanh là có tử, có hợp là có tan không ai tránh khỏi định luật tất yếu này. Thấy để không buồn khổ, không oán trời trách đất mà gây thêm tội, tạo thêm nghiệp, như thế đã khổ lại khổ thêm. Đã từ bấy lâu nay chúng ta lăn trôi tạo nghiệp, không để ý gì đến chuyện tu hành thì nay không lý gì chúng ta phải gấp đến độ phải đặt cho chúng ta một câu hỏi ngỡ ngẩn như vậy.

Người con Phật chơn thuần phải luôn chuyển mê khai ngộ, luôn sống thuận theo lẽ đạo và thiên nhiên, luôn biết kinh vì như quả, không chạy theo vọng tưởng rồi lấy vọng làm chơn, lấy tối làm sáng, lấy khổ làm vui, không chạy lăng xăng bên ngoài mà quay về phản quang tự kỷ lấy mình, nên luôn nhớ rằng cái suy nghĩ phân biệt của lục căn luôn bị lục trần và lục thức chi phối, chúng chỉ là những vọng tưởng không hơn không kém. Người Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ tu và hành là hai người bạn đồng hành. Nói tu mà thiếu hành thì chỉ là chuyện “nấu cát mà muốn thành cơm” mà thôi. Thấy như vậy để luôn vâng giữ lời Phật dạy, luôn tự vấn lấy mình xem coi mình đã tu hành hưởng thụ như thế nào. Làm được như vậy thì dù có trải qua bao nhiêu a tăng kỳ tu tập, người con Phật chơn thuần vẫn luôn quyết tâm tu tập cho đến khi thành Phật. Mong cho ai nấy đều phát tâm tinh tấn tu hành để một ngày không xa nào đó, pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo. Mong lắm thay!!!

484. NIỀM TIN NỔ LỰC VÀ SỰ GIẢI THOÁT

Đạo Phật chẳng những là đạo của niềm tin, mà còn là đạo của giác ngộ và giải thoát. Người tu Phật không với đơn thuần một niềm tin về tín ngưỡng. Ngược lại, niềm tin của người tu Phật được xây nền đắp móng vững chắc trên thuyết nhân quả luân hồi. Người tu Phật vững tin rằng mọi sự vui khổ trên đời này là kết quả của những hành vi thiện ác của chúng sanh trong quá khứ hoặc hiện tại. Nói cách khác, sự vui sự khổ không ngẫu nhiên mà có, cũng không do ai ban giáng mà được. Như vậy rõ ràng niềm tin trong Phật giáo là niềm tin của lý trí chứ không phải đơn thuần tín ngưỡng. Trong các kinh điển, chính Đức Thích Tôn Từ Phụ đã từng khẳng định về niềm tin của người tu Phật rằng: “Đừng vội tin một điều gì, dù đó là điều của Thánh nhân để lại; đừng tin một điều gì, dù đó là điều của một tu sĩ hay đạo sĩ kể lại, thuật lại về những giáo lý mà các vị ấy đã được nghe thuật lại hoặc tự họ chứng đắc. Đừng vội vã tin vào một điều gì, dù đó là lời của đấng Đại Giác. Các con nên hoài nghi trong tinh thần học hỏi, chớ không nên vội tin một cách mù quáng, mà cũng chớ nên vội bỏ trước khi suy luận. Các con hãy dùng lý trí quán xét mọi việc. Hãy bình tĩnh dùng lý trí của mình nhận định xem coi cái nào thích hợp thì tin dùng, cái nào không thích hợp thì bỏ ra. Các con cũng đừng vội tin những gì đã được nhiều người tán tụng, cũng đừng vội tin ngay cả những gì ta nói. Hãy lắng nghe và suy xét cho kỹ trước khi tin và áp dụng niềm tin ấy vào cuộc sống cuộc tu của mình.”

Người con Phật tin Phật và lấy cuộc sống cuộc tu của Phật làm gương soi cho cuộc sống và cuộc tu của chính mình. Đồng ý kinh điển Phật là vô biên vô lượng và ý nghĩa thậm thâm không

thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, suốt 49 năm hoằng hóa, Phật chỉ mỉm cười với những kẻ tìm đến Phật với chủ đích nhàn đàm hý luận. Những lời di giáo cuối cùng của Đức Từ Phụ trong Kinh Di Giáo đã khẳng định rõ ràng vị trí của niềm tin trong sự giải thoát: “Người tu Phật tin rằng đời là bể khổ không bờ không bến. Người tu Phật tin rằng muốn giải thoát khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não phải không ngừng tu tập Phật; phải lấy gương hạnh và đạo đức của Phật làm gương hạnh và đạo đức cho chính mình.” Người con Phật luôn tin rằng kiếp làm chúng sanh là một dòng biến chuyển liên tục, đời nối tiếp đời, nhân quả nối đuôi nhau không ngừng nghỉ. Chúng ta chào đời vì những nghiệp nhân của đời quá khứ, rồi từ đó theo dòng thời gian chúng ta lại tiếp tục gây nhân cho nghiệp mới của đời kế tiếp. Cứ như thế mà chúng ta gây nghiệp trả quả, trả quả gây nghiệp không ngừng nghỉ. Người con Phật luôn tin rằng dù đời trước và đời này đã gây tội tạo nghiệp, dù phước kém duyên mỏng sanh ra trong thời không có Phật, nếu biết tái tạo nhân lành cho thiện nghiệp tức là giải thoát ngay trong đời này kiếp này. Ngược lại, dù đời này có hưởng quả lành do thiện nghiệp của nhiều đời trước mà không biết tiến tu, chỉ một bề rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận thì cái quả phải gặt sắp tới chắc hẳn là a tỳ địa ngục. Người Phật tử luôn tin rằng tu tập tiến thối lên xuống đều do chúng ta có chịu dụng công tu hành hay không chứ không do ai ban thưởng hay giáng phạt. Thấy như vậy để chấm dứt ngay sự trau chuốt hình tướng bên ngoài và tu thiệt trong những giây phút còn lại của đời này. Thấy như vậy để chấm dứt ngay những cuộc rong ruổi nhàn đàm hý luận ngay trong những phút giây mà thân tâm hãy còn linh mẫn. Người Phật tử phải luôn tâm niệm rằng đáng vẻ trang nghiêm thanh tịnh bề ngoài không làm nên một con người giải thoát. Con người thật sự giải thoát là con người mà trong chiều sâu tâm hồn không còn chất chứa những rác rưởi của thường tình

thế tục. Con người ấy luôn soi rọi lại chính mình, luôn tự điều phục thân tâm mình. Người con Phật muốn tu hành giải thoát xin hãy chấm dứt ngay lối nguy hiểm “coi bên ngoài tôi nhàn đàm hý luận và ăn to nói lớn vậy chứ bên trong tôi nhiếp tâm tịnh lặng lắm.” Thật tình mà nói, đó là lối nguy hiểm của những con ma Ba Tuần không hơn không kém. Phật đã dạy rõ ràng ngoại trừ những vị Bồ Tát hiện thân để cứu độ chúng sanh nên lắm khi phải hét la cho chúng sanh tỉnh giấc, còn thì tất cả đều là điên đảo vọng động. Nếu bên trong đã nhiếp tâm tịnh lặng thì không có gì mà bên ngoài lại hiện ra hình tướng thô tháo điên đảo được. Người con Phật phải luôn nhớ rằng chùa và tịnh xá là những đạo tràng thanh tịnh, chúng ta tới chùa và tịnh xá cũng với mục đích tu hành thanh tịnh. Như vậy không có gì chúng ta lại mang điên đảo vọng động vào chùa. Nếu vào chùa mà làm cho mình và người thêm loạn động thì tốt hơn là đừng đến chùa, vì đến mà không giúp ích được gì cho ai thì đến để làm gì? Người Phật tử một khi đã thấy như vậy nên tìm cách tránh xa những kẻ tới chùa vấn sư phá đạo vì nếu không thì chóng chầy gì chúng ta cũng sẽ cùng với họ cá mè một lứa, và con đường kế tiếp phải là a tỳ hay vô gián ngục. Ngay cả những kẻ thế trí biện thông mà suốt ngày chỉ ham học rộng nghe nhiều, chứ không chịu hành trì cho tròn đạo lực thì con đường trước mặt vẫn là khổ đau phiền não. Người con Phật phải tin tưởng mãnh liệt nơi mười phương ba đời chư Phật đều do quay trở vào phản quang tự kỷ nên tâm luôn thanh tịnh, do đó mà tâm hạnh và lời nói luôn ngay thẳng. Trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà Đức Phật đã trao truyền, Ngài đã nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần về tinh tấn. Đức Như Lai không nói để mà nói, hoặc nói để mà chơi. Sở dĩ Ngài nhắc tới nhắc lui hai chữ “tinh tấn” là vì trong các kinh điển của Ngài, tinh tấn là chất keo gắn liền niềm tin và sự giải thoát. Có niềm tin, dù là niềm tin sâu sắc và mãnh liệt thế mấy mà thiếu “tinh

tấn hành trì” sẽ không có sự giải thoát. Đức Phật và các đấng Như Lai chỉ là những đạo sư, chỉ đường dẫn lối; đi hay không đi, hành trì hay không hành trì là hoàn toàn tùy thuộc ở chúng ta. Trong các giáo điển của Phật, Ngài luôn khẳng định với tứ chúng rằng: “Các con phải có niềm tin thật lớn là chính các con tự làm trong sạch hay ô nhiễm chứ không ai khác.” Người con Phật cầu tu giải thoát nên luôn nhớ rằng: “trăm nói không bằng một làm.” Lời di huấn cuối cùng của Phật Tổ chỉ vắn vẹn có mấy chữ: “Giải thoát là hãy tự mình liên tục tinh tấn tu tập và kiên trì nỗ lực trong mọi tình huống.”

Thật vậy, niềm tin trong đạo Phật thực tiễn chứ không mù quáng, niềm tin ấy vừa là chất đề hồ dẫn chúng ta đến trạng thái định tĩnh, để biết ghê tởm kinh vì những uế trước của phàm tình thế tục, biết buông xả những luyến ái, biết nhàm chán khổ đau phiền não. Nói gì thì nói, giáo lý nhà Phật vẫn là nói dễ khó làm. Hơn nữa, bản chất cố hữu của con người là thích đi xuống hơn đi lên. Miệng nói tận diệt “tham sân si,” nhưng hằng ngày chúng ta vẫn chiêu mộ và nuôi dưỡng đạo binh “tham dục, sân hận và si mê” này. Muốn chấm dứt trạng huống này người con Phật không có con đường nào khác hơn là liên tục hành trì những lời Phật dạy một cách tự nguyện vì trong Phật pháp không có tín điều và cũng không có giáo điều. Người Phật tử phải luôn nhớ rằng muốn giải thoát khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não, không đơn thuần tin mà được, hướng là tin một cách mù quáng. Trong cõi Ta Bà ngũ trước ác thế với đầy đầy khổ nạn, khổ khổ, hành khổ, hoại khổ, sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, ngũ ấm thanh suy khổ, vân vân và vân vân. Bấy nhiêu nỗi khổ đó cũng đủ làm cho chúng ta u mê ám muội, đụng đầu tin đó, bạ đâu theo đó. Trong thời Phật Tổ chưa thị hiện thì không nói làm gì vì chúng ta không có con đường nào khác để lựa chọn ngoài mê đồ tăm tối. Một

tiếng sấm, tiếng sét, một cơn bão cũng làm cho chúng ta sợ hãi liên tưởng đến một đấng thần linh với quyền năng tối thượng chứ chúng ta nào biết đâu rằng đó chỉ là những hiện tượng vật lý tất nhiên của sự va chạm của những điện tử hoặc sự thay đổi nhiệt độ một cách đột ngột trên không trung. Sau khi Phật thị hiện, Ngài đã mang đến cho chúng ta sự lựa chọn: hoặc mê đồ tầm tối, hoặc quang lộ thanh thang. Tuy nhiên, đã gần 26 thế kỷ nay, chúng ta có được bao người thông dong tự tại bước trên quang lộ của Phật Tổ? Ngược lại, cuộc sống của chúng ta ngày càng trở nên phức tạp và khổ đau phiền não hơn. Chúng ta đổ thừa cho cuộc sống, vì cuộc sống mà chúng ta phải đấu tranh, phải lăn lộn theo những tham vọng dục tình, để rồi vẫn ngày ngày ô nhiễm làm nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Phải thành thật mà nói rằng không người Phật tử nào là không tin tưởng nơi Phật một cách tuyệt đối. Tuy nhiên, trở ngại lớn lao nhất với chúng ta là chúng ta không chịu tinh tấn hành trì những lời Phật dạy. Thậm chí vì ngã mạn cống cao mà chúng ta đi ngược lại di ngôn của Phật. Nghĩa là thay vì văn, tư, tu thì chúng ta lại, văn, đàm, phiếm luận thử hỏi làm sao mà chúng ta không ngày càng sa lầy lún sâu vào vũng bùn tham dục? Thay vì tu theo Bát Thánh Đạo thì chúng ta lại chấp ngã, chấp kiến trong u u minh minh theo Bát Tà Đạo. Thay vì tín, tấn, niệm, định huệ thì chúng ta lúc tin lúc không, lúc tấn lúc thoái, lúc niệm Phật mà lắm lúc lại niệm ma như vậy thử hỏi chừng nào chúng ta mới có được cái định và huệ của chư Phật năm xưa? Nếu có chăng chỉ là cái định và cái huệ của loài ma. Người con Phật cầu học cầu tu giải thoát phải vô cùng cẩn trọng! Tin Phật mà không tinh tấn tu hành như Phật thì giải thoát đâu không thấy chỉ thấy lúc nào loạn động, điên đảo và khổ đau phiền não cũng vây quanh lấy mình. Người tin Phật, chẳng những luôn dùng a bệ bạt trí (bất thoái chuyển) để tin, mà còn luôn dùng chất keo “tinh

tấn” để gắn liền tự thân mình với kim thân Đức Phật. Tinh tấn là một trong tám con đường Thánh đưa chúng ta vào ngự tòa Như Lai. Trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới, Đức Phật dạy: “Người trí đã có niềm tin và thọ giới rồi, phải nỗ lực không làm những điều ác vì ba lý do, thứ nhất là vì mình mà nỗ lực không làm ác, thứ hai là vì đời mà nỗ lực không làm ác, và thứ ba là vì chúng sanh mà nỗ lực không làm ác.” Người con Phật một khi đã có niềm tin là nếu tu y theo Phật sẽ được giải thoát, phải biết hễ tạo ác nghiệp sẽ mắc quả dữ, tạo thiện nghiệp sẽ được quả báo lành, nghiệp dữ đã làm không có hư dối, quyết định phải chịu lấy quả báo khổ đau phiền não, nghiệp lành đã làm thì không chóng cũng chầy sẽ được quả báo an vui. Người con Phật không tự mình làm ác, không làm gì quấy ác cho người. Ngược lại, luôn tạo tác an vui cho người cũng như khuyến tấn người tạo tác an vui. Con người ấy nếu không giữ được đại giới cũng cố gắng giữ tiểu giới chứ quyết không phá giới. Tuy nhiên, khi thấy người phá giới chẳng những không sanh tâm ghét bỏ mà còn cố gắng nỗ lực lập nhiều phương tiện khéo léo để điều phục, nếu không điều phục được thì khởi tâm thương xót. Người có niềm tin nơi Phật luôn nỗ lực thâm nhiếp giữ gìn các căn, chẳng những không cho chúng buông lung tạo tội mà còn kham nhẫn được mọi cảnh khổ, không bao giờ sống theo lối tà ngụy, không để phiền não làm nhơ nhuốc tâm mình, luôn tu tập nhẫn nhục, nhẫn, nhẫn, nhẫn, nhẫn những điều đáng nhẫn và nhẫn cả những điều không đáng nhẫn, vì theo Phật thì trên đời này không có điều gì là không đáng nhẫn cả. Con người ấy luôn nỗ lực kết tụ Bồ Đề quyến thuộc; tuy nhiên, người ấy không ngần ngại tránh xa thầy tà bạn ác và xa lìa tà kiến, biên kiến, ác kiến. Khi bị người mắng nhiếc mạ lị không sanh ác tâm oán ghét, thấy người tạo tác việc lành thì phát tâm vui theo, không tiếc bất cứ thứ gì ngay cả thân mạng khi làm

việc thiện lành để mang lại lợi ích cho người; tâm người ấy luôn nỗ lực hành trì vô tham, vô sân và khiêm cung từ tốn.

Dẫu biết trong thời ngũ trước ác thế với những nhiều nhương, mê chấp và đẩy đẩy những tham, sân, si trong khi kiếp con người lại quá ngắn ngủi, ngắn ngủi hơn ánh điện chớp quá thật khó cho chúng ta nhiếp tâm tinh tấn tu hành y như Phật. Nhưng quý vị ơi! Chúng ta sẽ không có con đường nào khác để lựa chọn. Nếu không tu bây giờ thì vạn triệu kiếp nữa chúng ta cũng phải tu. Trong cuộc sống hiện tại, nhất là đối với những người tại gia, ngày ngày phải đương đầu với vô vàn chướng duyên nghịch cảnh nên cuộc sống cuộc tu không phải là chuyện dễ, thấy được Thánh như không dễ, sống được với Thánh như lại là chuyện hi hữu hơn nữa. Tuy nhiên, hãy cố gắng đừng giao du với những kẻ cuồng dại, những kẻ cống cao ngã mạn, những kẻ khinh Tăng chê Đạo, hoặc những kẻ chỉ tới chùa để nhàn đàm hý luận. Người tu tại gia kính tin Tam Bảo nên luôn nhớ rằng một khi hãy còn tại gia là chưa đủ duyên xuất trần thoát tục, nên chỉ lúc nào có cơ hội tới được chùa là phải làm cho được một chút gì lợi lạc cho mình và cho người, chứ không tới chùa để nhàn đàm hý luận. Chính Đức Phật đã từng dạy: “An vui không thể có trong điên đảo mộng tưởng vì điên đảo mộng tưởng là gốc rễ của khổ đau phiền não.” Người Phật tử cầu tu giải thoát phải hiểu vì sao giờ này mình còn ngồi đây nhàn đàm hý luận trong khi Thế Tôn đã Niết Bàn gần 26 thế kỷ nay. Biết đâu trong thời Phật còn tại thế chúng ta đã từng gia nhập vào Tăng đoàn của Phật Tổ, nhưng vì ngã chấp, kiến chấp mà chúng ta cam tâm rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận, vì si mê ngu muội mà chúng ta tiếp tục làm nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Bụi bậm thế gian tự lay động vẫn không ngăn ngại được thể tánh vắng lặng của hư không, và vọng tưởng sanh diệt cũng không làm trở ngại được tự tánh như như bất động của

chúng ta. Nghĩa là hễ “nhất tâm bất sanh là vạn pháp không có.” Tự mình chẳng theo vọng tưởng lưu chuyển thì vọng tưởng không thể nào làm trở ngại mình được. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ như vậy để đừng tiếp tục nguy hiểm một cách mù quáng nữa, nghiệp báo ngàn đời dù có dai dẳng nhưng nếu tâm này không cam tâm làm nô lệ thì chắc hẳn một tương lai không xa nào đó chúng ta sẽ thông dong nắm tay chư Phật trong cõi vô ưu. Chúng ta đã có Phật Tổ với những giáo lý thâm thâm, những Tăng đoàn thanh tịnh, không lẽ chúng ta cứ mãi mê mờ chiêm ngưỡng dung nhan Phật Tổ mà không có lấy một ý thức giác ngộ giải thoát nào cho chính mình hay sao? Không đâu! Người con Phật chơn thuần cương quyết thực hiện cho bằng được cuộc sống giải thoát y như hạnh nguyện của Phật Tổ năm xưa. Đời xưa chư Phật chư Tổ có khả năng “trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật.” Đời nay nếu chúng ta chưa được cái phong thái đó, thì ít ra cũng không cam tâm một bề đi đếm cửa báu nhà người, còn mình thì vẫn nghèo nàn rách rưới.

Đã là con Phật, đã tin theo Phật thì ai trong chúng ta lại không thấy sự vô thường, đau khổ và vô ngã của vạn pháp. Chẳng nói đâu xa, ngay trong kiếp này từ quá khứ đến hiện tại, từ ấu niên đến thiếu niên, tráng niên rồi lão niên, ai trong chúng ta lại không thấy nguồn gốc của tham, sân, si, sanh, lão, bệnh, tử, ngã mạn, cống cao, nghi, hoặc, tà kiến, ác kiến, sát, đạo, dâm, vọng đều gây ra bởi cái tâm si mê ám muội của chính mình? Phật Tổ với chúng ta có khác nhau ở chỗ nào? Thế mà Ngài đã đạt thành quả vị Chánh Đẳng Chánh Giác, còn chúng ta vẫn làm chúng sanh. May mà kiếp này được làm người, nếu không sớm biết đem tinh tấn hiện thực niềm tin sẵn có thì e rằng một khi mất thân này phải mang thân trâu ngựa, bò heo hay trùng dế. Phải chi đạo này chỉ dành cho Thế Tôn giải thoát thì không nói làm gì, đàng này chính từ kim khẩu Thế Tôn, Ngài đã khẳng

định: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Tuy nhiên, với những chúng sanh nghiệp đầy phước mỏng như chúng ta, con đường thành Phật không phải là chuyện dễ. Nếu chỉ nói tin Phật suông mà không tinh tấn tu hành y như Phật thì sẽ không bao giờ về được xứ Phật, huống là ngày ngày chỉ biết rong ruổi đó đây đem tâm cống cao ngã mạn ra nhàn đàm hý luận. Người con Phật tin gì ở Phật? Thật tình mà nói, giáo lý vi diệu của Phật Tổ là không thể nghĩ bàn. Ở đây chúng ta không bàn đến chuyện tin hay không tin, mà chúng ta chỉ nói đến mức độ hiểu biết của chúng ta về những giáo lý giải thoát của Ngài như ngũ căn (tín, tấn, niệm, định, huệ), ngũ lực, thất bồ đề phần (lựa pháp, niệm, tấn, hỷ, khinh an, định, và xả), bát Thánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tin tấn, chánh niệm, chánh định), 12 nhân duyên (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử), và tứ diệu đế. Người con Phật cầu tu giải thoát phải thấy cho được căn cội của khổ đau phiền não, do đâu mà có khổ và con đường nào dẫn đến sự chấm dứt khổ. Chúng ta phải thấy cho được ngay trong những vui sướng, hạnh phúc và yêu thương tạm bợ của trần thế đã nẩy mầm đau khổ, chứ không đợi chi đến buồn ghét, chán nản hay thất chí. Chúng ta phải tin tưởng mãnh liệt rằng dù ở đâu, dù ăn cơm hẩm, nằm trên đất nếu chúng ta chịu tinh tấn thực hiện đúng lời Phật dạy thì cũng như chính chúng ta đang sống cạnh Ngài, đang nắm tay Ngài thông dong đạo khắp cõi vô ưu. Trong cuộc sống hằng ngày, dù là tại gia với đầy đủ vướng mắc, nếu chúng ta chịu quán thân này bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã thì ít nhất ngay trong kiếp này chúng ta cũng bớt trau tria những cái không cần trau tria, bớt thọ dụng những cái không cần thiết, bớt rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận và gây tội tạo nghiệp. Sự nghiệp giải thoát mà Đức Từ Phụ đã khai sáng năm xưa không tin suông mà được,

không học mà có, cũng không nhàn đàm hý luận mà thành đạt. Sự giải thoát ấy phải được gắn liền giữa lòng tin, sự hiểu biết trong tinh thần tinh tấn liên tục, không mệt mỏi, không thối chuyển. Chúng ta phải ngày ngày công phu, phải dùng kinh nghiệm tự tâm, tự nhập vào thế giới chơn tâm để hàng phục vọng tâm, phải nhiếp tâm bằng tứ niệm xứ, tứ nhiếp pháp, tứ chánh cần, tứ như ý túc, không cho nó phát khởi bất cứ ham muốn mong cầu nào dù chỉ là những mong ham vi tế. Một khi đã dụng công tu tập thì chắc chắn phong thái phải hướng thượng, tâm thể phải định tĩnh, nghĩa là dù sao đi nữa thì vẫn ở trong cái gọi là “tịnh” so với cái gọi là “động” của trần thế. Tuy nhiên, người tu Phật không bao giờ câu chấp vào “động tịnh” mà phí đi thì giờ vốn dĩ đã không có của chúng ta. Vì càng câu chấp thì câu chấp càng tăng trưởng; cũng như vậy, càng vọng tưởng thì vọng tưởng càng nhiều. Người tu Phật phải cẩn trọng vì những vi tế của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng hay làm chúng ta lầm lộn với đạo lý trong khi tu tập. Trong thời Phật còn tại thế, chính Ngài đã khẳng định về niềm tin và sự giải thoát rằng: “Này chư vị tỳ kheo! Như Lai không thể nào giải thoát giùm ai được. Như Lai cũng không thể nào cứu độ những con người thông minh mà chỉ biết nhàn đàm hý luận. Như Lai cũng không thể nào cứu độ những kẻ thế trí biện thông với tâm hã y còn đầy đầy nghi hoặc và tà kiến.” Đức Từ Phụ đã khẳng định quá rõ ràng rằng đạo giáo của Ngài sẽ không bao giờ giúp giải thoát cho những kẻ cống cao ngã mạn với tâm thành kiến cố chấp.

Phật tử ơi! Trên đời này có lắm thứ không thể tránh được, xin đừng tin tưởng quàng xiên nữa. Chúng ta sẽ không bao giờ có đủ thì giờ và nghị lực để nỗ lực hành trì quàng xiên đâu quý vị ơi. Đức Phật đã dạy trong kinh điển của Ngài rằng không có cái gì ngẫu nhiên mà đến với chúng ta, tất cả sự cố xảy ra đều có nhân

có duyên của nó mà người con Phật chơn thuần phải luôn tin như vậy. Theo Đức Từ Phụ, trong trăm ngàn triệu ức sự cố xảy ra trong đời chúng ta, có bảy điều không thể tránh được (thất bất khả tị).

Thứ nhất là sự “tái sinh” là điều không thể tránh được vì theo luật nhân quả luân hồi, chúng sanh được sanh ra bởi những nhân đời quá khứ và tiếp tục được sanh ra bởi những nhân đời hiện tại, cứ thế mà chúng sanh phải luôn xoay vần trong vòng sanh tử luân hồi trong tam đồ lục đạo. Tuy nhiên, nếu con người hiện tại chịu tin và nỗ lực tu hành y như lời Phật dạy bằng cách không sát, đạo, dâm, vọng và không uống những chất cay độc, con người ấy sẽ được tái sinh làm người để tiếp tục tiến tu giải thoát. Nếu chịu tin và hành trì theo thập thiện thì kiếp lai sanh con người ấy sẽ được sanh vào cõi trời. Ngược lại, ví bằng trong đời hiện tại mà suy nghĩ, nói năng và hành xử như súc sanh, ngựa quỳ, địa ngục hay a tu la thì kiếp lai sinh không bao giờ tránh khỏi phải rơi vào những ác đạo này.

Thứ nhì là “già nua” là điều không tránh khỏi. Theo luật sanh trụ dị diệt thì không kể chúng sanh mà ngay cả những thiên hà và vũ trụ đều phải “sanh trụ dị diệt,” nghĩa là khi đã có sanh là phải có già, có thay đổi và hoại diệt. Người con Phật nên luôn tin rằng không phải năm mươi năm sau chúng ta mới già, mà từng phút giây ta sống là từng phút giây ta già nua lão hóa. Từng ngày ta sống là từng ngày ta đi gần đến nhà mồ. Tin như vậy để chúng ta vận dụng hết tất cả những thì giờ mà chúng ta đang có để nỗ lực tu hành giải thoát.

Thứ ba là “bệnh hoạn” là điều không thể tránh được. Không ai trong chúng ta có thể tránh được bệnh hoạn. Theo Đức Phật, sanh lão bệnh tử là bốn định luật tất yếu mà không chúng sanh nào có thể tránh được. Hơn thế nữa, ngũ uẩn của chúng sanh chính là cái kho chứa bệnh tật, không phải chỉ có năm mươi ấm

ma (mười về sắc ấm, mười về thọ, mười về tướng, mười về hành, và mười về thức ấm) mà là cả vạn triệu các loài “ma bệnh,” nào là thân bệnh, tâm bệnh, thức bệnh, thọ bệnh, tướng bệnh, hành bệnh, vân vân. Chỉ cần trở trời trái gió, hay nóng lạnh, hay mưa nắng bất thường là thân này đã bệnh. Ngoài ra, còn rất nhiều thứ góp phần tích cực vào việc bệnh hoạn của chúng sanh nữa như thiên tai, hỏa hoạn, vệ sinh cá nhân hay đi đứng nằm ngồi không đúng cách, vân vân. Người con Phật luôn tin rằng chỉ có nỗ lực tu tập những lời Phật dạy mới mong hóa giải được nghiệp chướng sâu dày và thâm căn cố đế của chính mình, mới mong có ngày được giải thoát khỏi vô minh phiền não cũng như những hệ lụy của trần thế.

Thứ tư là “chết” là điều không thể tránh được. Chết là điểm chuyển tiếp của một kiếp làm chúng sanh mà không một ai có thể tránh được. Tất cả chúng sanh trong cõi Ta Bà này đều phải theo luật “sanh trụ dị diệt” mà sanh, già, bệnh, chết. Người con Phật phải tin theo Phật và nỗ lực tu hành để khi phải đối diện với điểm chuyển tiếp “chết” này chúng ta không phải lo âu sợ hãi, mà ngược lại chúng ta có thể thản nhiên và bình tĩnh ra đi. Làm được như vậy là gì nếu không là giải thoát?

Thứ năm là “quả báo tội lỗi ác nghiệp” là điều không thể tránh được. Đây là định luật “nhân quả” không thể nào nghi bần của Phật giáo. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Không có gì gieo nhân địa ngục mà lại gặt quả thiên đường. Trên cõi đời này, tất cả đều bị bỏ lại sau lưng cái điểm chuyển tiếp “chết” này, duy chỉ quả báo thiện ác sẽ là hành trang mà chúng ta phải mang theo cho kiếp lai sanh mà thôi. Theo Phật giáo, việc ác dù nhỏ thế mấy, không chóng thì chầy, quả cũng phải trở là điều không tránh được.

Thứ sáu là “phước báo” là điều không thể tránh được. Trải qua mười phương pháp giới, muốn đến cảnh Phật, chúng sanh

trong pháp giới đã từng trải qua những cảnh giới địa ngục, nga quỷ, súc sanh, a tu la, nhơn, thiên. Nhân dù ác hay dù thiện đều có quả báo của chính nó. Chính vì vậy mà Đức Phật đã nhấn mạnh và tóm gọn Phật giáo trong một câu ngắn: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.” Người con Phật nên luôn tin rằng nếu chưa có đủ khả năng “tự tịnh kỳ ý,” để tránh quả báo ác nghiệp thì nên từng phút từng giây nỗ lực không làm những điều ác mà làm những điều lành. Ngay cả Đức Khổng Phu Tử mà còn nhắc nhở nhân sinh về “Tích ác phùng ác, tích thiện phùng thiện” trong xã hội nho giáo. Mà thật vậy, nếu chưa có đủ khả năng tu hành giải thoát thì nên chấp nhận cái điều không thể tránh khỏi thứ sáu này, vì chính đây là con đường đưa chúng ta về các cõi trời an lạc. Tuy nhiên, người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng dù là cõi trời, phiền não khổ đau dù ít, nhưng chúng vẫn còn đó, một khi hết phước là lập tức thọ sanh vào một trong những cảnh giới thấp hơn mà trả nghiệp. Chính vì thế mà cổ đức có khuyên “Phước bất hưởng tận,” nghĩa là nhờ thiện nghiệp những đời trước mà đời này được hưởng phước báo thì cũng nên nghĩ đến tha nhân để tiếp tục tích tụ nhân lành, chứ không nên hưởng tận. Chính cái “nghĩ đến tha nhân” này sẽ giúp ta trưởng dưỡng Bồ Đề tâm của chúng ta mà tiếp tục tiến tu giải thoát vậy.

Thứ bảy là “duyên sanh” là điều không thể tránh được. Theo Đức Phật, không có thứ gì trong mười phương pháp giới có thể tự nhiên hay ngẫu nhiên mà sanh ra và ngẫu nhiên hay tự nhiên hoại diệt. Thân chúng sanh duyên hợp bởi tứ đại, hễ đủ duyên là hợp mà hết duyên là tan. Nhân duyên không bắt đầu cũng không chấm dứt hay dừng lại ở đâu, mà chúng cứ trùng trùng duyên khởi, cứ tiếp tục duyên nhau không ngừng nghỉ. Nhân của cái này là quả của cái kia và quả của cái kia là nhân của cái nọ, cứ thế mà trùng trùng duyên khởi xảy ra trong pháp

giới. Người con Phật phải nên thấy rõ điều này để nỗ lực tiến tu giải thoát trong mọi trường hợp, không lo sợ, không thối chuyển. Trên đời này có nhiều thứ mà chúng ta không thể tránh được chứ không riêng gì bảy thứ vừa kể trên. Người con Phật chớ thuận cầu sống hạnh phúc và tu giải thoát phải luôn nhớ rằng chúng ta sẽ không có thì giờ đâu để tầm chương trích cú cho việc nhàn đàm hý luận, đừng đem lời nói của cổ nhân làm chỗ hiểu của mình rồi tự cho là không ai hơn mình, từ đó mà ngã mạn cống cao. Có chút đạo tâm phải lo hạ thủ công phu chứ đừng học thói của thầy tà bạn ác rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận và vấn nạn đạo pháp thì chẳng những chẳng dứt trừ được vọng tưởng, mà ngày càng chất chứa thêm phiền não và chướng nghiệp, đến lúc lâm chung dù có ăn năn thì đạo tâm đã thối mất, đâu còn kịp nữa. Trên đời này có lắm kẻ chỉ biết ngày ngày giỡn chơi với địa ngục. Ngồi tịnh được một vài phần nhang bèn sanh tâm ngã mạn cống cao.

Tóm lại, giáo pháp của Phật Tổ Thích Ca có đủ đầy công năng chuyển hóa chúng sanh mọi loài, có khả năng đưa chúng sanh lên làm Phật. Tuy nhiên, muốn được như vậy chúng sanh phải liên tục tinh tấn tu hành y như Phật trong từng sát na hiện tại. Dù thượng căn hay hạ trí, dù giàu hay dù nghèo, dù quý tộc hay cùng đinh nếu tin tưởng và thọ trì giáo pháp của Phật, sẽ được Ngài khai ngộ để trở thành một chúng sanh hoàn toàn sáng suốt, thấy ánh đạo vàng giải thoát mà tránh xa bờ mê bể khổ. Người Phật tử nên luôn vững tin nơi giáo pháp của Thế Tôn và luôn tâm nguyện hành trì y theo Ngài thì dù duyên kém phước mỏng thế mấy, sẽ có sự giải thoát trong đời này kiếp này. Hãy cố gắng lên hỡi những người con Phật!!!

485. HÀNH TRÌ TRONG ĐẠO PHẬT

Kinh điển nhà Phật từ Đại Bảo Tích, Hoa Nghiêm, Đại Tập, Phương Quảng, Pháp Hoa, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tạp A Hàm, Thập tụng Luật, Tứ Phần Luật đến Niết Bàn có trên 500 quyển. Dù cả đời dành hết cho việc ôn tầm bối điệp cũng không đọc hết được những giáo lý thậm thâm vi diệu này. Phải thừa nhận giáo điển nhà Phật không thiếu bất cứ thứ gì từ vũ trụ quan đến nhân sinh quan, từ nguyên nhân luận đến hệ quả luận, từ chúng sanh đến Phật. Tuy nhiên, nói gì thì nói giáo lý nhà Phật không bao giờ dành cho học giả, vì cho dù có lâu thông thiên kinh vạn quyển mà chẳng chịu hành trì thì còn tệ hơn người bị bại絮, chẳng đi đến đâu cả. Người bại絮 còn có thể dùng xe lăn để di chuyển đó đây nếu người ấy muốn, chứ học Phật mà không hành trì chẳng những không đi lên mà còn đi xuống nữa là khác.

Thật vậy! Người tu Phật mà tri hành hợp nhất sẽ luôn thấy giáo pháp nhà Phật là lương dược không thể nghĩ bàn. Lấy hạnh đại từ đối trị chấp ngã; lấy vô thường, khổ và vô ngã đối trị sự trüu mến tứ đại; lấy vô úy đối trị sanh, lão, bệnh, tử; lấy Bát Thánh đạo đối trị tà đạo; lấy từ bi hỷ xả đối trị tham sân si; lấy khiêm cung từ tốn đối trị cống cao ngã mạn, vân vân và vân vân. Phật giáo nhìn vào vũ trụ nhân sinh không phải là duy vật, cũng không duy tâm hay duy thần, mà Phật giáo nhìn vào con người bằng duyên hợp duyên tan của ngũ uẩn và tứ đại qua ba trạng thái tâm, sinh và vật lý. Từ nơi sáu căn tiếp xúc với sáu trần sanh ra sáu thức. Thức tạo tác vọng động tạo thiện ác nghiệp để lăn trôi trong ba nẻo sáu đường. Thí dụ như mắt thấy sắc tâm liền khởi say đắm, từ đó mà tạo nên hành nghiệp. Cũng như vậy, tai nghe âm thanh du dương, mũi ngửi mùi thơm, lưỡi nếm vị lương hảo, thân xúc chạm vào những cái êm dịu, và ý suy nghĩ, vân

vân khiến tâm tạo nghiệp. Chính vì thế mà trong các kinh điển Đức Phật đã dạy tám pháp hành trì căn bản (Bát Thánh Đạo). Sau khi chứng đạo giác ngộ cao cả, Đức Phật đã đến vườn Lộc Uyển, gặp năm người bạn cũ và tại đây Ngài đã chuyển Pháp Luân. Ngài đã lăn bánh xe Pháp và để lại cho đời một giáo lý tuyệt luân. Lời dạy đúng sự thật của Thế Tôn như xe chở tâm trí ngu muội của chúng sanh đến kinh thành sáng tỏ của giác ngộ, giải thoát, tỉnh thức, an lạc, và hạnh phúc. Nhưng chúng ta phải quay bánh xe ấy ở đâu? Đức Phật đã khẳng định với chúng đệ tử của Ngài là mỗi người phải tự quay tự chuyển, nghĩa là mỗi người phải hành trì, hành trì và hành trì cho đến khi nào tâm thức của mình hòa lẫn vào bản thể của vũ trụ. Hành trì trong đạo Phật là hiện đời thu thúc thân tâm không cho chúng tạo nghiệp bằng cách tu tập không cho lục căn chạy theo trần cảnh cho tâm nầy tiếp tục gây tội tạo nghiệp nữa. Hơn nữa, hành trì trong đạo Phật là một tiến trình thanh lọc không ngừng nghỉ của thân khẩu ý. Trong tiến trình này, người tu Phật phải có đủ đầy tam quy ngũ giới, phải tín tâm mà tu trì vì nếu không tín tâm thì dù có là Phật tử trên danh nghĩa nhưng thực chất vẫn là những kẻ cầu Thần lạy Thánh những mong có được chút ít phước báo vậy thôi. Còn nếu đến chùa mà không quy-y Tam Bảo thì nào có khác gì những du khách viếng ngoạn cảnh chùa. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng muốn tu trì theo Phật mà không thọ giới quy-y, không lấy giới luật làm kim chỉ nam thì khó lòng mà tu đúng hướng trì đúng đường lối. Nếu không thọ trì ngũ giới thập thiện thì dù cho có tu tập thiền định đến vạn triệu kiếp cũng không tránh khỏi lạc vào ma đạo. Sau khi thanh lọc thân khẩu ý cho được thanh tịnh, người con Phật phải dùng trí tuệ mà quán chiếu vạn pháp để hiểu rõ thực tướng của chúng và phá trừ vô minh, để từ từ đi đến giác ngộ và giải thoát. Nhưng giác ngộ và giải thoát cái gì? Và giải thoát cho ai? Giác ngộ là biết ra và giải

thoát là mở ra hay gỡ ra khỏi sự trói buộc, nhưng biết ra cái gì và gỡ ra khỏi sự trói buộc cái gì đây? Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ Đức Phật luôn nhấn mạnh đến những hệ lụy của khổ đau phiền não là lăn trôi trong tam đồ lục đạo, và những nguyên nhân đưa đến khổ đau phiền não là tam độc tham sân si. Như vậy Đức Từ Phụ đã nói quá rõ về giác ngộ cái gì và giải thoát cái gì rồi. Ai muốn giác ngộ và giải thoát theo kiểu nào tùy ý, người con Phật tu trì để biết ra những nguyên nhân đưa đến khổ đau phiền não là tam độc tham sân si và tự gỡ mình ra khỏi sự trói buộc của sự lăn trôi trong tam đồ lục đạo. Hiểu được như vậy và tu trì được như vậy thì còn nói làm gì đến Thiền, Tịnh, Mật, xuất gia, tại gia, Đại thừa, Tiểu thừa, Tiệm giáo, Đốn giáo, vân vân. Đạo Phật nói dễ khó làm vì giáo pháp nhà Phật là thuốc đắng. Thuốc đắng dã tật, nhưng khó uống vô cùng. Cổ đức dạy: “Biết không khó, làm mới là khó.” Nghĩa là học và hiểu những lời Phật dạy không phải là khó, hành trì cho được những lời dạy đó ấy mới thật là khó. Tiến trình “Từ người lên Phật” đòi hỏi nơi chúng ta sự hành trì liên tục, không mỗi mệ, không thối chuyển. Nhiều khi chúng ta mang danh Phật tử, đi chùa bấy lâu nay, tất cả kinh điển Tiểu thừa, Đại thừa đều trì đến thuộc lòng mà cách hành sử của chúng ta xét ra còn tệ hơn những người chưa biết đạo. Thấy như vậy để biết rằng kinh điển không giúp gì được cho sự giác ngộ và giải thoát của mình nếu mình không chịu tu trì. Tuy nhiên, tu trì ở đây không phải là ở bề ngoài hình tướng mà là tâm tánh bên trong. Người con Phật tại gia học Phật mà bảo: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,” hay “giữ tâm sao cho không ngằn mé với hư không” quả là thiên nan vạn nan. Nên nhớ chúng ta là loài hữu tình hữu cảm, chứ không phải là những con người máy mẽ muốn “ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” chỉ cần bám nút “ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” là được ngay. Tu trì trong đạo Phật phải là sự dung hòa tuyệt diệu giữa lý trí và tình

cảm vì nếu chỉ có lý trí mà thiếu tình cảm thì lắm khi chúng ta tự biến những giáo lý tuyệt vời của Phật thành những món ăn khô khan khó nuốt; ngược lại, nếu có tình cảm mà thiếu lý trí thì chúng ta sẽ trở thành những con người đa tình đa cảm, dễ dàng đi ngược lại những lời dạy của Đức Từ Phụ. Đối với phàm phu tục tử như chúng ta mà bảo hiểu cho được pháp thân ba đời bình đẳng (quá khứ, hiện tại và vị lai) quả là khó khăn vô cùng. Tuy nhiên, dù độn căn thế mấy làm gì chúng ta lại chẳng biết bố thí, trì giới, nhẫn nhục. Làm gì chúng ta không biết cái tai hại của tham sân si và cái lợi của vô tham, vô sân, vô si? Làm gì chúng ta không thấy sự lợi lạc của thiếu dục tri túc; làm gì chúng ta không thấy sức mạnh của sự nhẫn nhục, của khiêm cung từ tốn? Nhưng phàm tánh khó bỏ cho nên chúng ta vẫn chứng nào tật nấy, vẫn ngày ngày cố học cho được một chút hiểu biết về Phật pháp, không phải để hành trì, mà để rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận. Ai dám bảo những người tới chùa lập công bồi đức là hạ trí và ai dám tự xưng hành giả tu thiền là thượng trí, thế mà những con ma Ba Tuần vẫn ngày ngày oang oát ong óng như vậy. Ngay từ thời Phật còn tại thế, Ngài đã từng dạy cho lũ Ba Tuần những bài học để đời, thế mà chưa đầy 26 thế kỷ, chúng đã vội quên. Trên đời này ai là người cầu phước bằng Phật? Phải chăng vì hạ trí mà Ngài đi cầu phước? Câu hỏi tự trả lời. Lúc còn tại thế, khi thấy A Na Luật đã mù mà phải vá áo và vất vả khi phải xỏ kim. Phật đã đến nơi xỏ từng mũi kim cho A Na Luật đến khi áo được vá xong. Sau đó A Na Luật bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con tưởng chỉ có người thế gian mới cầu phước, nào ngờ Thế Tôn là một bậc Chánh đẳng Chánh giác, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Thiên như sư, Phật mà cũng cầu phước. Xin Thế Tôn mở lòng thương xót giảng giải cho con được tận tường.” Đức Thế Tôn bảo A Na Luật rằng: “Người cầu phước ở thế gian không ai hơn ta. Như Lai đối với

vạn pháp không thấy chán và thấy đủ từ bố thí, giáo giới, nhẫn nhục, thuyết pháp, giúp đỡ chúng sanh, chí đến cầu đạo vô thượng.” Một bậc chí Thánh như Đức Thế Tôn, một bậc đã vượt thoát khỏi bờ mé của tham ái và sanh tử mà vẫn lấy phước làm đầu, há là chúng ta? Đức Thế Tôn đã đoán biết càng về thời xa Phật sẽ có lắm kẻ thế trí biện thông chỉ biết làu thông Phật pháp rồi rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận về pháp tối thượng thừa, nên Ngài đã tự thân làm gương “lập công bồi đức” cho mọi người thấy. Con đường thấp sáng trí tuệ là con đường thâm thâm tiến tu, kể cả lập công bồi đức như Phật đã từng làm, không có đường tắt, không có ngoại lệ. Lúc Thế Tôn còn tại thế, nhân khi nghe mấy vị tỳ kheo bàn luận về vô thường, khổ, vô ngã, thường, lạc, ngã, tịnh, vô thường không phải thường, vô ngã không phải ngã, khổ không phải lạc, bợn nhơ không phải tịnh. Phật vì thương xót nên chỉ dạy rằng: “Vô thường, khổ, vô ngã, cũng như thường, lạc, ngã, tịnh, phiền não hay niết bàn chỉ là những danh từ trống rỗng vô nghĩa. Càng bàn luận về những danh từ này chẳng những không giúp cho mấy ông giải thoát mà càng làm cho mấy ông loạn động thêm. Hãy quay vào tự hỏi coi mấy ông đã bố thí, trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn tu hành tới đâu. Chỉ cần quay vào thanh tịnh thân miệng ý của chính mình, đó mới đích thực là yếu nghĩa của pháp tối thượng thừa.” Ngay cả các bậc A La Hán mà Phật còn bảo là tập khí chưa hoàn toàn thanh tịnh, nghĩa là những tập khí ấy vẫn còn biểu hiện một cách vi tế và còn cần phải tiếp tục hành trì cho đến khi rốt ráo, huống là chúng ta, những phàm nhân tục tử!

Người tu Phật luôn tỉnh thức về sự biến hóa luân hồi của chư pháp. Vạn pháp đều phải thành trụ dị diệt chứ không thường còn; tuy nhiên, chúng sanh nhứt là con người cứ mãi trầm mê trong biển khổ vì chấp nê tham ái. Trong Kinh Viên Giác, Đức Phật đã vạch rõ cho chúng ta thấy sở dĩ chúng ta mê lầm điên

đảo trong biển khổ trầm luân là vì từ vô thủy chúng ta đã vọng nhận tứ đại là mình, nhận sáu căn là mình, rồi từ đó mang thân khẩu ý vào đời gây tội tạo nghiệp. Bây giờ muốn tu hành giải thoát phải từng sát na thanh tịnh thân khẩu ý, từng phút giây sống trong chánh niệm, xa lìa tà niệm vọng niệm. Quý vị ơi! Hãy bình tâm suy gẫm để thấy rằng hơi thở này thở ra mà không thở vào là đã mạng một, thì thân xác mà bấy lâu nay chúng ta trứu mến đã trở thành một thân ma. Sở dĩ chúng ta gặp trở ngại trong việc hành trì là vì chúng ta không chịu buông bỏ mà còn chấp chặt vào thân xác này, xem nó là quý trọng nên mới sanh ra đủ thứ nhưn ngã, thị phi, thương ghét. Hành trì trong đạo Phật có nghĩa là tự chúng ta vén màn vô minh đã bao trùm lấy thân phận này từ vô thủy. Một khi đã vén được bức màn ấy là giác ngộ, từ giác ngộ đến giải thoát chỉ còn là vấn đề thời gian mà thôi. Trong Kinh Chuyển Pháp Luân, đức Phật dạy: “Khổ và Tập có quan hệ làm phát sinh lẫn nhau. Không phải chỉ do Tập mà sinh Khổ, Khổ cũng có khả năng khởi Tập. Hết thấy mọi sự tồn tại trên đời này đều do nhân duyên mà khởi lên. Cái nhân duyên ấy lại do cái nhân duyên trước nữa mà sanh ra.” Như vậy hành trì trong đạo Phật là tu tập làm sao cho không còn nhân để giao với duyên mà sanh ra đủ mọi thứ chướng nghiệp. Người con Phật chơn thuần phải hiểu cho rõ rằng từ phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng) gây nên nghiệp, rồi nghiệp chiêu cảm quả khổ, rồi từ quả khổ lại sanh ra những phiền não khác. Hành trì trong đạo Phật là tu tập để đoạn tận phiền não, nghĩa là chặt đứt một mắc xích trong vòng “phiền não, nghiệp, quả khổ, phiền não” vừa nói trên. Trong Kinh A Hàm, đức Phật dạy: “Vô minh che lấp, ái ràng buộc, đó là tự thể của thức.” Như vậy hành trì trong đạo Phật cũng có nghĩa là xóa trắng vô minh để thấy rõ sự ràng buộc của ái, từ đó thức tự động tan biến. Tuy nhiên, làm sao xóa trắng được vô minh? Trong

Kinh Chuyển Pháp Luân, phần Đạo đế, đức Phật dạy: “Nếu không có chánh niệm thì thức phải theo duyên mà bị mê hoặc, hoặc khổ, hoặc lạc sanh ra ái, rồi từ ái sanh thủ (chấp thủ tự ngã, chấp thủ những kiến giải sai lầm, chấp thủ vào giới cấm sai lầm, chấp thủ vào ngũ dục), thủ lại sanh hữu (dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu), hữu sanh ra sanh, lão, bệnh, tử. Hành trì trong đạo Phật là diệt trừ mọi căn nguyên của thống khổ để giải thoát luân hồi sanh tử. Chúng ta không thể diệt trừ thống khổ bằng ngoại giới hay tự hành xác. Người con Phật chơn thuần phải nhận rõ rằng chính phiền não là nhân tố chính khiến cho chúng ta gây tội tạo nghiệp, nếu chúng ta đoạn trừ được phiền não thì vô lượng chủng nghiệp cũng phải khô héo mà không phát sinh ra tác dụng nữa. Chính vì vậy mà đức Phật dạy trong các kinh điển rằng hành trì trong đạo Phật là tu tập để diệt trừ mê hoặc não phiền, vì một khi mê hoặc não phiền đã bị diệt rồi thì nghiệp không còn được thành lập nữa, do đó khổ quả sanh tử cũng sẽ khô héo một cách triệt để. Với người con Phật, nhứt là những đứa con tại gia, hành đạo là sống thật với những gì mình có trong cuộc sống hằng ngày; sống thiếu dục tri túc; sống không tham đắm truy cầu; sống không tranh danh đoạt lợi; sống không tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Con người ấy vẫn sống và vẫn qua cầu vận mệnh của mình bằng quả nghiệp do chính mình tạo ra; tuy nhiên, quả nghiệp của người biết hành trì đạo Phật nếu có, cũng chỉ là những quả nghiệp thiện lành. Người nào hiểu được chơn thiệt nghĩa của chữ “hành trì trong đạo Phật” thì cho dù đang ở đâu hay trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người ấy vẫn “hành trì Phật pháp.” Ngược lại, nếu không hiểu thật nghĩa của 5 chữ ấy thì cho dù đang ở chùa hay ở bất cứ nơi trang nghiêm thanh tịnh nào, con người ấy vẫn đang đi trên đường Ma đạo. Thế nào là chơn thiệt nghĩa của “Hành trì trong đạo Phật?” Trong các kinh điển Phật, chính Đức Từ Phụ đã khẳng định:

“Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.”

Theo Đức Thế Tôn thì hành trì trong đạo Phật thật đơn giản và vắn vắn trong một câu nói. Tuy nhiên, đem câu nói ấy ra biến thành hiện thực không phải là chuyện dễ. Chỉ chuyện “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,” chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề phải đem hết đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, cũng như ba mươi bảy phẩm trợ đạo của nhà Phật ra mà hành trì một cách rốt ráo, không mỗi mệ, không thối chuyển mới thực hành được hai điều này. Con người phải quan sát thật sâu vào vạn pháp để luôn được “tự tịnh kỳ ý, luôn được an nhàn tự tại trong cảnh vô thường và khổ đau phiền não của cõi Ta Bà ngũ trược ác thế này. Làm được những điều này, chúng sanh như là con người, dù đang ở trong bất cứ tình huống nào, vẫn là những con người tỉnh thức, chứ không lúc mê lúc tỉnh, lúc tỉnh lúc mê. Thật vậy, người tu Phật phải vô cùng cẩn trọng để không bị vướng mắc vào những trạng huống lẫn lộn này. Lúc mê, nhờ Pháp Phật mà được tỉnh giác; đến khi tỉnh giác rồi, nếu không khéo thì lại vướng vào cái cảnh mê pháp, chấp pháp, rồi lại tiếp tục xà quần trong trong cảnh người say nhân đàm hý luận. Người con Phật muốn tu hành giải thoát nên luôn nhớ lời Phật dạy: “Trong 49 năm hoằng hóa, ta chưa từng nói một lời.” Nói như vậy, Phật muốn nhắc nhở với chúng ta rằng Phật pháp chỉ là chiếc bè đưa người từ bờ mê sang bến giác. Người nào chịu hành trì là chịu sang bờ, thế thôi. Người biết hành trì trong đạo Phật là người thấy rõ bản mặt thật của khổ, tập, diệt, đạo; biết phẳng lặn 12 mắc xích của như duyên để phá tan bức màn vô minh. Con người ấy cũng đói ăn khát uống, nhưng không ham ăn hóc uống. Con người ấy vẫn sống một đời sống như mọi người, nhưng

không tham đắm truy cầu, không tranh danh đoạt lợi, không ngã mạn cống cao. Con người ấy ở ngay trong cõi dục giới nhưng không tham gia vào các hành động gây tội tạo nghiệp; trong cõi Ta Bà ngũ trước nhưng không nhiễm trước bởi ma ngã, ma kiêu mạn, ma lợi danh, ma ái dục.

Hành trì Phật pháp là thâm thâm làm theo những lời Phật dạy, không khen chê, không yêu ghét, không học thói “năng thuyết bất năng hành.” Phật còn không độ tận được chúng sanh, huống là chúng ta? Thôi thì hãy ráng mà tu lấy thân này chứ đừng nên xuẩn động khen chê ai. Tự mình bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chay lạt được thì càng tốt cho cuộc tu hành, chứ đừng biếm nhẽ khen chê, kẻ này trường trai, kẻ kia một ngộ, kẻ nọ ăn cá ăn thịt. Kẻ nào có thế nào cũng không ảnh hưởng đến mưa nắng giải thoát của chính mình. Một niệm khen chê thị phi nổi lên, ai được ai thua đâu không thấy, chỉ thấy tự tâm mình như nhuộm loạn động hơn thêm. Hãy thâm thâm biến những điều Phật dạy thành hiện thực thì không cần phải nói, không cần phải bàn luận, con người đó đi đâu đến đâu cũng chỉ toát ra đủ đầy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, từ bi hỷ xả, công bình, bác ái, khiêm cung từ tốn. Tu trì trong đạo Phật là áp dụng những lời Phật dạy vào cuộc sống hằng ngày để tu tâm sửa tánh, để tỉnh thức tâm ý. Phật tử chơn thuần đến chùa tụng kinh lễ Phật, học đạo, nghe pháp, làm công quả, trì chú, niệm Phật, ngồi thiền cốt để hiểu đạo và tự giải thoát mình ra khỏi vòng luân hồi sanh tử. Tu trì không tính được bằng hình thức bên ngoài, cũng không tính được bằng những năm tháng đến chùa hay ở chùa. Phật tử chơn thuần nên luôn tỉnh thức về sự tu trì của chính mình. Mình tu tâm sửa tánh vì tâm tánh mình hãy còn quá phàm phu tục tử; mình tu trì vì nội kết chưa được giải tỏa; mình tu vì mình hãy còn quá nhiều phàm phu tánh, hãy còn phân biệt ghét ưa; nhưng trên hết, mình tu là để có cơ sống thật với chính mình chứ không phải là hình

tướng giả tạo bên ngoài. Đạo này chỉ được gọi là “thật đạo” khi hàng hậu bối chúng ta chịu tri hành hợp nhất mà thôi. Ngược lại, nếu chúng ta chỉ một bề đem những điều học được trong sách vở ra để nhàn đàm hý luận cho qua ngày qua tháng, chúng ta chỉ là những con kéc học tiếng người không hơn không kém. Cũng như vậy, Kim Cang, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn chỉ là những danh từ vô nghĩa, đã không có lợi mà lắm khi còn có hại cho những kẻ chỉ biết làm kéc học tiếng người. Người con Phật chơn thuần phải luôn tỉnh thức về chơn nghĩa của sự “hành trì” trong đạo Phật. Tri hành không hợp nhất trong đạo Phật đồng nghĩa với trầm luân trong địa ngục a tỳ. Với đạo Phật, ác nghiệp ví như mây đen vần vũ, thiện nghiệp ví như mây trắng, tâm tịnh ý lặng ví như hư không không một vẩn mây dù đen hay dù trắng. Nếu không khéo, thì mây trắng mây đen có thể kéo đến chiếm lấy hư không. Ví bằng gió lên đúng lúc, cả mây trắng lẫn mây đen có thể tan biến trong hư không. Cũng như vậy, nghiệp và nhân quả trong đạo Phật không cố định. Gió có thể thổi tan mây đen mây trắng trong hư không thì sự hành trì trong đạo Phật cũng có thể hóa giải ác nghiệp, mang lại thêm thiện nghiệp, hoặc có thể đạt đến mức tối thượng thừa là không thiện không ác. Như vậy hành trì trong đạo Phật đồng nghĩa với chuyển nghiệp; chuyển tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng thành từ bi hỷ xả, khiêm cung từ tốn, bố thí lợi tha, ái ngôn ái ngữ, chánh kiến chánh tâm. Người chịu hành trì trong đạo Phật là người biết đem công đức của mọi thiện pháp của chính mình ra nhằm xoa dịu nỗi khổ đau trầm thống của tha nhân. Con người ấy luôn đem những gì mình có ra ban phát cho tha nhân, không đong đo, không tính toán. Thật tình mà nói, trong xã hội văn minh vật chất hôm nay làm được những điều này không phải là dễ. Tuy nhiên, người con Phật nên luôn nhớ rằng không phải vật chất giam hãm hay khống chế chúng ta, mà chính dục vọng và thành kiến ngay trong lòng

ta khổng chế và xúi giục ta lăn lộn trong bã vật chất, mùi vinh hoa phú quý. Chính vì thế mà khi còn tại thế, Đức Phật đã luôn nhấn mạnh đến kết quả thù thắng của sự hành trì trong đạo Phật. Hành trì trong đạo Phật đồng nghĩa với bỏ mê lìa vọng, bỏ tà lìa nguy, bỏ sanh lìa tử, bỏ tham sân si lìa mạn nghi tà kiến, bỏ sát đạo lìa dâm vọng. Hành trì đồng nghĩa với đoạn trừ khổ đau phiền não. Hành trì trong đạo Phật là con đường mà mười phương ba đời chư Phật đều kinh qua để vào nơi không sanh không tử. Mong cho ai nấy đều nhiếp tâm hành trì, xa lìa nhàn đàm hý luận, để một ngày không xa nào đó, pháp giới chúng sanh đều thông dong đi vào cõi nước thanh tịnh nơi thường trú của chư Phật. Mong lắm thay!!!

486. HIỆN ĐỜI GIẢI THOÁT

Đạo Phật với những giáo lý vi diệu có khả năng giúp chúng sanh, như là con người, phá sạch mọi kiến chấp sai lầm, nhờ đó mà lần bước về quang lộ của chánh kiến. Ai trong chúng ta cũng đều biết Phật chúng sanh vốn đồng một thể tánh. Tuy nhiên, nơi các đức Như Lai thể tánh ấy thanh tịnh. Các Ngài đã giác ngộ rốt ráo. Trái lại, nơi chúng ta, thể tánh lu mờ với đầy đầy cấu bợn trần thế, nên chúng ta cứ mãi trầm luân trong ba nẻo sáu đường. Hãy nhìn Đức Từ Phụ với cuộc sống thật bình dị, sáng đi khất thực, trưa về độ ngộ xong, tự Ngài rửa bát xếp y, rửa chân, rồi trải tọa cụ ngồi kiết già thuyết pháp. Ngài đã khẳng định với tứ chúng rằng cuộc đời tu hành của Ngài chỉ có vậy, chỉ là những việc thật bình thường. Chơn lý trong đạo Phật cũng là những việc bình thường chứ không huyền bí mơ hồ. Với người tu Phật, thấy và làm những việc bình thường là thấy đạo. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Thế Tôn hỏi A Nan rằng: “Trong nhiều kiếp luân hồi sanh tử, ông đã tìm ra cái tâm của ông nằm ở chỗ nào hay không?” Tuy nhiên, sau bảy lần chỉ điểm về tâm, A Nan đều bị Phật phản bác. Tâm là sự thấy biết suy nghĩ, tâm ở trong thân, tâm ở ngoài thân, tâm ở sau con mắt, tâm ở giữa, tâm không dính vào đâu. Chính chỗ quảng học đa văn nhưng kém phần tu tập này mà suýt chút nữa là A Nan đã mắc nạn Ma Đăng Già. Thật tình mà nói, ai trong chúng ta lại không từng đem cái biết suy nghĩ của chính mình làm tâm theo sở kiến của chính mình. Nhưng Phật đã khẳng định với tứ chúng trong Kinh Lăng Nghiêm rằng: “Cái biết suy nghĩ mà chúng sanh lầm chấp là tâm của mình thật ra chỉ là cái tưởng tượng những tướng giả dối tiền trần, làm mê lầm chân tánh của chúng sanh.” Từ vô thủy chúng ta đã u mê lấy động làm tâm, lấy động làm thân, lấy động làm cảnh, từ đầu đến cuối, niệm niệm sinh diệt, niệm niệm đời đời bỏ mất

chân tánh, làm việc trái ngược rồi từ đó nhận vật, nhận cảnh, nhận đủ thứ làm mình, làm sao mà không trôi lăn trong tam đồ lục đạo?

Như vậy “Tâm” là cái gì? Trong Kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn đã giảng cho Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát về cái tâm như sau: “Tâm này ai cũng có, không người nào không. Ấy là cái tâm bình đẳng, chúng sanh tự hiểu lấy biết lấy. Vì tất cả các việc lành việc dữ đều do tâm mình tạo ra. Tâm thiện thì an vui, tâm ác thì khổ não. Tâm là chủ của thân, thân chỉ là công cụ của tâm. Phật cũng do tâm thành, đạo cũng do tâm học, đức cũng do tâm chứa, công do tâm tu, phước do tâm tạo, họa do tâm chiêu. Tâm tạo thiên đường, tâm làm địa ngục. Tâm làm ra Phật, tâm làm ra chúng sanh. Tâm chánh thành Phật, tâm tà thành ma. Tâm từ là người của cõi trời, tâm ác là người của La Sát. Tâm là hạt giống cho mọi tội phước. Người giác ngộ luôn làm chủ tâm mình, luôn hành thiện không hành ác, luôn giữ cho tâm ấy thanh tịnh và luôn tu trì y như Phật. Người giác ngộ chẳng sợ vọng tưởng và không có cái gì bắt người ấy phải phân chia “động tịnh.” Vì còn biết “tịnh” tức là có “động,” còn suy nghĩ về “không” là đã trải qua cái “có,” vân vân. Con người ấy luôn lắng nghe lời của chư Phật chư Tổ là bên ngoài dứt hết các duyên và bên trong tâm kiên cố như tường vách. Người này rồi sẽ thành Phật. Tâm là cái gì mà có khả năng đưa chúng sanh lên Phật hoặc kéo chúng sanh xuống A Tỳ địa ngục? Tâm chẳng những thay đổi họa phước, mà tâm còn có khả năng biến đổi cái tướng hữu hình của chúng ta trong những giây phút hiện tại. Tâm La Sát thì tướng La Sát sẽ hiện ra ngay. Tâm tạo tướng, tâm diệt tướng. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật chỉ về tâm trong phép tu nhân rằng: “Tâm con người ở trong từng lời nói, trong việc làm, trong suy nghĩ, trong cung cách cư xử với tha nhân, trong thất tình lục dục.” Người Phật tử tại gia hãy lắng lòng nghe lời Phật dạy, hãy chấm dứt

thói tánh phàm phu với đầy đầy những kiến chấp cống cao ngã mạn, hãy chấm dứt rong ruổi tìm cầu. Phật đã khẳng định quá rõ ràng về cái tâm của con người, nó bằng bạc qua từng lời nói việc làm. Thấy người nghèo khổ túng thiếu bèn thương xót bố thí, tâm là ở chỗ đó. Thấy ai kinh khiếp sợ hãi bèn tỏ lời khuyên lớn an ủi, tâm là ở chỗ đó. Nếu từ ý nghĩ, lời nói, đến hành động và cách cư xử nhứt nhứt đều y nương theo Phật pháp thì cả kiết sử (trói buộc) và lục dục thất tình đều tan biến ngay trong những phút giây hiện tại. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng, nếu chưa phải là Huệ Năng hay Bồ Đề Đạt Ma, hoặc chưa thành Phật thành Tổ thì đừng bao giờ mang câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” ra mà nhàn đàm hý luận một cách vô nghĩa. Các Ngài có thể “ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,” chứ chúng ta những chúng sanh loạn động thì biết đến a tăng kỳ nào mới được cái phong thái đó mà đàm với luận. Kiếp này được làm người đã là một đại hạnh, nếu không khéo tu thì chưa chắc gì kiếp sau đã làm được con trùng con dế đâu quý vị ơi! Miếng ruộng phước điền của chúng ta bấy lâu nay vô tình hay cố ý chúng ta đã để cho cỏ dại ác nghiệp mọc tình xâm chiếm. Bây giờ biết tu rồi thì phải lắng lòng nghe Phật, phải sửa đổi từ lời nói, hành động đến sự suy nghĩ sao cho trong ngoài đều y như Phật.

Với phàm phu tục tử chúng ta còn phân biệt thượng căn, hạ trí, trung trí, chứ với Phật thì chúng sanh đồng đẳng. Ai thích hợp với pháp môn nào thì tu theo pháp môn nấy. Đừng ai hàm hồ cho rằng chỉ có người thượng căn mới tu thiền, còn người hạ trí phải lập công bồi đức. Có lắm kẻ thế trí biện thông mà chỉ biết ngày ngày rong ruổi đó đây nhàn đàm hý luận, hoặc chỉ biết nói thiền nói tu, chứ chưa bao giờ thử tu lấy một phút một giây. Kẻ đó đang hành trình về địa ngục, chứ không có con đường nào khác. Ngược lại, có những người một chữ cũng đọc không ra, thế mà ngày ngày vẫn thâm thâm tiến tu pháp môn tối thượng thừa,

ngày thấy Phật của kẻ đó sẽ không còn xa nữa. Người con Phật phải cố noi theo gương Phật. Phật cũng thương cha, thương mẹ, thương vợ, thương con, thương xóm giềng bà con làng nước, nhưng Ngài thương bằng trí tuệ chứ không u mê. Ngài đã khẳng quyết rằng Ngài ra đi tìm đạo giải thoát là vì mọi người. Chính vì thế mà Ngài có một thái độ thật dứt khoát. Một người đã đến bờ mé giải thoát như Thái Tử Tất Đạt Đa mà còn phải cương quyết và dứt khoát như vậy, huống là chúng ta? Nếu chúng ta không có thái độ dứt khoát ngay từ bây giờ thì e rằng chúng ta sẽ không còn cơ hội nào nữa để mà dứt khoát. Hãy nhìn hình ảnh của Đức Từ Phụ, một phen cất bước, Ngài nguyện không trở lại nếu không thành đạo. Trong cõi Ta Bà ngũ trược ác thế này, an lạc, hạnh phúc và khổ đau phiền não lẫn lộn. Chính vì thế mà lắm khi lẫn lộn trong khổ đau phiền não mà chúng ta cứ tỉnh bơ cho rằng ta đang an lạc hạnh phúc. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã khẳng định rằng nếu không thấy được “tâm” sẽ không bao giờ thấy được an lạc. Theo đạo Phật, đau khổ gồm hai phần chính là khổ đau do cảm thọ và khổ đau do lòng tham ái. Tuy nhiên, tất cả đều không chạy ra ngoài cái ý suy nghĩ, cái miệng phát ngôn và cái thân hành hoạt. Từ sanh, già, bệnh, chết đến ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ uẩn thanh suy, vân vân cũng không chạy ra ngoài ba điều vừa kể. Như vậy hiện đời giải thoát của người con Phật là giải thoát cái gì? Tất cả mọi hệ lụy của khổ đau phiền não không ngẫu nhiên mà đến với chúng ta, cũng không do ngoại cảnh, lại cũng không do sắc thanh hương vị xúc pháp. Hãy tự hỏi lòng ta xem coi ý ta nghĩ gì, miệng ta nói gì và thân ta làm gì trước khi đổ thừa cho hoàn cảnh. Nếu ý không ưa rong ruổi, miệng không ưa nói điều xằng bậy, tranh cãi, hơn thua; thân không buông lung tự tác thì làm gì có nghiệp quá khứ cũng như nghiệp hiện tại? Do đó không có quả đau để mà hái. Thật vậy nếu không vì bản tánh ngã mạn

cống cao, không mê lầm bản ngã, không chấp nê thì chúng ta sẽ không bao giờ khư khư cho rằng ta đúng người sai, ta hay người dở, ta đẹp người xấu, ta phải người quấy, ta sang người hèn. Một người làm được như vậy và người người đều làm được như vậy thì cả vũ trụ này luôn đồng điệu, sẽ không có đấu tranh giành giật, hơn thua và đau khổ sẽ dần dần tan biến. Vẫn biết rằng mang thân làm kiếp con người thì bản tánh xấu tốt lẫn lộn, lúc siêng lúc lười, khi công thành mà cũng lắm phen sa hầm sụp hố. Tuy nhiên, người tu Phật vẫn có khả năng hiện đời giải thoát bằng cách thâm thâm tiến tu, thâm thâm chuyển thức thành trí, từ đó gạn lọc loại bỏ những sai lầm gây ra bởi kiến chấp, ngã chấp và pháp chấp. Mười phương ba đời chư Phật đều phải trải qua tiến trình tự giác, giác tha, rồi mới đi đến giác hạnh viên mãn. Chúng ta há có con đường nào khác sao quý vị? Phật tử đi chùa, lễ Phật, tụng kinh đều tốt. Tuy nhiên, hiện đời giải thoát vẫn là ước mơ của mọi người. Hiện đời giải thoát là hiện đời thoát ly khỏi những hệ lụy của khổ đau phiền não, nghĩa là phải tự mình tu sửa sao cho những thói hư tật xấu thành những đức tánh tốt, sao cho ác thành thiện, sao cho loạn động thành thanh tịnh. Phật tử tới chùa để tụng kinh là phải hiểu lý kinh sao cho có thể mang ra hành trì trong cuộc sống hằng ngày, chứ không đọc tụng như kéc mà chẳng biết kinh nói gì; tới chùa lễ Thầy học đạo chứ không tới để gặp bạn bè nói chuyện nhảm nhí hay nhàn đàm hý luận. Thậm chí còn có người coi Phật như một thần linh ban phước giáng họa, thế nên họ tới chùa để cầu tài cầu lộc, cầu tình cầu duyên, cầu con cháu đỗ đạt, vân vân. Nếu may mắn được như ý thì tiếp tục đi chùa, bằng ngược lại thì không tới nữa. Thật là phi lý cho chuyện “nấu cát mà muốn thành cơm” này! Người con Phật hãy tự biết lấy mình, hãy tự giác lấy mình, hãy can đảm cầm đuốc lên mà về lấy chân mình trước khi về chân người. Đồng ý tâm, Phật và chúng sanh không sai khác; tuy nhiên, lúc

tâm hãy còn mê muội thì cho dù có nói gì, có bàn gì cũng chỉ là hý luận. Khi Lục Tổ Huệ Năng nói: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chính khi đó là lúc rõ bốn lai diện mục của chính mình.” Ngài có thể nói như vậy vì nơi Ngài gạo đã trắng, nước đã trong thì còn gì nữa mà thiện với ác. Đời nay có lắm kẻ cuồng tâm loạn tánh, như câu nói đó mà lấy hóa thành (chỗ tạm) làm bảo sở (chỗ quý báu) hay nhận ngón tay chỉ trăng làm trăng, rồi ngồi như khúc cây cục đá chứ chẳng biết mình đang ngồi làm cái gì đây. Người tu Phật phải luôn cẩn trọng, dù ở nhà, ở chợ, ở sở hay ở chùa, luôn quay nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý vào bên trong mà tu cho trọn những lời Phật dạy. Tâm tức là Phật, Phật tức là giác. Giác tánh này, Phật và chúng sanh đều bình đẳng, không sai khác. Giác tánh ấy hoàn toàn không tịch, không có một vật gì, không theo một pháp nào, không còn tu còn chứng, mà tự nó có đầy đủ vạn đức, tự nó với hằng sa diệu dụng. Thế mà chúng sanh vì si mê nên chìm đắm trong sanh tử, trải qua nhiều kiếp nên để cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, biên kiến, hỷ, nộ, ái, ố, vọng tưởng, chấp trước, nhiễm ô ăn sâu vào tâm thức, nên bất đắc dĩ Đức Phật mới nói tu nói chứng, chứ kỳ thật là trở về tìm lại cái “chơn tánh” mà một lần mình đã đại dột xa rời. Như vậy người tu theo Phật nên luôn nhớ tu không phải do học mà được, cũng không do đa văn hay nói suông mà được, vì chỉ có kẻ mê mới nói mình tham thiền nhập định, chứ người trí chỉ một bề thăm thăm tham thiền nhập định mà thôi. Dù thiền hay tịnh độ, ai trong chúng ta cũng phải luôn nhớ, niệm Phật là niệm tâm, hay tâm niệm Phật; tham thiền là tham tánh hay tánh tham thiền. Làm được như vậy thì lúc nào chúng ta cũng cảm thấy an nhiên tự tại trong mọi hoàn cảnh. Mong lắm thay!!!

487. ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Chúng ta chọn đường tu Phật để sau khi chết được vãng sanh Cực Lạc hay để được giải thoát ngay từ bây giờ? Ai muốn chờ đến chết để về Cực Lạc thì cứ chờ. Riêng những người con Phật chơn thuần phải luôn dồn hết tâm niệm của mình vào cuộc sống hiện tại, phải trở về tự tánh Di Đà nơi chính mình trong những giây phút hiện tại để giải thoát khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não ngay trong đời này kiếp này. Nhiều người tự an ủi rằng dù đời là vô thường giả tạm, không có thứ gì gọi là bền vững, nhưng thôi cứ xem nó như một vườn hồng tươi đẹp và quăng gánh lo đi mà vui sống. Tư tưởng như vậy thì cũng được; tuy nhiên, hãy suy gẫm lại mà xem có mấy ai trong chúng ta có khả năng quăng được gánh lo âu để vui sống? Một ngày ta sống là một ngày ta có nhu cầu cho cuộc sống, hễ có nhu cầu thì có ý muốn thỏa mãn nhu cầu, và khi cầu bất đắc thì sanh khổ đau phiền não. Cứ thế mà hết ngày dài rồi lại đêm thâu ta cứ mang ngũ uẩn rày đây mai đó, hết lên rồi xuống, hết xuống rồi lên trong luân hồi vô tận, mà quên rằng trong ta cũng có tự tánh Di Đà với đầy đủ Thân Quang, Tâm Quang, Trí Quang và Tánh Quang. Kỳ thật tự tánh Di Đà là vô lượng quang chứ không phải chỉ có “tứ quang” như vừa kể. Tuy nhiên, người con Phật chỉ cần tu sao cho thân sáng, tâm sáng, trí sáng và tánh sáng, thế cũng là đủ lắm rồi!!! Muốn được như vậy thì trong những giây phút hiện tại, người con Phật chơn thuần phải sống phải tu như thế nào cho thân, khẩu, ý đều thanh tịnh. Sống trong xã hội vật chất nơi mà nhứt nhứt đều được tính bằng tiền, trong đó con người cố chấp, cuồng tín, ngã mạn, cống cao, hận thù, ganh ghét, đố kỵ đi đâu đến đâu chúng ta cũng chỉ chứng kiến một màu tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng thế mà người con Phật vẫn giữ cho thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm

thì thân ấy là gì nếu không phải là “Thân Quang?” Từng bước chân khoan thai, an lạc, chậm rãi, ung dung và đôi môi luôn nở nụ cười hàm tiếu dù trong bất cứ tình huống nào bao nhiêu lo lắng phiền muộn đều buông bỏ thì thân này là gì nếu không phải là “Thân Quang”? Nơi thân chỉ cần giữ được ba điều này thì hào quang nơi thân lúc nào cũng rực sáng. Trong cuộc sống bận rộn hôm nay, chúng ta luôn bị áp lực thúc đẩy đi về phía trước như những cuộn sóng sau đũa sóng trước, không có cách chi mà chúng ta có thể dừng đứng được trước mọi tình huống. Chúng ta thường phải rảo bước trong vội vã, nhưng ít khi chúng ta tự hỏi coi mình đang đi đâu và sẽ đến đâu, đi để làm gì và đến để làm gì? Người con Phật chơn thuần nếu vẫn phải làm việc để mưu sinh mà biết rõ mình đang làm gì và hậu quả của những việc làm này sẽ ra sao, làm việc chơn chánh và lương thiện, làm bằng tất cả sự trong sạch của mình, không gian tham, không bẻ bẩy tám làm mười, không cân non đong thiếu để làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người khác, không lường gạt hay gian lận làm cho người khổ đau phiền não, không ăn nói khoác lác, thêu dệt, không đâm bì thọc thọc bì gạo, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời đâm thọc hay chưởi rửa hung ác. Làm được như vậy thì tâm lúc nào cũng trong sáng không vẫn đục. Cái tâm như vậy nếu không gọi là “Tâm Quang” thì không còn tên nào khác khả dĩ đúng hơn. Cái tâm mà lúc nào cũng hướng về Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát để học lấy cái hạnh biết lắng nghe và trái tim hiểu biết thì đèn tâm ấy chẳng những soi sáng chính mình, mà những người quanh mình cũng được sáng lây. Trong suy tưởng hằng ngày luôn hàm chứa những ý niệm cao đẹp, dù trong bất cứ tình huống nào, dù được hay dù không, dù thắng hay dù bại, dù vinh hay dù nhục, người tu Phật cương quyết không khởi lòng sân hận oán trách. Ngược lại, người tu Phật cương quyết giữ tâm như như bất động trước những thúc bách của tiền tài, sắc đẹp, danh vọng,

ăn uống, ngủ nghỉ, người con Phật không mù quáng u mê thỏa mãn những đòi hỏi của tứ đại. Ngược lại, người tu Phật luôn thiếu dục tri túc (ít ham muốn mà thường hay biết đủ). Người tu Phật lúc nào cũng hướng về Ngài Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi để tập hạnh nhìn sâu vào lòng sự vật một cách vô tư, không phân biệt, không thành kiến. Lúc nào và đi đâu đến đâu người tu Phật cũng tự xét lấy mình, không cầu sướng thân ấm cật mà chạy theo những dục lạc trần thế, không cầu bất cứ quả vị nào trong tương lai, không cầu được nổi tiếng cũng không ham danh lợi. Ngược lại, lúc nào người ấy cũng thăm thẳm tiến tu, quyết đem con mắt và trái tim để tu tập theo hạnh Bồ tát của Phật Tổ năm xưa. Dù trái ý nghịch lòng hay thuận duyên thuận cảnh, người con Phật quyết giữ sự bình tĩnh điềm đạm làm gốc, không để cho ngọn lửa dữ đốt cháy công đức ngàn đời tu tập. Việc dù lớn dù nhỏ, trước khi hành xử phải luôn biện biệt và phán đoán rõ ràng, đúng đắn, chứ không câu chấp theo thiên kiến hạn hẹp. Việc thiện dù nhỏ thế mấy cũng quyết làm, việc ác dù nhỏ thế mấy cũng quyết tránh, luôn giữ cho lòng thẳng ngay, vân vân. Làm được như vậy thì chưa nói đến thiền, ý này đã tự tịnh, ngay trong đời sống hiện tại dù có “Trí Quang” hay không, thân tâm mình đã là thanh sạch lắm rồi. Làm được như vậy, chẳng những tránh được khổ đau phiền não mà hiện đời Trí Quang sáng ngời. Một khi thân đã sáng, tâm đã sáng và trí đã sáng thì con người ấy luôn thấy thân này bất tịnh nên còn tham lam ích kỷ nữa để làm gì? Lúc đó mọi vọng thức phân biệt cố chấp theo thiên kiến sẽ được chuyển hóa thành trí huệ sáng ngời để thấy rõ bản chất vô thường của vạn sự vạn vật và bản chất “vô ngã” của vạn pháp. Lúc đó mọi dục vọng trong ta sẽ vĩnh viễn đoạn tận, không còn một ham muốn nào có thể làm cho chúng ta ray rức được, không một mong cầu nào có thể phát sinh, không một phiền muộn nào có thể áp chế được ta nếu không muốn nói là “vô sở cầu,” không một thiện ác

nào còn có thể làm vướng mắc đường về đất Phật của ta nữa. Lúc đó những từ ngữ hay những trạng thái khoái lạc, khổ đau, ham muốn, buồn khổ, lo sợ, vân vân đều là những cụm từ vô nghĩa vô vị, hoặc giả chúng không còn tự do duyên nhau để khống chế ta nữa. Lúc đó dù đời sống này là một trường đấu tranh thác loạn với đầy đầy những tham vọng ác gian, đường giải thoát của ta vẫn thênh thang rộng mở như bầu trời xanh trong, cao vút, không một gợn mây, không một vướng mắc. Lúc đó từng phút ta sống, từng niệm phát ra đều là Chánh niệm. Lúc đó ba nẻo sáu đường ta đi không còn là lao ngục hay oan gia nghiệp báo nữa, mà ngược lại chỉ một bề ngược lên cầu đạo vô thượng, cúi xuống lân mẫn và hóa độ tha nhân. Lúc đó tâm ta đã hoàn toàn thể nhập vào bản thể trong sáng của vũ trụ. Bản thể ấy sáng suốt, thanh tịnh và đầy đủ các đức thường, lạc, ngã, tịnh. Bản thể ấy không phải chết lặng mà là sống động và có đầy đủ công năng, một sự sống động trong vắng lặng, nghĩa là “vắng mà thường soi, soi mà thường vắng” (tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch.) Đó là con đường giải thoát của Tứ Quang Bồ Tát, trong cõi đi về mà không thấy đi về, trong sanh diệt mà như không sanh diệt, trong giải thoát mà chẳng lìa chúng sanh, nơi công đức mà chẳng trụ vào công đức. Lúc đó, dù không luận bàn giải thoát, giải thoát cũng tự đến, lúc đó đi đâu đến đâu người tu Phật cũng luôn cảm thấy hạnh phúc của người chính là hạnh phúc của mình, và khổ đau của người lại cũng chính là khổ đau của mình. Lúc đó dù dưới bất cứ hình thức nào, tài thí, pháp thí, vô úy thí dù tu phước hay tu huệ, đường giải thoát của người con Phật đều hanh thông. Lúc đó hạnh nguyện tự lợi, lợi tha, tự giác giác tha đều viên mãn. Lúc đó dù người tu Phật không còn luận bàn đến trí huệ, nhưng từng tư tưởng phóng ra, từng lời nói xuất ra đều xuất phát từ nơi sâu thẳm của trí huệ bát nhã vô quái ngại. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng chính Phật

Tổ đã dạy: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.” Ngài đã khẳng định rõ ràng ngoài chúng sanh không có Phật, cũng như không có chơn lý ngoài con người. Tuy nhiên, muốn đạt được chân lý, muốn giải thoát, muốn làm Phật chúng ta không có con đường nào khác hơn là tu tập y như Phật để Thân Quang, Tâm Quang, Trí Quang và Tánh Quang đồng rực sáng thì cảnh đời ở đây ngay trong hiện tại là cảnh đời hạnh phúc, an lạc và giải thoát.

Tóm lại, nếu chúng ta biết tu theo Phật và chịu đi theo con đường mà Phật Tổ đã đi và đã đến năm xưa, thì cho dù trong cuộc sống hằng ngày có lo âu, trĩu nặng thế nào, chúng ta vẫn làm được “Tứ Quang Bồ Tát để thấy rằng trái đất mà chúng ta đang trú ngụ nào có khác chi cõi Tây Phương Cực Lạc, những nẻo đường mà chúng ta đang đi qua quả là tuyệt đẹp với những con đê, bờ ao, ruộng lúa xanh tươi. Lúc đó dù cuộc sống này có bận rộn thế mấy, chúng ta vẫn tìm được cho mình một khoảng trời cao rộng, thanh thản cho tâm hồn. Lúc đó thân, tâm, trí, tánh sẽ toát ra ngũ phần hương tuyệt vời (giới hương, định hương; huệ hương; giải thoát, giải thoát tri kiến hương). Lúc đó còn ai nữa mong cầu về chi cõi Tây Phương Cực lạc vì cõi Ta Bà này đã hoàn toàn toàn thay tên đổi họ rồi. Cổ đức dạy: “Duy Tâm Tịnh Độ.” Vâng khi người con Phật đã tìm ra “Đường Giải Thoát” chơn thật thì ai nấy cũng sẽ là “Tứ Quang Bồ Tát,” mà nơi cư ngụ của Bồ Tát nếu không là Tây phương Cực Lạc thì cũng là cõi trời Đâu Suất. Mười phương ba đời chư Phật đều phải tu mới dần dần được viên thành Phật quả. Chúng ta là những người con Phật hậu bối, không lẽ các Đức Như Lai đã vì lòng từ bi mà trao truyền lại cho chúng ta tất cả từ phương tiện đến hành trang đi vào đường giải thoát, thế mà chúng ta lại do dự chần chờ. Mong cho ai nấy đều phát tâm tìm đường giải thoát để lần tiến về Đâu

Suất, Tây Phương Cực Lạc hay quê hương Phật. Mong lắm thay!!!

488. HÃY TRỞ VỀ VỚI CHÍNH MÌNH

Đức Thích Tôn Từ Phụ đã từng dạy dỗ tứ chúng trong các kinh điển của Ngài: “Khổ đau phiền não hay an vui hạnh phúc là tự nơi chính mình, chứ không phải hưởng ngoại cầu hình cầu tướng mà được. Tất cả chúng sanh mọi loài đều do bởi nghiệp lực của chính mình làm sở hữu, làm nhân duyên, làm thân thuộc, cũng như tất cả những gì đang xảy ra quanh mình.” Phật đã dạy quá rõ ràng trong bài pháp ngắn này. Do chính mình tạo nghiệp mình phải lăn trôi trong luân hồi sanh tử, thì cũng tự mình phải quay trở về với chính mình chuyển hóa, cải tạo những nghiệp chướng sâu dày này, chứ không ai khác có thể làm được điều này, ngay cả Phật. Bên cạnh sự trình bày thật rõ ràng về giáo lý của “khổ tập diệt đạo,” Đức Thế Tôn còn xác nhận rằng bằng nỗ lực riêng của mình, nghĩa là tự trở về với chính mình, con người có thể thực hiện được giải thoát ngay trong đời này. Theo đạo Phật, trong con người có một khả năng gần như vô tận, có thể tiếp nhận nhiều kiến thức và có thể điều chỉnh mọi lệch lạc của tâm lý, vật lý, sinh lý và tư duy của tự thân. Đây chính là khả năng giác ngộ mà Đức Phật hằng nhắc nhở tứ chúng. Con người có thể quay trở về với chính mình, tận dụng khả năng này qua nỗ lực của tự thân bằng cách tu tập theo Đạo đế mà Đức Phật đã chỉ dạy trong Kinh Chuyển Pháp Luân. Tuy nhiên, con người có những căn trí bất đồng, có người chóng hiểu, có người chậm hiểu, có người nặng nghiệp tham, có người nặng nghiệp sân, có người nặng nghiệp si, có người tâm tạp loạn, và có người tâm tánh đoan chánh, vân vân, nên con người phải được giáo hóa tùy theo căn cơ trình độ. Chính vì thế mà Đức Phật đã đặt ra rất nhiều pháp môn làm phương tiện thiện xảo cho chúng ta có thể quay trở về với chính mình mà tu tâm dưỡng tánh.

Kỳ thật nghiệp là cái gì chúng ta không thể thấy được, nhưng tác động của nó là một sức hút không thể chối cãi được. Chính sức hút này đã cuốn trôi chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử triền miên. Người con Phật chơn thuần muốn chấm dứt khổ đau phiền não sẽ không có con đường nào khác hơn là hãy trở về với chính mình để tự chuyển hóa. Chư Phật, chư Bồ Tát và chư Tăng Ni chỉ là những đạo sư dẫn dắt chúng ta trong lúc si mê u muội, khi đã thấy đã biết vì đâu mà có khổ đau phiền não và làm sao diệt khổ để có cuộc sống an lành hạnh phúc, chúng ta phải quay trở về với chính mình mà tự độ. Hãy nhìn lại chính mình với đoạn đời đã qua, có thể tóc ta hãy còn đen, có thể tóc ta đang điểm sương, hay có thể tuyết đã phủ đầy trên mái tóc ta. Ai trong chúng ta rồi sẽ phải kinh qua những mốc thời gian không tránh được này. Dù đi quanh đi quẩn như thế nào trong tam đồ lục đạo, ai trong chúng ta rồi cũng sẽ phải một lần quay trở về với chính mình để tự chuyển hóa những nợ nần năm cũ. Thế sao mãi đến giờ này chúng ta hãy còn lang thang trong vô định? Đã gần hết cuộc đời vẫn chưa biết mình sẽ đi về đâu mà vẫn chưa chịu tìm trở về với chính mình. Hỡi những người con Phật chơn thuần! Hãy quay về với chính mình để tìm lại sự sống thực, để từng sát na ta tỉnh thức cả tư tưởng lẫn hành vi, để luôn cảm nhận cái thấy biết chơn thật mà tự thở giờ mình vẫn có. Hạnh phúc của một con người chịu quay trở về với chính mình là cả một vũ trụ bao la không một vẩn mây, là sống hài hòa với thiên nhiên và mọi người, là tình yêu thương không phân biệt thân sơ bạn thù, là sự linh mãnh tuyệt vời để thích ứng với mọi hoàn cảnh. Chính niềm an lạc và hạnh phúc của người biết quay về với chính mình sẽ đưa người ấy tới tuyệt đỉnh của nhân đạo và thiên đạo để chuẩn bị cho một cuộc hành trình trở về với chân thiện mỹ mà mình đã một lần đại dột xa rời. Người con Phật chơn thuần hãy cố quay trở về với chính để thấy phiền não tham

sân si là cội rễ của bất thiện, từ ái nhiễm, mong cầu, phần hận, nã, tật đố, hoài nghi, bất tín, hôn trầm. Chúng chính là những nhân tố xấu khiến chúng ta luôn bị nã loạn, bất an, không hài hòa, không tự tại và cuối cùng đi đến gây tội tạo nghiệp.

Người chịu quay trở về sống với chính mình sẽ tinh tấn học hỏi giáo lý tuyệt vời của Phật; tuy nhiên, người ấy không mắc chứng trầm kha của những kẻ túy sanh mộng tưởng, chỉ một bề oang oang với lý thuyết. Ngược lại, con người ấy luôn phản quang tự kỷ để luôn chuyển những lỗi lầm của mình. Thế nên con người ấy luôn tự cải thiện, luôn thấy lỗi mình chứ không thấy lỗi người, luôn hành trì những giáo lý của Đức Từ Phụ để có một cuộc sống đáng sống, sống mà không hổ thẹn với chính mình và những người quanh mình. Người con Phật chớ thuận! Đức Từ Phụ đã chỉ dạy quá rõ ràng những gì cần thấu triệt, cần trau dồi và cần buông bỏ để được thực sự trở về với chân tâm thật tánh của chính mình. Giờ đến lượt chúng ta phải phát đại hùng, đại lực, đại trí và đại từ bi mà quay về với chính mình. Chúng ta đã lăn trôi từ vô thủy, rong ruổi đó đây gây tội tạo nghiệp ngất trời, lấy khổ làm vui, lấy nã phiền làm an lạc. Chúng ta đã nói một đàng làm một nẻo nhiều lắm rồi quý vị ơi! Hãy bình tâm mà suy gẫm lại coi chúng ta đã bao lần miệng nói thương mà tâm vẫn ghét, bao lần miệng nói buông bỏ mà tâm này ý này vẫn bám víu, bao lần miệng nói từ bi hỷ xả mà thân tâm ý vẫn tham sân si, bao lần miệng nói khiêm cung từ tốn mà thân tâm ý vẫn ngã mạn cống cao, bao lần miệng nói quân tử mà tâm địa lại tiểu nhân hèn hạ, miệng nói quảng đại bao dung mà tâm địa bõn sển keo kiệt. Làm sao kể cho xiết cái khẩu Phật tâm xà của chúng sanh đây quý vị ơi! Chúng ta đã từ vô thủy sống trong huyền ảo của Ta Bà, xin hãy cố một lần quay lại với chính mình để sống thật đơn giản mà cao thượng, trong đó sẽ không có tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, không có dục vọng chiếm hữu để phải

mắc kẹt vào những mắc xích vô minh. Phật tử chơn thuần phải luôn cảnh giác cuộc đời này nào khác chi một đấu trường, có không, còn mất, hư nên, phải quấy, thành bại, giàu nghèo, sang hèn, vân vân. Hãy quay về sống với chơn tâm thật tánh của chính mình rồi sẽ thấy ngay cả cái mà bấy lâu nay chúng ta ôm ấp cũng không có thật, huống là những thứ viển vông như tài sản, sự nghiệp, danh vọng, quyền uy, công hầu khanh tướng. Hãy quay về với chính mình để thấy rằng không có thứ gì trường cửu. Hãy quay về mà sống tu với chính mình để cho dù còn đang ở trong trần ai mà không lem lấm bụi trần ai. Tất cả đều như tuồng ảo ảnh, tất cả rồi sẽ qua đi, chỉ có chơn tâm thật tánh là tài sản duy nhất theo với chúng sanh cho dù chúng sanh ấy có vào địa ngục hay lên thiên đàng. Hãy quay ngay trở về với chính mình để tự thấy mình đang vướng gì và đang cần tu những gì. Một khi đã quay lại được với chính mình thì mình sẽ thấy rõ tự thuở giờ mình đã lăn trôi trong sanh tử tử sanh chỉ vì tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, con đường duy nhất để chấm dứt lăn trôi là từ bỏ những thứ này, con đường độc đạo để chấm dứt sanh tử tử sanh là không làm các việc ác, chỉ làm các việc lành và luôn giữ cho tâm ý thanh sạch. Quay lại với chính mình để có khả năng buông bỏ những câu chấp mà bấy lâu nay ta hằng ôm ấp. Đức Phật đã nhiều lần dạy dỗ: “Chớ nên chấp pháp, Chánh pháp mà có lúc còn phải bỏ, huống là phi pháp.” Thật vậy, nếu chúng ta không chịu quay lại với chính mình thì khó lòng mà chúng ta thấy được những thứ này lắm vì không ai biết mình hơn chính mình hết quý vị ơi!

Nói gì thì nói, con đường trở về với chính mình thật là thiên nan vạn nan. Con người có kẻ phàm phu nhưng cũng có bậc Thánh trí, nếu phàm phu chúng ta biết sử dụng cái khả năng giác ngộ mà Phật đã chỉ dạy, biết về nương nơi Phật là đáng toàn giác, biết về nương nơi giáo pháp thậm thâm vi diệu của Ngài,

biết vận dụng khả năng sẵn có để rảo bước theo các vị trưởng tử Như Lai, biết tương tức tương nhập thì Thánh có thể dắt dìu phàm đi về vùng đất Phật. Chính vì thế mà Đức Phật hằng nhắc nhở tứ chúng: “Khi mê thầy độ, khi ngộ thì tự độ độ tha.” Hàng hậu bối chúng ta dù biết rằng con đường “Trở về với chính mình” là con đường độc đạo, nhưng trước khi biết đường biết ngõ mà quay trở về với chính mình, chúng ta cần có những bậc Thánh như làm người hướng đạo đưa đường dẫn lối chứ không “đui tu mù luyện” để sa hầm sục bẫy của tà ma ngoại đạo. Bước “trở về với chính mình” đòi hỏi người Phật tử nhiều đấu tranh và nghị lực của chính mình, đòi hỏi chúng ta phải bằng mọi cách tự chiến thắng lấy mình. Chính vì thế mà Đức Phật đã từng nhấn nhủ với tứ chúng: “Chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình. Tự chiến thắng mình để được quay về sống với chơn tâm thật tánh là một chiến thắng vẻ vang nhất.” Đạo Phật nói dễ khó làm. Nói quay về thì dễ, mà quay được về hay không mới là khó. Mặc dù Phật đã khẳng định: “Phật tánh ở Phật thế nào thì Phật tánh ở chúng sanh cũng như thế ấy.” Tuy nhiên, chúng sanh có hùng lực trí lực đâu để mà tìm trở về với cái Phật tánh mà mình đã một lần đại dột xa lìa? Nói như vậy không có nghĩa là bi quan yếm thế, nhưng nói để cùng nhau tự hiểu và tự cố gắng thêm nữa. Phật là một chúng sanh chịu tìm về với chính mình và đã thành Phật. Thế mà chúng ta giờ này vẫn còn đây! Dù mai mắn được thân người, nhưng có ai trong chúng ta có thể đoan chắc là chúng ta sẽ không là trùng đế, trâu ngựa ở kiếp lai sanh??? Thấy như vậy để một lần quyết tâm tìm về với chính mình. Mong lắm thay!!!

489. LY KHỔ ĐẮC LẠC

Không gian vô tận, vũ trụ vô cùng từ muôn thuở vẫn thân nhiên chứng kiến những thành trụ hoại không với tiến trình tự nhiên của luật vô thường. Rồi con người nguyên sơ xuất hiện và sống hiền lành độ lượng và hòa nhập với thiên nhiên. Dù cuộc sống vật chất có thiếu thốn, con người nguyên sơ đã trải qua một thời gian thật dài với cuộc sống hiền lương, tốt đẹp và hạnh phúc. Tuy nhiên, sự phát triển của xã hội đã làm hư hỏng con người từ một con người nhu hòa độ lượng và lương hảo trở thành một con người với chất chồng những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Thiên nhiên chúng ta đang sống vẫn là thiên nhiên của ngày nào, vẫn gió mát trăng thanh, vẫn rừng thông vi vút tiếng thông reo, vẫn ngút ngàn những bờ ruộng con dê, vẫn suối nguồn tươi mát, vẫn bốn mùa chim hót hoa nở, vẫn núi sông ghềnh thác năm xưa, vẫn vầng dương sáng ấm, vẫn tiếng gió rì rào muôn thuở. Thế tại sao con người chúng ta lại không còn hiền lương, tốt đẹp và độ lượng như buổi ban đầu nữa? Trong khi chúng ta đang khắc khoải lặn hụp trong khổ đau phiền não thì thiên nhiên vẫn ung dung đứng đó đợi chờ mà không một lời oán trách. Trong khi chúng ta đang tự nhốt mình trong lao tù lục đạo, thì thiên nhiên vẫn dang rộng đón chờ chúng ta trở về. Thế nhưng đã bao năm rồi chúng ta sống bằng quên lãng tự tâm, sống cuồng sống vội với chất ngất những hưởng ngoại cầu hình. Hãy bình tâm suy gẫm lại coi từ lúc chúng ta có đầy đủ ý thức về cuộc sống của mình, đã có bao lần chúng ta dám can đảm trực diện với chính mình, đã bao lần chúng ta có đủ khôn ngoan trở về với chính mình để đau thương não phiền tự tan biến trong vầng dương ấm áp của thiên nhiên vũ trụ? Hãy tự soi rọi để thấy mình chưa bao giờ làm gì được lợi lạc cho chính mình, huống là làm được gì lợi lạc cho người?

Hai mươi sáu thế kỷ trước, Đức Thích Tôn Từ Phụ đã nhìn thấy cái trục trặc của chúng sanh mọi loài, nhưt là nỗi trầm thống của con người, nên Ngài đã đóng một tiếng chuông cảnh tỉnh mọi người về sanh, lão, bệnh, tử, bốn nỗi khổ lớn của con người cũng như của chúng sanh mọi loài. Ngài đã khẳng định với tứ chúng rằng chừng nào con người chưa tận diệt được mọi ưu khổ sâu bi, chừng ấy con người vẫn phải tiếp tục lăn trôi trong tam đồ lục đạo. Chừng nào con người chưa ý thức và nhận biết được những trầm thống từ sanh, lão, bệnh, tử, chừng đó chúng ta vẫn không cách chi tận diệt được khổ đau phiền não. Mà thật vậy, nếu chúng ta không thấy được bộ mặt thật của khổ đau phiền não và do đâu mà khổ đau phát sanh và tăng trưởng thì làm sao chúng ta diệt khổ đây? Đã thế, lắm khi chúng ta đang tự trói buộc bởi khổ đau phiền não của thế gian mà cứ vỗ tay tán thưởng và cho là hạnh phúc an vui. Đã gần hai mươi sáu thế kỷ, chiều dài lịch sử giải thoát của Phật Tổ, thiết nghĩ thời gian ấy cũng đủ dài cho chúng ta tỉnh thức mà nhận ra đâu là chơn đâu là giả, đâu là giải thoát còn đâu là lao tù lục đạo. Trước khi nhập diệt, Phật Tổ đã nhắn nhủ với tứ chúng rằng: “Con đường mà ta đã kinh qua, dù muốn hay không muốn, các ông rồi ai cũng phải một lần kinh qua, nếu không bây giờ thì cũng vạn triệu kiếp về sau này.” Đức Phật muốn nói gì trong những lời giảng ngắn gọn này? Đạo Phật, một tôn giáo kỳ diệu duy nhất trên địa cầu này. Một tôn giáo mà giáo chủ luôn khẳng quyết con đường mà Ngài đã kinh qua, lại cũng chính là con đường mà những đệ tử hậu bối của Ngài rồi đây cũng sẽ kinh qua. Một tôn giáo mà tín đồ không sợ hãi thần quyền. Không có một uy quyền nào trong đạo Phật được dùng để dọa dẫm tín đồ, không có một giáo điều nào trong đạo Phật được dùng để bắt ép ai phải theo ai. Đức Phật dạy chúng ta hãy lấy tình yêu của từ bi hỷ xả mà yêu thương lẫn nhau. Ngài đã là một tấm gương rạng rỡ về yêu thương cho mọi

người noi theo: Đời vốn dĩ là một biển khổ, xin đừng làm khổ nhau thêm nữa, xin con người hãy yêu thương lấy con người. Ngài đã thể hiện tinh thần yêu thương rộng lớn bằng cứu khổ ban vui một cách bình đẳng. Ngài đã khẳng định với tứ chúng đệ tử rằng không có một quyền năng nào có thể cứu khổ ban vui ngoài sự yêu thương của con người, chỉ có con người mới có khả năng làm với bớt những nỗi trầm thống của con người. Phật tử chơn thuần hãy bình tâm nhìn sâu vào thảm trạng của nhân loại để cảm thương nỗi trầm thống bao đời chồng chất lên thân phận con người, để từ đó phát đại hùng đại lực và đại nguyện “ly khổ đăc lạc” cho mình và cho người. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Hãy dùng sức lực của trí huệ, thuận theo tâm tính của chúng sanh mà giúp mình giúp người ly khổ đăc lạc.” Con người hôm nay đang dồn hết mọi nỗ lực vật lộn với cuộc sống cho miếng cơm manh áo, nhưng miếng cơm manh áo không phải là nhu cầu duy nhất trong cuộc sống của chúng ta. Trong cuộc sống loạn động hôm nay, chúng ta cần lăm đạo đức, chúng ta cần áp dụng chơn lý vào việc rèn luyện con người nhằm đưa mọi người đến một cuộc sống “ly khổ đăc lạc,” một cuộc sống an lạc, tự tại, tỉnh thức và hạnh phúc. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng để có một cuộc sống “ly khổ đăc lạc,” trước hết tự thân tự tâm phải luôn định tỉnh, phải hiểu rõ giá trị của chính mình, phải nhận chân đúng sự tương quan và tương duyên giữa con người với con người và giữa con người với vạn hữu từ đó chúng ta mới có khả năng buông bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến và tiến dần đến cuộc sống “ly khổ đăc lạc.” Chính Đức Phật đã từng dạy trong các kinh điển của Ngài: “Con người là hơn cả vì hết thảy kết quả giác ngộ đều đạt được bởi con người.” Bằng chứng hùng hồn là Đức Phật, Ngài đã đi từ người lên Phật bằng cách từ bỏ tham sân si và sống đời “ly khổ đăc lạc.” Người con Phật chơn thuần không tự mình “ly khổ đăc lạc” mà còn giúp người “ly khổ

đắc lạc.” Chúng ta phải tự trang bị cho mình một nội dung Phật chất đầy đủ, phải hiểu rõ Tứ Diệu Đế, phải tu tập 37 phẩm trợ đạo, phải vào đời bằng trái tim “từ bi hỷ xả,” phải nghiêng tai bên những trái tim hấp hối để nghe cho rõ những trầm thống của nhân loại, phải sẵn sàng xắn tay áo lên giúp băng bó những vết thương rỉ máu của con người, khi thấy ai cần của thì giúp của, ai cần lời thì giúp lời, ai đói thì giúp cho miếng ăn, ai khát thì giúp cho thức uống, ai lạnh thì giúp cho manh quần tấm áo, ai run sợ lo âu thì khuyến tấn trấn an. Làm như vậy là mình đang “ly khổ đắc lạc” và đang giúp người “ly khổ đắc lạc.” Làm sao để được có được cuộc sống “ly khổ đắc lạc?” Như trên đã nói, chỉ có nội dung Phật chất mới giúp được con người tiến dần đến thiếu dục tri túc trong những lôi cuốn thúc bách của xã hội hôm nay. Chỉ có thực tập thiền định mới giúp con người tương đối định tĩnh trong xã hội loạn động mà con người phải hằng ngày vật lộn. Tôn giáo này chẳng những không chấp nhận thần linh huyền bí, mà còn đưa con người trở về với thực tế cuộc sống. Trong tứ chúng, Phật không bắt ép ai phải tiết dục. Ai muốn tiết dục để tu giải thoát thì cứ xuất gia xuất trần, ai chưa kham nổi diệt dục thì Phật khuyên nên thiếu dục tri túc. Ai có khả năng thiền cứ thực hành thiền định, ai không kham nổi thiền định thì Phật chỉ cách niệm Phật sao cho nhất tâm bất loạn. Đạo Phật không là lý thuyết, đạo Phật không dành riêng cho người xuất gia, cho người thế tục, cho người trí thức hay phàm dân. Đạo Phật thực tế và đạo Phật là đạo của mọi người. Người tin Phật và tu Phật, dù tại gia hay xuất gia, đều phải tâm nguyện chí thành “thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Vì Phật đã khẳng quyết trong Kinh Hoa Nghiêm rằng không vì chúng sanh mà tu hành các thiện pháp đều là hành động theo ma vương, vì không sớm thì muộn kẻ đó cũng rơi vào ma đạo, kẻ đó rồi cũng vị tư lợi, háo danh, hoặc cầu vui cho mai sau. Người con Phật vẫn đi thẳng vào

đời, vẫn mưu sinh, nhưng không màng danh lợi, không vì danh lợi mà làm tổn hại đến tha nhân. Dù buông bỏ công hầu khanh tướng, con người ấy không thối chí khiếp sợ trước bất công bạo lực. Người Phật tử vẫn đi thẳng vào đời nhưng can đảm dứt bỏ thị phi yêu ghét và thản nhiên trước mọi tình huống. Trước mọi sự mọi việc không tham ái đắm chìm, không sợ hãi ghen ghét. Người con Phật vào đời bằng Trung Đạo, từ chối thái quá và bất cập, không khoái lạc mà cũng không đau khổ. Trên vạn nẻo đường đời người con Phật chơn thuần chỉ hành trình bằng cái tâm duy nhất: an tịnh. Muốn được như vậy, người con Phật phải vào đời bằng cái tâm bình thường dù trong trạng huống hạnh phúc hay đau khổ. Người con Phật phải thấy và biết như vậy thì mới mong có được những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm chơn chánh. Tâm an tịnh là tâm không chứa đựng, không chứa đựng cái xấu mà cũng không ôm ấp cái tốt. Điểm quan trọng ở đây là người con Phật luôn tự biết mình, luôn tỉnh thức trong chánh niệm, luôn nhớ đến chánh pháp, nhứt nhứt ý niệm trôi lên ta đều biết nhưng không theo cũng không đuổi, không mời cũng không gọi. Làm được như vậy thì lợi danh, khen chê, thị phi, hoạn nạn, mai mắn, sầu thảm hay vui sướng cũng không quật ngã được chúng ta. Làm được như vậy thì tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, ngã kiến, biên kiến sẽ không còn sức khống chế được chúng ta nữa. Làm được như vậy là làm được một phần kim ngôn của Phật: “Ly khổ đắc lạc,” nghĩa là lìa khổ được vui, cũng là bước khởi đầu cho một cuộc vươn lên hưởng thượng và mở ra một phương trời cao rộng trên bước đường tu tập giải thoát. Trong Kinh Ưu Bà Tắc, Đức Phật dạy: “Trong tất cả các loài, con người đủ điều kiện hơn, như về trí khôn chẳng hạn. Nhất là hoàn cảnh con người không quá khổ như địa ngục, không quá vui như các cõi trời và không ngu si như loài súc sanh.” Như vậy Đức Phật đã khẳng quyết về khả năng “ly khổ đắc lạc” của

con người. Kỳ thật muốn làm được thân người với khả năng “ly khổ đặc lạc,” thì ít nhất đời trước chúng ta đã giữ tròn đầy ngũ giới (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, và không uống những chất cay độc). Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy: “Không đau khổ nào giống như sự đau khổ của loài người, nhưng chẳng có hạnh phúc nào lớn bằng sự an định của tâm ý.” Như vậy Đức Phật đã dạy quá rõ ràng về cách “ly khổ đặc lạc” cho hàng hậu bối chúng ta rồi còn gì? Ngài nhấn mạnh về nỗi khổ đau trầm thống của con người không thể nào diễn tả được bằng lời, và liền theo đó Ngài chỉ cho chúng ta “ly khổ đặc lạc” bằng cách an định tâm ý. Muốn giảm thiểu khổ đau chúng ta không có con đường nào khác hơn là chế phục dục vọng. Bên cạnh đó, chúng ta phải luôn nhẫn nhục vì nhẫn nhục chính là những nhân phát triển công đức. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Đức nhẫn nhục không cái gì có thể sánh bằng được. Người tu hạnh nhẫn nhục đáng gọi là đại lực sĩ.” Tuy nhiên, người con Phật chơn thuần phải luôn hiểu rằng “nhẫn nhục” để không đốt phá những khu rừng công đức mà chúng ta đã vun quén bấy lâu nay, chứ không phải là đầu hàng nghịch cảnh. Tóm lại, tất cả những tên giặc tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, biên kiến, sát, đao, dâm, vọng đều là những nhân của khổ đau phiền não. Muốn “ly khổ đặc lạc” chúng ta phải tận diệt những nhân gây ra đau khổ vừa kể trên. Nhất là nhân “si mê” vì si mê mà chúng ta mù quáng không biết đâu là chánh đâu là tà, đâu là chơn đâu là ngụy để rồi cuối cùng nhắm mắt đi vào địa ngục với thầy tà bạn ác. Chính vì vậy mà Đức Phật dạy trong Kinh Sa Di Thập Giới: “Nỗi khổ bị thiêu đốt trong ba đường dữ, nỗi khổ của con lạc đà hay con lừa phải chở nặng, nỗi khổ đói khát áp bức của loài quỉ đói chưa gọi là khổ. Si mê không học, không biết hướng đi mới là khổ.”

490. AI GIÀU CÓ, AI NGHÈO KHÓ?

Trong các kinh điển, Đức Phật đã dạy: “Bố thí đứng đầu trăm hạnh.” Đúng vậy, hạnh bố thí là hạnh đầu trong trăm hạnh. Bên cạnh đó, theo quan niệm thực tiễn của đạo Phật thì ai là người giàu có, còn ai là kẻ nghèo khó? Trong các kinh dạy ưu bà tặc và ưu bà di, Đức Phật đã khẳng định, dù có là triệu phú nhưng mang tâm keo kiệt bủn sẻn, đó là kẻ nghèo khó. Ngược lại, dù có thiếu thốn về vật chất mà tâm địa rộng rãi, vị tha bác ái, quảng đại, bố thí cúng dường, người ấy chính là người giàu có. Người nghèo là người mang tâm địa ích kỷ, chỉ mưu tính sao cho mình được lợi, còn thì sống chết mặc ai. Ngược lại, người giàu trong đạo Phật là người mang tâm không ham muốn truy cầu, không tham lam bủn sẻn, không vơ vét của người làm của mình, không lường gạt giựt giọc của ai. Theo Đức Phật, người giàu có là người biết tu thân theo chánh pháp, phải có lòng từ bi hỷ xả vì con người ấy không còn vướng mắc những hệ lụy của khổ đau phiền não. Người nghèo khó là người suốt ngày phải bị dẫn dắt cấu xé bởi những sợ hãi, mất mát, tranh đua, hơn thiệt, thị phi, kiêu mạn trong Kinh Di Giáo, Đức Phật đã dạy: “Nếu ta biết đủ thì dù nằm trên đất trên cỏ cũng thấy là đủ, còn không biết đủ thì dù có nằm trên nệm ấm chăn êm hay trên thiên đường cũng chẳng thấy đủ.” Thật vậy, đền đài Bát Thánh Đạo không đến được bằng tiền của vật chất của thường tình thế tục. Kẻ có nhà cao cửa rộng không bao giờ mua được chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh tinh tấn, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh định. Tiền của vật chất của cõi nước tạm bợ này không mua được “liễu sanh thoát tử,” cũng không làm cho đạo đức nở hoa. Thế nên lắm khi người giàu tiền lắm của trên thế gian vẫn là những con người nghèo khó về mặt đạo đức và tu hành. Đạo Phật còn đi xa hơn thế nữa, những người đã có đạo

đức và khéo tu hành, nhưng nếu chỉ tiêu cực tự kỷ, không dám mở lòng vị tha phóng khoáng, không dám “cô thân vạn lý du” hành hóa độ tha, con người ấy vẫn là người nghèo khó. Thật vậy, dẫu xây chín bậc phù đồ, cũng không bằng đem một lời Phật dạy ra mà hoằng hóa làm lợi lạc cho nhân sinh. Người giàu với đạo là người dám vì tha nhân mà phát nguyện cầu học cầu tu, tự hóa hóa tha, phát tâm dũng mãnh trì giới, bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Người giàu với đạo còn là người chịu trông thiện căn, gần bạn lành, đi đâu đến đâu cũng kết tụ Bồ Đề quyến thuộc, thường phát tâm nghe pháp, không thối chuyển, không mỏi mệt. Ngoài ra, người giàu có theo đạo Phật, là người liễu ngộ ba đặc tướng vô thường, khổ và vô ngã, phải thấy được thực tướng của các hiện tượng đều do duyên hợp duyên tan chứ không có cái gì là có thật. Con người ấy luôn biết quán sát thân trên thân, thọ trên thọ, tâm trên tâm, pháp trên pháp một cách tinh cần, tỉnh giác và chánh niệm để loại bỏ tham ưu ở đời. Nhờ luôn giữ được chánh niệm (làm cái gì mình biết mình đang làm cái ấy, nghĩa là tâm luôn trụ yên trên một đối tượng) mà tâm sẽ từ từ thanh sạch, nghĩa là những chướng ngại của tâm sẽ từ từ giảm bớt hay bị gạt ra ngoài, do đó mà tâm sẽ ngày càng trở nên sáng suốt và thanh tịnh. Nhờ liễu ngộ được vô thường, khổ và vô ngã mà con người giàu có ấy sẽ chỉ còn thấy tất cả những sự việc xảy ra trên đời này chỉ là những hiện tượng chứ không còn thấy chúng qua một người hay một chúng sanh khác nữa. Nhờ sự tỉnh giác này mà con người ấy không còn khởi tâm sân hận hay thù ghét bất cứ ai, như vậy người giàu có trong đạo Phật luôn sống hài hòa với tha nhân, luôn nhìn tha nhân bằng đôi mắt “từ bi hỷ xả,” luôn lấy “lợi tha làm bốn nguyện (vì bốn hoài)” chứ không còn ham muốn, bám víu, dính mắc, nhiễm ô. Tâm người giàu có trong đạo luôn đi ngược lại với thường tình thế tục. Thường tình thế tục thì luôn ôm ấp và vơ vét, ngược lại trong đạo thì luôn “buông xả”

tài vật của thế gian, nhưng lại “thu thúc” trong việc giữ gìn giới luật. Chính vì thế mà con người ấy lúc nào cũng xả ly dù đang ở địa vị quyền cao chức trọng, con người ấy không bao giờ màng đến tiền của vật chất mà chỉ lo phát triển trí tuệ cho đến mức cùng tột. Con người ấy luôn tinh tấn tu trì, luôn nhẫn nhẫn nhẫn, nhẫn những cái đáng nhẫn và nhẫn cả những cái không đáng nhẫn, vì theo Phật thì trên đời này không có cái gì không đáng được gọi là không đáng nhẫn cả. Con người luôn chân thành chánh trực chứ không bao giờ tà ngôn vạ ngữ. Nhờ vậy mà con người ấy luôn sống đời buông xả, chẳng chút lo buồn, sợ hãi; trong tâm không còn một vẩn đục tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng; đi đâu đến đâu con người ấy cũng chỉ một bề kết tụ Bồ Đề quyến thuộc. Mong cho ai nấy đều phát tâm buông xả để trở thành những con người giàu có theo đúng ý nghĩa của nhà Phật!

491. KHẢ NĂNG THÀNH PHẬT CỦA CON NGƯỜI

Đức phật đã từng nói trong các kinh điển của Ngài rằng chúng sanh mọi loài đều có Phật tánh như nhau. Phật tánh ấy ở chư Phật như thế nào thì ở chúng sanh cũng như thế ấy, chứ không lớn, không nhỏ, không trước, không thanh hơn. Tuy nhiên, trong tam đồ lục đạo thì con người có nhiều lợi điểm tỏ ngộ Phật tánh hơn cả vì dù so với vũ trụ bao la thì con người không bằng một hạt cát nhỏ, nhưng hạt cát ấy có tư tưởng phán đoán và suy luận. Nhờ biết phán đoán và suy luận mà con người có thể khắc phục những khuyết điểm và lầm lỗi để tiến lên chỗ thanh cao đẹp đẽ hơn. Đặc biệt là từ khi Phật Tổ thị hiện, Ngài và các bậc Tổ Thầy đã không ngừng nghỉ khai thị cho chúng sanh được ngộ nhập tri kiến Phật. Ngài đã thiết lập một đạo giáo với minh triết cho con người theo đó mà sống hạnh phúc và tu giải thoát. Tôn giáo này tuyệt đối không để thờ phượng, nên Phật Tổ không muốn ai thờ Ngài theo kiểu một thần linh. Phật đã từng khẳng định rằng Ngài chỉ là một người giác ngộ đi trước, muốn đem những kiến giải của mình ra chia sẻ cho mọi người để ai nấy đều được giác ngộ và giải thoát như Ngài. Ngài muốn xây dựng lại một giá trị tinh thần thanh cao trong đời sống hằng ngày của nhân loại.

Giáo lý Phật Đà dù thâm thâm, cao siêu và vô lượng, cũng chỉ với mục đích duy nhất là “chuyển mê khai ngộ và ly khổ đắc lạc.” Để minh chứng khả năng thành Phật của con người, Phật Tổ đã chứng nghiệm nơi tự thân của Ngài. Ngài đã tu hành và thành Phật. Ngài đã đưa giá trị con người vào một vị thế vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nhân loại. Ngài đã chứng minh một cách hùng hồn qua tự thân rằng con người với nỗ lực tu hành, có

khả năng biến mình thành Phật. Tấm gương rạng ngời của Phật Tổ năm xưa đã khai mở cho chúng sanh một con đường, một chân trời mới trong khả năng thành Phật của chính mình. Tuy nhiên, con người chỉ có thể thấy được căn cội của mình khi đã thấy được vì đâu mà chúng ta đã lăn trôi từ vô lượng kiếp? Rồi từ đó lần về bờ mé của giác ngộ và giải thoát. Phải thấy cho được vì vô minh mà chúng ta cam tâm làm nô lệ cho tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Phật đã giác ngộ và giải thoát khỏi mọi ràng buộc nên Ngài thành Phật. Với Ngài, phiền não hay Bồ Đề không sai khác. Ngài đã chia xẻ sự giác ngộ cao tuyệt ấy với các đệ tử của Ngài rằng nếu chúng ta không cam tâm làm nô lệ cho tham, sân, si thì phiền não và Bồ Đề không còn bờ mé nữa. Phật đã nhờ nguyện lực và ý chí mà Ngài đã vượt thoát khỏi bờ mé của biển khổ sông mê. Con người chúng ta lại cũng như vậy, nếu chúng ta không còn u mê và cam tâm làm nô lệ cho tham, sân, si sẽ không còn vướng mắc của ngũ trước ác thế nữa. Khả năng thành Phật nơi Đức Thích Tôn Từ Phụ như thế nào thì khả năng thành Phật nơi chúng ta lại cũng như thế không sai khác.

Người con Phật chớ than hãy suy gẫm lại mà xem, vướng mắc vào ngũ trước ác thế rồi chúng ta được gì? Phật đã chỉ dạy quá rõ ràng trong đời này, từ vua quan cao sang đến cùng đinh hạ tiện, từ thiên hà vũ trụ bao la cho đến con kiến, hạt bụi, tất cả đều chịu chung một qui luật: sinh, trụ, di, diệt. Đức Phật đã gửi một thông điệp cho mọi loài mọi người: “Dù có tom góp toàn thể tài sản của Ta Bà này rồi cũng phải trở về với cát bụi.” Thật đúng vậy quý vị ạ! Văn minh vật chất có thể đưa con người đến những tinh cầu xa xôi, nhưng chưa bao giờ nền văn minh ấy thực sự đưa con người gần lại với con người. Trong cơn hồng thủy và những tai ách của Thế Giới Ta Bà, Đức Từ Phụ đã hiên ngang tuyên bố rằng: “hạnh phúc của con người phải bắt nguồn từ việc

đem con người xích lại gần nhau hơn.” Chỉ khi nào chúng ta đem lại cho nhau bằng tình thương chơn thật và sự hiểu biết đúng đắn, chừng đó chúng ta mới có thể chuyển hóa cho tâm hồn an lạc cho mình và cho người. Phật tử chơn thuần không nên tự ti mặc cảm với những tội lỗi trong quá khứ rồi đâm ra bi quan yếm thế không chịu tu hành. Chính Đức Từ Phụ đã từng khẳng định trên đời này có hai hạng người cao quý như nhau, thứ nhất là những bậc Thánh chưa bao giờ phạm lỗi, thứ hai là những ai phạm lỗi mà biết nhận và sửa lỗi. Chính Đức Từ Phụ cũng đã khẳng định: “Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, giai kham Phật quả.” Nghĩa là ai cũng đều có Phật tánh và đều có thể là một vị Phật trong tương lai. Biết như vậy để vững tin rằng chỉ cần bỏ ác làm thiện và giữ cho tâm ý thanh sạch là khả năng thành Phật của ta hiện tiền. Tuy nhiên, Phật tử nên luôn nhớ rằng “khả năng thành Phật” và “thành Phật” là hai chuyện hoàn toàn khác nhau.

Làm sao được khả năng thành Phật? Một khi đã hiển bày được khả năng thành Phật rồi thì bước kế tiếp là phải tu sao cho thành Phật. Người con Phật chơn thuần dù ở nhà, ở chợ, ở sở hay ở chùa đều luôn biết tùy duyên mà khắc phục hoàn cảnh và phương tiện tu hành, dù phương tiện có khác nhưng việc tu hành vẫn đúng theo chánh pháp (tùy duyên mà bất biến). Trong Kinh Niết Bàn, Đức Phật dạy: “Chúng sanh mọi loài đều có khả năng thành Phật nếu chịu tu đúng theo Chánh Pháp, chịu giữ vững giới luật thì luôn thấy Như Lai. Ngược lại, không tu theo Chánh Pháp, không trì giữ giới luật, dù đứng trước Như Lai cũng không thấy được Như Lai.” Tu sao cũng được miễn là tu thiệt. Đừng tưởng đi chùa, lễ Phật, tụng kinh, trì chú, vãn vãn đã là tu rồi. Tất cả những thứ vừa kể đều rất tốt với điều kiện đi chùa lễ Phật nhằm triệt tiêu cái bản ngã kiêu căng và tự cao tự đại tự thuở giờ; tụng kinh hiểu lý để sám hối tam nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh sạch; gần gũi chư Tăng Ni để học hỏi Chánh Pháp; làm công quả với

mục đích tự lợi lợi tha; làm Phật sự vì lợi ích chúng sanh và tự giác giác tha; đi chùa để bớt làm việc ác, tăng trưởng việc lành chứ không đi chùa để được tán thán ca tụng, vân vân. Người Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng khả năng thành Phật của con người không ai cho mà có, không mua mà được, cũng không do mặc khải mà thành. Nếu mặc khải mà thành hoặc cho mà có thì Vua Tịnh Phạn, bà Hoàng Hậu Ma Da, bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề, công chúa Da Du Đà La, và La Hầu La đã thành Phật mà không cần phải làm gì cả. Khả năng thành Phật cũng không do học mà được. Nếu học mà được thì từ gần hai mươi sáu thế kỷ nay bao nhiêu học giả đã đều thành Phật hết rồi. Muốn được khả năng thành Phật, con người chúng ta chỉ còn một con đường duy nhất là tu hành như Phật Tổ đã tu hành năm xưa. Muốn hiển lộ khả năng thành Phật trước hết phải có tâm xuất ly, xuất ly tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Chư pháp không vĩnh hằng, không có cái gì là triệt để hay tự tại, chính vì thế nếu chúng ta ôm lòng bám víu vào bất cứ thứ gì rồi chúng ta đều phải chuốc lấy khổ đau phiền não. Muốn tìm về khả năng thành Phật của chính mình người con Phật phải phát tâm tu hành y theo Phật chứ không có con đường nào khác. Chữ “Tu” trong đạo Phật, nếu muốn nói đơn giản thì nó đơn giản, mà nếu muốn nói thâm cao thì nó cũng thâm cao. Tu là sửa đổi, là sửa cái hư xấu thành cái tốt đẹp. Tu là chuyển ác nghiệp thành thiện nghiệp, cải hóa hành vi xấu xa ra tốt lành. Tu còn là phản quang tự kỷ, quay lại nhìn chính mình. Tu là ăn hiền ở lành. Tu là chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý. Tu là giác mê lìa khổ. Tu là tự cởi trói, tự mình giải thoát khỏi mọi hệ lụy của khổ đau phiền não. Tu là chuyển hóa từ trược đến thanh. Tu là cắt tuyệt cái óc nhị phân và gỡ mình ra khỏi tài sắc danh thực thùy. Tu là thấy rõ những phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng chính là những kiết sử (hoặc lợi hoặc độn), kiến

hoặc và tư hoặc trí cột và mê hoặc chúng ta, làm cho khả năng thành Phật của chúng ta bị che lấp mất. Tu là thấy rõ “Tứ Diệu Đế” chính là con đường chắc thật đưa chúng ta đến chỗ thoát khổ lìa não, vân vân và vân vân. Tuy nhiên, tất cả những thứ mà chúng ta vừa kể trên không chạy ra ngoài thế gian pháp. Nếu chúng ta cứ mơ mơ màng màng từ bỏ thế gian này để đi tìm giác ngộ chẳng khác chi chúng ta cố gắng đi tìm lông rùa sừng thỏ vậy. Điểm tối quan trọng trong tiến trình tu tập là không nói mà chỉ hành, vì trong vạn kiếp lăn trôi chúng ta đã mang cái tâm buông lung theo sự xúi giục của trần cảnh bên ngoài để đi qua hết cửa này đến cửa khác của luân hồi sanh tử. Nay quyết tâm tu hành là phải tu hành chứ không tiếp tục buông lung nữa. Trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật dạy: “Thế gian pháp là mọi hiện tượng trên đời này, tùy nơi tùy lúc mà biết dùng cái trí khôn tỉnh sáng để hành sử, ấy là Phật pháp.” Người con Phật chơn thuần phải luôn cẩn trọng để thấy Phật pháp bàng bạc khắp nơi trong thế gian, chúng ta chỉ cần dùng cái trí tỉnh sáng mà ứng phó chứ không cần đào bới trong văn tự ngôn ngữ. Thật tình mà nói, càng đào bới trong văn tự ngôn ngữ hạn hẹp của thế gian, chúng ta càng bị mắc kẹt và vướng víu vào những văn tự ngôn ngữ đó. Chính vì vậy mà Mã Tổ có dạy: “Cổ hoang nhà mình chưa từng xới mà lại đi đào bới kiếm tìm những hư từ trong văn tự.” Như vậy tu là hãy quay ngay về với chính mình mà thanh lọc thân khẩu ý như trở về giã cỏ đang mọc lan tràn trong vườn nhà vậy. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng khả năng thành Phật chỉ hiển lộ qua tiến trình hành trì chứ không qua sự học hay nói. Nếu không chịu hành trì mà chỉ “tầm chương trích cú” trong kinh điển để nhàn đàm hý luận, dù có tầm chương trích cú trong kinh điển tối thượng thừa, tất cả chỉ là giỡn chơi cho qua ngày tháng chứ không ăn nhằm gì đến việc phát huy khả năng thành Phật của chính mình. Thật vậy, tầm chương trích cú không bao

giờ giúp ta dứt trừ được tham, sân, si, mạn nghi, tà kiến, biên kiến, ác kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Chỉ có “hành thiện, không hành ác và tự tịnh kỳ ý” mới giúp cho chúng ta đoạn trừ những thứ này và thấy được đạo mà đoạn trừ mê lầm (kiến đạo sở đoạn hoặc) và tu trì cả lý lẫn sự mà đoạn trừ mê lầm (tu đạo sở đoạn hoặc). Một khi đã tu trì như vậy thì cho dù chưa đạt được khả năng thành Phật, thì cuộc sống hằng ngày của chúng ta cũng an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc lắm rồi vậy. Người tu Phật chỉ với hai tâm nguyện duy nhất là thượng cầu Phật đạo và hạ hóa chúng sanh, không có gì khác để nói trong tiến trình này. Không có gì phải nói trong tiến trình đấu tranh đoạn tận tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Người con Phật phải luôn tỉnh thức mọi móng động của tâm ý mình, vì chỉ có sự tỉnh thức này mới giúp chúng ta có cơ hội chuyển hóa những sai trái, chỉ có sự tỉnh thức này mới giúp ta có khả năng thành Phật. “Nói” sẽ không bao giờ giúp ta lách mình ra khỏi hố thẳm của sân hận và si mê. Trong thời mạt pháp xa Phật này, có lắm ma nhiều quỷ. Phật tử chơn thuần đi chùa thì ít, nhưng ma Ba Tuần rảo bước đến chùa phá đạo nhiều Tăng thì nhiều vô số kể. Thậm chí có người vừa tụng được một vài biến kinh, niệm được dăm ba câu chú, hoặc ngồi được một hai cử thiền đã vội vỗ ngực xưng tên “Thiền Sư” “Thiền Thầy.” Thiền sư thiền thầy mà thịt chúng sanh vẫn nuốt, tham lam sân hận vẫn còn đầy, gian ngoa láo khoét không ai bằng, ngày ngày vẫn độ người uống rượu bằng cách cam tâm làm đệ tử Lưu Linh, đêm đêm vẫn độ kẻ bài bạc bằng cách tự nguyện làm bác thằng Bần. Qua lớp tướng hảo đoạn trang là cả một bầu tà hạnh. Người con Phật nên luôn nhớ rằng trong tiến trình làm hiển lộ khả năng thành Phật của chính mình, phải luôn quán xét sự bất tịnh nơi thân, sự vô thường nơi tâm, sự vô ngã nơi pháp (chư pháp không có chủ thể) và mọi thọ nhận đều là nhân của khổ đau phiền não. Con người ấy phải luôn siêng năng tu trì chánh đạo, luôn ngăn

ngừa và dứt trừ điều ác, luôn thực hiện và phát triển điều lành, luôn tu tập thiền định một cách dững mãnh, không mỏi mệt, không thối chuyển. Con người ấy luôn thấy rằng ngũ căn là cội rễ của ác căn mà cũng là nguồn cội của thiện căn nên luôn biết thu thúc không cho chúng buông lung tạo nghiệp. Con người ấy luôn tin Phật Pháp Tăng và tin tưởng nơi khả năng thành Phật của chính mình, luôn tin như quả nghiệp báo, tin rằng con người luôn có năng lực tập trung tư tưởng đúng như lời Phật dạy để luôn có được kiến thức chơn chánh, tư duy chơn chánh, lời nói chơn chánh, hành động chơn chánh, mạng sống chơn chánh, siêng năng tu trì, không loạn niệm tạp niệm trong cuộc sống cuộc tu hằng ngày. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng từ lộ trình giải khổ về đến bảo sở (tòa Như Lai) hãy còn dài và còn nhiều chướng ngại phải vượt qua. Cũng như vậy, thấy được khả năng thành Phật không có nghĩa là thành Phật, từ thấy đến thành phải trải qua ba a tăng kỳ như lời Phật dạy. Tám vạn bốn ngàn pháp môn Phật thật rộng sâu không thể nghĩ bàn, ai muốn tu theo pháp nào cũng được, miễn là tu chứ đừng nói. Tâm ta nào khác chi cuộn chỉ rối, tu hành là hành trì phương cách gỡ rối, gỡ những khổ đau phiền não. Người con Phật phải nghe cho kỹ những lời Phật dạy để hiểu và biết cả lý lẫn sự, cả tướng lẫn tánh, cả lý thuyết lẫn thực nghiệm. Làm được như vậy dù chưa thành Phật thì cuộc sống hiện tại hẳn là an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc lắm rồi vậy!

Phật tử chơn thuần phải luôn nhớ rằng thời gian qua mau hơn ánh điện chớp, thời gian không chờ không đợi một ai, đừng đợi đến lúc tay rung, mắt mờ, chân yếu rồi mới tìm về với khả năng thành Phật của mình thì e rằng không còn kịp nữa. Được thân người là cơ hội hãn hữu để tu hành giải thoát, gặp Phật pháp chẳng khác chi gặp được “cây sắt” nở hoa, thế mà chúng ta nữ để cho kiếp này luống qua vô ích thì quả là uổng cho một

kiếp người. Người con Phật chơn thuần hãy tự hỏi lòng mình xem coi mình đi chùa để làm gì? Nếu đi chùa để nương Tăng dựa pháp mà chuyển hóa nghiệp chướng và đoạn ái ly sân, cũng như lìa tham xa mạn, tránh sát, đạo, dâm, vọng thì nên đi chùa lắm. Ví bằng đi chùa để nhàn đàm hý luận và điều đạo khinh Tăng thì nên đi uống nước đồng sôi cho tan nát một thân này càng sớm càng tốt, chứ đừng tự mình lót đường cho mình vào địa ngục vô gián vĩnh viễn. Văn tự ngôn ngữ chỉ có lợi lạc khi con người biết nương vào đấy để mà tu tập, còn những danh lý hư từ như “trực chỉ nhơn tâm kiến tánh thành Phật,” “phiền não tức Bồ Đề,” hay “Phật pháp không lìa thế gian pháp,” hay “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,” vân vân và vân vân sẽ chẳng giúp ích gì cho những kẻ chỉ mang tâm đi nhàn đàm hý luận. Tu là tiến trình chuyển hóa nhờ quán chiếu sâu vào vạn pháp chứ không thể nào cưỡng ép tâm ý mà có kết quả được. Người con Phật chơn thuần muốn tìm lại cái khả năng thành Phật mà mình đã một lần đại dột bỏ quên, hãy luôn tỉnh giác trong chánh niệm để làm chủ trọn vẹn tâm mình, để từng bước chân ta đi là từng bước đi về nẻo Bồ Đề. Mong cho ai nấy đều tìm lại được cái khả năng thành Phật của mình để một ngày không xa nào đó pháp giới chúng sanh đều thành Phật đạo.

492. THẾ CŨNG ĐỦ RỒI!!!

Phật là một bậc toàn giác, Ngài đã chứng ngộ chơn lý giải thoát cao tuyệt, đã khởi tâm đại bi hóa độ cho những chúng sanh chưa giác ngộ. Công hạnh của Ngài đã hoàn toàn viên mãn. Ngài đã thấy rõ thế gian là bể khổ và Ngài đã tìm ra đâu là nguyên nhân của khổ, cũng như làm sao diệt khổ. Ngài đã thấy chơn lý chắc thật để diệt trừ khổ đau phiền não không chạy ra ngoài việc thực hành rốt ráo bốn chữ “Thế cũng đủ rồi!” Bốn chữ này kỳ thật chỉ là mệnh đề phụ của một cái gì đó, thế mà lại là một “chơn lý chắc thật” có công năng diệt trừ khổ đau phiền não trên cõi đời này.

Đã là chúng sanh, chưa một ai dám vỗ ngực tự cho là mình chưa bao giờ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Hãy bình tâm suy gẫm lại mà xem! Hoặc trong quá khứ, hoặc trong hiện tại, hoặc trong đời này, hoặc trong đời trước, chúng ta đã từng hí hứng làm nô lệ cho những tên giặc tham, sân, si. Chính vì thế mà chúng ta cứ mãi lặn ngụp trong sóng gió của luân hồi sanh tử, khi khóc, khi cười, khi vui, khi khổ. Chính những đám mây đen vô minh của tham ái, dục vọng, sân hận, si mê đã che khuất cả mặt trời trí tuệ mà vốn dĩ chúng ta đã có từ vô thỉ. Chính những đám mây đen tham, sân, si đã làm cho nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển. Thật vậy quý vị ơi! Đời người vui ít khổ nhiều. Những niềm vui, nếu có chỉ là tạm bợ trong giây lát rồi sẽ qua đi. Niềm vui nào khác chi vỏ trứng bao bọc lấy cả quả trứng khổ đau phiền não. Khổ đau phiền não của Ta Bà có kể cũng không cùng, có viết cũng không cạn. Chính vì thế mà Đức Phật đã dạy: “Nếu khổ đau phiền não của chúng sanh mà có hình tướng thì tam thiên đại thiên thế giới cũng không đủ chỗ chứa.” Chính bản thân con người đã khổ, mà hoàn

cảnh chung quanh lại còn đè nặng lên tấm thân gầy còm của chúng sanh. Cứ thế mà cái khổ này tiếp tục chồng lên cái khổ kia. Ngoài chuyện thân thể bị chi phối bởi sanh, già, bệnh, chết con người còn bị đủ thứ tai ách từ những hoàn cảnh bên ngoài như hạn hán, bão lụt, hỏa hoạn, áp bức, bóc lột, giàu hiếp nghèo, sang hiếp hèn, uy quyền hiếp thế cô, vân vân và vân vân. Lại nữa, từng sát na trôi qua là cả vũ trụ này đang trải qua một tiến trình hoại diệt, chứ không riêng chúng sanh hay con người hoại diệt. Dù cho bậc vua quan uy quyền tột đỉnh cũng phải đành bó tay trước sự nghiền nát và hủy diệt của thời gian. Thêm vào đó, tâm viên ý mã của con người nào để yên cho con người. Bên cạnh sự chi phối của ngoại cảnh và thời gian, tâm viên ý mã luôn lôi kéo thúc đẩy chúng ta làm những chuyện xằng bậy, nào là ta giận, ta buồn, ta thương, ta ghét, ta vui, ta muốn thứ này, thích thứ kia, vân vân. Đức Thích Tôn Từ Phụ đã vạch ra quá rõ do đâu mà có khổ và làm thế nào mà khổ đau phiền não cứ mãi chất chồng. Vì loạn động mà con người sanh ra đủ thứ tham, sân, si cho khổ đau, rồi cũng chính vì loạn động mà con người cứ chồng chất từng lớp khổ đau lên nhau. Tuy nhiên, Ngài cũng khẳng định, không có Niết Bàn tịch tịnh ngoài cái thế giới Ta Bà loạn động này. Có điều là chúng ta có đủ can đảm tự nhủ: “Thế cũng đủ rồi!” để từ đó dám quay lưng lại với tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Mỗi khi một niệm tham vừa mống lên là ta dám tự nói với chính mình: “Thôi, tham từ vô lượng kiếp cũng đã đủ quá rồi còn gì! Nay là lúc ta phải can đảm quay lưng lại với các người đây.” Cũng như vậy, một niệm sân vừa khởi dậy, chúng ta phải dám tự nhận chỉ vì tham thôi mà tâm thức này đã lăn trôi trong ba nẻo sáu đường hướng là mang thêm tâm sân hận? Thôi thế cũng đủ rồi, đừng “sân” thêm chi cho nặng nghiệp. Rồi đến lượt si mê, kiêu mạn, tà kiến, ác kiến, nghi hoặc, sát, đạo, dâm, vọng chúng ta đều tự nhủ y như vậy, thì con

người chúng ta là gì nếu không phải là con người giác ngộ với sự quân bình tuyệt vời giữa thân và tâm? Nếu ai trong chúng ta cũng làm được như vậy thì chúng ta sẽ luôn biết đủ trong mọi tình huống, sẽ chẳng khởi vọng tâm bất cứ lúc nào. Hầu hết chúng ta đều đã từng khổ não vì tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, quyền uy, ăn ngon, mặc đẹp và ngủ nghỉ. Chỉ vì những thứ này mà con người quên hết đạo tâm, không còn biết đâu là nhân nghĩa đạo đức, nhân quả tội phước. Chỉ vì những thứ này mà chúng ta đã dùng trăm mưu ngàn kế để mình và gia đình mình được hưởng thụ, còn thì sống chết mặc ai. Những ai muốn tiền tài, ham sắc dục, háo danh vọng, háo uống, háo ngủ mà chẳng kinh vì nhân quả tội phước thì cứ việc buông lung phóng túng cho đời sau thành chó thành heo để tiếp tục ăn uống ngủ nghỉ cho thỏa thích. Còn những ai muốn có cuộc sống thật xứng đáng của một con người ngay trong đời này kiếp này để trở thành một bậc thượng căn đại giác, hãy tự nhủ lòng: “Thế cũng đủ rồi!” Người con Phật chơn thuần phải dùng trí tuệ quan sát thật kỹ những tai hại của ngũ dục, phải phát lòng đại hùng đại lực mới có thể tu được với năm chữ “Thôi thế cũng đủ rồi.” Tuy nhiên, đạo Phật nói dễ khó làm. Một khi đã nổi sân hận lên, có mấy ai có thể tự trầm tĩnh và nói được năm chữ “thôi thế cũng đủ rồi?” Muốn làm được những điều này, phải tu cả thân, khẩu, lẫn ý. “Thôi thế cũng đủ rồi” nơi thân có nghĩa là không còn nữa những ngày ăn sang mặc đẹp, quần là áo lụa, không còn nữa những ngày trây lười để duôi. “Thôi thế cũng đủ rồi” nơi miệng có nghĩa là không còn nữa những ngày tà ngôn vạ ngữ, chưởi rửa hung ác, nói lười hai chiều, nói lời đâm thọc, hay nói lời độc ác. “Thôi thế cũng đủ rồi” nơi ý có nghĩa là kể từ đây ta phải lẳng lòng dẹp xuống tất cả mọi sự mọi việc, kể từ đây không còn nữa những tà kiến, ác kiến, những tức giận oán thù, những si mê dâm vọng. Một khi giận ai mà chúng ta dám tự nhủ “thôi thế cũng đủ rồi” thì giận

hờn làm gì còn khống chế được chúng ta? Một khi ý vừa nảy ra một niệm tham mà chúng ta dám tự nhủ với chính mình rằng chúng ta đã tham từ vô lượng kiếp nên mới lăn trôi, thôi thế cũng đủ rồi. Vì kiêu mạn mà chúng ta khinh sư chê đạo, thôi thế cũng đủ rồi. Đã bấy lâu nay cứ dây dưa với oan gia trái chủ và thiên tai vạn họa, cái thế công danh. Thôi thế cũng đủ rồi hỡi những người con Phật! Đã từ lâu nay vì chấp trước mà ta chưa bao giờ vui được theo cái vui của người, chưa từ bi lân mẫn được với chúng sanh mọi loài, chưa khoan hòa tha thứ rộng lượng được với ai, vân vân. “Thôi thế cũng đủ rồi” hỡi những người con Phật! Kể từ bây giờ từ trong ra ngoài, từ tinh thần đến thể chất, từ lời nói đến việc làm đều được phát huy với tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi.” Ngay cả chuyện sống chuyện chết, chuyện lão bệnh tử cũng chỉ với tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi.” Hãy bình tâm suy nghĩ thì chúng ta sẽ thấy, chúng ta có thể lo lắng cho cái ăn cái mặc, nhưng chúng ta sẽ không bao giờ thỏa mãn được lòng tham vô cùng vô tận của chúng sanh. Nếu chúng ta không tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” thì lòng tham vô đáy sẽ đẩy chúng ta tiếp tục lăn trôi triền miên trong lao tù lục đạo. Nói chi đến chuyện sống chuyện chết là những chuyện mà chúng ta hoàn toàn không kiểm soát được, nếu chúng ta không chịu sống và chết với tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” thì ô hô biển khổ đời mình sẽ trở nên mênh mông vô cùng vô tận. “Thôi thế cũng đủ rồi,” cho dù cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc; cho dù nhà dột cột xiêu, cho dù đói rách cơ hàn, chúng ta phải thấy được rằng những thứ này đều là quả của những nhân đời trước, thấy để không than trời trách đất, thấy để không tiếp tục gây tội tạo nghiệp. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Từ Phụ đã từng dạy: “Tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, điên đảo đủ điều chỉ vì cứ mãi chạy theo những ảo vọng của trần thế.” Đức Phật đã dạy quá rõ rồi còn gì? Bấy lâu nay điên đảo đủ điều, bây giờ chịu tu theo Phật nên tâm niệm “thôi

thế cũng đủ rồi.” Bấy lâu nay tham ô nhiễm trước, tật đố, si mê “thôi thế cũng đủ rồi.” Phật đã dạy: “Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chương môn khai.” Thế mà chúng ta từ vô thủy đã không biết bao nhiêu lần sân tâm khởi. “Thôi thế cũng đủ rồi” hỏi những người con Phật! Trong vô lượng kiếp lăn trôi, chúng ta đã từng phách lối, hiếp đáp, lấn lướt, ỷ sang hiếp hèn, ỷ giàu hiếp nghèo, ỷ mạnh hiếp yếu; chỉ có ta là số một còn người là bất tài vô dụng, chỉ có ý kiến của mình là đúng là cao cả còn của người là sai là thấp thỏi. Thôi thế cũng đủ lắm rồi hỏi những người con Phật! Dù biết rằng vấn đề tu hành giải thoát không phải là chuyện một ngày một bữa; tuy nhiên, nếu không tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” ngay từ bây giờ thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ có khởi điểm cho công cuộc tu hành giải thoát cho chính mình. Nếu chúng ta không chịu dừng lại ngay từ bây giờ thì những đức tính từ bi hỷ xả, trí tuệ bình đẳng, nhẫn nhục, lợi tha sẽ chẳng bao giờ dám bén mảng lại gần chúng ta. Đức Phật đã từng dạy: “Bất úy tham sân khởi, duy khủng tự giác trì!” Nghĩa là không sợ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng khởi lên, mà chỉ sợ rằng chúng ta không sớm tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” mà thôi. Trong Kinh Lục Độ Tập, Đức Phật dạy: “Ta thà giữ đạo chịu nghèo hèn mà chết chứ không chịu vô đạo được giàu sang mà sống.” Thật vậy, dù chỉ làm một việc ác thật nhỏ để được tiền muôn bạc vạn, người Phật tử cũng không nên làm vì nhân ác dù nhỏ thế mấy cũng là nhân ác. Hễ nuôi dưỡng nó thì có ngày nó phải lớn dần và lớn dần, để một ngày nào đó nó sẽ nuốt trọn hết những nhân lành mà mình đã ngàn đời dày công tích tụ. Đức Phật dạy: “Chúng ta không nên xem thường đóm lửa nhỏ vì đóm lửa ấy có thể đốt rụi cả khu rừng.” Người con Phật phải nên luôn biết đủ trong cuộc sống hằng ngày vì tánh biết đủ sẽ không lôi kéo chúng ta vào con đường tham sân si và không đưa chúng ta đến khổ đau phiền não. Với tham dục lại cũng như vậy, tham dục

dù nhỏ thế mấy chúng ta cũng không nên xem thường vì nó có thể biến chúng ta thành những con người với đầy dẫy tham dục. Chính vì thế mà trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Muốn thoát khỏi khổ não nên quán tưởng tri túc. Tỳ kheo các ông phải biết người đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều; người thiếu dục không mong cầu, không ham muốn thì không có khổ não. Các ông nên biết phép tri túc là chỗ an ổn của sự giàu sang sung sướng. Người tri túc dù nằm trên đất cũng thấy sung sướng. Người không tri túc dù ở cõi trời cũng không vừa ý. Người tri túc tuy nghèo mà giàu. Người không tri túc tuy giàu mà nghèo. Người không tri túc thường bị năm món dục vọng sai xử khiến người tri túc thường thương xót tới.” Thật vậy quý vị ơi! Lòng ham muốn của con người vô cùng vô tận, tam thiên đại thiên thế giới cũng không đủ chỗ chứa, không lẽ hết ngày dài rồi lại đêm thâu chúng ta chỉ biết rong ruổi đó đây để gom góp và gom góp? Người con Phật chơn thuần phải lắng nghe lời Phật dạy, phải luôn biết tri túc và luôn biết dừng lại để thân được yên và tâm được tịnh. Người biết nghĩ “Thôi thế cũng đủ rồi” không đua nịnh để vừa ý người, cũng không bị các căn dẫn dắt sai xử. Tâm con người ấy luôn thản nhiên chứ không lo âu sợ sệt. Lòng tham của con người là cái túi không đáy nên lúc nào chúng ta cũng chạy theo tài, sắc, danh, thực, thù không nhằm chán. Lúc được thì vui, lúc mất thì giận do đó mà chúng ta gây tạo không biết bao nhiêu là nghiệp tội, nào là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống những chất cay độc để rồi cứ mãi tiếp tục lăn trôi trong ba nẻo sáu đường. Những người con Phật tại gia, nếu chưa tuyệt dục được thì cũng nên luôn tự nhủ “thôi thế cũng đủ rồi” trong mọi hoàn cảnh để cuộc sống ngày càng trở nên thanh sạch hơn. Hơn nữa, phải hằng sống được với câu “thôi thế cũng đủ rồi” chúng ta mới thấy nhẹ nhàng sung sướng, mới không bị bứt rứt trong lúc thất thời, không kiêu hãnh trong khi đắc thế, không

cảm thấy thiếu thốn bất cứ thứ gì. Ngược lại, nếu không sống được với câu “thôi thế cũng đủ rồi” thì dù trong địa vị nào chúng ta cũng không thấy đủ, do đó luôn bị khống chế bởi khổ sở và phiền não.

Tu dưỡng trong đạo Phật không phải là cái gì cao siêu huyền hoặc. Ngược lại, tu dưỡng trong đạo Phật gần và thực tiễn với chúng ta. Chúng ta chỉ cần tâm niệm và hành trì cho rốt ráo một câu Phật dạy là cách tu dưỡng tuyệt vời. Chúng ta chỉ cần ngày ngày tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” thì tất cả những đạo đức thiện lành sẽ lóe đầy nẻo về đất Phật của chúng ta. Đường tuy chông gai khổ sở, nhưng với tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” thì ai trong chúng ta cũng đều thấy được những kỳ hoa dị thảo trên đường trở về đất Phật của chính mình. Mong cho ai nấy đều tâm niệm “thôi thế cũng đủ rồi” trong mọi tình huống để một ngày không xa nào đó tất cả chúng ta và chúng sanh sẽ cùng nắm tay chư Phật thong dong đi vào cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt!

493. NIẾT BÀN LÀ NHỮNG GÌ MÀ CHÚNG TA ĐANG CÓ

Đời sống của một người thực tâm tu hành thật cao đẹp nhưng cũng đầy đầy những chướng duyên nghịch cảnh, vì bấy lâu nay mình đã làm bạn với lũ ma Ba Tuần, giờ muốn rẽ đường tách bước không phải là chuyện dễ. Bên cạnh đó thế giới Ta Bà này ngày một thêm nhiều cám dỗ của sa đọa và truy lạc. Tuy nhiên, dù muốn hay không muốn, ai rồi cũng sẽ phải một lần lên đường, một lần thực tâm tu hành để liễu sanh thoát tử, nếu không bây giờ thì cũng vạn triệu kiếp về sau này. Người con Phật tại gia, chướng nghiệp hãy còn đầy, chưa đủ cơ duyên tu hành giải thoát, nhưng không có nghĩa là không tu được. Chính Đức Từ Phụ đã từng khuyến dạy rằng tách rời phiền não để đi tìm Bồ Đề là chuyện không tưởng trong thế giới Ta Bà này vì Bồ Đề và phiền não cũng giống như nước và sóng, hễ sóng lặn thì mặt nước phẳng lì êm ả, cũng như vậy, hễ phiền não lắng đọng thì Bồ Đề hiển lộ. Thấy như vậy, người con Phật vẫn đi thẳng vào đời, vẫn nghĩ những việc mình phải nghĩ, vẫn nói những cái cần nói, vẫn làm những cái cần làm, vân vân, nhưng tất cả đều phải hướng về lợi mình lợi người y như lời dạy dỗ của Phật Tổ năm xưa. Mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm không vì lợi ích của chúng sanh dù có thể biến một con người hay một nhóm người trở thành tiếng tăm lừng lẫy, đều là vô nghĩa đối với đạo Phật. Người con Phật tại gia cũng nên luôn nhớ rằng dù không kham làm Phật nên vẫn phải trở lại làm chúng sanh, nhưng tối thiểu phải ăn ở tu hành thế nào để ít nhất kiếp sau cũng được trở lại làm người mà tiếp tục tiến tu. Nói gì thì nói, dù trở lại để làm người hay làm trời đều không phải là mục đích tối thượng của người tu Phật. Mục đích tối thượng của người tu Phật là giải thoát mọi hệ lụy

của khổ đau phiền não và dứt bỏ luân hồi sanh tử ngay trong đời này kiếp này.

Từ vô lượng kiếp lăn trôi, vô minh đã che lấp mất trí tuệ thuở nào nên còn mấy ai thấy được khổ, tập, diệt, đạo; còn mấy ai thấy rõ được hành vi của thân, khẩu, ý; còn mấy ai thấy được bản chất vọng ngoại của mắt, tai, mũi, lưỡi; còn mấy ai phân biệt đâu là khổ đâu là hạnh phúc, đâu là nghiệp báo, đâu là biến đổi vô thường? Kịp đến khi răng long, tóc bạc, mắt mờ, tai yếu, chân run, gối mỏi mới bắt đầu thấy được từ bấy lâu nay mình đã gây tội tạo nghiệp, thì e rằng đã quá muộn màng, lúc đó dù có thực tâm muốn trở về mái nhà xưa, mái nhà tâm linh mà trong vô lượng kiếp chúng ta đã bị vô minh che lấp nên quên mất lối về, cũng không còn kịp nữa. Người con Phật chơn thuần, dù hãy còn tại gia cũng phải ráng học hạnh Phật, đem thân tâm này dâng trọn cho gia đình, xã hội, đất nước và chúng sanh mọi loài, quyết không làm tổn hại, mà ngược lại, còn tự tạo công đức cho mình và cho người. Người con Phật ở trong bất cứ xã hội nào, và bất kỳ ở đâu, đều phải xả bỏ và sống đời hy sinh cho mọi người. Xả bỏ ở đây không có nghĩa là bi quan yếm thế hay đầu hàng hoàn cảnh. Xả bỏ ở đây có nghĩa là buông bỏ những gì mà phàm tình thế tục không thể buông bỏ được ; xả bỏ ở đây là lợi ngược dòng đời. Còn sự hy sinh của người con Phật cũng vậy, không phải hy sinh một cách u mê ám độn. Người con Phật nếu cần dám đem thân mạng mình để đổi lại sự an vui cho bá gia bá tánh. Trường hợp Bồ Tát Thích Quảng Đức, là một thí dụ điển hình. Ngài đã dám chấp nhận vị pháp vong thân, vì sự tồn tại của Phật pháp mà Ngài phải đem thân làm đuốc soi đường cho những kẻ u mê ám muội, Ngài cũng không màng.

Nói như vậy không có nghĩa là người con Phật không tham gia vào sinh hoạt của đời sống hằng ngày. Chính Phật Tổ đã khẳng định với tứ chúng rằng nếu không có đời thì cũng chẳng

cần có đạo để làm gì. Như vậy nếu những ai cho rằng sự cố gắng mưu tìm những phương tiện tiện ích cho bản thân, gia đình và cuộc sống này là do lòng tham mà ra, hãy coi chừng tự mình đang xô đẩy mình vào một biên kiến sai lầm của tà ma ngoại đạo. Người con Phật chơn thuần vẫn phải bỏ công bỏ sức ra mà toan tính học hành, làm việc bằng trái tim từ bi hỷ xả và khối óc trí tuệ dũng cảm của mình để vừa sinh tồn vừa làm tốt đạo đẹp đời. Trong cuộc sống vàng thau lẫn lộn này, trong vạn kiếp lăn trôi có mấy ai còn nhận được ra chính mình? Vậy thì trong kiếp hiện tiền dù cho mình có đỉnh đạc khôi ngô thông minh xuất chúng đến đâu, học hành thông suốt, tu hành bậc nhất thế mấy cũng khoan vội chê trách ai là kém cỏi phiếm diện. Đồng ý người tu chơn chính là người đang lợi ngược dòng đời. Tuy nhiên, trong Ta Bà ngũ trược ác thế này, làm sao biết được ai là người lợi ngược ai kẻ lợi xuôi? Nói bằng cái miệng thì dễ dàng quá! Người tu Phật chơn thuần, không nói cũng không phê bình ai, mà ngược lại cứ thâm thâm tiến tu. Nhà Như Lai sẽ không và không bao giờ chứa chấp những kẻ cống cao ngã mạn, những kẻ coi trời không bằng vun, những kẻ tự coi mình là trung tâm vũ trụ. Ai dám nói khi bước vào chùa là bước vào nhà tri thức, còn những kẻ đầu xanh áo trắng là chưa bước vào được căn nhà ấy? Nói như vậy thì Bàn Long Uẩn, Duy Ma Cật và Huệ Năng có lần nào vào chùa để thấy đạo chưa? Người con Phật phải luôn nhớ những lời dạy quý báu của Phật Tổ để đi thẳng vào đời không vướng mắc. Ngày xưa Đề Bà Đạt Đa vì ganh ghét với Phật nên hay vặn hỏi Ngài những câu gièm pha. Một hôm Đề Bà chặn Phật trên đường đi khát thực mà hỏi rằng: “Này ông Cù Đàm, tại sao ngoài miệng ông vẫn bảo tứ chúng xả bỏ chứ đừng tích lũy mà ông vẫn cho xây tịnh xá và cất chùa ở khắp nơi?” Phật chỉ nhẹ cười rồi ôm bình đi khát thực tiếp tục. Thái độ lạng lẽ tiếp tục tiến bước của Phật là một bài học tuyệt luân cho những đứa

con của Ngài về sau này. Vậy thì người con Phật phải cố gắng đừng chê đừng khen ai. Ai có đủ duyên thì xuất gia tu hành giải thoát, còn ai chưa đủ duyên thì vẫn tại gia, vẫn mưu sinh, vừa lo cho mình và gia đình, vừa hộ trì Tam Bảo. Đừng bao giờ vỗ ngực xưng tên cho rằng đạo ta thanh cao, đạo người thấp kém, hoặc xuất gia bậc nhất còn thì tất cả đều nhớp nhơ đáng chê trách. Hãy tự quay về với chính mình phản quang tự kỷ xem coi mình có bớt được chút nào chưa những giận hờn, thương ghét, buồn vui, hơn thua, ngã mạn cống cao, lộng ngôn vạ ngữ, tham lam, bỗn sển keo kiệt, vân vân? Nếu thấy mình chưa được cũng đừng quá bi quan yếm thế. Hình ảnh Phật quá cao xa diệu vợi mà loài người cứ vẫn tưởng không bao giờ với tới, nhưng Phật đã không từng là một chúng sanh lăn trôi hay sao? Ngài cũng đã từng là một con người như bao con người khác, có điều con người ấy có đầy đủ đại hùng, đại lực, đại trí, đại dũng; con người ấy biết tận dụng khả năng thăng hoa hưởng thượng và tự mình Phật hóa mình đến rốt ráo. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng tách rời chúng sanh để đi tìm Phật là chuyện không tưởng. Con đường cụ thể là con đường “Tự Phật hóa lấy chính mình” mà bất cứ chúng sanh nào cũng có thể kinh qua được nếu chịu phát đại nguyện, đại hùng, đại lực, đại trí, đại dũng để lên đường. Đức Phật đã từng dạy rằng: “Phật pháp ở thế gian, ngoài thế gian không có giác ngộ, lại càng không có giải thoát.” Thật vậy, chúng ta đâu cần phải đợi đến lúc nào mới giải thoát, mà ngay trong đời này kiếp này nếu chúng ta chịu vâng giữ lời Phật dạy thì hạnh phúc cũng là đây và giải thoát cũng là đây, ở ngay trong tầm tay của chúng ta. Người con Phật chơn thuần hãy nhớ lời Phật dạy để đừng rong ruổi tìm cầu những thứ cao xa không tưởng. Chúng ta đang sống bên cạnh những người thân, trái tim ta vẫn đập, hơi thở ta vẫn đều đặn, đôi mắt ta vẫn sáng, vân vân, chúng ta không hạnh phúc lắm hay sao? Chúng ta không bị đảo

điên bởi những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng cũng như những lo âu sợ hãi của sanh, già, bệnh, chết, cuộc sống chúng ta không bị ray rức bởi khổ đau phiền não, cuộc sống đó nếu chưa phải là Niết Bàn thì cũng không thua gì Tây phương Cực Lạc. Đối với thường tình thế tục thì tham luyến không rời dục lạc, đam mê dục lạc hiện tại, luyến tiếc dục lạc quá khứ và mơ tưởng dục lạc tương lai chẳng khác người đưa lưỡi nếm mật trên lưỡi dao thì cơ nguy đứt lưỡi là hẳn nhiên mà thôi. Thường tình thế tục thì tâm ý tán loạn và luôn xung động, tự mình không điều khiển được bản thân mình mà ngược lại chỉ chuyển động theo hoàn cảnh bên ngoài, lúc nào cũng điên đảo đắm chìm trong biển dục lạc ái hà của trần tục. Người con Phật phải luôn thấy như vậy để luôn hướng về tấm gương sống tu rạng ngời của Phật Tổ để tự mình thoát ra những lao tù lục đạo, tự mình phá tung những lao tù ý niệm vì Niết Bàn của đạo Phật không phải là cái gì huyền hoặc cao xa không nắm bắt được. Niết Bàn của người con Phật chính là sự trống vắng những ý niệm vì chính ý niệm tạo tác mọi hành động làm mình và người đau khổ. Niết Bàn của người con Phật không bao giờ là trạng thái sau cuộc sống này. Niết Bàn là cái mà chúng ta đang có trong từng giây từng phút của cuộc sống này nếu chúng ta chịu sống thực với chính mình. Nếu tách rời chúng ta ra khỏi những gì quanh ta, chúng ta sẽ không có gì ngoài những cô đơn và khổ đau phiền não do mình tự tạo lấy. Chừng nào chúng ta có khả năng nhổ hết gốc rễ của biên kiến sai lầm cho rằng Niết Bàn chỉ đến sau khi chết, chừng đó chúng ta sẽ tìm thấy một nguồn hạnh phúc tuyệt vời với những gì mình đang có trong hiện tại. Chừng đó trái tim của chúng ta sẽ chứa đầy tình thương, lòng thương xót, lòng hoan hỷ và sự xả bỏ. Chừng đó chúng ta sẽ có khả năng phát triển những trạng thái tinh thần thiện xảo và buông bỏ những cái bất thiện. Trong Kinh Trường A Hàm, Đức Phật dạy: “Hãy buông bỏ

những gì bất thiện vì sự buông bỏ này sẽ mang lại lợi ích và hạnh phúc cũng như tránh được khổ đau phiền não. Hãy nuôi dưỡng những điều thiện vì việc nuôi dưỡng này sẽ mang lại lợi ích và hạnh phúc cũng như tránh được khổ đau phiền não về sau này. Hãy tu tập thiền định, phải có từ tâm và trụ tịnh giới, phải điều nhiếp thân tâm bằng cách điều nhiếp hơi thở.” Thật vậy, Niết Bàn của người con Phật là những gì mà chúng ta đang có, thân được bình ổn chính trực, thư thái, an hòa, không dao động, không căng thẳng hay dồn nén, hơi thở lúc nào cũng điều hòa, không dài không ngắn, không ra tiếng ồn ào, không làm rung động thân thể; tâm không bị ý niệm ràng buộc, không tán loạn; khi tập trung vào việc gì lúc nào cũng giữ được bình chánh, an định và tự tại. Đức Phật đã dạy quá rõ ràng về cách đạt được Niết Bàn trong hiện tại rồi còn gì. Thế mà hãy còn lắm người trong chúng ta, chưa được làm Tổ làm Thầy đã giở giọng Thầy Tổ “không thiện không ác.” Phật tử chơn thuần nên luôn cẩn trọng. Ở các bậc Thầy Tổ thì gạo đã trắng, nước đã trong, các Ngài còn gì nữa để mà nói thiện nói ác, còn chúng ta nghiệp chướng sâu dày, nếu không khéo thì chẳng những chúng ta chẳng được gì trong cuộc tu mà nghiệp tội ngày càng thêm trĩu nặng. Người con Phật muốn có được Niết Bàn trong hiện tại, nghĩa là tất cả những gì chúng ta đang có đều là Niết Bàn, chúng ta nên luôn nuôi dưỡng lòng quý trọng sự hợp nhất của chúng ta với tha nhân qua sự bao dung, không tổn hại, không sát hại, không tham, không sân, không si, không mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Chúng ta nên luôn thanh tịnh hóa tâm chúng ta bằng cách tu tập thiền định để luôn có được cái trí tuệ nhận biết chân lý và nhận chân sự đau khổ gây ra bởi việc chúng ta tự tách rời với tha nhân và hạnh phúc đạt được từ việc kết tụ Bồ Đề quyển thuộc. Làm được như vậy thì trái tim của chúng ta là gì nếu không phải là trái tim giải thoát? Niết Bàn hiện tại của người con Phật

không phát sinh từ việc tích lũy mà nó phát sinh từ việc buông xả. Nếu cần chúng ta buông xả những gì đáng buông xả, và buông xả luôn những gì không đáng buông xả theo nghĩa của thường tình thế tục. Làm được như vậy cho dù những kinh nghiệm sung sướng và khổ đau vẫn nối tiếp nhau trong cuộc sống hằng ngày, nhưng từng bước chân ta đi là từng bước nhàn du trên Niết Bàn thanh tịnh mà Phật Tổ đã đi năm xưa.

494. TỪ NGƯỜI LÊN PHẬT

“Không có hạnh phúc nào lớn hơn sự an bình của tâm trí.” Đúng như lời Phật dạy năm xưa. Thân này có thể bệnh và có thể được chữa lành bằng y dược, nhưng tâm trí này một khi đã bệnh, ngoài Phật dược ra, có thuốc nào trị cho lành được? Tại sao chúng sanh phải lăn trôi trong ba nẻo sáu đường từ muôn vạn kiếp? Đức Phật đã dạy rằng sở dĩ chúng sanh mãi lăn trôi và lăn trôi cũng chỉ vì tâm trí bất nhất với bao điên đảo mộng tưởng. Chính vì thế mà trong suốt 49 năm trời hoằng hóa, dù Ngài đã thuyết rất nhiều kinh điển Đại Thừa, nhưng mục đích chính của Ngài không ngoài nhắc nhở chúng sanh rời mê xa vọng cho tâm trí luôn được tỉnh thức. Đức Phật đã xác nhận với tứ chúng rằng: “Đại chúng hãy chấm dứt triết lý mơ mộng viển vông càng sớm chừng nào càng tốt chừng ấy vì tất cả những thứ ấy chỉ làm cho tâm trí ta thêm điên đảo mộng tưởng mà thôi.” Thật vậy, Phật không cấm cản ai tham cứu Kim Cang, Bát Nhã, Phương Quảng, A Hàm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, hay Niết Bàn.. Vì chính Ngài đã nói ra những thứ này cho hàng hậu bối tham cứu, xét nghiệm và y nương theo đó mà tu mà sống. Tuy nhiên, mưa pháp của Ngài phải được rưới đúng nơi đúng chỗ. Chúng sanh đa loại, có bậc thượng căn thượng trí thì cũng có hàng hạ căn hạ trí, không phải ai cũng có thể nghe được hiểu được Kim Cang, Bát Nhã, Niết Bàn không phải ai cũng tự mình có khả năng tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Thật vậy, đa phần chúng sanh hôm nay cứ tưởng mình là trung tâm vũ trụ, tưởng rằng mình là nhất, không ai bằng mình, nên lúc nào cũng mục hạ vô nhân.

Hỡi những người con Phật! Hãy luôn nhớ rằng từ muôn vạn kiếp lăn trôi, khi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lúc làm người, lúc

làm trời. Như lời Phật dạy, được sanh làm người đã là đi được gần một phần ba đoạn đường từ chúng sanh lên Phật. Tuy nhiên, khoảng cách giữa Phật và ma chỉ cách nhau một sợi chỉ, trong tiến trình từ người lên Phật, chỉ cần đi sai một li là đã sa hầm sụp bẫy vào địa ngục chứ làm sao giữ được thân phận một chúng sanh con người đây? Chính vì thế mà người con Phật phải vô cùng cẩn trọng, nếu chưa có khả năng đi lên được thì phải bằng mọi cách tu hành để trong kiếp lai sanh được tiếp tục trở lại làm người mà tiếp tục tiến tu. Phải tu như thế nào mới được tiếp tục trở lại làm người? Trong Kinh Ưu Bà Tắc Giới, Đức Phật dạy: “Nếu muốn tiếp tục trở lại làm người thì con người hiện tại phải tinh chuyên tu hành ngũ giới, nghĩa là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống những chất cay độc.” Thấy như vậy mới biết muốn được trở lại làm người đã là khó vô cùng huống là lên Phật. Thói thường chúng ta không chỉ muốn ăn thịt chúng sanh, mà lắm khi chúng ta cố ý đi tìm loại thịt nào ngon mới chịu ăn; lắm khi chúng ta không chỉ ăn trộm ăn cắp mà cố tình căn cước hay giật giọc của người; chẳng những chúng ta vọng ngôn vọng ngữ mà còn nói toàn là những lời ác độc, xảo trá, điêu ngoa, những lời gây khổ đau phiền não và ly gián người khác, vân vân và vân vân. Tiến trình từ người lên Phật hãy còn quá nhiều thiên nan vạn nan, chứ không dễ dàng như nhiều người tưởng đâu. Xin xác định lại một lần nữa rằng thông hiểu thiên kinh vạn quyển không giúp ích gì cho cuộc hành trình “từ người lên Phật” của chúng ta đâu. Lắm khi thông thiên kinh hiểu vạn quyển chỉ làm cho phàm phu chúng ta thêm vướng mắc mà thôi. Vì chính lời Phật dạy, những ai thông thiên kinh, hiểu vạn quyển mà lòng hãy còn ôm ấp tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, ác kiến, sát, đạo, dâm, vọng, hận thù, đố kỵ, ganh ghét, ích kỷ, bòn sẻn, vân vân, thì cho dù có mang cái vỏ bề ngoài thế nào đi nữa, những con người ấy cũng chỉ là những kẻ “tù trong

lục đạo” không hơn không kém. Thông thiên kinh hiểu vạn quyển mà không chịu dùng những kiến thức của mình vào tu tập thì thà đừng thông đừng hiểu chi cả. Nói thiên, nói tịnh, nói mật không ăn nhằm gì đến việc tu hành của ta cả. Có người nói rằng thiên là vai mang túi Bát Nhã đi tìm Như Lai. Như Lai ở đâu mà đi tìm? Phật tử chơn thuần phải vô cùng cẩn trọng vì đây chỉ là thói nhàn đàm hý luận của những con ma trời không hơn không kém. Nói thiên là tịnh, nói tịnh là thiên, hay nói thiên tịnh song tu cũng không ăn nhằm gì đến việc tu hành của ta cả. Phật tử nào thích hợp với thiên thì tu thiên, ai thích hợp với niệm Phật thì tu theo Tịnh độ, ai trì chú mà thấy tâm mình an lành trong sáng thì tu theo Mật tông. Thiên tịnh mật mà Phật đặt ra là để cho chúng ta tu chứ không để cho chúng ta bàn luận. Ngày xưa Châu Lợi Bàn Đà Già, không nhớ lấy hai chữ “chữu tảo,” thế nhưng Ngài đã chịu nghiền ngẫm và làm theo những lời Phật dạy nên Ngài đã thăng hoa hưởng thượng để tiến lên Phật cách, và Phật cảnh đã hiển bày ngay trong hiện đời của Ngài. Người con Phật chơn thuần phải thấy cho được tấm gương tu hành này của ông Bàn Đặc để không phải bị hết vướng mắc này đến vướng mắc khác trên bước đường tu tập cho chính mình. Ngày xưa Phật đã dạy không có hạnh phúc nào hơn sự an bình của tâm trí. Lời Phật dạy thật đơn giản và tưởng như dễ làm, thế mà đã gần 26 thế kỷ nay, có mấy ai tìm được hạnh phúc bằng sự an bình của tâm trí? Mà thật vậy, làm sao an bình khi chúng ta không chịu tháo gỡ tham ái, chấp thủ, si mê, ngã mạn, cống cao. Làm sao an bình được khi hết ngày này qua ngày khác chúng ta chỉ thấy lỗi người chứ không thấy lỗi mình? Làm sao an bình được khi ta vẫn tự coi mình là trung tâm của vũ trụ? Làm sao an bình được khi Phật pháp không theo, lời Phật dạy không nghe mà chỉ một bề chạy theo tà thần vạy thánh? Làm sao an bình được khi tự mình không tu, mà chỉ ham đeo chỉ đỏ chỉ vàng, hoặc khăn hồng khăn tía do

người ban cho? Làm sao an bình được khi tự mình không chịu tắm gội thân khẩu ý cho thanh sạch, mà ngược lại chỉ một bề ngửa tay xin nước phép của tà ma ngoại đạo? Làm sao an bình được khi chúng ta còn tiếp tục tụng kinh và bị kinh chuyển một cách u mê mù quáng chứ chưa một giây một phút nào chúng ta chuyển được kinh để biến những giáo lý ấy thành lương được trong cuộc sống cuộc tu hằng ngày của chúng ta? Thân như cây bồ đề hay bồ đề vốn không cây, tâm như đài gương sáng hay gương sáng vốn không đài đó là những lời nói của chư Tổ, nếu chúng ta suy gẫm để mà tu thì được, ví bằng nhái đi nhái lại để nhàn đàm hý luận thì đừng. Chúng ta sẽ không còn bao nhiêu thời giờ nữa đâu quý vị ơi! Chúng ta nào khác chi những con cá cạn nước, một phút ta sống là một phút ta đi gần đến nhà mồ, không lẽ đã sinh ra làm kiếp một chúng sanh khổ đau phiền não, rồi cũng lại ra đi trong nỗi phiền khổ đau? Người con Phật có còn nhớ không? Ngày xưa đức Phật cũng đã từng đến với cõi Ta Bà như một chúng sanh, nhưng Ngài đã đi về cõi vô ưu vô sanh và vô diệt như một vị Phật. Từng bước chân đi của Ngài trên cõi Ta Bà mà vẫn ung dung tự tại, thanh thản như bước chân của một vị Phật nơi cõi Cực Lạc. Người con Phật chơn thuần hãy quay ngay trở về với chơn tâm thực tánh của mình mà sống tu chứ đừng rong ruổi tìm cầu trong vô vọng nữa. Người con Phật chơn thuần có còn nhớ không những lời Phật dạy? Có còn nhớ không từ, bi, hỷ, xả cũng như trí tuệ và sự dũng cảm của chư Phật năm xưa? Nói như thế, không có nghĩa là người con Phật chối bỏ sự gia hộ của chư Phật, hoặc giả không tin ở sự gia hộ này. Mà nói để cùng nhắc nhở về những lời Phật dạy: “Khi mê thầy độ, khi ngộ thì phải tự độ và độ tha, chứ không phải chỉ một bề khư khư ngửa tay xin Phật hộ trì.” Người con Phật có quyền cầu Phật gia hộ cũng như có quyền ước nguyện an lành. Tuy nhiên, cầu Phật gia hộ và ước nguyện an lành trong đạo Phật thật, không phải là

cầu xin một đấng thần linh nào làm thay cho chúng ta những điều chúng ta chưa làm được. Cầu Phật gia hộ là cầu cho chính mình có đủ đại hùng, đại lực, đại trí, đại dũng vững bước trên cuộc hành trình “từ người lên Phật.” Cầu nguyện an lành là cầu cho chính mình có đủ nghị lực tu trì theo Phật để ngay trong đời này kiếp này tự mình được ngự trong Phật cảnh với đủ đầy Phật cách. Trong muôn trùng kiếp lăn trôi, chúng ta đã bị thiêu đốt trong ba nẻo sáu đường vì đã u mê buông lung theo ngũ dục. Trước thời Phật Tổ thị hiện thì không nói làm gì, đàng này chúng ta đã có Phật và những giáo lý tuyệt vời của Ngài, thế mà chúng ta vẫn cam tâm tiếp tục lăn trôi, quả là uổng cho một kiếp người. Người con Phật chơn thuần nên y theo lời dạy của Phật Tổ mà tu hành để dù chưa lên đến Phật, chúng ta cũng đã và đang tạo nhân lành để mở rộng chân trời giải thoát cho mình và cho người.

Tiến trình “từ người lên Phật” của chúng ta hãy còn dài với nhiều trở ngại. Tuy nhiên, dù dài bao nhiêu, dù trở ngại thế mấy. Phật Tổ đã từng đi “từ người lên Phật” và Ngài đã thành Phật. Như vậy, nếu dụng công tu trì y theo Phật Tổ, chúng ta rồi sẽ thành Phật. Muốn đi “từ người lên Phật,” tự mình phải nhắc chân lên mà đi, không ai đi thế hay đi giùm mình được đâu. Nếu đi thế hay đi giùm được, thì năm xưa Phật đã không để cho La Hầu La, con trai độc nhất của Ngài phải nhọc công gia nhập đoàn du Tăng khất sĩ của Ngài. Có thấy không hỏi những người con Phật? Chúng ta đã từ muôn kiếp sống trong tham, sân, si và chất ngất tội lỗi, nay muốn đi “từ người lên Phật” chúng ta phải từng bước tháo gỡ và tháo gỡ tất cả những tham ái, truy cầu, sân si, tội lỗi phải sám kỳ tiền khiên tức trái và hối kỳ hậu quá tội tình, phải lắng lòng thanh tịnh cho tâm lắng xuống trong an bình chứ không còn thúc bách bởi những lo âu, giận hờn, ganh ghét, ty hiềm. Điều quan trọng với Phật tử chơn thuần là phải chấm dứt ngay

những “nhàn đàm hý luận.” Sự hiểu biết của mình và của người sẽ không giúp ích gì cho cuộc hành trình “từ người lên Phật” của chúng ta nếu chúng ta không chịu biến những hiểu biết ấy thành hành động tu trì. Biết “thiền” không phải là “thiền”; nói “thiền” lại càng không phải là “thiền.” Biết thiền và nói thiền mà ngồi đâu thì tâm vẫn loạn động như con vượn chuyền cây thì biết và nói thiền có ích gì? Bàn luận về “hoa niêm vi tiếu” của Ngài Ca Diếp trong chúng hội trên núi Linh Thứu không ăn nhằm gì đến tiến trình “từ người lên Phật” của chúng ta cả. Đạo khả thuyết hay bất khả thuyết là chuyện của chư Phật và chư Tổ, chuyện của chúng ta, những phàm nhân tục tử đang lăn trôi trong Ta Bà ngũ trược ác thế, là cứ thăm thẳm tiến tu những gì Phật dạy: chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý. Chư Phật và chư Tổ muốn nói gì cũng được, vì nơi các Ngài gạo đã trắng nước đã trong, các Ngài có được cũng không vui, có mất cũng không buồn, tâm các Ngài thật bình thản; còn chúng ta được thì vui, mất thì buồn, tâm ý chúng ta luôn rối loạn và vọng động. Nơi các Ngài, tâm luôn an lạc và tự tại, không mong không cầu, không chán nản hay nuối tiếc; còn chúng ta thì luôn mong luôn cầu, luôn mơ tưởng tương lai và luyến tiếc dĩ vãng thì làm sao mà có được cái tâm trong sáng như các Ngài để muốn nói gì thì nói hay muốn làm gì thì làm. Với chư Phật và chư Tổ thì các Ngài đã đi đến nơi về đến chốn, nên các Ngài không còn làm gì, không còn nguyện, không thành, không đạt nghĩa là không còn cái bồn ngã hay tự ngã nữa. Còn chúng ta, chỉ biết đào bới trong văn tự ngôn ngữ cho thật nhiều để đem ra nhàn đàm hý luận, chứ chưa bao giờ thực sự có được một phút một giây tu hành chơn chánh. Người con Phật muốn đi “từ người lên Phật” chỉ nên biết và nói những gì cần biết và cần nói cho cuộc tu giải thoát. Nếu cần cũng không nên biết và không nên nói làm gì. Ngược lại chỉ một bề gỡ bỏ những bụi bặm của não phiền để lắng lòng thanh

tịnh. Mặc ai đen đỏ xì xào, lòng nầy vẫn cứ một đường mà tu. Tu hành chơn chánh là sống chơn chánh trong tận cùng bản tâm chơn thật của mình, nghĩa là biểu lộ trực tiếp bản tâm hay bản tánh tự nhiên của mình. Người con Phật chơn thuần nên chấm dứt ngay thói nhàn đàm hý luận, ai ngồi cách nào, nằm cách nào, đi cách nào hay đứng cách nào cũng không ăn nhằm gì đến cuộc sống cuộc tu của chính mình. Chỉ có cái đi đứng nằm ngồi của chính mình mới là quan trọng. Chúng ta tu hành làm sao mà lúc nào cũng cảm thấy thoải mái một cách tự nhiên, từ hành động đến lời nói và ý nghĩ ngay trong những giây phút hiện tại này. Với người con Phật, chỉ có những giây phút hiện tại mới là đáng kể vì chính những giây phút này có thể đưa chúng ta đi lên hay đi xuống, chứ quá khứ thì đã qua rồi, còn tương lai thì chưa đến. Hãy thở hết những hơi thở mà ta đang có, vì chính những hơi thở này tạo nên cái mà ta gọi là cuộc sống. Hạnh phúc thay khi ta thở vào vì ta đang ôm trọn không gian bao la và vũ trụ vô tận vào trong hai buồng phổi của chính mình. Hạnh phúc thay khi ta thở ra vì ta đang trả về cho chỗ vô cùng của không gian những gì mà ta đã vay mượn khi thở vào. Hạnh phúc thay vay trả đã xong trong từng hơi thở ra thở vào. Có người bảo rằng hạnh phúc là khi mà chúng ta quên được không gian và thời gian, người con Phật chơn thuần nên cần trọng để đừng vướng mắc thêm vào những ý niệm không cần thiết. Không gian vô cùng và thời gian vô tận, hãy để cho chúng tự đến và tự đi trong tiến trình tự nhiên. Lại có người nói thiện ác tốt xấu khi chúng đến ta chỉ nên làm một cách tự nhiên như làm bất cứ việc gì chứ đừng biện biệt. Quý vị có thấy không lối nhàn đàm hý luận của những kẻ chỉ biết có nói mà không bao giờ làm. Câu nói “không thiện không ác,” chư Phật và chư Tổ có thể nói được, còn chúng ta là những chúng sanh nặng nghiệp đang lăn trôi trong luân hồi sanh tử mà bảo “không thiện không ác” quả là tội nghiệp! Con đường “từ người

lên Phật” không ở đâu xa, mà là ở đây, ở ngay mỗi chúng ta trong đời này kiếp này. Nói không tham, sân, si thì tu trì sao cho dứt bỏ tham, sân, si, ấy là lên Phật. Nói không mạn, nghi, tà kiến thì phải tu hành gỡ bỏ mạn, nghi, tà kiến ấy là lên Phật. Nói không sát, đạo, dâm, vọng thì phải đoạn trừ sát, đạo, dâm, vọng, ấy là lên Phật. Biết rằng vạn pháp do tâm sanh nên tâm này quyết không điên đảo vọng tưởng theo ngoại trần vọng thức nữa, ấy là lên Phật. Những người con Phật tại gia, lăn xả vào đời giúp xã hội tận diệt tệ nạn để cùng đưa nhau đến hạnh phúc an bình, ấy là lên Phật. Không coi vật chất như là cứu cánh, mà chỉ coi chúng như những phương tiện giúp đưa mình đưa người ra khỏi những lo âu phiền não để đạt tới một cuộc sống tâm linh an bình, ấy là lên Phật. Biết chơn chính, thấy chơn chính, nói chơn chính, sống chơn chính, chỉ thụ hưởng những gì mình kiếm được một cách chơn chính, biết dùng tiền của kiếm được bố thí cho những ai cần được bố thí, biết dùng lời lẽ chơn thật khuyến tấn an ủi người đau khổ cho họ được an vui, biết dùng tiền của làm phương tiện lợi lạc cho tha nhân, cho xã hội, chứ không cá lớn nuốt cá bé, không mạnh hiếp yếu, không giàu hiếp nghèo, không sang hiếp hèn, không giết hại ngay cả những sinh vật nhỏ bé, không tham ái truy cầu, không cầu mong thỏa mãn dục vọng, không tham quyền uy danh vọng, không nghĩ việc ác mà luôn nghĩ đến việc thiện, không vị kỷ độc ác, không nói lời độc ác mà nói lời thiện lành, không làm việc ác mà luôn làm việc thiện, vân vân, là lên Phật.

Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng trong tiến trình “từ người lên Phật” cho dù hãy còn dài, nhưng Đức Phật đã từng dạy rằng con người là một chúng sanh tương đối khá cao trong các loài chúng sanh, con người có khả năng suy tưởng, có năng lực, có tình cảm, có lý trí, có đạo đức cá nhân, đạo đức gia đình và đạo đức xã hội. Chính vì vậy mà Đức Phật dạy: “Con

người là tối thắng, vì con người có thể thực hiện hết thấy mọi sự tốt đẹp.” Như vậy trong tiến trình “từ người lên Phật” con người có một địa vị thật đặc biệt, con người có lý trí, biết phân biệt, biết nhận định và có thể thể nhập với bản thể vũ trụ, con người có khả năng soi sáng cho mình và cho người. Con người có thể đi xuống để vào địa ngục hay ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, nhưng con người cũng có thể đi lên để làm trời làm Phật nếu con người ấy chịu nhận thức rõ ràng thân tâm này đều giả hợp, do duyên hợp duyên tan, vì mê lầm không sáng suốt mà các phiền não vọng khởi, để rồi kết thành nghiệp thức phân biệt, từ đó mà sinh lòng bảo thủ sanh mạng, cứ thế mà chúng ta phải luân lưu trong sanh tử. Đức Phật dạy trong Kinh Đại Trang Nghiêm: “Do nghiệp phiền não đời quá khứ nên có thân hiện tại. Trong đời hiện tại lại tạo nghiệp nên được thân vị lai.” Phật tử chơn thuần nên luôn lắng nghe lời Phật dạy, luôn quyết tâm tu trì theo Phật để tiến lên làm Phật. Tuy nhiên, muốn tiến lên làm Phật con người phải tinh chuyên tu trì những gì Phật dạy. Cổ đức có dạy: “Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri lý,” nghĩa là viên ngọc mà không được mài giũa cũng không thành đồ vật quý báu được, con người không chịu học hỏi thì không biết cách làm người. Học làm người đã khó như vậy huống là học làm Phật. Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm, Đức Phật dạy: “Phải tinh tấn, quả quyết sáng suốt, phản quang tự kỷ. Phải làm cho tâm trí luôn an định trong một cảnh giới nào.” Thật vậy, muốn làm Phật thì trước tiên con người phải tu tâm dưỡng tánh sao cho tâm tánh ấy lần hồi rồi cũng giống như Phật. Con người ấy phải luôn tự chiến thắng mình trong trận chiến chống phiền não. Muốn đi từ người lên Phật người con Phật phải có niềm tin mãnh liệt vào giáo lý trước khi hành trì, chứ đừng vội tin một cách mù quáng mà cũng đừng vội bỏ. Niềm tin của người con Phật là tin nơi chơn lý, chứ không mù quáng tin vào những điều huyền hoặc không tưởng. Người

con Phật tin rằng “tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng là những nhân tố của khổ đau phiền não” vì đây là chơn lý, chứ không phải tin nơi một đấng thần linh nào đã phán như vậy. Ai trong chúng ta cũng đều biết rằng ngoại trừ chính mình ra, không một ai khác có thể đoán biết được những gì đang sôi sục trong tâm mình, có thể là một hay nhiều nhân tố khổ đau phiền não trên đang khởi dậy trong ta. Như vậy muốn tu hành lên Phật, người con Phật phải thấy rõ chứ không mù mờ là chính mình phải tự cởi trói cho mình. Mình biết mình đang mang nhân khổ đau nào bèn cởi bỏ thế là không chuốc lấy quả khổ, thế là giải thoát. Nếu cứ liên tục cởi bỏ và giải thoát cho đến khi không còn một trói buộc nào nữa thì đã lên Phật chứ còn gì? Chuyện tu hành giải thoát theo Phật của chúng ta là chuyện có thật ngay trong đời này chứ không đợi đến một kiếp xa xôi nào cả. Hễ cởi được tham là hết đau khổ vì tham, hễ cởi bỏ được sân là hết đau khổ vì sân, hễ cởi bỏ được si là hết đau khổ vì si, cứ thế mà tuần tự cởi bỏ mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng cho tới lúc không còn gì nữa để mà cởi bỏ, thế là chúng ta giải thoát. Tu Phật đơn giản và thiết thực như vậy đó chứ không xa xôi mù mờ, mà cũng không phải xin xỏ hay cầu mong một ai giúp cho mình được. Người tu Phật không cần đa ngôn hý luận, chỉ cần quay lại với chính mình xem coi mình còn vướng gì để tự cởi trói cho chính mình. Tu là chỉ biết đến những gì có thật ở ngay nơi mình chứ không tưởng nghĩ đâu đâu. Tu là nhìn các pháp thế gian mà giác ngộ được chơn lý như từ cái xe mà mình đang chạy mình có thể giác ngộ được lý nhân duyên vì nó do những nhân tố khác hợp lại, từ vị kỹ sư phác họa vẽ kiểu, đến ông chủ nhà máy, nhân công, nguyên liệu như sắt thép, vôn vôn, hễ có đủ những duyên này là có cái xe. Rồi theo thời gian mà cái xe từ từ cũ kỹ và hư hoại, từ đó chúng ta giác ngộ được lý vô thường và sự hư dối của vạn pháp. Thấy để không mãi chấp nê vào chư pháp,

thấy để tinh tấn hơn trong việc tu hành. Thấy để biết rõ rằng tu hành giác ngộ theo Phật là chuyện hiện thực chứ không phải là chuyện trời trăng mây nước. Ngay nơi những sự cố xảy ra hằng ngày nơi thế gian mà ta giác ngộ như sanh, lão, bệnh, tử chứ không phải do đuổi hình bắt bóng hay do đa văn hý luận mà được. Đạo Phật phóng khoáng và cấp tiến đến độ những suy nghĩ, kinh nghiệm, và lựa chọn đều tự do chính mình, chỉ có chính mình mới là nơi nương tựa chính cho mình mà thôi. Con đường từ người lên Phật dù xa xôi diệu vợi nhưng Phật đã đi và đã đến, chúng ta quyết sẽ làm được. Con đường “từ người lên Phật” phải được đi và đến bởi con người chứ không ai đi giùm cho ai được. Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ rằng ánh sáng của đạo Phật là ánh sáng thật chứ không phải ảo huyền. Ánh sáng của đạo Phật chỉ được dùng để xua tan bóng tối vô minh chứ không thể làm cho có những gì chưa có. Cũng như vậy, sức mạnh của đạo Phật là quảng đại và không gì lay chuyển nổi, nhưng sức mạnh ấy phải được tự thân tự tâm dùng để đập tan khổ đau phiền não cho chính mình, chứ không thể đập tan đau khổ cho ai được. Nếu chịu y nương theo giáo lý nhà Phật mà tu trì thì đạo Phật có thể biến cải được đời và có thể đưa con người “từ người lên Phật.” Đức Thích Tôn Từ Phụ đã nhiều lần khẳng định: “Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, giai kham Phật quả.” Ngài tin tưởng mọi chúng sanh rồi sẽ thành Phật, nhất là chúng sanh con người. Ngài tin tưởng ở con người có thể tự cứu mình và tự giải thoát khỏi những hệ lụy của trần thế. Tuy nhiên, muốn đi được “từ người lên Phật,” con người chẳng những phải trải qua ba a tăng kỳ mà còn phải có sự cố gắng kiên trì và liên tục. Trong tiến trình “từ người lên Phật,” sự tu trì của con người cũng giống như sự cố gắng của người kéo cây lấy lửa, khi chưa có lửa là phải kéo liên tục chứ không được một giây giải đãi vì dù chỉ ngưng lại một giây thôi, cây liền nguội và chuyện lấy lửa

chỉ là chuyện “nấu cát mà muốn thành cơm” không hơn không kém.

Tóm lại, con đường “từ người lên Phật” là con đường ngược chiều. Chúng sanh thì sát sanh, còn Phật thì cứu sanh. Chúng sanh thì trộm cắp, còn Phật thì dù đã viên mãn nhưng vẫn một lòng bố thí. Chúng sanh thì tà hạnh, còn Phật hạnh tợ pha lê. Chúng sanh thì đi từ dối trá, nói lời độc ác, thù dật, lừa hai chiều, còn Phật thì thành thật, ái kính, thẳng ngay và hòa nhã. Chúng sanh thì tham dục, còn Phật thì thanh tịnh. Chúng sanh sân hận si mê, trong khi Phật thì hài hòa vui vẻ và không bao giờ cố chấp. Chúng sanh thì uế trước cả thân, khẩu, ý, còn Phật thì thanh tịnh mọi bề. Tâm lượng chúng sanh hẹp hòi nhỏ nhen bao nhiêu thì tâm lượng Phật trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới với đầy đủ đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả bấy nhiêu. Tám gương rạn ngời của Phật Tổ hãy còn đây, thế mà mới non 26 thế kỷ, những người hậu bối chúng ta đã vội quên. Ngài đã bầu mồn sân hận, si mê, ưu não, ái dục, tham lam, bồng sển, ngã mạn, cống cao, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng bằng tứ vô lượng tâm và ba mươi bảy phẩm trợ đạo do chính Ngài đã truyền trao lại cho chúng ta chứ có gì đâu cao xa huyền bí, thế mà hình như chúng ta vẫn xa lạ với những thứ này. Thế mới biết dù Phật có vĩ đại đến đâu, dù giáo lý của Ngài có cao tuyệt đến đâu, mà hàng Phật tử hậu bối chúng ta không chịu noi theo làm theo, sự vĩ đại ấy, sự cao tuyệt ấy cũng không giúp ích gì cho ai, và con đường “từ người lên Phật” của chúng ta hãy còn xa xôi diệu vợi quá! Người con Phật chơn thuần phải luôn quay về tìm hỏi ngay chính mình xem coi chúng ta có đủ kiên trì và can đảm đi cho đến cùng con đường “từ người lên Phật” hay không? Nói gì thì nói, dù câu trả lời là có hay không, chúng ta rồi đây sẽ không có con đường nào khác để lựa chọn. Chúng ta rồi đây sẽ phải một lần “lên

Phật.” Vậy thì chúng ta còn cần chờ gì nữa hỏi những người con Phật?

495. THONG DONG

Không phải ai trong chúng ta cũng có đủ duyên mai, gặp, tin và tu theo Phật pháp đâu. Phải nhờ duyên lành đã gieo trồng từ nhiều đời nhiều kiếp, nên khi gặp được ánh sáng đạo Phật, tâm trí ta mới chợt sáng ra và thông hiểu được cội nguồn của mọi khổ đau trong cuộc sống không ở đâu xa, mà chỉ là một cái chớp giữa bóng tối và ánh sáng. Nếu ai trong chúng ta cũng biết nương theo ánh chớp lóe sáng đó để nhận chân ra bản mặt thật của vạn sự vạn vật, con người ấy đang thông dong đi vào một cảnh giới an lạc ngay trong vòng sinh tử vô minh của cõi Ta Bà này. Trong Kinh A Hàm, Đức Phật đã nhiều lần chỉ dạy: “Ta chỉ nói khổ và con đường diệt khổ.” Như vậy giáo lý nhà Phật đã dạy quá rõ ràng về bản chất thật sự của “thong dong.” Một khi đã thấy rõ được bản mặt thật của khổ và làm sao diệt nó là chúng ta đang thông dong đi về đất Phật. Tuy nhiên, giáo lý của Đức Thích Tôn Từ Phụ đã để lại cho chúng ta thì mênh mông bát ngát như là cây trên rừng, còn sức hiểu biết của chúng ta thì cạn cợt nông nổi và ít ỏi còn thua nắm lá trong tay. Đã vậy đa phần chúng ta còn vướng thêm chứng bệnh trầm kha của thường tình thế tục: biện giải hý luận. Chúng ta chỉ cố sức chuyên chở những triết lý cao xa như Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Duy Thức, vân vân. Chúng ta thích vân du trong biển pháp mênh mông, thích lý luận với những ngôn từ trùng trùng điệp điệp của thiền, của đại định tam muội, để rồi không chịu tự mình thực sự tắm mát trong biển pháp cao sâu của Phật. Mục đích tối thượng của đạo Phật là Phật quả. Con đường đi đến Phật quả là con đường thông dong tắm mình trong biển pháp, chứ không bao giờ là nhàn đàm hý luận. Thông dong, tắm mình trong biển pháp là thấy rõ bản chất như thực của cuộc sống, là nhận thức và kinh

nghiệm được sự buốt đau cùng tột của cuộc sống này. Con người thông dong tẩm mình trong biển pháp là con người như như tự tại trước mọi tình huống, không quá vui trong hạnh phúc giả tạm, mà cũng không quá khổ đau tự tận trong nỗi khổ đau vô thường. Thông dong tự tại trong biển pháp không nhất thiết phải là đầu tròn áo vuông vì lắm khi hình tướng bên ngoài không giúp ích gì cho công cuộc phấn đấu nhận diện tận mắt những kẻ thù “thật sự” bên trong, đang gào thét, đang nổi loạn. Ngược lại, lắm khi hình tướng bên ngoài hay nuôi dưỡng “cái ta” đáng ghét của phàm phu tục tử. Nói chung lại, hình tướng bên ngoài giúp cho ta tu thì ít mà trưởng dưỡng lòng ngã mạn cống cao thì nhiều. Chỉ có thông dong tẩm mình trong biển pháp mới có cơ nhận diện và chiến thắng kẻ thù “phiền não” đang gặm nhấm cuộc đời vốn dĩ đã đau khổ của chúng ta. Chỉ có thông dong tẩm mình trong biển pháp chúng ta mới có can đảm ngoảnh mặt xoay lưng với những hạnh phúc giả tạm của cuộc đời. Chỉ có thông dong tẩm mình trong biển pháp, chúng ta mới có cơ hàng phục tự tâm, làm chủ được mọi tác ý và luôn tỉnh thức bằng chánh niệm, bằng quán chiếu. Chỉ có thông dong tẩm mình trong biển pháp mới giúp chúng ta giải trừ tận gốc mọi lo âu, băn khoăn, xao xuyến và bận bịu của thường tình thế tục. Chỉ có thông dong tẩm mình trong biển pháp chúng ta mới thấu hiểu được cốt tủy của vạn vật đều là nương vào nhau mà sanh mà diệt, từ thấu ngộ được duyên khởi chúng ta mới có khả năng an trụ trong vô cầu, vô chấp, vô tâm. Thông dong tẩm mình trong biển pháp là liễu thông và thực hành trọn vẹn cả lý lẫn sự, cả tướng lẫn tánh, cả tương tức tương nhập lẫn thực dụng chứ không năng thuyết bất năng hành. Người con Phật chơn thuần chỉ hiểu rộng sâu không chưa đủ mà còn phải thực hiện, bởi vì đạo Phật là đạo của hành trì, có hành trì mới có cải thiện, cải thiện ngay thành chơn, thiên thành viên, tà thành chánh và tiểu thành đại. Trong đạo Phật, lý sự đồng đẳng,

có lý mà cũng có sự, có tánh mà cũng có tướng. Muốn tắm phải xuống sông chứ không thể lên núi, muốn lấy gỗ hay củi thì phải lên núi lên rừng chứ không thể xuống sông xuống biển được. Cũng như vậy, người con Phật muốn thông dong tắm mình trong biển pháp thì phải tu đúng môn trì đúng pháp chứ không phải là nhàn đàm hý luận. Dù biết rằng không có con đường giác ngộ nào mà không gian lao nguy hiểm, không có sự giải thoát nào mà không đi qua những chướng duyên nghịch cảnh hay cay đắng chông gai, nhưng con đường duy nhất phải đi qua của người con Phật vẫn phải là con đường thông dong tắm mình trong biển pháp. Tất cả những gian lao nguy hiểm, những chướng duyên nghịch cảnh và những cay đắng chông gai, đối với người hiểu đạo chỉ là rỗng không, rồi chúng sẽ phải tuần tự tan biến trước định luật vô thường. Tuy nhiên, chúng chính là cửa ngõ vào đạo cho chúng sanh mọi loài. Ai không để cho chúng qua mắt chơn tâm viên minh thường trụ và vô nhiễm của mình, kẻ đó sẽ thông dong bước qua ngưỡng cửa vào đạo giác ngộ vô thường. Ngược lại, những kẻ chỉ biết nhàn đàm hý luận sẽ là những miếng mồi ngon cho ham muốn, bất mãn, đói khát, ái dục, hôn trầm, phỉ báng, cố chấp, khen chê, vinh nhục. Những kẻ chỉ biết nhàn đàm hý luận sẽ là những tấm bình phong che chở cho cái “ta” và tiếp tục làm nội ứng phá hủy cuộc đời tu tập của chính mình. Muốn thông dong tắm mình trong biển pháp trước phải tự câu thúc mình trong giới luật vì nhờ giới mà sanh định, rồi từ định mà sanh trí tuệ. Chỉ có trí tuệ chơn chánh mới giúp cho chúng ta dập tắt tri vọng của ý căn, từ đó không còn chạy theo những ham muốn của thường tình thế tục nữa. Chỉ có trí tuệ chơn chánh mới giúp cho chúng ta hiểu được những nguyên nhân nào đã gây cho mình khổ đau phiền não, nguyên nhân nào đã xô đẩy chúng ta lăn trôi trong vòng “sanh lão bệnh tử.” Chỉ có trí tuệ chơn chánh mới giúp cho chúng ta tu đúng đường hành đúng pháp, không để cho

năm giác quan buông lung. Trí tuệ chơn chánh là đèn sáng xua tan bóng tối của vô minh, là giáo pháp an vui xua tan những cơn sóng khổ đau phiền não khiến cho chúng ta được thông dong đi về cõi an nhiên tự tại của mười phương ba đời chư Phật. Chỉ có trí tuệ chơn chánh mới giúp ta có khả năng phản quang tự kỷ, nghe những gì đáng nghe chứ không nghe những âm thanh mơ hồ huyền hoặc; những âm thanh nào không đáng nghe thì không nghe đã đành, mà ngay cả những âm thanh cần nghe chỉ nghe những gì thật là cần thiết mà thôi, chỉ học những những gì thật cần học. Ngay cả tam tạng kinh điển cũng vậy, cái nào hợp với căn cơ trình độ của mình thì học, cái nào không hợp thì không.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không nên biết những lý lẽ cao siêu của tam tạng kinh điển. Tuy nhiên, biết để tu tâm dưỡng tánh thì nên biết, ví bằng biết để nhàn đàm hý luận thì thà không biết vẫn hơn. Biết lý tương tức tương nhập của Hoa Nghiêm để giúp ta giúp người cùng thấy được không có cái gì sanh và không có cái gì diệt trên cõi đời này, để không còn ham muốn truy cầu bất cứ thứ gì nữa, như thế là sự hiểu biết chánh đáng. Ngược lại, những kẻ luôn bị dày vò trong nỗi khao khát truy cầu chánh pháp bằng vọng tình, vọng thức và trí hiểu biết của phàm tình thế tục với mục đích “nhàn đàm hý luận,” kẻ đó là những kẻ đang bắc cầu giấy để đi qua con đường sinh tử. Chơn lý của thông dong trong cuộc sống với chính những hành động ngay trong cuộc sống hằng ngày bằng những công việc hằng ngày, chứ không phải là nhàn đàm hý luận hay bằng những kiến thức trong sách vở. Trong cuộc sống hằng ngày, không biết mình đang nghĩ gì làm gì, không tự biết bốn tâm mình thì cũng giống như những kẻ sống say chết mộng, có học pháp đến thiên kinh vạn quyển cũng là vô ích. Ví bằng chịu quay trở lại với chính mình thì chỉ cần với một câu Phật pháp đơn giản: “Làm lành lánh dữ, thanh lọc tâm ý cho trong sạch” cũng đủ giúp cho mình thông

dong đi vào cõi vô ưu, vô sanh và vô diệt của chư Phật. Đạo Phật là phương pháp sống tu cao thượng và được xây dựng bằng những hành động cụ thể, chứ không và không bao giờ được kết tụ bằng nhàn đàm hý luận. Thong dong tắm mình trong biển pháp là sống đơn giản và tự tại, không đếm đo bằng bất cứ thứ gì. Ngay cả tiền bạc và thời gian cũng không đếm đo được cuộc sống thực này. Sống “thong dong” là sống không lo toan, hận thù, bần khoản, xao xuyến, không ganh tỵ hiềm khích. Trong cuộc sống loạn động hôm nay, không làm sao mà tâm ý chúng ta không bị tạp loạn và luôn bị nhiễu nhương bởi khổ đau phiền não. Người xuất gia muốn thong dong trước phải câu thúc mình trong cụ túc giới mà Phật Tổ đã chế ra, còn người tại gia phải tự câu thúc mình trong tam quy, ngũ giới, bát giới và thập thiện. Thong dong không có nghĩa hạn hẹp của thường tình thế tục, muốn làm gì thì làm hay muốn nghĩ gì thì nghĩ. Phật tử muốn thong dong “từ phạm lên Thánh” phải tuân theo lời Phật dạy, trước phải tu luyện đúng phương đúng cách giải khổ, phải thấy cái khổ này chồng chất lên cái khổ kia, phải thấy con người không ai làm chủ được thân thể mạng sống hay tài sản vật chất. Tất cả đều bị nguyên lý “sanh trụ dị diệt” chi phối, hễ có sanh là có diệt, có thành là có hoại. Bên cạnh đó, con người luôn bị ngoại cảnh chi phối về vật chất. Về tinh thần, con người luôn bị vọng niệm sai sử và luôn bị nghiệp chướng hành hạ. Muốn thong dong tắm mình trong biển pháp, trước tiên chúng ta phải thấy cho rõ những ngọn gió độc của khổ đau phiền não, sinh ra là khổ mà sống lại khổ hơn; trong thế gian này giàu nghèo sang hèn đều có nỗi khổ của riêng mình. Người trẻ có nỗi khổ của người trẻ, người già lại có nỗi khổ của người già. Rồi bệnh khổ, bệnh mà không có phương tiện chữa trị lại càng khổ hơn. Rồi chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, oán ghét mà cứ mãi gặp nhau là khổ, cầu mà chẳng được là khổ, ngũ ấm thanh suy là khổ. Một khi đã hiểu

được sắc, thọ, tưởng, hành, thức tất cả đều như bọt nước tụ tan thì những ngõ tưởng sai lầm về thế gian này tan biến nên không còn cam tâm đắm mình trong khổ lụy trần tục nữa, thế là thông dong tự tại.

Đã từ bấy lâu nay chúng ta đã sống hơi hợt theo thường tình thế tục, chỉ biết chạy theo những réo gọi của tài, sắc, danh, thực, thù và chưa một lần lắng lòng suy tư về một cuộc sống thật. Thực tình mà nói, chúng ta đã từng sống như một kẻ đã chết, chúng ta sống theo phản xạ của thói quen mà không cảm nhận được những tinh hoa của cuộc sống thực này. Người thông dong tầm mình trong biển pháp là người biết sống thực, sống ngay trong những giây phút hiện tại, sống có ý thức chứ không xuyên qua suy tư. Tuy nhiên, trong thực tế chúng ta khó lòng sống mà không suy tư lắm vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mạt na và a lại da lúc nào cũng gào thét âm ỉ bên ta, lúc nào cũng bắt ta hoài niệm về quá khứ và dong ruổi đến tương lai, nhưng người biết thông dong tầm mình trong biển pháp là người luôn sống thật và sống có ý thức, luôn thấy rằng “nhân” không thực có và “pháp” cũng không thực có. Người ấy luôn ý thức rằng thân này đã lăn trôi gây tội tạo nghiệp cũng chỉ vì tâm này mà ra. Người thông dong tầm mình trong biển pháp là người luôn có tâm vô quái ngại, không lưu giữ bóng hình nào của quá khứ, không phản xạ theo thói quen. Ngược lại, tâm người ấy luôn tỉnh thức và an trú trong chánh niệm. Người ấy sống và biết rõ mình đang nghĩ gì, nói gì, làm gì và muốn gì. Nghĩa là người ấy luôn biết tự chủ lấy tâm mình, luôn biết sự vọng động của thân tâm mà hàng phục chúng cho đúng chỗ đúng lúc, luôn biết tiết chế lời ăn tiếng nói. Lúc nào có thể từ tốn được thì không nên oang oát làm vọng động đến người khác. Lúc nào có thể thâm trầm được thì không nên làm con rối cho người mua vui. Người biết thông dong tầm mình trong biển pháp là người không dùng Phật pháp để đè nén, hoặc

tự tạo cho mình những uy nghi giả tạo bên ngoài. Ngược lại, với họ Phật pháp luôn là ngọn hải đăng hướng dẫn tâm ý họ hướng về Thánh Đạo, hướng dẫn họ biết sống thanh cao, biết đặt trọng lực vào cuộc sống tâm linh cao cả. Con người ấy luôn đem hết cả đời sống tâm linh của mình làm phương tiện để lên đường trở về với chơn tâm thật tánh. Những kẻ cầu pháp để nhàn đàm hý luận luôn chấp có, chấp không, chấp pháp, chấp tướng, chấp như, chấp ngã. Dù bề ngoài lúc nào họ cũng vỗ ngực “không thiện không ác,” nhưng tận đáy lòng họ lúc nào cũng chấp chứa đủ thứ của thường tình thế tục. Còn người thông dong tắm trong biển pháp thì không nói không rằng, nhưng lúc nào cũng thâm thâm tiến tu. Với họ, nghiệp nhân đã gieo ắt trở quả, nên họ tránh càng ít gây nhân chùng nào càng tốt chùng nấy. Thật vậy, như nào quả nấy, đã gieo như, dù trải qua bao kiếp, như vẫn không mất, chờ có đủ duyên là trở quả, dù lên trời, xuống biển cũng không được. Người thông dong tắm mình trong biển pháp là người quyết tâm dứt trừ những khổ lụy do nghiệp mới và nghiệp cũ, cũng như quyết chí ngừng bật gây tội tạo nghiệp trong hiện tại, quyết giữ thân tâm không làm những điều gian ác. Một khi tâm đã đình chỉ, không tạo tội thì tất cả tội liền tiêu diệt. Ngay cả những khổ đau nghịch cảnh xảy đến cho thân phận mình, mình vẫn nhận chịu với tâm thái an nhiên tự tại, không trách móc vu vơ cho ai. Người biết thông dong tắm mình trong biển pháp là người biết tự quay về với ông Phật thanh tịnh vốn có của mình, tự tu tập để chuyển hóa những ô nhiễm ứ trước và không ngừng nỗ lực vượt qua mọi cám dỗ của trường đời, luôn tự nhắc nhở là người con Phật phải sống đời trí huệ bằng ánh sáng vô nhiễm của chánh pháp.

Bình minh và hoàng hôn cứ nối tiếp đến và đi không ngừng nghỉ có dạy ta gì và có chỉ cho ta thấy gì không hỏi những người con Phật? Đó chính là những thông điệp khuyến tu về “lão tử”

mà thiên nhiên vũ trụ muốn nhấn gửi đến chúng ta. Chúng ta còn bao lâu nữa để sống và để tu? Không còn bao lâu nữa đâu hỡi những người con Phật! Một hơi thở ra mà không thở vào là xong một kiếp người, chứ không đợi chi đến lúc da nhăn, má hóp, mắt mờ, tay rung, lưng còm, tóc bạc. Muốn chấm dứt lăn trôi trong thế giới huyễn mộng của cõi phù sinh sống gửi thác về này, con đường duy nhất là con đường “cô thân vạn lý du và thông dong tầm mình trong biển pháp mênh mông” để tự giải thể kiếp phù sinh và tìm về tự tánh muôn thuở của chính mình.

496. MƯỜI PHÁP GIỚI HAY LỤC PHẠM TỨ THÁNH

Từ vô lượng kiếp chư Phật chỉ dạy cho chúng ta có mỗi một bài kệ: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.” Bài kệ rất đơn giản, chỉ có bốn câu mà gói gọn hết ý chỉ của nhà Phật. Nếu ai chịu tu chịu hành như vậy thì thành Phật. Thế mà chúng ta vẫn cứ lăn trôi trong tam đồ lục đạo từ vô lượng kiếp. Tại sao lại có trạng huống này hử quý vị? Từ ngày Phật Tổ Như Lai thị hiện đến nay cũng đã gần hai mươi sáu thế kỷ, Ngài đã để lại cho chúng ta một kho tàng giáo điển vô giá cho những ai chịu học, chịu tu và chịu hành. Nhưng kho tàng giáo điển ấy chỉ là chất xúc tác loạn động cho những kẻ chỉ biết bơi lội trong đó với cái tâm nhàn đàm hý luận. Chính vì thế mà về sau này chư Tổ đã khuyên nhủ chúng ta nếu học kinh mà không chịu hành thì khoan hãy học vì làm như vậy chỉ lãng phí đi thì giờ vốn dĩ đã không có của chúng ta mà thôi. Các Ngài đã khuyên chúng ta phải luôn tri hành hợp nhất thì mới mong tìm thấy được trí tuệ, giác ngộ và giải thoát nơi giáo lý nhà Phật. Chỉ có tri hành hợp nhất mới mong có cơ hội thông dong trong ngõ về “Tứ Thánh” và không bị đọa vào “Tam Đồ Lục Đạo.” Thế nào là Lục Phạm Tứ Thánh?

Lục phạm là sáu con đường trầm luân trong tam đồ gồm có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, nhơn và thiên. Trôi chuyển trong lục đạo, thân tâm thường bị khổ não bức hại. Thật vậy, trầm luân trong lục đạo thật không phải là điều lý tưởng chút nào. Trong sáu cõi này thân tâm thường phải chịu nhiều khổ nạn bức bách. Có lúc cũng được tạm yên ổn như những chúng sanh nơi cõi trời, nhưng yên ổn để chờ đón lấy khổ đau phiền não vì một khi những chúng sanh này đã hưởng hết phước thì lập tức

phải theo nghiệp lực mà rơi vào những đường dữ khác. Như vậy, chúng sanh trong sáu nẻo này lúc nào cũng chịu khổ, từ khổ nhỏ đến khổ lớn. Nhất là chúng sanh trong tam ác thú hay ba nẻo địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Từ tam độc tham, sân, si dẫn đến rất nhiều hành vi tà ác, ác hạnh trở thành ác nghiệp, để rồi từ đó mới cảm chịu khổ báo nơi tam ác đạo. Những Phật tử chơn thuần, những người tin nơi luật nhân quả luân hồi, có thể đoán chắc rằng hễ chúng ta tạo nhân nào gì thì phải gặt quả nấy, không thể nghĩ bàn. Hễ sanh tiền chúng ta tạo nhân gì thì khi chết nghiệp lực dắt dẫn thân thức đến chỗ nó thọ báo không sai chạy. Nếu tạo nhân tốt thì luân hồi đến cảnh giới tốt, ví bằng tạo nhân xấu ác thì phải luân hồi vào ác đạo thế thôi.

1) Địa ngục tiếng Phạn kêu là “Naraka,” có nghĩa là nơi khổ sở, nơi chịu khổ cực. Địa ngục có nhiều loại từ tám địa ngục nóng đến tám địa ngục lạnh, cận biên địa ngục, cô độc địa ngục, vân vân. Tạo nhân sân hận, ác độc và làm nhiều điều tội lỗi, hại mình hại người, phải luân hồi vào địa ngục chịu nhiều nỗi khổ. Theo Phật giáo, những kẻ bị đọa vào địa ngục là những kẻ phạm tội cùng hung cực ác như tội ngũ nghịch (giết cha, giết mẹ, giết các bậc A La Hán, phá sự hòa hiệp của người khác nhất là sự hòa hiệp của chư Tăng Ni, và làm thân Phật chảy máu, không chỉ riêng thân Phật chảy máu mà tội phá hoại hay phỉ báng chánh pháp cũng bị xem như là làm thân Phật chảy máu); hay những kẻ phạm phải mười điều ác trong kiếp nhân sinh như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, ác ngữ, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, vọng ngữ, tham lam, sân hận và si mê. Địa ngục có rất nhiều thứ như ngục vô gián, ngục a tỳ, ngục lạnh, ngục nóng, vân vân. Có người cứ tưởng rằng phải đợi đến khi chết mới bị đọa vào địa ngục; kỳ thật, ngay khi phạm phải những tội cùng hung cực ác vừa kể trên thì tâm này liền bị đọa vào địa ngục chứ không phải đợi đến một kiếp nào khác. Cảnh giới địa ngục là những gì hiện ra trong tâm

thức của những kẻ gây tạo nhân ác. Nếu ngày ngày chúng ta cứ chất chồng ác nghiệp thì khi lâm chung, hành trang duy nhất của chúng ta chỉ toàn là địa ngục. Ngoài ra, riêng với người tu theo Phật đã thọ giới mà lại phá giới, trây lười biếng nhác, để cho u mê ám độn không chế thân tâm; hoặc trau tria cho tướng hảo bên ngoài mà bên trong thì tà trước cũng sẽ bị đọa vào địa ngục không tránh khỏi. Vì thế Đức Phật dạy: “Ngoài những tội ngũ nghịch và thập ác ra, Phật tử dù xuất gia hay tại gia, ở chùa hay ở nhà, một khi đến chùa hay tịnh xá để tu tập, không nên ý mình lanh lợi mà lấn hiếp người, không nên cố chấp lỗi phải từ lời nói đến việc làm, không nên ganh tỵ nhỏ nhen, không nên kết bè kết phái hay nói lời chia rẽ làm mất sự hòa hợp nơi người khác, cũng không nên dùng lời lẽ làm nản lòng người khác.”

2) Pháp giới thứ nhì là “Nga quý.” Nga là đói, nga quý là những con quỷ đói. Loại chúng sanh này thường phải chịu đói khát. Theo Phật giáo, những ai tạo nhân tham lam, bòn sẻn, không biết bố thí, không biết giúp đỡ người khác, từ tiền của đến giáo pháp, mà trái lại còn mưu sâu kế độc để cướp đoạt tài sản của người, những kẻ đó đương đời sống trong tâm trạng của một chúng sanh nga quý và khi chết đi phải luân hồi làm thân nga quý. Có ba loại nga quý: vô tài (loại không có tài sản); thiếu tài (loại có ít của cải); và đa tài (loại quỷ giàu có với nhiều của cải). Vô tài nga quý lại chia làm ba loại là cụ khẩu nga quý hay nga quý miệng lửa (với loại này thức ăn qua miệng đều biến thành lửa); châm khẩu nga quý hay loại nga quý có miệng như cây kim (cổ họng nhỏ như cây kim, thức ăn thức uống không có cách gì nuốt qua nổi); xú khẩu nga quý hay loại nga quý miệng thúi (loại quỷ mà miệng đầy thịt thúi, không ăn uống chi được). Loại thiếu tài nga quý, cũng ăn uống được đôi chút, nhưng thường thì thức ăn biến thành máu mủ hôi tanh khi vừa nuốt vào miệng, có loại thiếu tài nga quý chỉ tìm ăn uống những đờm dãi và nước

tiểu mà thôi. Đa tài nga quý là loại quý hưởng thụ được khá nhiều, loại này được chia làm ba loại: khí giả nga quý, chuyên ăn những đồ lễ do người đời cúng; thất giả nga quý, dựa vào những thứ mà nhân gian mất mát để sinh sống; và đại thế nga quý như các quý vương, là loại có thế lực to lớn như Dạ Xoa, La Sát, vân vân. Tuy nhiên, đa số nga quý thuộc hai loài vô tài và thiếu tài và phải chịu đói khát khổ cực vô cùng. Do bản tánh tham lam, keo kiệt, bòn sẻn đến cực độ mà thành ra nga quý. Trong Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, Đức Phật dạy: “Những chúng sanh ăn ở gặt gao, tiền của chẳng thí, ham muốn ăn mặc xa hoa phung phí, lấy cắp của Tam Bảo để thọ dụng riêng cho mình và gia đình mình. Có người nghèo khó xin ăn, một đồng một cắc cũng chẳng cho mà lại còn mắng chửi. Cứ lo cho mình ấm no, chứ không thương người đói lạnh. Những hạng này chẳng đợi đến lúc chết, mà đương đời đã là những con nga quý không hơn không kém. Đến khi chết quyết phải bị đọa vào đường nga quý, chịu đói khổ mãi mãi, cuống họng thì nhỏ như cây kim, nuốt ăn chẳng xuống, cái bụng thì to như cái trống châu, còn cái đầu lớn như hòn núi; thoáng gặp đồ ăn thức uống, che mặt nuốt vào thì những đồ ấy lập tức biến thành sắt nóng đồng sôi, cứ như thế mà lê lét kiếp nga quý trả nghiệp cho đến khi hết nghiệp mới thôi.

3) Thứ ba là “Súc sanh.” Còn gọi là bàng sanh vì xương sống nó nằm ngang (đầu mình ngang nhau lúc đi). Theo Phật giáo, tạo nhân si mê sa đọa theo thất tình lục dục, tửu sắc, tài khí, không chịu suy xét hay dở, tốt xấu, đương đời mang tâm trạng của một chúng sanh súc sanh và khi chết rồi phải theo nghiệp lực dắt dẫn thân thức luân hồi làm súc sanh. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy: “Chúng sanh do tội sát sanh và ăn nuốt lẫn nhau mà cứ phải trầm luân vay trả trả vay trong thân súc sanh để tiếp tục trả vay vay trả vì sát sanh là nhân và súc

sinh là hậu quả tất yếu của nó. Dù trực tiếp hay gián tiếp sát hại chúng sinh để ăn thịt đều là sát sinh. Trong Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, Đức Phật dạy: “Những chúng sinh ham ăn thịt uống rượu, giết hại cầm thú để bày tiệc ăn nhậu. Kiếp này giết, không nhất thiết phải đợi đến kiếp sau mới thành súc sanh, mà ngay trong kiếp này từ cách ăn cách uống cách đi, đứng, nói năng, hành động đều là cách hành xử của loài súc sanh.” Chính thế thế mà Đức Phật dạy tiếp: “Chúng sinh không nên sát hại để ăn uống lẫn nhau vì ai cũng tham sống sợ chết, ai cũng biết đói ăn khát uống, biết sợ đau sợ khổ. Vạn vật đều đồng như thể chân như, nghĩa là ai cũng có khả năng thành Phật. Vì thế mà mọi người mọi vật đều phải thương yêu bảo vệ lẫn nhau.” Thường tình thế tục mà còn phải “giết người đền mạng,” huống là luân hồi nhân quả! Chính vì thế mà trong Kinh Di Giáo, trước khi nhập diệt Đức Phật đã khuyên nhủ tứ chúng nên ăn chay để tỏ lòng từ bi đối với chúng sinh mọi loài. Ăn chay chẳng những tránh được nhân sát sinh, mà còn bày tỏ lòng nhân đến chúng sinh mọi loài, cũng như không tác hại đến những vị Phật tương lai (vì chúng sinh nào cũng đều có Phật tánh và đều có khả năng thành Phật). Khi ăn chay chúng ta ăn toàn là thực vật, những thứ mà theo giáo lý nhà Phật là tương đối thanh sạch. Trái lại, khi ăn mạng, cho dù chỉ là gián tiếp sát sinh đi nữa, khi thoạt nghĩ đến ăn miếng thịt của chúng sinh thì ý này đã nhiễm ô bất tịnh, huống là gắp miếng thịt bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến ngon lành. Mỗi lần ăn mạng như vậy là mỗi lần chúng ta mất dần đi hơn tính nơi con người chúng ta, vì càng ăn mạng với đầy đủ những gia vị thắm ướp, chúng ta càng thấy thơm ngon và càng muốn ăn nhiều hơn nữa. Đến một lúc nào đó chúng ta sẽ không còn cảm thấy động lòng thương xót khi thấy súc vật bị giết hại để làm thực phẩm cho chúng ta nữa.

4) A Tu La: Thần a-tu-la thường hay tranh đấu với trời Đế Thích. Theo Phật giáo thì a-tu-la là một loại thần nhưng bản chất hã còn nóng nảy sân hận, gặp việc nhân nghĩa thì làm mà gặp việc sái quấy cũng không tránh. Bản chất của a-tu-la là vừa cương trực mà cũng vừa độc ác, nên mặc dù có làm những điều phước thiện nhưng tánh tình hung hăng nóng nảy lại thêm bị tà kiến si mê chế ngự nên thường hay tin theo tà giáo. Những chúng sanh nào tạo nhân như vậy thì đương đời sống trong tâm trạng của một chúng sanh a-tu-la và khi chết sẽ theo nghiệp lực dắt dẫn luân hồi làm a-tu-la. Có ba loại a-tu-la: bậc trên là a-tu-la vương, bậc giữa là a-tu-la chúng, và bậc dưới là a-tu-la nữ. Một khi phước khí tiêu hết thì phải tùy theo nghiệp lực mà luân hồi trả quả. Thần a-tu-la có hai loại: hiền thần a-tu-la là những vị tuy lòng còn sân hận nhưng bản tánh hay độ người tu hành. Ác thần a-tu-la, vừa sân hận vừa sát sanh, loại này ăn máu uống huyết chúng sanh. Chính vì thế mà Đức Phật dạy: “Do bởi tham, sân, si che mờ trí tuệ nên con người không học không hiểu và không thể tu hành pháp nhà Phật, chẳng những không tu tập nhẫn nhục được mà cũng không chế phục được tham lam trộm cắp, càng được càng tham, càng tham càng tham lớn, đến khi tham không được thì sanh tâm sân hận. Những con người này hiện đời đã là những con a-tu-la không hơn không kém. Chỉ có pháp nhẫn nhục trong lục độ Ba La Mật (sanh nhẫn, pháp nhẫn, và vô sanh pháp nhẫn) là những thần dược điều phục được sự sân hận mà thôi.”

5) Nhơn: Người là trung tâm của mười pháp giới. Cõi người có sướng có khổ, nhưng không khổ như các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh nên con người có nhiều khả năng và cơ hội tiến tu thành Phật. Tuy nhiên, muốn làm một con người trọn vẹn, trước phải quy-y Tam Bảo, sau phải thọ trì ngũ giới (không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống những chất cay độc). Là con người, ai ai cũng xem sinh mạng

mình là tối hệ trọng, tài sản là huyết mạch và gia đình là tổ ấm, vì thế một con người hoàn toàn không bao giờ phạm tội sát sanh, trộm cắp và tà hạnh. Con người ấy luôn biết giữ gìn uy tín nên không bao giờ láo khoét, không uống rượu để giữ được sự linh mãnh của một con người và khỏi làm phiền hà người chung quanh. Hơn nữa, một con người thật xứng đáng phải là người trước phải lo giữ đạo làm người, lo tạo tác phước thiện và lập công bồi đức, sau đó phải tu hành theo Phật để dứt bỏ phàm tâm và trau tâm sửa tánh bằng cách trừ lục căn, diệt lục trần, hành lục độ, phát lục thông, mới mong siêu phàm nhập Thánh hay tìm lại được bốn tâm mà mình đã một lần đại dột xa rời.

6) Thiên: Những ai chịu từ bỏ những điều ác và tu hành thập thiện thì con người ấy đương đời sống trong tâm trạng của một chúng sanh nơi cõi trời và khi chết sẽ theo nghiệp lực dắt dẫn tiến lên cõi trời. Đức Phật dạy: “Thập thiện đạo phù hợp với đạo Phật, nên có thể áp dụng cho cả tại gia lẫn xuất gia. Thế nào là thập thiện nghiệp? Nơi thân không sát sanh mà thường hay phóng sanh, không ăn mạng mà thường hay trai lạt; không keo kiệt bủn sẻn mà thường hay bố thí; không tà hạnh tà dâm mà thường hay tiết dục. Nơi khẩu không ác ngữ mà thường hay nói lời ái ngôn dịu ngữ; không ý ngữ mà thường hay nói lời ngay thẳng; không vọng ngữ mà thường hay nói lời chân thật và phân minh; không lưỡng thiệt hay đâm thọc mà thường hay nói lời phân giải hòa hiệp. Nơi ý luôn thanh tịnh, không tham lam mà thường giải thoát ra ngoài vòng tham ái; không sân hận mà thường hay nhẫn nhục; không si mê mà thường suy nghĩ chánh lý. Tuy nói là thập thiện nghiệp, kỳ thật chỉ cần tận diệt si mê do thường suy nghĩ chánh lý là trí huệ phát sanh. Một khi đã có trí huệ là có tất cả, vì trí huệ là đèn sáng xua tan bóng tối vô minh. Từ trí huệ mà thân khẩu ý luôn thanh tịnh, do đó mà nghiệp nhẹ dần và cuối cùng được sanh lên cõi trời. Kinh luật tuy nhiều vô

lượng, nhưng chỉ cần một câu “Tam Nghiệp Thanh Tịnh, đồng Phật vãng Tây phương.” Nghĩa là một khi ba nghiệp thân, khẩu, ý đã thanh tịnh thì chúng ta sẽ thông dong nắm tay chư Phật dạo chơi khắp nẻo Tây Phương Cực Lạc.

7) Thanh Văn: Chúng Thanh văn là những bậc nương theo Tứ Thánh Đế mà tu hành giải thoát, dù không tế độ chúng sanh nhưng những vị này có khả năng giải thoát trong một đời. Sau khi Đức Thế Tôn thành đạo, Ngài đã đi đến vườn Lộc uyển để độ năm anh em ông Kiều Trần Như bằng bài pháp “Tứ Thánh Đế.” Tứ Thánh Đế gồm khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế (biết khổ, biết vì đâu có khổ, biết làm sao diệt khổ để tiến lên Thánh đạo). Các vị này nhờ nghe bài pháp này mà liễu ngộ vạn pháp và chứng quả A La Hán. A La Hán có hai bậc: Đại A La Hán hay huệ tánh Thanh văn, những vị đã có huệ tánh phát tâm Bồ Đề để tiến lên quả vị Duyên giác và Bồ Tát. Loại thứ hai là A La Hán, hay định tánh Thanh văn, loại này chỉ mong an phận trong quả vị A La Hán mà thôi. Cổ đức dạy: “Thủy cảnh trần phong bất đảo thời, ứng hiện vô hà chiếu thiên địa.” Nghĩa là mặt nước mà không bị gió thì không có sóng, gương không bụi tất nhiên không mờ. Cũng như vậy, lòng người không sanh ác nghiệp tham, sân, si; không phân biệt nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, không si mê lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) thì tâm mình luôn trong sạch, luôn liễu ngộ vạn pháp. Con người như vậy là con người thật sự giải thoát.

8) Duyên Giác: Duyên là thập nhị nhơn duyên, giác là liễu ngộ. Duyên giác là quả vị tu chứng giáo pháp quán thập nhị nhơn duyên, hay những bậc tu hành quán chiếu và liễu ngộ thập nhị nhân duyên mà thành Phật Độc Giác (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử). Duyên giác còn gọi là Duyên Giác thừa, Bích Chi Phật hay Độc Giác Phật.

9) Bồ Tát: Chữ Bồ Tát nói theo tiếng Phạn là “Bồ Đề Tát Đỏa.” Bồ đề là giác, tát đỏa là chúng hữu tình. Bồ Tát là những chúng sanh hữu tình tu hành giác ngộ, là những bậc tu hành lục độ để diệt hết những thô thiển của thân và khẩu. Theo Phật thì đây là những hành giả đã vượt được qua sông mê bể khổ nhưng chưa chịu rời con thuyền “Lục Độ” vì hạnh nguyện cứu độ chúng sanh (lục độ gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ). Những vị Bồ Tát này luôn xông thẳng vào đời với bốn nguyện “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.” Nghĩa là trên thì cầu thành Phật đạo, còn dưới thì hóa độ chúng sanh. Cổ đức dạy: “Bồ giả phổ dã, tát giả tế dã, tế nhưn chi cấp, cứu nhưn chi nguy, nãi thị Bồ Tát.” Nghĩa là chữ Bồ là chữ Phổ, chữ Tát là chữ tế, cứu người cơn gấp ngặt, độ kẻ buổi nghèo nàn. Thế nên những vị này trước hết tiêu trừ lục căn, diệt lục trần, hành lục độ và phát lục thông trước khi nhập vào dòng Thánh Bồ Tát đạo. Những vị này có khả năng đi thẳng vào đời để hóa độ chúng sanh. Ngoài chuyện tu hành Lục Độ ra, các vị Bồ Tát còn phải thuần thục “Tứ Nhiếp Pháp,” phải hy sinh tài vật và thân mạng khi chúng sanh cần và tùy duyên nói pháp cứu độ chúng sanh tu hành giác ngộ và giải thoát; phải nói lời ái ngữ để hướng thiện và cảm hóa người theo chánh pháp; thân khẩu ý phải luôn nghĩ, nói và làm việc lợi lạc cho người mà không phân biệt thân sơ bạn thù; luôn hòa hiệp với mọi người mọi loài trong tinh thần bình đẳng lợi tha.

10) Phật: Phật là quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô thượng là giáo pháp tu chứng quả vị Phật là cao siêu thâm diệu, không còn giáo pháp nào cao hơn nữa; Chánh đẳng còn gọi là đồng đẳng Phật tánh, có nghĩa là Phật và chúng sanh đều có Phật tánh như nhau, không có ngã pháp chấp và tứ tướng; Chánh giác hành giả tu hành đoạn tận mọi mê lầm. Phật là tên gọi chung để chỉ các bậc Thánh đại giác ngộ. Ai chứng ngộ được

chánh pháp một cách viên mãn người đó là Phật. Trong thế giới Ta Bà ngũ trược, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni với đại nguyện từ bi cứu khổ chúng sanh muôn loài từ khi Ngài còn là một vị Bồ Tát. Ngài đã nguyện vì chúng sanh mà chịu khổ chịu nạn chứ không vãng sanh Tây phương cực lạc. Muốn đi từ tự độ, độ tha, tự giác, giác tha đến giác hạnh viên mãn, một vị Phật thường phải trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu tập từ lục độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ), tứ hoằng thệ nguyện (tự tánh chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, tự tánh phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, tự tánh pháp môn vô lượng thệ nguyện học, tự tánh Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành), tứ vô lượng tâm (từ bi hỷ xả).

497. TU LÀ KHÔNG LÂM CÁI GIẢ VÀ KHÔNG QUÊN CÁI THẬT TRONG TỪNG SÁT NA

Với xã hội văn minh vật chất, thời gian là tiền bạc. Thời gian là tất cả. Thời gian tạo ra của cải vật chất. Thời gian là thước đo sự phát triển. Trong xã hội ấy con người vất vả ngược xuôi, chạy đua với thời gian để giành lấy miếng cơm manh áo cũng như những phương tiện hưởng thụ trong cuộc sống hằng ngày. Đối với người con Phật chơn thuần, dù vẫn phải lo miếng cơm manh áo, nhưng không phải ngược xuôi để tìm những phương tiện hưởng thụ, không chạy đua với thời gian vì thế mà người con Phật chỉ sống và tu với những cái “đang là”, “đang hiện hữu.” Chính vì thế mà thời gian trở thành hoàn toàn vô nghĩa. Người con Phật không mong cầu một cuộc sống xa hoa vật chất, cũng không mong cầu tâm linh chứng đắc. Người con Phật chỉ biết sống công chính với lòng yêu mến tha nhân, và tu không chấp trước để bàu mòn bản ngã, để chuyển hóa chương nghiệp và thăng hoa hưởng thụ.

Chính vì hiểu được giá trị thực của cuộc sống cuộc tu nên người con Phật không chỉ dùng thời gian để riêng trau tria cho cuộc sống mà luống bỏ thời gian tu tập. Thật vậy, chúng ta không nên để người trong vấn đề tu tập. Một vị đại sư đang thao thao bất tuyệt trước đại chúng, chỉ vì một phút để người mà phải mang thân làm chồn năm trăm kiếp. Một quốc sư đức cao đạo trọng như ngài Ngô Đạt, chỉ vì một phút mống tâm tự cao tự đại mà phải lang thang trả nghiệp trong suốt mấy năm liền. Thấy thế người con Phật phải luôn cẩn trọng và phải liễu ngộ rằng những ngọn gió độc hay những tai biến khổ lụy không tự nhiên tràn vào nếu ta không mở cửa đón chúng. Không có sự cố ngẫu nhiên trên

trái đất này, lại càng không có định mệnh nào có thể xô đẩy được con người và chúng sanh vào con đường trầm luân vô định. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã dạy rằng: “Lục căn là gốc của luân hồi thì cũng chính lục căn là gốc của giải thoát.” Như vậy trầm luân hay an lạc, tỉnh thức, hạnh phúc và tự tại giải thoát đều do tự nơi mình. Phải chi mình không biết cách mở cửa để đi vào các đường thiện lành thì cũng đã đành, phải chi chúng ta không có con đường nào khác ngoài mê đồ tăm tối, phải chi chúng ta không có Phật, không có tấm gương giải thoát rớt ráo của Ngài thì cũng đành nên chịu. Đành này, Phật đã tu và đã giải thoát, chuyện như mới hôm nào, thế mà chúng ta vẫn cam tâm khứng chịu lăn trôi. Phật đã khuyến tấn đại chúng rằng đừng tưởng thân này sẽ sống lâu mãi mãi mà chờ đợi cho đến ngày lậu tận. Ngày lậu tận ấy sẽ không bao giờ báo trước cho bất cứ ai. Người con Phật chơn thuần phải nên luôn nhớ rằng “được thân người đã là hãn hữu, nghe được Phật pháp lại càng hãn hữu hơn.” Đã được thân người và nghe được Phật pháp mà vẫn để phiền não che lấp tâm tánh quả là uổng cho một kiếp người! Người con Phật chơn thuần đừng mơ mộng viễn vông nữa! Đừng luống phí thời giờ vốn dĩ đã không có của chúng ta nữa. Phật đã khẳng định trong các kinh điển của Ngài là con đường giải thoát duy nhất cho chúng sanh mọi loài phải là con đường phá mê khai ngộ để được lìa khổ đặng vui; ngoài con đường này ra, không có con đường nào khác. Phải cố mà vượt thoát và hưởng thượng vì ngày nào còn lăn trôi trong ba nẻo sáu đường, ngày đó chúng ta hãy còn đắm chìm trong sự vọng động, vẫn còn tạo tác ác nghiệp, vẫn còn xa rời chân tâm thực tánh và quên mất đường đi lối về. Muốn không tiếp tục tạo tác ác nghiệp, ai trong chúng ta đều phải làm sao cho những mê lầm đã chất chứa từ vô lượng kiếp được phát khởi. Phát khởi và trực ngộ mê lầm để xa lìa mê lầm, phát khởi mê lầm để phá mê khai ngộ và bỏ vọng về chân.

Làm được như vậy thì khổ não phải tự nhiên đoạn tận và an vui giải thoát sẽ hiển bày. Muốn được như vậy, những người con Phật không có con đường nào khác là phải tin rằng những lời Phật dạy là chân lý giải thoát, phải hiểu rõ Phật muốn dạy gì. Sau khi đã tin và đã hiểu những lời Phật dạy, chúng ta phải dụng công thực hành những lời dạy dỗ vàng ngọc ấy để trong một tương lai nào đó chúng ta cũng sẽ được như Ngài.

Người con Phật chơn thuần nên luôn cẩn trọng, chẳng những phải chừa ác mạt tác, chúng thiện phụng hành, mà còn phải tự tự tịnh thân khẩu ý trong từng sát na trong cuộc sống cuộc tu của chúng ta. Dầu biết rằng trong cuộc sống bận rộn hôm nay thì khó lòng mà giữ được mãi chữ “tịnh,” nhưng dù muốn hay không muốn, chúng ta rồi sẽ phải một lần “tịnh,” vậy chúng ta không “tịnh” ngay từ bây giờ thì chúng ta còn đợi đến chừng nào? Phật đã khuyến tấn tứ chúng hãy cố gắng tự chiến thắng lấy mình, cố gắng tỉnh thức về mọi mống động của tâm ý, hầu giúp ta không sa chân vào những quyến rũ của nhiễm trược. Phật đã nhắn nhủ với tứ chúng rằng nếu cố gắng chiến thắng được một lần, chúng ta rồi sẽ thắng được nhiều lần, từ đó dần dần chúng ta sẽ có được sức mạnh nội tâm, sức mạnh ấy sẽ bào mòn bản ngã tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng và đồng thời làm tăng trưởng bản ngã thanh tịnh. Ngoài ra, sức mạnh nội tâm của người tu theo Phật còn có công năng chuyển hóa thân tâm bao gồm từ lời ăn tiếng nói, cử chỉ hành động, đi, đứng, nằm, ngồi trong định tâm lắng ý. Sức mạnh nội tâm còn có khả năng giúp cho chúng ta tịnh thân, tịnh khẩu và tịnh ý. Nhờ có sức mạnh nội tâm này mà miệng chúng ta luôn ăn nói điềm đạm, thân chúng ta luôn hành động theo từ bi hỷ xả, và ý chúng ta luôn xa lìa mọi chấp trước, tham đắm và sân hận. Sức mạnh nội tâm của người tu tập còn có khả năng nâng tâm hồn của chúng sanh lên ánh sáng cao tuyệt của chánh pháp, làm cho chúng sanh đến gần với

Phật hơn. Tuy nhiên, sức mạnh này không mua hay xin mà được. Đây là sức mạnh mà năm xưa Đức Phật nhờ công phu tu tập và thiên định mà Ngài có được, những Thánh đệ tử của Ngài cũng vậy, chúng ta há có con đường nào khác sao quý vị? Ngày nay, để giác ngộ nghĩa là “không làm cái giả và không quên cái thật” trong từng sát na, nghĩa là nhận rõ cảnh đời nhiều khổ đau phiền não và muốn thoát khỏi những hệ lụy ấy ngay trong kiếp này, chúng ta không có con đường nào khác hơn là phải tu y như Phật. Phật tử chơn thuần nên nhớ rằng không có sự giác ngộ và giải thoát nào có thể có nếu chính chúng ta không chịu công phu tu tập và thiên định, nghĩa là không chịu thực hành, không chịu trở về quán sát nội tâm, theo dõi và ghi nhận tất cả những hoạt động và biến chuyển của chư pháp. Nếu chúng ta không tu tập theo giới và định thì đừng bao mong có được trí tuệ hay giác ngộ bản mặt thật của vạn hữu để từ đó vượt thoát được những hệ lụy của khổ đau phiền não. Người con Phật chơn thuần phải luôn nhớ rằng triết lý đạo Phật rộng sâu vô cùng, nhưng Tứ Thánh Đế là quan trọng hơn cả. Khổ đế là quả của luân hồi sanh tử; tập đế là nhân của luân hồi sanh tử; diệt đế là quả của Niết Bàn và đạo đế là nhân của Niết Bàn. Ai trong chúng ta chẳng những đã từng khổ, đã từng gây một số nhân khổ, mà còn gây tạo nhiều nhân khổ nữa là khác tất cả đã là quá khứ, cho dù chúng ta có ray rứt thế nào đi nữa, chúng ta cũng chẳng có thể làm gì thay đổi được quá khứ. Nói như vậy để cho mọi người chúng ta đừng hoài vọng về quá khứ trong vô vọng vô ích. Hoặc giả có người nói rằng trong quá khứ tôi đã từng gây tội tạo nghiệp nhiều quá, tôi hứa tương lai sẽ giảm thiểu tội ác, sẽ tu hiền, sẽ tịnh tâm, vân vân, để được vãng sanh Cực Lạc. Quý vị ơi! Hãy tỉnh cơn trường mộng đi, tương lai hãy còn mù mờ và chưa đến, đừng hoài công mơ tưởng mà lãng phí thì giờ vốn dĩ đã không có của chúng ta. Chỉ có những giây phút hiện tại là chúng ta có thể sung sướng

hay khổ đau, là tốt hay xấu, là thiện hay ác, là tịnh hay động. Trong quá khứ chúng ta đã từng tu tốt mà bây giờ phá giới phá đạo mới là đáng sợ. Niệm Phật được thì tốt, nhưng niệm sao cho mình cũng tu hành được giống y như Phật mới thật là tốt. Tụng kinh công đức thù thắng hạnh chỉ với một điều kiện là tụng làm sao cho liễu nghĩa kinh để y nương theo đó mà tu hành thành Phật, chứ tụng được năm bảy bộ kinh rồi đi đâu đến đâu cũng dương dương tự đắc rằng thì là tôi đã tụng vài chục biến kinh Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, vân vân, rồi lấy đó làm hãnh diện cho rằng mình đã tu nhiều hơn người, nhưng thực chất tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến trong lòng mình ngày càng tăng theo số biến kinh mà mình đã tụng. Tu hành như vậy thì thà là đừng tu còn có ích cho mình và cho người hơn. Cũng như vậy, ngồi thiền là để định tỉnh quán sát nội tâm, để theo dõi và ghi nhận những hoạt động biến chuyển của chư pháp để từ đó giác ngộ được bộ mặt thật của vạn hữu, và quan trọng hơn hết là thấy được chính mình, xem coi mình còn vướng gì và mắc gì để từ đó quyết tâm tu hành cho đến giác ngộ và giải thoát khỏi những hệ lụy của khổ đau phiền não. Người con Phật chơn thuần phải thiền làm sao cho không còn “lắm cái giả và không quên cái thật” trong từng sát na nữa mới đáng gọi là tu thật. Hành thiền và nói thiền là hai thứ hoàn toàn trái ngược nhau. Theo giáo lý Phật đà, hễ không có nhân là không có quả. Cũng như vậy, thân không thiền, tâm không không thiền thì không có quả “tịnh” được bao giờ. Ngày xưa Đức Phật có nói gì về thiền đâu, Ngài chỉ bảo các đệ tử ngồi xuống tẻo chân trong tư thế kiết già hay bán già rồi theo dõi hơi thở, hoặc quán sát nội tâm. Khi đi, Ngài đi thong thả, chậm chạp nhưng dáng vẻ ấy toát ra một phong thái giải thoát tuyệt vời. Nên nhớ tâm nguyện của chúng ta là tu hành để giải thoát chứ không phải để trở thành những học giả hay thuyết giả. Chúng ta cũng học kinh nghe

pháp, nhưng học và nghe không phải để làm tăng kiến thức mà là để y nương theo đó tu hành, để biết sống thanh đạm, xa lìa ngũ dục và trở về được với nội tâm của chính mình. Đó là tất cả những gì mà Như Lai đã từng mong mỏi: “Ai biết sống theo ánh sáng cao tuyệt của Như Lai, không có không gian hay thời gian nào có thể ngăn cách người đó với Như Lai. Ngược lại, dù ai cạnh kề Như Lai mà không sống không tu theo chánh pháp của Như Lai, kẻ đó vẫn nghìn trùng xa cách Như Lai.” Thật vậy, cuộc sống chúng ta gắn ngủi hơn ánh điện chớp nếu đem so với không gian vô tận và thời gian vô cùng, chúng ta sẽ không có thì giờ để chạy theo những ảo ảnh của đuổi hình bắt bóng đâu quý vị ơi! Người con Phật chơn thuần nên luôn nhớ lời Phật dạy: “Thân này rồi sẽ già sẽ bệnh, xác này rồi sẽ hoại rữa mục nát trong một thời gian hữu hạn nào đó. Tuy nhiên, tâm ý này vẫn cứ nương theo nghiệp lực mà đi lên hay đi xuống.” Chính vì thế mà người con Phật phải luôn cẩn trọng trong mọi tình huống vì ranh giới giữa ma và Phật mong manh như sợi chỉ. Đâu có ai dám đoan chắc rằng trong hình tướng đầu đen áo trắng hôm nay cũng đã từng là đầu tròn áo vuông trong một kiếp quá khứ nào đó? Và đâu có ai dám đoan chắc rằng đầu tròn áo vuông hôm nay, nếu không cẩn trọng để cho tham sân si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng hoành hành, thì một kiếp nào đó trong tương lai chẳng những không được đầu đen áo trắng, mà không chừng phải mang lông đội sừng làm thân trâu ngựa, chồn cáo hay côn trùng để kéo cày, hoặc để nỉ non âu sầu cho một thời quá khứ tội lỗi? Kỳ thật, đạo Phật ngoài những tín điều cao tuyệt cho những ai mong cầu giải thoát, còn là một cách sống tự tại và hài hòa. Theo đạo Phật, dù chỉ biết sống tự tại và hài hòa không thôi, cũng đã tránh được tai họa của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Những người con Phật chỉ cần sống được như vậy cũng đã vượt thoát được nanh vuốt của cái “tôi,” cái

“của tôi,” và “cho tôi.” Lúc đó, thay vì đặt cái “ngã” vào trung tâm của vũ trụ, chúng ta sẽ không còn phân biệt đây là tôi, kia là anh, hay tôi đúng anh sai, hay tôi đẹp anh xấu, hay tôi hay anh dở, hay tôi sang anh hèn nữa. Ngược lại, chúng ta sẽ sẵn sàng ngồi lại với tha nhân để tìm xem cái gì đúng và cái gì sai, từ đó chúng ta cùng nhau theo đuổi những gì đúng và bỏ ra những gì sai trái. Làm được như vậy, con người chúng ta luôn sống với chơn lý, luôn sống thật với những gì mình đang có, chứ không còn tức tưởi với những giả danh giả nghĩa của những “mỹ từ,” “thể diện” và “tự ái” nữa. Làm được như vậy chúng ta sẽ không còn lầm lẫn giữa “vào cổng chùa,” và “tu thiệt” nữa. Lắm khi chúng ta đâu cần phải thấy chùa, thấy tượng Phật mà vẫn tu được trong thanh tịnh và an nhiên tự tại. Chỉ cần biết được chính mình, mình là ai và đang làm gì? Chỉ cần đừng chấp chặt vào cái thân huyễn giả này, vì biết rằng cùng lắm thân này chỉ có mặt trong cõi Ta Bà tám chín chục năm, hoặc một trăm năm, rồi cũng trở về với cát bụi. Người con Phật chơn thuần phải nhận rõ điều này: tất cả rồi sẽ trở thành cát bụi, còn có chăng là chút tâm thức này. Biết được như vậy để từng bước chân ta đi là từng bước đi của giác ngộ, từng ý nghĩ của tâm thức là ý nghĩ của giác ngộ, từng việc làm nơi thân là việc làm giác ngộ. Biết được như vậy để dù cho từng sát na trôi qua, cho dù thân xác này có tiến gần đến nhà mồ, nhưng tâm thức này luôn tiến gần đến giác ngộ và chơn lý.

Người con Phật chơn thuần phải luôn tự hỏi lòng mình xem coi mình có từng sát na đang đi trên đường giác ngộ, hay vẫn sống theo thường tình thế tục với chất ngất những tư kiến của riêng mình? Đồng ý người say không bao giờ chấp nhận mình đang say. Cũng như vậy, không ai trong chúng ta lại chịu nhận rằng mình ngu si, mê muội bao giờ. Ngược lại, ai cũng tự cho mình là trung tâm của vũ trụ, mình giỏi, mình hay, mình thông

minh, mình sang cả phú quý. Tuy nhiên, những người con Phật hãy lắng nghe lời khẳng định của Phật: “Chúng sanh vì bởi vô minh mà lăn trôi trong tam đồ lục đạo.” Vậy có ai trong chúng ta dám ngẩng đầu lên nhìn Phật mà nói rằng “bach Phật, đầu con là chúng sanh trong ba nẻo sáu đường, nhưng con không bị vô minh khống chế.” Có lẽ không ai trong chúng ta dám bạch Phật như vậy đâu quý vị ơi! Vậy thì ngay từ bây giờ, ngay những lúc còn linh mẫn, chúng ta phải cố gắng dụng công tu tập sao cho tâm thức này không lầm cái giả và không quên cái thật. Cố gắng dụng công tu tập để thấy rằng bấy lâu nay vì lầm cái giả mà chúng ta tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng vì lầm cái giả mà ta cho thân này là thật, là cao quý, rồi từ đó ra công bồi đắp nó bằng mọi cách. Cũng như vậy, bấy lâu nay vì quên cái thật mà chúng ta đánh mất chơn tâm Phật tánh của mình. Người con Phật chơn thuần phải cố gắng ghi nhớ cho được cái thật mà Phật Tổ đã trao truyền, vì nhờ cái thật đó mà chúng ta sẽ thấy đúng, suy nghĩ đúng, nói đúng, nhận định đúng, hành động đúng, làm ăn chơn chánh. Phải làm được những điều này ngay nơi thân này, tâm này chúng ta mới có khả năng lìa mê xa khổ. Làm được như vậy dù chưa minh tâm kiến tánh đi nữa, thì cuộc sống này cũng đã tỉnh thức, an lạc và hạnh phúc; cuộc tu này cũng đã an nhiên và tự tại lắm rồi vậy. Mong lắm thay!!!

498. SỰ THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Chúng sanh đã lăn trôi từ vô lượng kiếp, nghiệp chướng ê chề, thế mà đa phần chúng ta nào biết kinh vì, đã chẳng lo ăn năn tu tập mà còn ngày đêm bươi móc và phỉ báng lỗi người, trong khi lỗi mình chất chồng mình vẫn tỉnh bơ. Đã thế, còn ngày đêm dong ruổi hưởng ngoại cầu hình, nhân đàm hý luận. Tự mình tu thân tề gia chưa xong, mà hễ nơi nào có trà có rượu, có nhân đàm hý luận là có mình. Kỳ thật, ngày qua tháng lại, chúng ta chỉ quanh quẩn bên những vấn đề cũ rích như con người từ đâu tới? Con người rồi sẽ đi về đâu? Đời sống con người có nghĩa lý gì? Vân vân và vân vân. Nếu chúng ta là những người con Phật chơn thuần chúng ta sẽ không hỏi như thế, vì chúng ta phải dư biết lời Phật dạy: “Con người đến vì nghiệp lực, mà ra đi cũng vì nghiệp lực.” Như vậy người con Phật chơn thuần sẽ không phí thêm thời giờ vào những cuộc nhân đàm hý luận nữa, mà phải sống làm sao cho có ý nghĩa, sống làm sao cho mình được hạnh phúc và những người quanh mình cũng được hạnh phúc, sống thế nào mà từng bước chân đi qua là từng bước giẫm đạp và vượt qua những khổ đau phiền não để đi về nẻo Bồ Đề. Người con Phật chơn thuần phải đi thẳng vào lòng Ta Bà ướ trước, nhưng không bị Ta Bà ướ trước làm ô nhiễm hay tha hóa. Con người ấy sống trong thế giới văn minh vật chất đảo điên, nhưng tự mình không điên đảo; sống trong tranh chấp hận thù và bạo lực, nhưng mình không bạo lực hận thù hay tranh chấp. Người con Phật chơn thuần đi thẳng vào những hoàn cảnh trở trêu nhất trên đời và chỉ xem chúng như những thách đố giúp mình hưởng thượng, thế là mình đã thành công. Trong cuộc sống hằng ngày làm sao cho lục căn không vướng mắc lục trần để cho lục thức tiếp tục dong ruổi,

ấy là thành công. Trong cuộc sống khó khăn vật chất và đầy bon chen hôm nay mà chúng ta sống không bon chen, sống bằng tình thương đối với mọi người, thương mình thương người, ấy là thành công. Trong cuộc sống đầy hận thù tranh chấp mà chúng ta sống không hận thù tranh chấp, ấy là chúng ta thành công y như lời Phật dạy trong Kinh Pháp Cú.

Thật tình mà nói, muốn vừa làm một người con Phật, vừa xông thẳng vào đời mà không bị tha hóa quả là khó khăn vô cùng trong xã hội vật chất hôm nay, nơi mà sự thành công được tính bằng tiền. Trong xã hội hôm nay, mọi thứ đều được tính bằng tiền, nên thời giờ cũng cũng không chạy ra ngoài cây thước đo bằng tiền này. Cha mẹ thì bù đầu vào công việc làm ăn nên quên mất cả bốn phần dạy dỗ con cái, vì thế mà con cái phải chịu sự dạy dỗ của đám trẻ hàng xóm, hoặc của đám băng đảng đầu đường xó chợ. Chính vì không được dạy dỗ những truyền thống gia đình cao đẹp, nên khi cha mẹ bước vào tuổi lão niên, con cái sẵn sàng mang các người vào viện dưỡng lão không một chút phân vân hay thương tiếc. Người con Phật chơn thuần, nên vô cùng cẩn trọng trong đạo làm người với đầy đủ nghĩa tình nhân ái. Chúng ta phải tự chọn lấy cho chính mình một hướng đi, hoặc là bị cuốn xoáy vào xã hội, hoặc quay trở về sống trong cái nôi của con Hồng cháu Lạc mà vẫn không bị nghiền nát bởi xã hội này.

Đồng ý chúng ta sanh ra trên đời này, không ai có thể sống đơn độc một mình như thời thượng cổ. Chúng ta phải sống với tha nhân. Theo Phật, không phải ngẫu nhiên mà chúng ta gặp gỡ, bất cứ sự gặp gỡ nào cũng có nguyên nhân của nó. Chúng ta được sinh ra làm con trai hay con gái, trong gia đình giàu hay nghèo, sang hay hèn, đẹp hay xấu, thông minh hay ngu đần đều do bởi những nghiệp lực mà chúng ta đã tạo ra trong những đời quá khứ. Trong hiện đời, cũng do bởi duyên nghiệp và hoàn cảnh hiện tại,

chúng ta lại dong ruổi tạo thêm nghiệp chướng cho kiếp lai sanh. Sự thành công của người con Phật không như sự thành công của thường tình thế tục, không được đo đếm bằng tiền của, vật chất, sản nghiệp, hay quyền uy địa vị. Ngược lại, sự thành công của người con Phật chơn thuần là một cuộc sống hưởng thụ, tự cởi trói cho mình để tháo bỏ những chướng nghiệp tiền khiên và không tạo thêm chướng nghiệp hiện đời. Dầu biết rằng cuộc sống hằng ngày sẽ không xuôi chèo mát mái, người con Phật chơn thuần luôn cố tránh gây ra những xích mích, hiểu lầm, đố kỵ và ganh ghét hận thù bằng cách lấy lòng “từ bi” làm nền tảng cho mọi tương quan giữa người và người. Người con Phật không bao giờ khinh chê, chà đạp, mục thị người khác. Sự thành công của người con Phật là chối bỏ được cuộc sống bần sần, ích kỷ, nhỏ nhen, thiếu cần, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng. Sự thành công của người con Phật là sống một cuộc sống an lạc, tỉnh thức, là tạo ra hạnh phúc cho mình và cho người. Người con Phật thành công là người dám can đảm chối bỏ cái “ta” đáng ghét để hòa mình với tha nhân, thiên nhiên và vũ trụ. Con người ấy vẫn sống cho mình nhưng lúc nào cũng muốn trao ban và chia sẻ tình thương cho người. Con người ấy luôn nhân, nhân, nhân; nhân những cái đáng nhân và nhân cả những cái không đáng nhân, vì con người ấy luôn ý thức rằng trên đời này không có cái gì là không đáng nhân cả. Con người ấy luôn thấy khuyết điểm của mình, chứ không thấy khuyết điểm của người. Con người ấy vẫn đi thẳng vào đời, vẫn mưu sinh, vẫn tạo ra của cải vật chất cho mình và cho gia đình mình, nhưng không bao giờ vì tiền mà sát phạt một ai, cũng không bao chiếm đoạt hay tích lũy tài sản, không bao giờ vọng cầu quyền uy danh vọng. Sự thành công của người con Phật là cuộc sống trong chánh niệm và luôn ban rải cho tha nhân một nụ cười nhân ái. Con người ấy luôn đối xử với tha nhân bằng tình thân ái, và lòng

quảng đại bao dung. Con người ấy luôn yêu thương tha nhân, luôn công bình, bác ái, luôn từ bi hỷ xả với tất cả mọi người. Vì biến pháp mênh mông khó hiểu nên đã gần hai mươi sáu thế kỷ qua mà chúng ta vẫn còn hiểu lầm về những lời dạy của Đức Phật về sự thành công của người con Phật, hay nói đúng hơn vì tầm hiểu biết của chúng ta quá hạn hẹp nên sự hiểu biết về giáo pháp chỉ thu hẹp lại vào sự tu hành trong tự viện của một vài cá nhân, chứ chúng ta không thấy được rằng Đức Phật muốn nhìn thấy sự thành công của cả xuất gia lẫn tại gia. Người con Phật nên luôn nhớ rằng sự thành công của người con Phật không chỉ hạn hẹp trong khuôn viên các tự viện, tịnh xá hay thiền viện, mà nó trải rộng khắp nơi nơi. Sự thành công của người con Phật là sự tu tập hành trì sao cho đạt được cái “trí” có khả năng phá bỏ sự u mê ám muội từ vô thủy, là kết quả của sự vận dụng những tinh lực tuyệt đối trong sạch vào sự hiểu biết, là đi đến bước cuối cùng của Bát Thánh Đạo. Sự thành công của người con Phật còn là sự thấu triệt về thế gian vô thường, cõi nước mong manh, tứ đại khổ không, ngũ uẩn vô ngã, luôn sinh diệt biến đổi, giả dối và không có chủ thể, tâm là nguồn cội của việc ác, thân là rừng nghiệp tội. Người con Phật thành công là người đã thấy rõ ham muốn nhiều là khổ nhiều, bao sanh tử nhọc nhằn đều từ nơi tham dục mà ra, nên con người ấy luôn thiếu dục tri túc để thân tâm luôn được tự tại. Người con Phật thành công là người luôn tinh tấn tu hành để chế phục phiền não trong cuộc sống hằng ngày. Con người ấy luôn học rộng nghe nhiều, không phải để tích tụ kiến thức cho nhàn đàm hý luận mà để tăng trưởng trí tuệ, thành tựu biện tài từ đó đem những gì mình hiểu biết ra chia sẻ với mọi người. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người ấy cũng như như bất động chứ không trách trời oán người để kết thêm chướng duyên. Con người ấy luôn bố thí một cách bình đẳng, không phân biệt thân sơ bạn thù. Con người ấy chỉ nhớ lỗi mình để hướng thượng chứ

không nhớ lỗi người để câu móc. Con người ấy luôn thương xót mọi người chứ không thương người hiền mà ghét bỏ người ác. Tuy là người thế tục nhưng con người ấy luôn thấy rõ ngũ dục là tai họa nên không nhiễm dục lạc, luôn thanh bần lạc đạo ngay trong cuộc sống hằng ngày, luôn từ bi hỷ xả với chúng sanh mọi loài. Dù còn trong cuộc sống trần tục nhưng luôn thấy sanh tử đang thiêu đốt thân tâm và khổ não vô lượng vô biên nên luôn phát tâm tự lợi lợi tha, tự giác giác tha khiến cho ai nấy đều được an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc.

Người con Phật thành công là con người luôn sống trong tỉnh thức, luôn biết và luôn nhớ rằng tiền bạc của cải có thể qua đi, danh vọng quyền uy có thể mai một, nhan sắc có thể tàn phai, nhưng đức “từ bi hỷ xả” sẽ còn và còn mãi. Thân này có thể già, mắt có thể mờ, răng long, gối mỏi, da nhăn, má hóp, và tay chân gầy còm, nhưng những đường nét “từ bi hỷ xả” vẫn luôn rạng ngời và bất tử. Hãy quay lại đối diện với chính mình hỏi những người con Phật! Hãy trút bỏ mọi ràng buộc phi lý và vô nghĩa trong cuộc sống để sống với chơn tâm thật tánh tự thuở giờ mình vẫn có. Hãy cố cõi trói cho mình thoát khỏi gông cùm của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến để được sống trong an lạc và tự tại. Sự thành công của người con Phật là sống như vậy, tu như vậy để làm một cuộc hành trình trở về quê hương vạn đại mà mình đã một lần đại đột xa rời.

499. NHỮNG LỜI DI GIÁO CUỐI CÙNG TRƯỚC KHI PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Trong suốt 49 năm hoằng hóa, Đức Phật đã chu du đây đó và Ngài đã hết lòng tế độ những người hữu duyên có thể độ được, ngay cả những người cùng hung cực ác như Angulimala. Vì thương xót chúng sanh ngập chìm trong khổ đau phiền não mà Đức Từ Phụ đã không ngừng nghỉ rảo bước cùng nơi khắp chốn hóa độ. Ngài đã liên tục hoạt động đến những hơi thở cuối cùng mà Ngài vẫn không ngừng thuyết giảng răn dạy tứ chúng. Trong ba tháng cuối đời, dù thân tứ đại sắp tan hoại, nhưng tâm thức Ngài vẫn linh mẫn và chính trong ba tháng ấy, những lời di giáo cuối cùng đã được Ngài gói trọn trong Bộ Kinh mà hiện tại tứ chúng, như là những vị xuất gia thoát trần, luôn trân trọng như viên ngọc trân châu cực quý cho cuộc đời tu hành của tự thân.

Vì biết trước ngày nhập diệt, nên trên đường từ thành Vương Xá đến Nalanda, rồi vượt qua sông Hằng đến Beluva, Bhoganagara và cuối cùng là Kusinara, Đức Phật đã không quản ngại đường xa xa xôi cũng như sức khỏe yếu kém, trong 90 ngày cuối đời, Ngài đã không ngừng nhắc nhở tứ chúng mọi điều từ cách đối trị tà nghiệp, lợi ích và công đức trì giới, đối trị phiền não, thiếu dục tri túc, đến khuyên nhắc tứ chúng tu hành thiền định. Trong thời Đức Phật còn tại thế, chính Ngài đã từng khẳng định với tứ chúng rằng thật ra đạo Phật là một lối sống tu giải thoát hơn là một tôn giáo. Ngài đã khẳng quyết đạo này không bao giờ có chỗ đứng cho những ai thờ phụng một cách u mê ám muội. Với đạo Phật, con đường đi đến tuyệt đỉnh cao thượng là con đường của tự thân tự tâm, là con đường hướng nội. Chính vì thế mà trước khi nhập diệt, Đức Phật đã gọi Ananda đến bên

mình và truyền trao những lời di giáo cuối cùng: “Này Ananda, hãy tự mình đốt đuốc lên mà đi, hãy tự mình làm hải đăng, làm sao Bắc Đẩu, hãy tự mình nương tựa nơi chính mình, chớ nương tựa vào bất cứ thứ gì khác. Hãy mỗi lấy ngọn đèn chánh pháp, dùng chánh pháp làm kim chỉ nam. Hãy tinh tấn nhiếp phục mọi tham ái, dục lạc, cũng như những mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng trên đời. Đối với thân tâm và vạn pháp phải luôn thấy rằng mọi thứ đều vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát.” Ôi còn vị đạo sư nào cao cả hơn Đức Từ Phụ? Trong những giây phút cuối đời mà Ngài còn bị mất hết những gì cô đọng của đạo này để trao lại cho tứ chúng. Người con Phật hậu bối chúng ta nếu không tự mình tinh tấn làm theo những lời Phật dạy sẽ cảm thấy tủi hổ vô cùng. Đức Phật đã dạy tứ chúng bằng những gương hạnh lành qua cuộc sống cuộc tu của chính Ngài. Ngài đã khẳng định bằng thực nghiệm ngay chính tự thân rằng dù tất cả mọi hiện tượng đều vô thường, thân này một khi đã được sanh ra là phải già, phải hoại diệt; ngay cả thế giới mà chúng ta đang sống rồi cũng có hồi hoại không. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết sống biết tu thì khi đi sâu vào thế giới vô thường sinh diệt, chúng ta có thể tiếp xúc với thế giới hằng hữu bất sanh bất diệt, thế giới thể tánh của chư Như Lai. Thật vậy, nếu chúng ta chịu lắng lòng suy gẫm và hành trì chỉ những lời di giáo cuối cùng của Phật thì chìa khóa mở cửa Đại Giác để đi từ thế giới hiện tượng qua thế giới của pháp tánh nằm ngay trong những giây phút sống tu hiện tại của chính mình. Mặc dù Đức Phật bảo rằng những điều Ngài nói còn thua nắm lá trên tay, trong khi những điều Ngài liễu ngộ ví như hằng sa lá cây trên rừng, nhưng tam tạng kinh điển được truyền lại hôm nay cũng đủ ngợp cho những ai muốn đem thế trí biện thông của mình ra để nhàn đàm hý luận. Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa, y kinh, bất y kinh, y ngữ, bất y ngữ, y nghĩa, bất y nghĩa, y như, bất y như, y trí, bất y trí, y thức, bất y

thức không bằng lấy một giờ một ngày hằng sống với những lời Phật dạy. Hãy cố hằng sống hằng tu với những lời Phật dạy rồi sẽ thấy ngay do đâu mà có tà nghiệp, não phiền cũng như lợi ích và công đức của trì giới từ đó chúng ta mới có can đảm thiếu dục tri túc để thông dong đi vào thế giới Hoa Nghiêm của chư Phật.

Tuy Phật dạy nhiều lắm trong những lời di giáo cuối cùng của Ngài, song chúng ta có thể tóm về một mối lớn nơi lợi ích và công đức trì giới. Trong phần nhắc nhở tứ chúng về cách đối trị tà nghiệp, khổ vọng và não phiền, Đức Từ Phụ đã nhấn nhủ với chúng tỳ kheo rằng: “Tỳ kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, các ông muốn tu hành đối trị tà nghiệp, khổ vọng và não phiền, nhứt thiết phải tôn trọng quý kính Ba La Đề Mộc Xoa (giới luật) như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết lấy giới luật làm Thầy của các ông. Chính nhờ an trụ trong pháp này mà các ông có thể kềm chế ngũ căn không cho chúng buông lung theo ngũ dục. Cũng chính nhờ Pháp này mà mấy ông biết kềm chế tâm vào một chỗ chớ không buông thả cho nó phóng túng làm mất việc lành của mình và của người. Cũng chính nhờ pháp này mà mấy ông không buông thả cho lòng sân ngăn mất chánh đạo hay đốt mất công đức tu luyện ngàn đời của tự thân. Mấy ông hãy tự vò đầu mà suy gẫm lại xem! Phải chăng chính pháp này đã đưa đường dẫn lối cho mấy ông vượt thoát sự khống chế của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng nhờ đó mà mấy ông biết thế nào là thiếu dục tri túc, cũng nhờ đó mà tâm của mấy ông có cơ định tĩnh để thấy tánh thành Phật. Trước giờ ta nhập diệt, điều tối thượng cuối cùng mà ta muốn nhấn nhủ với mấy ông là phải luôn biết lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy, dù ta có trụ ở đời cũng không khác pháp này vậy.”

Bài pháp ngắn gọn này của Phật đã trở thành Bộ Kinh Di Giáo, một gia tài Pháp Bảo quý báu nhất trong kho tàng Pháp

Bảo nhà Phật. Thật vậy! Giới luật là tối thượng trong đạo Phật. Những ai chủ trương tu thiền mà phá giới thì chắc chắn sẽ không bao giờ thấy tánh thành Phật; ngược lại, kẻ đó chỉ thấy địa ngục môn và thành địa ngục chúng sanh, không thể nghĩ bàn. Nếu suy rộng bài pháp di giáo của Phật, chúng ta sẽ thấy ngay những lợi ích và công đức trì giới ngay trong cuộc sống cuộc tu hằng ngày. Nhờ trì giới mà chúng ta không tà tâm loạn tưởng chạy theo tà sư ác hữu với chấp chùng những mê tín dị đoan, xâm quẻ, bói toán, đồng bóng, bùa chú, thư tôm, trù ếm. Đức Phật nói rõ người xuất gia chẳng được coi tướng kiết hung, điều chế thuốc thang, trông xem tinh tú, tìm tòi thanh suy, coi ngày đoán số, chẳng được mua bán đổi chác, chẳng được tạo ruộng cát nhà, chẳng được nuôi người mướn tớ, chẳng được chăn nuôi gia súc; chẳng được trồng trọt, đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai; phải xa lìa các thứ của báu như tránh xa hầm lửa, không được tham dự việc đời, không được đi sứ, thông tin, không được luyện thư tôm bùa chú, nấu tiên dược, không được giao hảo với người quyền quý. Phải luôn giữ tâm chánh niệm mong cầu giải thoát, chẳng được che dấu tội lỗi, khoe bày dị tướng, dối gạt mọi người, phải biết lượng vừa đủ với bốn món cúng dường (ăn, mặc, ở, bệnh) chứ không nên cất chứa. Nhờ giữ giới mà ta biết tiết chế nơi thân, biết ăn uống đúng giờ, biết tu niệm đúng khắc, biết ngủ nghỉ đúng giấc. Nhờ trì giới mà chúng ta biết phát lồ sám hối tội lỗi chứ không che dấu, biết giữ tâm chánh niệm, biết hành chánh đạo, biết thiếu dục tri túc. Ai biết tôn trọng giới luật, kẻ đó biết tôn trọng Như Lai, kẻ đó không bao giờ sanh tâm điên đảo vọng tưởng với chư pháp. Sở dĩ Đức Phật dạy chúng đệ tử phải tôn trọng giới luật là vì chính nhờ giới luật mà Ngài đạt được Đại Niết Bàn, vì thế mà Ngài muốn chúng đệ tử của Ngài phải hỏi cho kỹ về giới luật trước khi Ngài nhập diệt. Ngài dạy: “Sau khi ta nhập diệt, các ông phải tôn trọng giới luật và y đó hành trì sẽ được giải thoát. Tôn trọng giới

luật chính là tôn trọng ta. Ta còn ở đời lãnh đạo các ông, sau khi ta nhập diệt người lãnh đạo các ông chính là giới luật, có giới luật chẳng khác nào đi trong đêm tối mà gặp được ngọn đèn sáng, quyết không bao giờ bị lạc đường. Các ông đã có giới luật phải nên vui mừng như được của báu. Phải biết rằng ‘giới luật là vị đạo sư sau này của các ông cũng như ta còn ở đời không khác vậy.’ Ngoài ra, ai biết lấy giới luật làm đạo sư trong cuộc sống cuộc tu, kẻ đó luôn có đủ khả năng định tĩnh và trí huệ để phá trừ ác nghiệp, từ đó luôn làm các việc lành, kẻ đó không bao giờ bị lầm đường lạc lối trên nẻo về đất Phật. Giới luật chính là nguyên lai của mọi công đức lành, là nơi an trụ yên ổn nhất cho mọi người. Từ giới sanh định và từ định mà phát huệ là tiến trình tất nhiên không thể nghĩ bàn của mọi người tu Phật. Chính nhờ giới luật làm rào cản mà chúng ta mới có khả năng ngăn chặn không cho ngũ dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc) tự do giao duyên kết bè với ngũ căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) để đêm ngày không chế và tiếp tục xô đẩy chúng ta vào bao nhiêu trạng huống tai hại thống khổ của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng để rồi cuối cùng thân tâm này tiếp tục trầm luân trong luân hồi sanh tử. Chính nhờ giới luật mà chúng ta không cho tâm này buông lung phóng dật; ngược lại luôn siêng năng tinh tấn điều phục cả thân lẫn tâm bằng cách khiến thân tâm trụ lại một chỗ, không cho chúng điên đảo vọng tưởng, không cho chúng chạy theo ngũ trần làm hại các công đức. Cũng chính nhờ giới luật mà chúng ta biết hổ thẹn, không làm những việc xằng bậy vì chính Đức Phật đã dạy: “Một con người có đầy đủ tình cảm và lý trí mà không biết kềm chế, để cho tình cảm hay bản tánh tự nhiên không chế lý trí làm điều xằng bậy, không biết hổ thẹn thì con người ấy cùng với loài cầm thú không khác chút nào vậy.” Thật vậy, chính nhờ biết hổ thẹn mà khi làm việc gì chẳng bằng người, chúng ta mới cố gắng cải thiện; khi làm việc xấu xa

đê tiện chúng ta mới biết xấu hổ chừa bỏ không dám tái phạm. Đối với người tu mà biết lấy giới luật làm thầy, người ấy luôn coi Pháp thân là huệ mạng trong đời tu tập. Dù không bỏ bê thân xác phàm phu, cũng không trau tria mà chỉ xem nó như là phương tiện tiến tu. Chính nhờ vậy mà con người ấy luôn trực tâm trực tánh chớ không đua nịnh vì những quyền lợi nhỏ nhen của phàm tình thế tục. Cũng chính nhờ thế mà con người ấy không ngã mạn cống cao, không mực hạ vô nhân, không khinh người thấp kém, không ganh ghét với những người hơn mình. Thật vậy, trong những lời di giáo cuối cùng, Đức Phật đã nói rõ về bảy thứ ngã mạn cống cao và sự tai hại của chúng: Lúc nào cũng tự cho mình là hơn người, cho mình hơn những người thấp kém hơn mình, những người bằng mình, những người hơn mình, vân vân. Lại nữa, đối với mình và những gì mình đang có mà sanh tâm khinh thị mọi người; hoặc giả thấy người vượt trội hơn mình mà sanh tâm oán ghét tự cao tự đại; hoặc giả vin vào những thành công tạm bợ của thường tình thế tục mà sanh tâm kiêu mạn. Phật dạy ngay cả hàng bạch y tại gia cũng phải luôn nghĩ rằng vạn pháp vô thường, chứ có cái gì hơn cái gì đâu để mà sanh tâm kiêu mạn? Huống là hàng xuất gia thoát trần đã cạo tóc nhuộm áo, mặc áo hoại sắc, mang bình khát thực mà còn sanh tâm kiêu mạn là chuyện không tưởng. Bởi thế Phật đã ân cần nhắc nhở rằng: “Tỳ kheo các ông! Phải biết người đời đa dục vì cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. Chỉ có cách không mong cầu ham muốn là không khổ não.” Người xuất gia thoát trần có thể không ham muốn mong cầu, nhưng người tại gia mà làm được chuyện này quả là thiên nan vạn nan. Thế nên Phật mới khuyên hàng bạch y tại gia rằng: “Dù hãy còn xông thẳng vào đời để mưu cầu sự sống, nhưng ai cấm các con thiếu dục tri túc? Các con phải luôn lấy pháp thiếu dục tri túc làm người dẫn lộ trên bước hành trình về quê hương Phật, vì pháp này là chỗ

vui vẻ và an ổn nhất cho mọi người. Người biết thiếu dục tri túc, tuy nằm dưới đất hay ăn cơm hẩm uống nước lã cũng thấy an vui. Ngược lại, kẻ không biết thiếu dục tri túc, dù ở thiên đường cũng không xứng ý.” Riêng với người xuất gia, Ngài khuyên như sau: “Tỳ kheo các ông! Phải biết người đa dục vì cầu lợi nên khổ não cũng nhiều; người thiếu dục, không mong cầu, không ham muốn nên không khổ não. Tỳ kheo các ông! Nếu muốn khỏi các khổ não, phải quán tri túc, vì pháp tri túc tức là chỗ giàu có, vui vẻ và an ổn. Người tri túc tuy nằm dưới đất cũng được an vui; người không tri túc dầu ở thiên đường cũng không xứng ý. Người không tri túc tuy giàu mà vẫn cảm thấy nghèo; người biết tri túc tuy nghèo mà giàu. Người không tri túc thường bị ngũ dục sai khiến.” Chính vì thế mà công đức thiếu dục tri túc được xếp là hai công đức hàng đầu trong tám công đức của bậc Thánh nhân xuất thế (thiếu dục, tri túc, xả bỏ, siêng năng, không quên chánh niệm, thiền định, trí tuệ và không hý luận). Thật vậy, chính nhờ thiếu dục tri túc mà mọi công đức lành đều được sanh ra. Lòng tham của chúng sanh, nhứt là con người, là vô cùng vô tận. Nếu chúng ta không biết thiếu dục tri túc thì sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nào để cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta được yên? Thiếu dục và tri túc phải song hành với nhau như hình với bóng. Chúng ta không thể nào nói thiếu dục mà không tri túc, hoặc tu tập tri túc mà không kèm bớt dục vọng. Có thiếu dục tri túc chúng ta mới không ưu bi tự tận trong lúc thất thời hoạn nạn, cũng như không nghinh nghinh tự đắc trong hồi đắc thế. Ngay nơi hạnh thiếu dục bình thường còn phải tu tập hướng là thiếu dục để sanh ra các công đức. Người thiếu dục thì không đua nịnh để làm vừa ý người khác, người ấy cũng không bị các căn dẫn dắt. Người tu hạnh thiếu dục tâm luôn thanh thản chứ không lo âu sợ hãi vì sự thiếu thốn vì lúc nào con người ấy cũng cảm thấy đủ. Rồi Đức Phật dạy tiếp: “Về công đức xả bỏ, Tỳ kheo các ông,

muốn cầu quả vị tịch tịnh vô vi an lạc, phải xa lìa chỗ ồn náo mà riêng ở nơi vắng vẻ. Người ở nơi vắng vẻ được chư Thiên kính trọng. Thế nên người tu phải bỏ bà con bầu bạn mà một mình ở chốn rảnh rang, lo tu để diệt trừ gốc khổ. Nếu thích ở chỗ đông người sẽ bị các sự phiền nhiễu. Thí như cây lớn phải bị lũ chim lót ổ, sẽ có mối lo khổ não, còn dính líu với thế gian tất bị chìm trong các khổ, thí như voi yếu mắc lầy, không thể tự ra được. Ấy là công đức xả bỏ.” Thật vậy, nếu đủ duyên xuất trần tu hành giải thoát thì nên xả bỏ mọi việc thế gian, chùa to nhà lớn chẳng những không giúp ích gì cho việc tu hành mà có khi nó còn góp phần đưa chúng ta đi nhanh về địa ngục hay tiếp tục lăn trôi trong tam đồ ác đạo nữa là khác. Nếu chưa đủ duyên xuất trần tu hành giải thoát, nếu cần cũng phải buông bỏ càng nhiều càng tốt vì càng ôm giữ tâm ta càng loạn động. Người tại gia, nếu chưa đóng cửa ẩn mình hay chưa tránh xa được chỗ đông người thì chỉ nên mở cửa khi cần hay chỉ đến chỗ đông người khi chẳng đang dừng vì công ăn việc làm. Trong thời pháp “xả bỏ” Đức Thế Tôn đã dạy: “Tịnh tu nơi chỗ vắng vẻ an nhàn không có nghĩa là trây lười biếng nhác mà chỉ vì không muốn bị nhiều người quấy nhiễu trong việc tu hành thế thôi.” Người tại gia hãy còn xông thẳng vào đời để mưu sinh và hộ trì Tam Bảo nên Đức Phật dạy: “Bạch y các con phải luôn lấy chánh mạng và chánh nghiệp làm kim chỉ nam trong cuộc mưu sinh.” Nếu tinh tấn siêng năng tu hành thì sự định tĩnh ắt phải có, từ đó như định mà sanh huệ là chuyện không thể nghĩ bàn. Ví bằng cứ chán nản trây lười, thì dù việc nhỏ thế mấy cũng không thể nào thành tựu được. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Tỳ kheo các ông! Nếu chuyên cần tinh tấn thì không có việc gì là khó, thế nên các ông phải chuyên cần tinh tấn. Thí như giọt nước chảy luôn có thể xoi thủng phiến đá. Nếu như tâm của hành giả thường thường biếng nhác bỏ bê chẳng khác nào kéo cây lấy lửa, cây chưa nóng mà ngưng, tuy

muốn được lửa, lửa cũng khó được. Ấy là công đức siêng năng.” Ngoài ra, trong Kinh Di Giáo, Đức Phật còn dạy về sự không quên chánh niệm như sau: “Tỳ kheo các ông! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, không bằng không quên chánh niệm. Nếu có người không quên chánh niệm, các giặc phiền não sẽ không vào được. Thế nên các ông thường phải nhiếp niệm tại tâm, nếu để mất niệm sẽ mất hết các công đức. Nếu niệm lực được vững chắc, tuy vào trong giặc ngũ dục cũng không bị chúng làm hại. Thí như mặc giáp vào trận thì không còn phải lo sợ điều gì. Ấy là công đức không quên chánh niệm.”

Qua những lời dạy của Thế Tôn trong những thời pháp trước khi Ngài nhập diệt, chúng ta thấy rằng tu hành tự thân là tối quan trọng, giáo pháp là kim chỉ nam, giới luật là đạo sư giúp chúng ta giữ chánh niệm cũng như dẫn dắt chúng ta về với chánh đạo. Người tu Phật không thể một phút một giây buông thả xa rời chánh niệm. Trên bước đường này nếu ta một phút buông lung không giữ giới là mất ngay chánh niệm. Một khi mất chánh niệm là tà niệm lập tức chen vào. Vì chánh niệm có thể đưa ta đi lên giải thoát và tà niệm có thể đẩy ta tiếp tục lăn trôi nên Đức Từ Phụ đã đặt nó lên trên thiện tri thức và thiện hộ trợ. Thật vậy, chúng ta có thể cầu thiện tri thức hay thiện hộ trợ giúp đỡ cách thức tu hành, chứ thiện tri thức không thể nào giúp ta trong việc giữ gìn chánh niệm được. Cũng chính vì thế mà Nhị Tổ Huệ Khả đã dạy: “Ta điều phục được tự tâm thì đâu có can gì đến việc của kẻ khác.” Và cũng chính vì thế mà Đức Phật đã dạy: “Kẻ giữ gìn được chánh niệm chẳng khác nào mặc áo giáp ra trận, vì nhờ có giáp sắt che chở cho nên không còn sợ bị giặc dữ làm hại.” Trong cuộc sống hằng ngày, tâm của chúng ta không cách chi là không bị tán loạn, do bởi tâm tán loạn này mà chúng ta dong ruổi trong lục trần ngũ dục để chịu các nỗi khổ đau phiền não. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Tỳ kheo các ông! Nếu

người nhiếp tâm thì tâm ở trong thiền định, vì tâm ở trong thiền định, nên có thể biết được pháp tướng sanh diệt trong thế gian. Thế nên các ông phải thường tinh tấn tu các thiền định, nếu được định rồi thì tâm không còn tán động. Thí như người giữ nước, khéo giữ đê điều. Cũng thế, hành giả vì nước trí huệ khéo tu thiền định khiến cho không bị chảy mất. Ấy là công đức thiền định.” Thật vậy, nếu không tu tập thiền định thì tâm viên ý mã này chắc chắn sẽ không để yên cho chúng ta thì làm sao mà trí huệ có thể phát sanh để cho chúng ta thấy được bộ mặt thật của vạn pháp mà phát tâm giải thoát? Thiền định và trí huệ là hai công đức gắn liền nhau trong tiến trình tu tập của các hành giả tu theo Phật, vì vậy mà trong Kinh Di Giáo, ngay sau nhấn nhủ về thiền định, Đức Phật đã liền dạy về trí huệ như sau: “Tỳ kheo các ông! Nếu người có trí huệ thì không có tham trước, thường tự tỉnh sát không để sanh ra tội lỗi. Thế là ở trong pháp của ta có thể được sự giải thoát. Nếu chẳng vậy, đã chẳng phải là bậc Đạo nhân, lại cũng chẳng phải là kẻ bạch y, không biết gọi là gì! Người có trí huệ chân thật, ấy là chiếc thuyền chắc vượt qua biển ‘lão bệnh tử,’ cũng là ngọn đèn sáng chiếu phá cảnh tối tăm mờ ám, là món thuốc hay trị tất cả các chứng bệnh, là lưỡi búa chặt đứt cây nghiệp phiền não. Thế nên các ông phải dùng huệ ‘văn tư tu’ mà tự làm cho thêm phần lợi ích. Nếu người có trí huệ chiếu soi, dù cho nhục nhãn cũng là người thấy được rõ ràng. Ấy là công đức trí huệ.” Thật vậy, ngay cả phàm trí mà còn có thể giúp ta tránh được những chướng ngại cũng như tránh được những điều xấu ác, huống là trí huệ sanh ra từ việc tu tập thiền định. Người có trí huệ thiền định thường biết suy xét kỹ càng, thường tỉnh thức chứ không để cho sự việc xảy ra hằng ngày lôi kéo mình tiếp tục đi vào con đường gây tội tạo nghiệp. Chính vì vậy mà Đức Phật đã nhiều lần nhấn mạnh rằng trí huệ là chiếc bè quý báu đưa chúng sanh ra khỏi biển sanh tử tử sanh. Trong

cuộc tu trì hằng ngày, nhờ có trí huệ mà chúng ta biết ‘văn tư tu’ và biết làm cái gì thiện biết buông bỏ cái gì ác. Nói gì thì nói, trong các kinh điển Phật giáo, Đức Phật luôn nhấn mạnh đến công đức không hý luận vì hý luận chẳng những không giúp gì cho chúng ta trong việc tu hành, mà còn góp phần làm cho tâm chúng ta thêm loạn động và đưa chúng ta đi nhanh về địa ngục. Chính vì thế mà trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Tỳ kheo các ông! Các thứ hý luận làm cho tâm mình rối loạn dù đã xuất gia vẫn chưa được giải thoát. Thế nên tỳ kheo phải mau dứt bỏ loạn tâm hý luận. Nếu các ông muốn được quả vui tịch diệt, duy phải khéo diệt trừ mối hoạn hý luận. Ấy là công đức không hý luận.” Với các bậc xuất gia thanh tịnh mà Đức Phật còn nhấn nhủ như vậy, người tại gia phải tự biết mình vốn dĩ đã loạn động nên phải càng tự nhủ lòng không nên hý luận. Tự tánh của mỗi chúng ta xưa nay vẫn hằng thanh tịnh chỉ vì bị tánh hý luận khuấy nhiễu nên lần lần tự tánh thanh tịnh ấy bị lôi kéo đi trái với bản tịnh. Tuy nhiên, sự quyết chí tu trì chấm dứt hý luận, dù hãy còn tại gia, vẫn giúp cho chúng ta lần lần tìm về cái “bản tịnh” sẵn có xưa nay của mình.

Trong thời Phật còn tại thế, lúc ấy khắp vùng xứ Ấn đang lâm cảnh hạn hán, thực vật thật là hiếm hoi. Thấy vậy Phật bèn cho phép Tăng đoàn được phép dùng tịnh nhục, nghĩa là được phép ăn những loại thịt không do chính mình giết, không thấy người giết, không thấy sự đau đớn của con vật khi nó bị giết, cũng như không nghĩ rằng con vật bị giết để cúng dường cho mình. Tuy nhiên, vài năm trước khi Phật nhập diệt, lúc ấy sự tấn tu của Tăng đoàn đã cao, Phật kêu hai chúng xuất gia lại mà khẳng định rằng: “Mấy ông tu hành theo Phật, luôn lấy lòng từ bi mẫn chúng làm đầu. Bấy lâu nay phần mấy ông hãy còn sơ cơ, phần hạn hán không tìm đâu ra thực vật nên ta mới cho phép mấy ông dùng tịnh nhục. Từ đây về sau, ai muốn tu hành giải

thoát rớt ráo phải rủ lòng bi mẫn, quyết không ăn bất cứ thứ thịt nào dù là tịnh nhục. Nếu bá tánh không biết vẫn cúng thịt cho mấy ông, mấy ông nên biết khéo chối từ, một vài lần sau, họ biết họ sẽ không cúng thịt nữa. Nếu không làm được như vậy thì bao nhiêu công đức tu hành ngàn đời của mấy ông sẽ trôi dần theo từng sớ thịt mà các ông nuốt vào bụng. Tỳ kheo các ông! Đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ các sự buông lung như tránh bọn giặc cướp. Những điều lợi ích, đức đại bi ta nói ra trước sau đã cạn, các ông phải siêng năng thực hành. Hoặc ở chốn núi non hoặc nơi đầm vắng, hoặc ở dưới gốc cây hay an dưỡng trong tịnh thất, đều phải ghi nhớ giáo pháp đã thọ chớ để quên mất, thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không để cho chết uổng, sau đến nỗi có sự ăn năn. Ta cũng như vị lương y biết bệnh mạch thuốc, uống hay không uống chẳng phải lỗi của y sư, lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi chỉ cho người đường tốt, nghe mà chẳng đi thì lỗi chẳng phải tại người chỉ đường. Tỳ kheo các ông, chớ ôm lòng sâu nảo, dù ta có trụ ở đời lâu đến một kiếp nữa, rốt cuộc rồi cũng phải hoại diệt, hợp mà không tan không thể nào được. Những pháp tự lợi lợi tha ta đều nói đầy đủ, dù ta có trụ lâu ở đời cũng chẳng ích gì. Những người đủ duyên được độ, hoặc ở cõi trời hoặc ở cõi người ta đều độ hết; còn những ai chưa được độ, ta cũng đều đã gây cho nhân duyên được độ, từ đây về sau các đệ tử của ta sẽ lần lượt nối truyền. Thế là Pháp thân của Như Lai thường còn mà không hề nhập diệt. Các ông phải biết cảnh đời vô thường, có hợp có tan, chớ sanh lòng sâu khổ, tướng thế gian là vậy. Phải chuyên cần tinh tấn sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí huệ diệt các nghi ám. Cảnh đời hư giả không gì bền chắc, ta nay nhập diệt như trừ được bệnh dữ. Đây là xác nên bỏ, là vật tội ác, giả gọi là thân, nó chìm đắm trong biển ‘sanh lão bệnh tử.’ Có kẻ trí nào trừ diệt được nó như giết được bọn giặc cướp mà chẳng vui mừng? Tỳ kheo các ông thường phải

nhất tâm siêng cầu đạo giải thoát. Tất cả thế gian dù cho Pháp động hay Pháp bất động đều là tướng bại hoại không an. Các ông hãy thôi! Không nên nói nữa. Thời giờ muốn hết rồi ta sắp diệt độ. Đây là lời dạy bảo cuối cùng của ta.” Lời dạy của Phật đã quá rõ ràng, không còn gì nữa để mà bàn với luận. Vấn đề ở đây là chúng ta có chịu y giáo phụng hành hay không mà thôi. Nếu ta thực tâm y giáo phụng hành thì chắc chắn thân chúng ta không tham đắm, khẩu không tranh biện và tâm ý sẽ luôn định tĩnh. Làm được như vậy, sự giải thoát sẽ đến ngay trong những giây phút hiện tại này. Ví bằng ngược lại, giới đã không giữ mà còn chủ tâm hý luận biện giải thì không chóng cũng chẳng, thân rồi sẽ tham đắm, khẩu rồi sẽ vọng ngôn vạy ngữ, tâm ý rồi sẽ điên đảo loạn động. Trong những lời di giáo cuối cùng, Phật đã nhấn mạnh ở hai điểm: trì giới và không hý luận. Ngài đã khẳng định với tứ chúng là công đức trì giới và không hý luận là hai công đức thù thắng nhất trong đời tu tập. Thế mới biết những gì mà Thế Tôn đã tiên đoán 26 thế kỷ về trước đang tuần tự xảy ra ngay bây giờ. Trong xã hội văn minh loạn động hôm nay, quá nhiều người lâu thông kinh sách, không phải để nhiếp tâm tu tập, mà là để nhàn đàm hý luận. Ngày xưa, tứ chúng vừa đủ đầy công đức trì giới và không hý luận thì con người hôm nay cũng đủ đầy hai thứ mà là hai thứ ngược lại với những gì Phật dạy: không trì giới mà hý luận. Xã hội hôm nay có những kẻ chưa hề giữ một giới, mà đi đâu đến đâu cũng tự xưng là Thiên sư Thiên thầy. Quý vị ơi! Với Ngài A Nan mà Phật còn khuyên dạy như vậy: “Hý luận là những lời nói đùa vô nghĩa và phi lý. Đối với đạo pháp, hý luận chẳng những không mang lại ích lợi gì, mà nó còn đìm con người vào biển loạn động.” Thật tình mà nói, lời dạy đó trên phải dành cho chúng ta mới đúng. Thật vậy, mọi người chúng ta hãy bình tâm suy gẫm lại mà xem, tâm này đã bao lần loạn động vì hý luận? Tự tâm tự tánh của chúng ta xưa

nay là thanh tịnh, nhưng vì vô minh xô đẩy chúng ta vào trò hý luận biện giải nên tâm tánh lần lần loạn động, nghĩa là xa lần bản thể chân như tự thở giờ của mình. Người con Phật phải nhiếp tâm tinh cần tu tập, phải trì giới theo luật và phải dứt khoát từ bỏ thói tánh nhàn đàm hý luận. Một ngày ta sống là một ngày thân ta hoại diệt, phải gấp rút cần tu như lửa đốt dầu, đừng để thân này nhờn như luống qua một kiếp, dù có hối tiếc cũng đã quá muộn. Hãy cố gắng lên hỡi những người con Phật!!!

500. HIẾU HẠNH CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Con người là một sinh vật cao tuyệt nhất trong mọi loài, chính vì thế mà con người có khả năng chế ngự hầu hết các loài khác. Con người tồn tại, tiến hóa và thăng hoa hưởng thượng, không chỉ bằng đầu óc thông minh sáng tạo ra khoa học kỹ thuật, mà còn bằng vào đạo đức đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Cũng chính vì thế mà những dân tộc Á Đông, nơi đặt truyền thống đạo đức lên trên tất cả với tôn ti trật tự gia đình và xã hội. Xã hội Việt Nam từ ngàn xưa đã mang nặng tính Khổng Nho, luôn nêu cao tam cương ngũ thường và người Việt Nam chúng ta may mắn cũng có được đủ đầy truyền thống đạo đức đó. Ngoài tôn ti trật tự trong gia đình và ngoài xã hội ra, dân tộc ta còn xem trọng lòng hiếu kính với ông bà cha mẹ nữa. Văn chương bác học cũng như ca dao truyền khẩu Việt Nam luôn ca tụng đến chữ “Hiếu.” Hiếu là trung tâm của mọi hành vi thiện ác của con người. Hiếu định rõ chân giá trị của con người và hiếu cũng chính là nền tảng của mọi hoạt động trong xã hội.

“Người tai mắt ở trong trời đất
Ai là không bác mẹ sinh thành
Gương treo đất nghĩa trời sinh
Ở sao cho xứng chút tình làm con.”

Hoặc: “Chữ Hiếu niệm cho tròn một tiết
Thì suy ra trăm nết đều nên
Chẳng xem thuở trước Thánh Hiền

Thảo Hai Mười Bốn, thơm nghìn muôn thu.”

Thật vậy, không riêng gì ở Trung Quốc mà nước ta, dù đã trên ngàn năm bị giặc Tàu đô hộ và ngót trăm năm bị giặc Tây dày xéo, dân ta cũng không quên nguồn gốc của tổ tiên ông bà để lại với truyền thống đạo đức từ ngàn xưa, lịch sử đã minh chứng không thiếu những tấm gương hiếu nghĩa của tiền nhân.

Từ đời các vị Vua Hùng dựng nước đến thời cận đại, trong văn chương bác học cũng như bình dân, qua những tác phẩm nổi tiếng như Nhị Thập Tứ Hiếu của Lý Văn Phức, Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi, Phạm Công Cúc Hoa, truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du, Chinh Phụ Ngâm, đến ca dao tục ngữ cũng nói nhiều về mẹ cha và hiếu hạnh. Kịp lúc đạo Phật du nhập vào nước ta vào những năm đầu Tây lịch, dân tộc chúng ta lại được thừa hưởng thêm “hiếu hạnh của con nhà Phật.” Trong các kinh điển, Đức Phật luôn dạy cho chúng đệ tử của Ngài: “Thiên kinh vạn quyển, hiếu nghĩa vi tiên.” Thật vậy, dù thuộc bất cứ tôn giáo nào chứ không riêng gì Phật giáo, dù sang dù hèn, dù giàu dù nghèo, đối với dân tộc Việt Nam, hiếu hạnh là gốc. Hiếu là trên hết, hiếu là tất cả. Làm con người, như là người đã sanh ra và lớn lên trong cái nôi của văn hóa Việt Nam, thì phải tròn hiếu đạo, phải nhớ ơn nhớ nghĩa và phải đền trả những ơn nghĩa ấy. Trong Phật giáo có “tứ ân” (ân Tam Bảo, ân cha mẹ thầy tổ, ân thiện hữu tri thức và ân chúng sanh) thì ân cha mẹ thầy tổ chỉ đứng sau ân Phật. Trong Tứ Thư, Đức Khổng Tử cũng dạy: “Phụ hề sanh ngã, mẫu hề cúc ngã, ai ai phụ mẫu, hạo thiên vãng cực.” Cha mẹ sanh dưỡng cực nhọc, muốn đáp đền đâu có với lên tới trời cũng không cùng cực được. Công ơn cha mẹ thật cao dày, đâu chúng ta muốn đáp đền cũng không sao đền đáp được. Cho dù chúng ta đang là gì gì trong xã hội, không có hai bậc sanh thành này, há thân này, danh này, vị này có được hay sao? Chính vì thế mà Đức Phật đã dạy: “Phụ mẫu tại đường như Phật tại thế.” Đức Phật là bậc đại giác, đã để lại cho nhân loại con đường giải thoát với cả một kho giáo điển minh mông vô cùng vô tận, thế mà Ngài còn dạy như vậy. Hiếu kính với cha mẹ là đã hiếu kính với chư Phật. Sinh ra trong thời không có Phật, thì Phật dạy rằng chính cha mẹ hiện tiền của chúng ta là Phật. Thật vậy, không có mẹ cha thì không có ta. Từ khi thụ thai đến lúc chào

đời, rồi lớn dần theo năm tháng, cha mẹ chúng ta đã bao lần lo âu hồi hộp, đã bao lần ngậm đắng nuốt cay, bao lần rơi lệ, bao lần buồn phiền, bao lần hy vọng thất vọng. Cha mẹ đã đổ dồn hết thân lực trí lực cho con và vì con. Mẹ cha đã đem hết quãng đời thanh xuân để thương yêu bảo bọc con cái. Tình cha nghĩa mẹ nếu lấy biển Thái Bình hay núi Thái Sơn ra ví cũng không tày nào sánh kịp. Mẹ cha là gió mát tinh anh, là tàng cây che mát cho chúng ta trong suốt cuộc đời. Mẹ là hoa, là hương, là nguồn cội của mọi yêu thương. Mẹ cha vì con cái mà quên cả thân mình, vì con cái mà gây tội tạo nghiệp, vì con cái mà ngay cả những nhục nhằn các người cũng không quản. Thật tình mà nói, không có bút mực nào có thể diễn tả hết được cái tình cha nghĩa mẹ sâu dày ấy, không có ngôn từ lời nói nào có thể nói cho cùng sự hy sinh của cha mẹ đối với con cái. Ông cha như trời cao cùng tốt, nghĩa mẹ như sông dài biển rộng. Khi con còn thơ dại thì chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn. Khi trái gió trở trời mẹ cha phải thay phiên nhau thức trông chừng con suốt đêm. Tiếng khóc của con là tiếng nấc của mẹ. Khi con bệnh hoạn thì chính tiếng rên khóc của con làm cho mẹ ruột thắt từng cơn, làm cho cha phải chạy ngược chạy xuôi lo tìm thang thuốc. Ngược lại, tiếng cười của con là tiếng cười của mẹ, là niềm vui của cha, khiến cho cả cha lẫn mẹ đều quên hết những nỗi ưu phiền cực nhọc. Con dù lớn thế mấy thì con vẫn là con của cha của mẹ, từng bước chân con đi, từng tuổi đời con qua là từng nhịp thở con tim của cha của mẹ. Cha mẹ buồn vui theo con và sống cho con. Vì con mà lắm khi cha mẹ phải chịu tủi chịu nhục, phải chạy đôn chạy đáo, phải hạ mình van xin cầu khẩn, hay cúi luồn thiên hạ. Tình cha nghĩa mẹ là một thứ tình nghĩa bao la cao cả, một thứ tình mệnh mệnh, dào dạt, rộng sâu, vô biên; một thứ tình mà trời có cao cũng không cao bằng, biển có sâu cũng không sâu bằng tình nghĩa mẹ cha cho con. Ngoài chín tháng cưu mang, ba năm

bú mớm của mẹ, và công ơn dưỡng dục cù lao của cha, hai đấng sanh thành còn cả đời lầm lũi nuôi con. Vì con mà mẹ thức cha canh, năm canh chầy có khi phải thức đủ vừa năm. Vì con mà chỗ ướt mẹ nằm, dành chỗ ráo con lăn. Vì con mà mẹ cha phải ngậm đắng nuốt cay... Còn nhiều thứ vì con mà mẹ cha phải hy sinh lắm. Khi con khỏe mạnh, ăn mau chóng lớn thì cha mẹ nhìn con mà lòng rộn lên niềm hân hoan hạnh phúc. Rủi khi con đau yếu bệnh hoạn thì lòng mẹ xót xa, lòng cha đau thắt. Trên đời này không có thứ tình nào bao la vô tận như tình cha nghĩa mẹ. Chính vì thế mà có câu ca dao ca tụng tình mẹ, mẹ dám hy sinh cả mạng sống chính mình để cứu con, như chuyện “Anh Phải Sống.” Lúc thập tử nhất sinh mà người mẹ vẫn gào lên cho chồng nghe được: “Cái nhón, cái Bé, thằng Bò... anh phải sống.” Còn sự hy sinh nào hơn sự hy sinh này hở quý vị? “Có gì ngon bằng cơm với cá, ai thương ta cho bằng má với con.” Thật vậy, mẹ cha sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm hiu cay đắng để mang về chỉ một chất cam lồ dịu ngọt cho các con. Mẹ cha sẵn sàng dầm sương dãi nắng, mua tần bán tảo, nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn đi chơi, thậm chí bệnh hoạn mà cha mẹ cũng chẳng dám thuốc thang vì tất cả tiền kiếm được chỉ dành cho các con chứ không có khoản nào dành cho cha mẹ. Cha mẹ chẳng những dành trọn cho con tấm thân mà cả tâm hồn của các người vẫn luôn luôn nghĩ tưởng đến con. bất cứ đâu, bất cứ trường hợp nào, dù trong hoàn cảnh nào, dù sướng dù khổ, dù giàu dù nghèo, dù cận kề hay xa cách vạn dặm, lúc nào hình bóng các con cũng in sâu trong lòng mẹ cha, từng bước chân con đi, từng tuổi đời con qua là từng nhịp thở con tim của cha của mẹ. Tình cha nghĩa mẹ là một thứ tình nghĩa thiêng liêng cao cả, có nói cũng không cùng, có viết cũng không cạn. Chính vì thế mà người Tích Lan (xứ xem Phật giáo là quốc giáo) có một phong tục rất dễ thương. Mỗi tối sau khi đọc kinh xong, người con thường đến quỳ bên gối mẹ mà thưa rằng: “Thưa

mẹ, mẹ là người không thể dùng ngôn ngữ của loài người để diễn đạt. Cũng như không thể lấy tiếng người để nói lên được bao nhiêu đau đớn khổ nhục, bao nhiêu phiền muộn lo âu mà mẹ phải chịu ngay từ ngày mẹ mang con vào lòng. Thưa mẹ, con chắp hai tay lên trán, khấu đầu quỳ lạy dưới chân mẹ để tỏ lòng tôn kính và để cầu xin mẹ tha thứ những lỗi lầm của con. Nhớ lại khi con khóc tức tưởi thì mẹ ẵm, mẹ dỗ, mẹ ru con ngủ với tình thương vô hạn cho đến những vật dơ dái của con mà mẹ cũng không nhờm gớm và không ngần ngại lấy tay bốc lên quan sát mỗi khi con ươn yếu. Thưa mẹ, đáp lại công ơn như trời cao và tình thương như biển cả của mẹ, con hết lòng cầu nguyện cho mẹ sớm thành Phật để mẹ bủa rộng lòng thương vô tận của mẹ đến khắp cả chúng sanh đang đau khổ.” Lễ mẹ xong rồi lễ cha, cũng cung kính bảm cha những điều như trên. Sách sử Thánh Hiền cũng như ca dao bình dân thường tán thán ca tụng công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Tình cha nghĩa mẹ đối với con như suối nguồn tuôn chảy không ngừng. Cha mẹ đến với các con và trao hết tất cả những gì mình có, trao trọn vẹn không đòi hỏi, không đong đo tính toán:

“Một đời vốn liếng mẹ trao,
Mẹ cho tất cả, mẹ nào giữ riêng,
Mẹ hiền như một bà tiên,
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.”

Hoặc: “Cha mẹ cho con một cuộc đời
Mối tình sâu kín trong lời dạy khuyên
Lòng cha nghiêm nghị thiêng liêng
Cho con lẽ sống giữa miền trần gian.”

Hoặc: “Ba giành hết những đắng cay
Cho con vị ngọt những ngày ấu thơ
Ba giành đỉnh núi mây mờ
Cho con đường rộng bây giờ con đi.”

Hoặc: “Mẹ là dòng suối dịu hiền
Mẹ là bài hát thần tiên
Là bóng mát trên cao
Là mắt sáng trăng sao
Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối.”

Tình mẹ đối với con là thế, còn cha dù không có lời ru dịu ngọt như mẹ, nhưng cha đã giành hết những nghiệt ngã đắng cay của cuộc đời để nhường hết cho con những hương vị ngọt ngào trong cuộc sống. Cha là núi cao hùng vĩ che chắn hết những cơn giông tố bão bùng. Cha nhận hết những lẫn roi rướm máu của đời cho thân con được tròn vẹn. Cha là ánh thái dương soi sáng tâm hồn con, không có cha tương lai con là đêm tối mịt mù. Thật vậy, “còn cha gót đỏ như son, đến khi cha mất gót con lấm bùn.” Tuy bề ngoài cha nghiêm khắc nhưng sâu thẳm trong nội tâm cha là cả một đại dương yêu thương dịu ngọt. Rất nhiều cảnh gà trống nuôi con của cha thật là thảm thiết, nhưng cha vẫn cố gắng đóng tròn vai vừa mẹ vừa cha:

“Đêm nằm nước mắt nỉ non
Con ơi đừng khóc, mẹ con khuấy rồi
Cha bỗng lại dỗ một hồi
Mà con không nín, khóc rồi lại la
Nghiêng mình cha bứt nút ra
Con ơi! Con bú vú cha đỡ lòng!”

Còn tình thương nào cao hơn tình cha nghĩa mẹ? Với tình yêu thương vô bờ vô bến của cha mẹ đó, không một bảo vật nào ở trên đời này có thể sánh được. Ân đức của cha mẹ cho con cao hơn Thái Sơn, rộng hơn Thái Bình. Cha mẹ luôn luôn mong muốn cho con mình rời khổ được vui. Cha mẹ luôn theo con từng bước, như bóng với hình. Cha mẹ luôn chấp nhận làm cái bóng của con dù chỉ là cái bóng mờ.

Ngày nay, mùa Vu Lan, mùa Báo Hiếu theo truyền thống Phật giáo, không còn nằm trong phạm vi thuần túy tôn giáo nữa, mà Vu Lan đã trở thành mùa của vạn triệu con tim Việt Nam, nó đã trở thành phổ cập trong mọi tầng lớp dân chúng, từ trong quốc nội cũng như nơi hải ngoại. Nói về truyền thống hiếu hạnh nhân ngày vinh danh thánh Di Sản Á Châu Thái Bình Dương, Tổng Thống George W. Bush cũng đã gửi thư vinh danh truyền thống cao đẹp ấy như sau: “Tại gia đình quý vị, mỗi thế hệ lớn lên đều được hưởng dẫn bởi những giá trị đạo đức tốt lành, con cái hiếu kính ông bà cha mẹ. Nhân ngày Di Sản Á Châu Thái Bình Dương, tôi xin vinh danh truyền thống cao đẹp ấy.” Một vị Tổng Thống của một cường quốc bậc nhất về khoa học kỹ thuật mà còn phải vinh danh truyền thống hiếu hạnh cao đẹp ấy. Chúng ta, nhứt là những người con Phật, dù phải quay cuồng trong cuộc sống hôm nay thế mấy, dù phải lao tâm khổ trí thế mấy, dù không hoàn toàn giữ được những gì cao đẹp nhất của truyền thống hiếu hạnh, nhưng hãy tùy hoàn cảnh, tùy phương tiện sẵn có mà báo hiếu để một mai hai đấng sanh thành có khuất núi, chúng ta không phải một đời ân hận. Mùa Vu Lan vẫn là những giây phút chạnh lòng của những đứa con hiếu thảo. Ngay cả những người tuổi đã xế bóng vẫn phải chạnh lòng nhớ đến những điệu hát ru con dịu dàng năm xưa của mẹ. Dù lưu lạc giang hồ nơi đất khách quê người, nơi không có lấy một tiếng nói quen thuộc, lúc nào những câu ca dao bình dân về tình cha nghĩa mẹ vẫn văng vẳng bên tai.

“Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra,
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”

Hoặc: “Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau.”

Hoặc: “Còn cha còn mẹ như tiên,
Mất cha mất mẹ như chim lạc đàn.”

Hoặc: “Mẹ là biển, mẹ là trời
Hy sinh tất cả một đời vì con
Sông dù cạn, đá dù mòn
Tấm lòng của mẹ vẫn còn mênh mông.”

Thói thường, chúng ta vẫn biết “còn cha còn mẹ như tiên, mất cha mất mẹ như chim lạc đàn,” nhưng có khát đến cùng cực, khi gặp nước mới thấy nước là quý hơn cả kim cương vàng bạc. Những ai đã từng vượt biên trên những con thuyền nhỏ mong manh đều đã kinh qua việc này. Cũng như vậy, khi cha mẹ còn đủ đầy, dù các người có lo lắng thương yêu chúng ta thế mấy, chúng ta vẫn không trân quý. Đến khi mất cha mất mẹ, chúng ta mới cảm thấy mất cả bầu trời hạnh phúc. Chính một Đại Thiên Sư như sư ông Nhất Hạnh mà còn phải thốt lên một câu bất hủ trong tác phẩm “Bông Hồng Cài Áo” của Ngài: “Dù lớn thế mấy mà mất mẹ coi như không lớn, vẫn cảm thấy bơ vơ lạc lõng như một trẻ mồ côi.” Thật tình mà nói, bốn phận báo hiếu của chúng ta là bốn phận thiêng liêng cao cả và sự báo hiếu là liên tục chứ không phải một ngày một bữa, không phải đợi đến ngày mẹ, ngày cha hay đến mùa Vu Lan mới báo hiếu. Ai trong chúng ta cũng nên luôn nhớ:

“Ân cha nghĩa mẹ ơn đền

Không phương báo đáp cho vừa sức đâu!”

Thật vậy, không cách chi mà chúng ta báo đáp cho vừa được tình cha nghĩa mẹ. Rất có thể lắm khi Cha mẹ đã vì chúng ta mà gây tội tạo nghiệp. Một khi đã tạo nghiệp thì không nhưt thiết phải đợi đến lúc chết mới bị đọa vào địa ngục, mà ngay trong đời này kiếp này vẫn chịu những dày vò cắn rứt của lương tâm, lắm khi phải điên loạn vì những cắn rứt này. Chính vì thế mà con người hiếu tử luôn canh cánh bên lòng nỗi khổ đau của cha mẹ,

dù cha mẹ vẫn còn hay đã khuất núi. Trong Kinh Báo Ân Phụ Mẫu, Đức Phật đã dạy: “Nói về công lao chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm và cả đời tận tụy lo cho con cái, ân ấy của mẹ cha, có nói cũng không cùng, có đáp cũng không cạn. Nếu hai vai cõng vác mẹ cha, đi giáp vòng hòn núi Tu Di trong vô lượng kiếp, ƠN kia cũng khó đền.” Cổ nhân ta cũng dạy: “Cây có cội, nước có nguồn. Làm người ai cũng có tổ tiên cha mẹ.” Cây mà bị nhổ bật cội rễ thì cây sẽ chết, làm người mà quên công ƠN tổ tiên cha mẹ thì con người ấy không còn là một con người trọn vẹn nữa. Công ân cha mẹ như biển hồ lai láng thế ấy, không biết lấy gì đền trả cho xiết, thế nhưng trong xã hội hôm nay, hãy nhìn lại mà xem, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày. Chúng ta đang sống trong thế kỷ 21, không cứ gì cứ phải ôm mãi những định kiến lỗi thời của thời phong kiến xa xưa như “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (nghĩa là bất hiếu có ba thứ mà không con nối dõi là một đại bất hiếu), hay tam cương ngũ thường (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, hãy lắng lòng nhìn lại để thấy công lao trời biển của cha mẹ không chỉ nơi một nắng hai sương và suốt đời tần tảo ngược xuôi, lo cho con từ manh quần tấm áo, thuốc men, vân vân mà cha mẹ luôn cả đời tận tụy hy sinh. Ngoài ra, cha mẹ nào cũng quyết tâm quyết chí dạy dỗ cho con cái được thành nhân chi mỹ. Lắm khi khi đã thành nhân chi mỹ thì con cái lại quay ra chê bai cha mẹ là quê mùa, thậm chí bỏ bê không ngó ngàng gì đến mẹ cha. Rất nhiều trạng huống như vậy đã xảy ra, nhưng cha mẹ vẫn nhẫn nại, âm thầm chấp nhận hoàn cảnh phũ phàng chứ không một lời than trách, miễn sao nhìn thấy con mình an vui hạnh phúc là các người vui mừng. Trong những trạng huống quái quăm đó, cha mẹ phải ngậm cay nuốt đắng chứ không dám thố lộ cho ai biết về sự vô nghì bất hiếu của con mình. Trái lại, khi gặp người thân quen cha mẹ lúc nào cũng

khen lấy khen để con mình, nào là con tôi giỏi, con tôi ngoan, con tôi hiếu thảo, vân vân. Thật là tội nghiệp cho cha mẹ mình quá hở quý vị! Quý vị có còn nhớ không hồi nhỏ những lúc làm việc trái quấy bị cha mẹ rầy la dạy dỗ thì chúng ta hay giận hờn các người, nhưng các người thì bao giờ cũng rộng lượng bao dung.

“Nâng niu con lúc đổi hờn

Dịu dàng mắt mẹ khuyên lớn ngọt ngào.”

Cũng chính nhờ sự hy sinh cao cả ấy của mẹ cha mà thế hệ này nối tiếp thế hệ kia phát triển và tồn tại trong truyền thống cao đẹp. Dĩ nhiên bốn phận làm con là phải luôn nghĩ đến sự dưỡng nuôi và hiếu kính khi các ngài ở tuổi xế chiều. Cho dù hoàn cảnh có như thế nào đi nữa, bốn phận làm con cũng không được một phút một giây xao lãng. Theo truyền thống Á Đông chúng ta thì quan hệ mẹ cha con cái gần như là mối quan hệ tự nhiên. Cha mẹ sanh con phải nuôi nấng dạy dỗ, khi con cái thành nhân chi mỹ phải hiếu kính đáp đền. Người xưa có nói, khi đã thành nhân chi mỹ mà còn có cha mẹ để phụng dưỡng hiếu kính là một đại hạnh. Tuy nhiên, trong xã hội bận rộn hôm nay, lắm khi con cái cho rằng “hiếu” với cha mẹ là có thể nuôi được các người, nuôi bằng cách mượn người chăm sóc, hoặc nuôi bằng cách đưa các người vào viện dưỡng lão, trả tiền mọi chi phí, rồi thỉnh thoảng ghé lại thăm với gói quà hay bó hoa. Như thế có đủ có tròn chữ hiếu chưa hở quý vị? Các bậc cha mẹ già yếu chắc không cần ở con cái nhiều tiền lắm bạc, hoặc cung phụng cao lương mỹ vị đâu. Cái mà các người cần là lòng hiếu kính, sự yêu thương an ủi. Thật tình mà nói, nếu chỉ nuôi mà không tỏ lòng kính trọng, thì khuyến mã cũng làm được quý vị ạ! Có người đổ thừa cho hoàn cảnh xã hội nên họ không có thì giờ chăm sóc mẹ cha. Đồng ý cuộc sống trong xã hội hôm nay thật là chật vật, con người chúng ta phải quần quật suốt ngày nên khó mà sống theo

truyền thống cổ truyền của dân tộc, nhưng nói rằng vì cuộc sống chật vật hôm nay mà không phụng dưỡng cha mẹ được, theo thiển ý chỉ là một lối nguy hiểm của những kẻ đang chạy theo cuộc sống vô hồn mất gốc. Trừ phi chúng ta sống lang bạt giang hồ, sống bụi đời vất vưởng, không nơi trú ngụ thì không nói, còn thì xin đừng tiếp tục nguy hiểm nữa. Dù chúng ta đang sống ở đâu, quốc nội hay hải ngoại, dù phải đương đầu với cuộc sống chật vật, phải chạy đua với thời gian để theo kịp đà của xã hội tiên tiến hôm nay, nhưng không vì vậy mà chúng ta xao lãng tình cha nghĩa mẹ, không vì vậy mà chúng ta sống bất hiếu bất kính với ông bà cha mẹ. Hãy cùng nhau ôn lại những câu ca dao thật dễ thương được truyền khẩu trong dân gian Việt Nam chúng ta:

“Câu thơ ba chữ rành rành
Chữ Trung, chữ Hiếu, chữ Tình
Chữ Trung là để phần Cha
Chữ Hiếu phần Mẹ, riêng ta chữ Tình.”

Hoặc: “Ân Cha cao lớn rộng dài
Nghĩa Mẹ to tát khó lời tỏ phân
Hiếu là bốn phận phải cần
Phụng thờ Cha Mẹ vẹn phần đạo con.
Một lòng giữ dạ sắt son
Dù cho biển cạn non mòn chẳng phai.”

Hoặc: “Ân Cha nghĩa Mẹ cao dày
Ví như trời biển hàng ngày chớ quên
Dù ai có được tuổi tên
Nhờ ân Cha Mẹ mới nên phận mình
Hiếu Trung cần phải giữ gìn
Danh thơm tiếng tốt lưu nghìn đời sau.”

Hoặc: “Ân Cha nghĩa Mẹ công đền
Làm sao đền trả ân này cho xong
Làm người phải biết tỏ tông

Ân Cha nghĩa Mẹ và công ơn Thầy.”

Hãy tự ôn lại chính mình xem coi mình đã làm được gì cho cha mẹ mình rồi hẳn nói. Dĩ nhiên, khi mẹ cha già yếu thì các người chẳng những chân yếu, tay run, mắt mờ, tai điếc, mà lắm khi các người rất ư là lảm cẩm. Lắm khi các người nói chuyện không đầu hay bàn chuyện không có, nhưng theo luật “vô thường” chúng ta rồi cũng sẽ như các người, không sai chày. Thấy vậy để chúng ta có thể tiếp tục giữ được sự tôn kính các người dù các người có lú lẫn. Có những trường hợp cha mẹ lâm bệnh kinh niên và trở thành gánh nặng cho gia đình, nên các người bị đẩy vào nhà dưỡng lão hay bị bỏ nằm một xó trong nhà không ai ngó ngang tới. Quý vị ơi! Hãy nhớ lại xem có phải những bàn tay run rẩy hôm nay đã từng nâng niu, dẫn dắt và tập cho chúng ta đi từ những bước đi đầu đời không quý vị? Chính đôi mắt mờ của các người ấy đã có một thời tinh anh để bao bọc cho chúng ta nên hình nên vóc, phải không quý vị? Chính đôi tay gầy guộc của mẹ hôm nay đã có lần dang rộng ra che chở hết cho các con của mẹ, phải không quý vị? Thân xác tàn tạ của các bậc sanh thành hôm nay không tự nhiên mà bị tàn phá dữ dội như thế, chính hình hài của chúng ta đã góp phần đẩy mạnh tiến trình tàn phá ấy quý vị ơi! Hãy thử suy gẫm lại xem, từ một bào thai, mẹ phải chín tháng cưu mang trong lòng, cha phải làm việc vất vả như thế nào chúng ta mới được chào đời. Đến khi chào đời, mẹ còn phải vất vả hơn với ba năm bú mớm, cha phải cật lực hơn với nhiều nhu cầu vật chất mà gia đình đòi hỏi. Ngay cả lúc ăn lúc nghỉ, hề con la khóc là mẹ lập tức ngưng bữa hay tốc dây chạy lại bên con. Khi con phóng uest trên người, mẹ chẳng những không cảm thấy khó chịu mà còn vui mừng khi thấy con mình tiểu tiện điều hòa. Ôi còn tình cảm nào cao tuyệt hơn tình cha mẹ cho con! Hoàn cảnh gia đình dù có cơ cực thế mấy, thì cha mẹ thà cam chịu, thà nhịn bớt phần ăn, nhịn bớt đi những thú tiêu

khiển để đổ dồn hết lo cho các con được no ấm. Ăn thì các người chỉ ăn những gì thừa mứa, còn cái nguyên vẹn ngon hảo thì dành trọn cho các con. Nằm thì các người nằm khoảng chiếu rách hay nằm chỗ ướt, còn phần chiếu tốt khô vẫn luôn dành cho các con. Mỗi khi con cái đau ốm là các người phải nằm canh chầy thức đủ vừa nằm để chăm sóc mà không một chút phiền hà. Mẹ cha đã nuôi dưỡng con cái bằng chính sức lực của mình, bằng những đêm thức trắng của mẹ, bằng những giọt mồ hôi nhuế nhại của cha. Chính vì vậy mà cổ nhân có nói: “Lên non mới biết non cao; nuôi con mới biết công lao mầu từ.” Nhưng quý vị ơi! Đợi đến phiên mình nuôi con thì lắm khi cha mẹ đã không còn, như kinh nghiệm của cổ nhân đã để lại: “Tiếc thay cha mẹ không còn, để lo phụng dưỡng cho tròn đạo con.” Như vậy ngay trong những giây phút hiện tại chúng ta hãy vận dụng tất cả những thời gian có được để phụng dưỡng mẹ cha. Bốn phận làm con không chỉ phụng dưỡng mẹ cha bằng cơm áo tiền bạc là đủ, vì cơm áo tiền bạc chỉ là phần vật chất tầm thường. Người con hiếu thảo phải luôn tôn kính mẹ cha dù trong bất cứ trường hợp nào. Ngoài vấn đề phụng dưỡng vật chất, chúng ta còn phải khuyến tấn cha mẹ tin tưởng nhân quả và vun trồng cội phúc, và luôn cố gắng làm tinh thần các người được thanh thản trong lúc tuổi già bóng xế. Theo triết lý Khổng Mạnh, bất hiếu không chỉ là không phụng dưỡng mẹ cha không thôi. Những kẻ sống cuồng sống vội, sống vô đạo đức làm cho mẹ cha buồn phiền đau khổ, cũng là những kẻ vô nghì, bất hiếu, bất nghĩa. Theo Phật giáo, những kẻ biết cha mẹ không tin nhân quả mà không khuyến tấn các ngài tu tâm dưỡng tánh hay làm điều phước thiện cũng là những con người bất hiếu. Cũng theo truyền thống Phật giáo, mùa Vu Lan không chỉ để tưởng nhớ công ơn sâu dày của mẹ của cha, mà còn để ôn lại công đức của các bậc tiền nhân đã có công dựng nước, giữ nước và duy trì nòi giống đến hôm nay, để phát lòng từ bi

thương xót chúng sanh mọi loài, để san sẻ tình thương tình người đến với tất cả mọi người. Vu Lan còn là mùa “Xá tội vong nhân” theo Phật giáo, ngày mà mọi người nên lấy ân báo oán, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, lấy lòng quảng đại bao dung đối lại với những ty hiềm ganh ghét.

Những tấm gương hiếu thảo của người xưa hãy còn rạng ngời trong truyền thống Á Đông chúng ta. Ngày xưa, Thầy Tử Lộ lúc còn hàn vi đã đội gạo đường xa để nuôi mẹ già. Thế nhưng đến khi công thành danh toại thì mẹ cha đã đều quá vãng. Thầy đã phải ngậm ngùi than thở: “Mộc dục tịnh nhi phong bất đình! Tử dục dưỡng nhi thân bất tại.” Sự đời thường trở trêu như vậy đó quý vị ơi ! Cây muốn lặng mà gió chẳng chịu ngừng. Người hiếu tử muốn nuôi cha mẹ, nhưng không còn đâu nữa cha mẹ để mà nuôi! Trong Nhị Thập Tứ Hiếu có chuyện Thầy Mẫn Tử Khiên lúc thiếu thời, mẹ mất sớm, bị người dì ghẻ đối xử ác nghiệt tàn nhẫn. Mùa đông bên miền bắc Trung Hoa lạnh rét căm căm, trong khi cho hai con ruột mặc áo bông đắp mền dày, thì bà chỉ cho Mẫn Tử Khiên một manh áo mỏng. Khi Mẫn Tử đẩy xe cho cha đi dạo, vì rét run nên té quy. Người cha hỏi ra mới biết Mẫn Tử bị dì ghẻ đối xử tàn độc nên cha ông định đuổi bà dì ghẻ đi. Mẫn Tử vội thưa: “Thưa cha, nếu cho dì con ở lại thì chỉ một mình con chịu rét buốt, chứ dì con bị đuổi đi rồi thì cả ba anh em chúng con đều phải chịu rét buốt.” Bà dì ghẻ nghe vậy biết lỗi, từ đó về sau ăn năn và đối xử với Mẫn Tử như con ruột. Lòng hiếu thảo của Mẫn Tử đã cảm hóa được người mẹ ghẻ ác độc. Thời Chiến Quốc bên Trung Quốc có đệ tử của Đức Khổng Tử là Thầy Tăng Sâm, người nước Lỗ, nhà rất nghèo. Thuở thiếu thời ông thường đốn củi, cày ruộng để phụng dưỡng cha mẹ. Mặc dù khó nhọc nhưng lúc nào ông cũng vui vẻ và luôn làm tròn bổn phận hiếu hạnh với song thân. Vua nước Lỗ nghe danh ông nên muốn ban cho bổng lộc, nhưng Tăng Sâm

tuyệt nhiên từ chối. Ông nguyện sống bình thường, làm những công việc bình thường, tự tay tạo ra vật chất để nuôi dưỡng song thân. Chúng ta hãy suy gẫm chuyện Thầy Tăng Sâm để thấy rằng không cần phải đợi đến khi giàu có hoặc có quyền thế rồi mới làm tròn hiếu hạnh. Thấy như vậy để trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng tùy duyên tùy cảnh mà làm tròn bổn phận một con người hiếu hạnh. Chính vì thế mà Lữ Vọng, một gương hiếu hạnh cao tuyệt khác không kém gì Thầy Tăng Sâm, đã dạy: “Có hiếu với cha mẹ thì con cái có hiếu với mình không sai khác.” Đây cũng chính là tinh thần “Nhân Quả” trong đạo Phật. Nếu chúng ta không làm tròn bổn phận với mẹ cha thì hậu quả là con cái của mình sẽ làm khổ mình, bởi tự mình đã vô nghì bất hiếu thì làm sao biểu con cái có hiếu đây? Chuyện “Người hiếu thuận sanh con hiếu thuận; người ngỗ nghịch sanh con ngỗ nghịch” là chuyện tất nhiên không ai chối cãi được. Hãy nhìn những giọt nước mưa từ trên mái nhà rơi xuống thềm, từng giọt từng giọt, giọt sau chẳng sai khác giọt trước. Cũng như vậy, hễ cha mẹ thế nào thì sanh con thế ấy. Không nói đâu xa, trong lịch sử thế giới cận đại, ai trong chúng ta cũng đã từng nghe nói đến ông U Thant, cựu Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc vào thập niên 1960s. Ông là một nhà chính trị tài ba lỗi lạc, đã cứu thế giới thoát khỏi nhiều cuộc chiến tranh tương sát. Tuy nhiên, bên cạnh con người với vai trò quan trọng nhất trên chính trường quốc tế và được nhân loại tôn trọng nể vì, ông U Thant còn là một người con hiếu thảo khó ai sánh bằng. Dù bận rộn thế mấy, ngày ngày ông cũng tự tay chăm sóc miếng cơm, tách trà và tự mình sớm thăm tối viếng để hầu hạ mẹ. Có thể chúng ta sẽ bảo rằng chữ hiếu này của ông U Thant là giản đơn. Vâng giản đơn thật, nhưng không phải ai trong chúng ta cũng làm được chuyện này đâu, vì nó phản ảnh một tấm lòng hiếu thảo chơn thật từ bên trong chứ không phải là hình tướng bên ngoài. Trong truyện Kiều của đại

thi hào Nguyễn Du, dù khó tính thế mấy, dù có đủ lý do để kết tội Thúy Kiều đủ thứ lăng nhăng, nào là bi ai, oán hận, sầu khổ, dâm ô, vật dục, trộm đạo, vân vân và vân vân, nhưng không ai trong chúng ta có thể phủ nhận được tấm lòng hiếu thảo của nàng Thúy Kiều. Đại thi hào Nguyễn Du qua truyện Kiều đã dựng nên một nhân vật Thúy Kiều với tài sắc vẹn toàn. Trước tấm chân tình tha thiết của Kim Trọng, có lẽ đa phần các thiếu nữ sẽ chấp mối tình ấy để sống hạnh phúc cho riêng mình, và cho rằng những gì xảy ra cho cha và em trai là một tai biến rủi ro cho gia đình, rồi thỉnh thoảng đến ngục đường thăm cha thăm em, đã là tốt lắm rồi. Nhưng đằng này Thúy Kiều trong Nguyễn Du thì hoàn toàn ngược lại, giữa hiếu và tình nàng đã không ngần ngại chọn chữ “hiếu” dù biết rằng cuộc đời trước mặt nàng sẽ là một cuộc phong trần dâu bể. Nàng đã cương quyết với Kim Trọng như vậy:

“Để lời thệ hải minh sơn

Làm con trước phải đền ơn sinh thành.”

Thế rồi nàng tự bán mình chuộc cha và em, để phải 15 năm lưu lạc chốn phong trần. Còn gương hiếu hạnh nào cao hơn gương hiếu hạnh của nàng Thúy Kiều? Còn sự hy sinh nào bằng sự hy sinh cả một khoảng đời thanh xuân để trả hiếu? Chúng ta hãy cùng nhau ôn lại những gương hạnh hiếu thảo của các bậc hiền nhân để tùy theo hoàn cảnh mà phụng dưỡng và hiếu kính mẹ cha. Cha mẹ đã sanh dưỡng chúng ta thì lúc các ngài xế bóng về chiều, chuyện hiếu kính nuôi dưỡng là chuyện tất nhiên, mức độ dưỡng nuôi và hiếu kính dù có khác nhau theo truyền thống, nhưng chủ ý không một truyền thống nào dạy chúng ta bất hiếu bất kính với ông bà cha mẹ. Người Việt Nam chúng ta, dù khi lớn lên, dù đã bận rộn với gia đình riêng của mình, nhưng vẫn cố gắng hết sức mình vừa thực hiện đủ đầy bốn phận và vừa giữ tròn chữ hiếu với mẹ cha. Ngoài chén cơm, đôi đũa, bộ kỷ trà,

người con hiếu thảo còn báo đáp hiếu nghĩa bằng cách dâng lên cha lên mẹ cuộc sống đạo đức của chính mình nữa. Chính Đức Phật đã dạy “phụng sự cha mẹ là một điều hạnh phúc cao thượng,” và chính Ngài đã tu đã sống với niềm hạnh phúc cao thượng ấy khi Ngài còn tại thế. Ngài đã độ cho vua cha trở thành một bậc thánh nhân trước khi vua cha lìa đời. Theo Ngài, cung phụng vật chất cho cha mẹ không thôi chưa đủ, mà bốn phận của một đứa con hiếu thảo còn phải cố gắng làm sao để hướng dẫn được cha mẹ sống đúng theo chánh đạo. Trong một tiền kiếp của Đức Phật là Tu Xà Đề, dù sống trong cung vàng điện ngọc với đủ đầy tô tử, nhưng Ngài vẫn luôn luôn lo lắng từ miếng ăn đến giấc ngủ của cha mẹ và Ngài đã lập mười nguyện cho cha mẹ như sau:

1. Nguyện cho cha mẹ khi ngủ luôn đặng an vui.
2. Nguyện cho cha mẹ khi ngủ không thấy ác mộng.
3. Nguyện cho cha mẹ khi thức cũng luôn đặng an vui.
4. Nguyện cho cha mẹ thường được chư Thiên hộ trì.
5. Nguyện cho cha mẹ luôn được người người ái kính.
6. Nguyện cho cha mẹ không bị nạn đao tặc.
7. Nguyện cho cha mẹ không bị nạn giặc giã.
8. Nguyện cho cha mẹ không bị ai mưu hại.
9. Nguyện cho cha mẹ không bị yêu nghiệt.
10. Nguyện cho cha mẹ luôn vạn sự cát tường.

Trong Kinh Thi Ca La Việt, Đức Phật dạy kẻ làm con có năm bốn phận đối với cha mẹ: Thứ nhất là phải phụng dưỡng cha mẹ. Thứ nhì là phải gánh vác công việc cho cha mẹ, nghĩa là lúc nhỏ phải phụ giúp cha mẹ trong công việc nhà, đến lúc trưởng thành phải tìm hiểu công việc làm ăn của cha mẹ để thay thế cha mẹ hoàn tất mỹ mãn; phải tạo cho cha mẹ một cuộc sống an nhàn thanh thản về cả vật chất lẫn tinh thần lúc các ngài tuổi già bóng xế. Luôn khéo léo khuyên giải cha mẹ sống đời đạo đức với

lòng quảng đại bao dung. Thứ ba là phải tự mình sống đời đạo đức để giữ tiếng tốt cho cha mẹ, phải biết giữ gìn truyền thống và gai sản của cha mẹ, phải nối chí cha mẹ tiếp tục làm những hạnh lành của các người. Thứ tư phải tỏ ra xứng đáng nhận lãnh di sản của cha mẹ, không làm điều hoen ố thanh danh của cha mẹ. Cuối cùng là phải cố gắng tạo phước lành để hồi hướng cho cha mẹ quá vãng. Nói về hiếu hạnh thì Đại Đức Narada cũng dạy: “Hỡi các con! Cha mẹ là cội phúc duy nhất trên đời của các con. Các con hãy tôn trọng ý muốn của cha mẹ. Trong lời nói, việc làm, trong cách đi đứng, các con hãy làm thế nào để giữ tròn tiếng tốt cho gia đình, nhất là khi vắng mặt cha mẹ. Dầu cha mẹ đã khuất bóng, các con hãy tôn trọng thanh danh của gia tộc như bảo vật thiêng liêng cao cả. Đạo làm con chẳng những phải phụng dưỡng cha mẹ bằng những thức ngon vật lạ, cửa rộng nhà cao; mà phải còn kính cẩn dâng lên cho cha mẹ những món ăn tinh thần, tạo những cảnh nhàn lạc thích thú cho cha mẹ vui sống một nếp sống thanh cao đạo đức. Bốn phận làm con chẳng những phải bảo tồn danh giá cha mẹ mà lại còn phải tránh những điều có thể làm nhục nhã tông môn nữa.”

Mọi người chúng ta, nhất là những người con Phật, hãy lắng nghe lời Phật dạy về sự hiếu kính với cha mẹ, sư trưởng, thầy tổ, tôn kính các bậc đạo đức, thuận hòa chồng vợ, giúp đỡ anh chị em, cũng như thương mến những người giúp việc cho mình. Chúng ta phải học nhiều gương hiếu hạnh của chư Hiền Thánh, để ít nhất hiện đời được làm một người con hiếu thảo, người cha biết lo lắng cho con cái, người mẹ biết hy sinh cho gia đình theo truyền thống cao đẹp của dân tộc, người chồng biết thương vợ thương con, người vợ biết tận tụy chăm sóc chồng con. Chúng ta phải cố gắng học cho được gương hiếu hạnh từ các bậc Hiền Thánh, để nếu một mai cha mẹ có qua đời, chúng ta cũng không ân hận vì đã đối xử quá tệ bạc với những bậc sanh thành, những

người đã từng bông ả, tưng tiu, lo lắng từng li từng tí, mớm cho chúng ta từng giọt sữa đầu đời. Để rồi đến lúc tuổi già sức yếu, tay chân run rẩy, mắt mờ tai điếc, lại bị đưa vào những viện dưỡng lão, sống những ngày tháng vô vị cho đến hết cuộc đời. Cũng chính vì thế mà Đức Phật đã nói đến “Hiếu Đạo” như nói đến huyết mạch của châu thân, một pháp tu cho Phật tử và một phương pháp sống cho cả nhân loại. Con người với tròn đầy hiếu đạo thì con người ấy có thể thành tựu bất cứ thứ gì. Ngược lại, kẻ bất hiếu bất nhân là kẻ có thể gây tạo bất cứ nghiệp tội gì trong trần thế này. Trong Kinh Báo Ân, Đức Phật dạy: “Hiếu hạnh vi vạn hạnh vi tiên.” Hiếu hạnh đứng đầu trong vạn hạnh. Người không làm được hiếu đạo là người mất hết nhân cách đạo đức. Cho dầu có cố gượng ép đối xử với ai thanh tao nhã nhặn thế mấy thì đó cũng chỉ là sự gượng ép giả tạo. Chính cha mẹ mình mà mình còn đối xử tệ bạc, huống là người ngoài? Con người ấy, cho dù có sang giàu tột bậc, tài giỏi vô song, danh vị tuyệt đỉnh... cũng chỉ là kẻ nguy hiểm cho đời. Cha mẹ mang nặng đẻ đau, dưỡng nuôi khó nhọc, lòng hy sinh vô tận như biển trời mệnh mông, chăm sóc dạy dỗ chúng ta từng li từng tí, mà mình không đoái hoài thương tưởng, thử hỏi mình còn thương tưởng đoái hoài được ai? Chính vì thế mà Đức Phật đã nhấn mạnh với chúng đệ tử của Ngài là con người dù tài giỏi, dù lâu thông thiên kinh vạn quyển mà chẳng biết hiếu đạo, cũng bỏ đi vì con người ấy chẳng những ngay trước mắt là một tấm gương xấu cho thế hệ kế tiếp mà còn làm cho xã hội bại hoại về sau này. Thật vậy, cha mẹ là người đã sanh dưỡng mà chúng ta không thể hiếu kính thì thử hỏi chúng ta có thể hiếu kính được với ai? Tình mẹ tình cha là một thứ tình bao la cao cả, nếu chúng ta có thể ngoảnh mặt quay lưng thì thử hỏi chúng ta còn có thể đến với bất cứ thứ tình nào được nữa? Công cha nghĩa mẹ sâu dày như thế ấy, thử hỏi bốn phận làm con chúng ta có đền đáp được phần nào chưa? Vì lúc

cha mẹ còn khỏe mạnh thì chúng ta hãy còn bé bỏng đại khờ, chưa hiểu đủ để nói được một câu gì an ủi các người, nói chi đến việc báo đáp hiếu nghĩa. Đến khi chúng ta khôn lớn, nên danh nên phận, may mắn lắm còn mẹ còn cha thì các ngài cũng đã da mồi, tóc bạc, tay yếu chân run, má hóp răng long, mắt mờ tai điếc, lưng chùng gối mỏi rồi còn gì. Hãy suy gẫm câu ca dao: “Mẹ già như trái chín cây, gió đưa mẹ rụng biết ngày nào đây.” Lúc đó thì chúng ta đã có bốn phận với gia đình riêng của chúng ta, bận rộn với vợ chồng con cái. Lúc đó chúng ta mới thấm thía với tình cha nghĩa mẹ cao hơn Thái Sơn, rộng hơn Thái Bình Dương. Chừng chúng ta nhớ lại câu “Lên non mới biết non cao, nuôi con mới biết công ơn mẫu từ” thì rất có thể cả cha lẫn mẹ đã không còn. Nếu may mắn còn đủ cha đủ mẹ thì bốn phận làm con chúng ta không thể nào bỏ quên hiếu đạo, vì nếu không có hiếu đạo thì con người ấy so với khuyển mã cũng không bằng. Hãy tùy khả năng và hoàn cảnh mà phụng dưỡng hiếu kính các ngài, chứ đừng chờ đợi vì thời gian không chờ không đợi một ai đâu quý vị ơi! Ông bà cha mẹ là những đấng sanh thành, đã dày công sanh dưỡng. Dù hôm nay các người có già yếu lú lẫn, nhưng các người vẫn là các đấng sanh thành dưỡng dục ra mình. Cổ nhân có dạy: “Mưa trên trời mưa xuống.” Thật vậy, con dù lớn thế mấy thì con vẫn là con của mẹ, từng bước chân con đi, từng tuổi đời con qua, thì mẹ cha vẫn đến với các con. Dù con bảy tám chục tuổi mà còn mẹ, dù mẹ có lú lẫn ngẩn ngơ thế nào đi nữa, thì mẹ vẫn luôn lo lắng cho con. Người hiếu tử luôn canh cánh bên lòng như vậy để phụng dưỡng mẹ cha, nhờ một mai các người có khuất núi thì chúng ta cũng chẳng có gì để ân hận nuối tiếc vì chúng ta đã tận tâm tận lực cung kính phụng dưỡng các người.

Hãy tự suy gẫm lại thì chúng ta sẽ thấy chúng ta đã thọ ân quá nhiều nơi cha mẹ. Chính vì thế mà trong Kinh Báo Hiếu, đức

Phật dạy: “Ví có người ơn sâu dốc trả, công mẹ cha trên hai vai đi giáp vòng núi Tu Di (có thể hiểu được đây là vũ trụ) đến trăm ngàn kiếp, ơn kia cũng chưa đền.” Núi Tu Di mà Đức Phật nói ở đây là chỉ cả trung tâm vũ trụ. Thế gian này có chỗ nào có thể ví được với núi Tu Di? Thế mà dù cho chúng ta có công mẹ công cha trên hai vai đi giáp núi vẫn chưa đền trả được công ơn thâm sâu của cha mẹ. Hoặc “Ví có người vì cơn đói rét, nuôi song thân bằng cách dâng hết thân này, xương nghiền thịt nát phân thây, trải trăm ngàn kiếp ơn đây chưa đồng.” Hoặc “Ví có người vì công ơn sanh dưỡng, tự tay khoét thủng đôi mắt, chịu thân mù tối như vậy đến trăm ngàn vô lượng kiếp, ơn này thấm đâu.” Hoặc “Ví có người cầm dao thật bén, mổ bụng ra rút hết tâm can làm được liệu trị bệnh cho cha mẹ trong trăm ngàn vô lượng kiếp, thâm ơn này cũng chưa trả được tròn đầy.” Hoặc giả “Ví có người vì ơn dưỡng dục, tự treo mình làm đèn cúng Phật trong trăm ngàn vô lượng kiếp, vẫn chưa gọi là đền trả thâm ơn cha mẹ tròn đầy.” Ở đây thí dụ về những tình huống cấp thiết khi mẹ cha bị bệnh hoạn ngặt nghèo phải dùng đến những thứ đó làm thuốc trị bệnh của cha mẹ, thử hỏi ai có gan dám móc mắt trị bệnh cho cha mẹ mình? Nhưng Đức Phật nói dù chúng ta có gan dám làm đi nữa, thì trong vô lượng kiếp công ơn này vẫn chưa gọi là đền trả tròn đầy. Bởi công ơn cha mẹ to lớn vô cùng vô tận, nào là cứu mang, sinh dưỡng, đùm bọc... không bút mực nào tả xiết. Mà thực vậy, dù có nói có viết lên công ơn này trong trăm ngàn vô lượng kiếp cũng nói viết cũng không cùng không hết được. Nghĩa là dù cho chúng ta có phụng dưỡng như thế nào đi nữa trong hiện đời cũng không cách chi gọi là đền trả được công ơn cha mẹ.

Chính Đức Phật đã từng dạy trong các kinh điển của Ngài rằng: “Cha mẹ tại tiền, như Phật tại thế, phụng dưỡng và cúng dường cha mẹ, tức là cúng dường Như Lai không sai khác.” Ngay

từ thời Phật còn tại thế, chính Bồ Tát Mục Kiền Liên đã nghĩ đến ân sâu sinh thành dưỡng dục của mẫu thân mà tìm cách cứu mẹ thoát khỏi cảnh a tỳ địa ngục. Ngài đã thị hiện thần thông mang bát cơm đầy mong dâng cho mẹ đỡ lòng:

“Đây bát cơm đầy nặng ước mong
Mẹ ơi! Đây ngọc với đây lòng,
Đây tình còn đọng trong tâm huyết
Ăn nghĩa sinh thành chưa trả xong!”

Một bậc Đại Thánh như ngài Mục Kiền Liên mà còn canh cánh chữ hiếu bên lòng như vậy, huống là chúng ta? Hơn thế nữa, những người con Phật nên luôn nhớ rằng đạo Phật tán thán tất cả những phương thức báo ân theo truyền thống cao đẹp của dân tộc như vâng lời và không làm buồn lòng cha mẹ lúc còn nhỏ, phụng dưỡng cha mẹ lúc các ngài ở tuổi xế chiều, khi các ngài qua đời thì tưởng nhớ với giỗ kỵ để cùng nhau ôn lại những gương hạnh lành của các ngài chứ không phải họp mặt lại chỉ để chèn chén. Tuy nhiên, điểm tối quan trọng trong người hiếu hạnh nên luôn canh cánh bên lòng là làm sao cho cha mẹ bỏ ác làm lành, bỏ tà theo chánh và biết sống với chánh đạo. Đó là cách duy nhất làm cho các ngài thoát ra khỏi các đường khổ. Hãy cùng nhau ôn lại những câu ca dao dễ thương, đầy tình tự gia tộc, mà cũng đủ đầy hiếu hạnh như: “Uống nước nhớ nguồn,” “Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,” “Mẹ già như trái chín cây, gió đưa mẹ rụng biết ngày nào đây.” Hãy cùng nhau về nguồn với truyền thống sống cao đẹp của cha anh, biết hy sinh lợi ích cá nhân để đặt nền tảng gia đình và tình gia tộc lên trên tất cả, trong đó con cái hiếu thảo với cha mẹ, cha mẹ biết thương yêu chăm lo và hy sinh cho con cái.

Trong trạng huống hiện tại tại các quốc gia tiên tiến về khoa học kỹ thuật, khuynh hướng sống cuồng vọng theo vật dục, đã gây ra cơn khủng hoảng đạo đức trầm trọng, mà nạn nhân không ai khác hơn là chính chúng ta. Trong khung cảnh đổ vỡ đó, chúng ta

phải bằng mọi cách góp phần giữ lại gia tài đạo đức còn lại của dân tộc, để chống đỡ không cho truyền thống cao đẹp này bị đánh bực gốc rễ và bị cuốn trôi theo những cơn bão táp của thời đại. Muốn được như vậy, trước tiên chúng ta phải làm gương cho đàn hậu bối của chúng ta, hãy sống hiếu thảo để các em thấy được những điều hay lẽ đẹp của dân tộc. Theo các nhà giáo dục Việt Nam nơi hải ngoại thì tiếng Việt còn là văn hóa dân tộc còn. Cũng như vậy, hiếu hạnh còn thì tình gia tộc và truyền thống văn hóa của dân tộc còn. Hãy cho con em mình đến chùa, tham dự vào những buổi thuyết giảng về Hiếu Hạnh để một mai nơi đất khách quê người, thế hệ chúng ta có qua đi, các em cũng biết mang lòng từ bi và hiếu đạo trong tinh thần tôn trọng tôn ti trật tự của gia tộc để đi vào đời, và cũng để chắt chiu những cùng nhắc nhở nhau về sự báo đáp công ơn sâu dày của cha mẹ, mà còn là cơ hội cho các bậc cha mẹ ở đây cảm thông với những khó khăn mà con em mình đang phải đương đầu trong xã hội hôm nay. Hãy tạo cơ hội cho con em chúng ta để ngay trong những giây phút tuyệt vời của hiện tại, các em có thể nhìn cha mẹ với đôi mắt yêu thương hơn, các em có thể ôm vai cha mẹ và nói được những lời âu yếm hơn như: “Con thương cha, con thương mẹ.”

Cây có cội, nước có nguồn. Làm con người, nếu không có cha mẹ thì làm sao chúng ta có thể đứng được trong Trời Đất ? Chính vì thế mà giáo điển của hầu hết các tôn giáo đều nhấn mạnh về hiếu hạnh. Riêng trong kho tàng giáo lý uyên thâm của nhà Phật, chúng ta thấy bàng bạc những lời Phật dạy về mối tương quan vô cùng cao quý thiêng liêng giữa con cái và cha mẹ trong các Kinh Vu Lan, Tâm Địa Quán, Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, Kinh Từ Bi, Kinh Địa Tạng, Kinh Nhẫn Nhục, vân vân. Trong các kinh này, Đức Phật dạy rất rõ ràng về tình cha nghĩa mẹ. Với Phật, cha mẹ hiện tiền, là Phật trụ thế. “Tâm hiếu kính cha mẹ, chính là tâm

hạnh Phật,” hoặc “Hiếu thảo là điều thiện to lớn nhất. Bất hiếu là điều ác to lớn nhất.” Hãy cùng nhau thấp sáng giá trị cao quý của tình gia tộc và đạo nghĩa hiếu hạnh của dân tộc, và chất liệu trọng yếu của tình thương cha mẹ trong đời sống hằng ngày, để biết trân quý tình cha nghĩa mẹ vì như Phật đã nói. Từ ân của cha và Bi ân của mẹ, dù Phật có trụ thế suốt kiếp cũng nói không hết. Nói về sự nghèo giàu trong Kinh Tâm Địa Quán: “Trên đời này, ai là người giàu, ai là người nghèo ? Còn mẹ hiền là người giàu, mẹ hiền mất rồi là người nghèo. Còn mẹ hiền là mặt trời trưa, mẹ hiền qua đời là mặt trời lặn. Còn mẹ hiền là đêm trăng sáng, mẹ hiền qua đời là đêm không trăng.”

Truyền thống “Tiết Tháng Bảy Vong Nhân Mừng Xá Tội” đã ăn sâu vào tâm khảm của người Việt tự bao giờ. Dù thuộc bất cứ tôn giáo nào, chứ không riêng gì Phật giáo, hễ đến rằm tháng Bảy là những người con thảo cháu hiền cũng đều cảm thấy chạnh lòng se thắt một nỗi niềm thương mến đến ông bà cha mẹ, hiện tiền hay quá vãng. Hãy cùng nhau ôn lại những gương hạnh hiếu thảo của Mục Kiền Liên với những lời xót xa thống thiết khi mang bát cơm đến cho mẹ nơi a tỳ địa ngục. Hãy cùng nhau tìm lại truyền thống cổ truyền cao đẹp vẫn còn bàng bạc qua những câu ca dao dễ thương:

“Đêm Vu Lan trăng tròn vằng vặc
Nhớ mẹ cha canh cánh bên lòng
Cha còn như ngọn đèn trong
Mẹ còn như ánh trăng rằm Trung Thu.”
Phải rồi ! “Còn cha còn mẹ như tiên,
Mất cha mất mẹ như chim lạc đàn.”

Thật đúng vậy ! Núi Thái Sơn có cao, cũng không cao hơn công cha; biển Thái Bình có rộng, cũng không rộng hơn nghĩa mẹ. Chính vì thế mà sự báo hiếu với người Việt Nam chúng ta, chẳng những là một bổn phận, một nhiệm vụ, mà nó đã trở

thành một truyền thống cao đẹp, một giá trị đạo đức và luân lý cao quý, hơn thế nữa báo hiếu là sợi dây thiêng liêng nối kết tôn ti trật tự gia đình theo truyền thống Á Đông mà Tây phương thiếu vắng.

Mùa Vu Lan Báo Hiếu, bốn tiếng tuy đơn sơ quen thuộc, nhưng chứa đựng một âm vang thiết tha trù mấn cho vạn triệu con tim Việt Nam, nhứt là những đứa con đang tha hương nơi đất khách quê người. Trải qua bao thế hệ, Vu Lan không còn gói gọn trong truyền thống Phật giáo nữa, Vu Lan được nhiều người mở rộng vòng tay đón chào. Nếu là Vu Lan ở Việt Nam thì vắng vắng tiếng ve sầu vẫn phát ra giữa trời hạ ấm nồng. Riêng tại California mặc dầu hã còn là những ngày hè oi ả. Tuy nhiên, những chiếc lá xanh tươi cũng bắt đầu phai nhạt ngả màu và cũng bắt đầu rơi lả tả theo từng cơn gió đầu thu. Nhìn những chiếc lá vàng rơi, quý vị có chạnh lòng nhớ lại hoàn cảnh của các đấng sanh thành ra mình, cũng như những chiếc lá vàng kia, cũng bắt đầu vàng úa và rụng rơi. Diễn cảnh của vũ trụ từ xuân qua, hạ đến, thu vắng, đông về... có khác chi diễn cảnh nơi con người với sanh, lão, bệnh, tử đâu. Trăm năm một kiếp con người so với vũ trụ nào khác chi một khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi. Mới có đó rồi không đó, vừa xuân xanh đó mà thoáng một cái là đã già. Thời gian trôi nhanh như ánh chớp. Cây lá vô tình, nhưng con người hữu cảm. Chính cha mẹ là những người đã san sẻ một phần máu thịt để tạo nên hình hài của chúng ta. Không những các bậc cha mẹ chỉ tạo cho chúng ta nên vóc nên hình, mà tình thương của các ngài dành cho chúng ta là thứ tình thương cao thượng tuyệt vời và bao la vô bờ vô bến. Ý niệm về cha mẹ thường không thể tách rời khỏi ý niệm của tình thương và sự hy sinh. Làm con hiếu thảo, không biết đền đáp thế nào cho vừa cho đủ với thâm ân sâu dày ấy. Chính vì thế mà Đức Phật đã dạy rằng: “Tâm hiếu là tâm Phật, đạo hiếu là đạo Phật.” Ngay trong

ca dao truyền khẩu Việt Nam cũng đã có những ca ngợi không thể nghĩ bàn về công ơn cha mẹ:

“Đố ai đếm được lá rừng
Đố ai đếm được mấy tầng trời cao
Đố ai đếm được những vì sao
Đố ai đếm được công lao mẹ hiền.”

Tại sao công lao cha mẹ lại sâu nặng đến nỗi nhiều như lá rừng và sao trời mà vẫn chưa sánh kịp? Trên thế giới, mọi chủng tộc, mọi tôn giáo đều trân trọng hiếu hạnh. Trong cả văn chương bác học lẫn ca dao bình dân, đã thuyết minh quá rõ về tình mẫu tử phụ tử, về ơn nghĩa sanh thành dưỡng dục của mẹ cha. Đạo làm con dù lòng hiếu kính có viết thành thiên kinh vạn quyển cũng chưa gọi là đủ. Chính vì thế mà bằng bạc đó đây trong văn chương, ngoài dân gian, đi đâu đến đâu chúng ta cũng đều nghe những lời tán thán về cha mẹ. Mặc dù lời lẽ ngôn ngữ cho mẹ và lòng hiếu thảo của con cái hết sức đơn giản, nhẹ nhàng như áng mây trôi, như bức tranh thủy mặc, như bóng trăng non, như làn gió lay nhẹ cành trúc, nhưng nó chứa đựng cả một truyền thống cao đẹp mà không một bút mực nào có thể tả xiết. Tình cha nghĩa mẹ là suối nguồn hạnh phúc của con cái, là nước cam lồ tưới mát lẽ sống đời con, là ánh mặt trời đem lại mầm sống cho nhân loại. Mặt trời và không khí cần thiết cho sự sống thế nào thì tình cha nghĩa mẹ cũng cần thiết cho sự trưởng thành của các con như thế ấy. Chính vì thế mà cổ nhân có dạy:

“Mẹ là cả một trời thương
Mẹ là cả một thiên đường trần gian
Tiếng ru mẹ ấm vô vàn
Nuôi con trong tiếng tơ đàn văn chương
Ngày con cắp sách đến trường
Chắt chiu cặp sách khăn choàng mẹ lo.”

Thật vậy, mẹ cha đã dùng hết nang lực của mình để lo cho các con. Lòng hy sinh của mẹ cha không biển trời nào sánh kịp, không có con đường nào trên cõi đời này in dấu chân con mà không có bước chân của cha của mẹ, không có chân trời góc bể nào mà mẹ cha không trông ngóng bóng hình của con:

“Mẹ hy sinh tất cả
Hết quãng đời tuổi xanh
Cả thương yêu dịu ngọt
Rộng hơn biển trời thanh
Mẹ là gió mát tinh anh
Là cây tiên dịu, là cành thùy dương
Mẹ là hoa, mẹ là hương
Mẹ là nguồn cội tình thương nhiệm mầu
Bây giờ bóng mẹ còn đâu
Chỉ còn non nước một màu xanh xanh.”

Người hiếu hạnh không khỏi ngậm ngùi xót xa khi nghĩ đến ơn nghĩa sâu dày của cha của mẹ:

“Công cha nghĩa mẹ cao vời
Nhọc nhằn chẳng quản suốt đời vì ta
Nên người con phải xót xa
Đáp đền nghĩa nặng như là trời cao
Đội ơn chín chữ cù lao
Sanh thành kể mấy non cao cho vừa.”

Hoặc: “Công cha đức mẹ cao dày
Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ
Nuôi con khó nhọc đến giờ
Trưởng thành con phải biết thờ song thân.”

Hãy cùng nhắc nhở cho nhau về một truyền thống Báo Hiếu cao đẹp đã tạo ra mối dây liên hệ gia tộc bền vững, một trật tự gia đình hòa thuận mà chưa có quốc gia kỹ thuật tiên tiến nào có thể bì kịp! Trong Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, Đức Phật

đã dạy rằng: “Người biết chọn con đường đạo đức, thì lúc nào cũng lấy hạnh từ bi làm đầu. Với chúng sanh mọi loài còn đem lòng thương xót, huống hồ là cha mẹ, người đã sanh thành dưỡng dục ra ta. Trong bất cứ tình huống nào, người con Phật không được quyền bất hiếu.” Thật đúng như lời chỉ giáo của Đức Phật, kẻ nào cam tâm bất hiếu với cha mẹ thì kẻ đó sẽ dám làm bất cứ chuyện gì, ngay cả chuyện bất nhân, bất nghĩa. Mùa Vu Lan chẳng những là cơ hội cho những người con Phật chúng ta tìm cách báo hiếu, mà còn là cơ hội cho chúng ta lắng lòng suy gẫm lại cung cách mình cư xử với cha mẹ trong cuộc sống hằng ngày, từ hành động, ngôn ngữ, đến cử chỉ và lối cư xử của mình đối với mẹ cha. Đừng tiếp tục đổ thừa cho hoàn cảnh nữa quý vị ơi! Hiếu hạnh là cái gì thực tiễn và dễ làm chứ không phải là những thứ xa vời khó nắm bắt. Khi cha mẹ già tay run chân yếu, bước đi không còn vững vàng nữa thì ta dẫn cha mẹ đi bằng tất cả sự kính yêu hiếu thuận, đó cũng là hiếu hạnh. Cha mẹ bực bội, chúng ta nói một lời gì an ủi làm cho cha mẹ vui, đó là hiếu. Tất cả những gì chúng ta có thể làm cho cha mẹ ngay từ bây giờ thì ta làm, đó là hiếu. Dù thuộc bất cứ tôn giáo nào, đối với người Việt Nam chúng ta việc nhớ ơn cha mẹ và báo hiếu cha mẹ là cảm giác, là những suy tư, hay những việc làm đã in sâu trong tâm khảm mọi người Việt Nam. Hãy cùng nhau ôn lại những câu ca dao truyền khẩu dễ thương về hiếu hạnh của dân tộc Việt Nam chúng ta:

“Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.”

Hoặc: “Mẹ già ở túp lều tranh
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.”

Hoặc: “Đêm đêm khẩn nguyện Phật Trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.”

Hoặc: “Đêm khuya trăng rụng xuống cầu

Cảm thương cha mẹ, dãi dầu ruột đau.”

Hãy còn nhiều nhiều lắm những câu ca dao bình dân nhưng tràn đầy ý nghĩa hiếu hạnh. Biển đông còn lúc đầy vơi, chớ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng. Chính vì thế mà trong Kinh Báo Hiếu, Đức Phật đã khẳng định rằng: “Người bất hiếu vô nghì, đồng hạng với kẻ vô ơn bạc nghĩa, kẻ đó dù có đứng hầu cạnh Như Lai, vẫn muôn trùng xa cách Như Lai.” Như vậy theo truyền thống Phật giáo thì chữ Hiếu thật là thâm thúy. Dù phụng dưỡng cha mẹ bằng cam lồ trăm vị, dùng thiên nhạc làm vui tai các người, sắm y phục hảo hạng, vai công mẹ cha đi khắp bốn phương trong vô lượng kiếp, vẫn chưa gọi là đủ. Người hiếu hạnh theo đạo Phật phải vừa phụng dưỡng mẹ cha, vừa biết khéo léo khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, thọ Tam Qui, gìn ngũ giới.

Chắc ai trong chúng ta cũng đều biết rằng cha mẹ đã một đời hy sinh cho con cái. Cha mẹ buồn vui theo từng bước chân con đi, từng nẻo đường con qua. Vì con mà cha mẹ phải bôn ba xuôi ngược, vì con mà lắm khi cha mẹ phải đem thân làm tội mọi cho người cũng không chừng. Đúng vậy:

“Một đời vốn liếng mẹ trao,
Mẹ cho tất cả, mẹ nào giữ riêng,
Mẹ hiền như một bà tiên,
Mẹ theo con suốt hành trình con đi.”

Hãy cùng nhau sống lại truyền thống hiếu hạnh cao đẹp của cha anh. Với người con Phật, cảnh vật có thể theo dòng thời gian mà thay đổi, hoàn cảnh xã hội cũng có thể theo đà tiến bộ mà thay đổi, nhưng hiếu hạnh không bao giờ thay đổi vì chính Phật đã dạy: “Tâm Hiếu là tâm Phật, đạo Hiếu là đạo Phật.” Mà tâm Phật và đạo Phật là bất di bất dịch, nên tâm hiếu và đạo hiếu cũng phải bất di bất dịch. Hãy giữ vững niềm tin vào Hiếu Hạnh, dù chúng ta đang phải vật lộn với đời trong một xã hội văn minh vật chất, trong đó “hiếu hạnh” bị phủ nhận, nếu không

nói là bị chối bỏ. Dù đảo điên điên đảo thế mấy, những con người hiếu hạnh cũng luôn nhớ “Biển đông còn lúc đầy vơi, chớ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng.” Nhớ để mà sống và trao truyền cho đàn hậu bối của chúng ta những gì cao đẹp nhất của truyền thống hiếu hạnh. Thật dễ thương làm sao những câu ca dao bình dân nói lên lòng hiếu kính của con cái đối với cha mẹ:

“Ai về tôi gửi buồng cau
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy
Ai về tôi gửi đôi giày
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.”

Hoặc: “Ai rằng công mẹ như non
Thật ra công mẹ lại càng lớn hơn.”

Hoặc: “Trải bao gian khổ không sờn
Muôn đời con vẫn nhớ ơn mẹ hiền.”

Hoặc: “Cha tôi tuy đã già rồi
Nhưng còn làm lụng để nuôi cả nhà
Sớm hôm vừa gáy tiếng gà
Cha tôi đã dậy để ra đi làm.”

Chính sư ông Nhất Hạnh, một đại Thiền Sư nổi tiếng của thời cận đại mà còn phải thốt ra câu tán thán tuyệt vời về mẹ, dù mẹ Ngài đã khuất bóng khi Ngài còn rất trẻ:

“Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận kẻ mồ côi
Quanh tôi ai cũng khóc
Im lặng tôi sầu thôi
Để dòng nước mắt chảy
Là hết khổ đi rồi
Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa lạnh rơi rơi

Tôi thấy tôi mất mẹ
Mất cả một bầu trời.”

Chúng ta đã bước qua ngưỡng cửa thiên niên thứ ba, có lẽ cung cách “Phu xử tử vong, tử bất vong bất hiếu” không còn thích hợp nữa. Tuy nhiên, người con Phật phải luôn nhớ rằng:

“Người tai mắt ở trong trời đất
Ai là không cha mẹ sinh thành
Gương treo đất nghĩa trời sinh
Ở sao cho xứng chút tình làm con.”

Hãy tự mình vừa ôn lại cung cách mình đã đối xử với mẹ cha, từ cử chỉ, ngôn ngữ đến hành động, vừa phản quang tự kỷ xem coi chúng ta có ăn ở sao cho xứng với chút tình làm con hay chưa? Hãy ôn lại về “Ngày rằm tháng Bảy xá tội vong nhân” không nhất thiết chỉ có nghĩa là cầu nguyện một cách tiêu cực, mà phải hiện thực cho bằng được những lời Phật dạy về làm người phải có tâm từ, làm con phải hiếu, làm dân phải nghĩ đến tiền đồ của dân tộc. Người con Phật đón mừng Vu Lan là dâng trọn lòng thành lên ngôi Tam Bảo, thể trọn đời giữ đạo, theo tự tánh làm lành. Muốn giữ đạo Phật cho tròn, theo lời chỉ dạy của Thế Tôn, chúng ta không có con đường nào khác hơn là phải trước hết vâng giữ đạo làm người, đạo làm con. Dù địa vị có lớn thế mấy trong xã hội, mà không tròn đạo làm người và đạo làm con, thì con người ấy vẫn là con người nguy hiểm cho xã hội. Nếu làm vua mà vô đạo và vô nghĩa bất hiếu thì xã tắc nguy vong; nếu làm quan mà không tròn đạo hiếu với cha mẹ thì chuyện gì cũng dám làm, ngay cả chuyện thích khách vua để soán đoạt ngôi báu. Nếu làm dân mà không tròn hiếu đạo, thì không còn biết sợ bất cứ việc gì. Mà thật vậy, cầm thú còn biết mang ơn và trả ơn, huống là con người! Một người con mà vô ân bạc nghĩa với cha mẹ, thì con người ấy không bao giờ có thể là một người bạn tốt, một người chồng biết chăm sóc và bảo bọc vợ

con, một người vợ hiền, một nàng dâu thảo. Chính vì vậy mà cổ nhân có dạy: “Làm một con người mà bội ơn cha mẹ thì không xứng đáng là một con người.” Cũng như vậy, một người Phật tử mà bất hiếu với chính cha mẹ mình thì không thể nào có đủ tư cách nói chuyện tu làm Phật. Hãy ôn cố tri tân để thấy đạo làm người và đạo làm Phật. “Chữ hiếu” là gốc của con người. Hãy suy nghĩ kỹ thì chúng ta sẽ thấy rằng dù chúng ta có cố gắng thế mấy đi nữa, lắm lúc chúng ta vẫn cảm thấy mình thiếu sót. Ai trong chúng ta cũng phải công nhận rằng cha mẹ luôn nuôi con trong tinh thần hy sinh, dù phải nuôi năm bảy đứa, hoặc lắm khi nuôi luôn cả dâu rể cũng không màng, thế mà khi con phải nuôi lại cha mẹ nếu có thì cũng trong sự dè sẻn và tính toán.

Thật tình mà nói, không có hạnh phúc nào lớn hơn là còn được đủ đầy cha mẹ. Thân thể cha là nơi ban phát mọi hy sinh, tấm lòng mẹ là nơi dung chứa tình yêu thương chân Thật, làm vơi đi nỗi thống khổ của cuộc đời. Thế mà khi chúng ta lớn lên, khi chúng ta đã đủ lông đủ cánh để bay nhảy thì chúng ta lại vội quên đi thuở nằm nôi, thuở được cha mẹ tương tiu bông ả. Chúng ta quên hẳn vùng trời hạnh phúc mà cha mẹ đã đùm bọc yêu thương mình lúc thiếu thời. Nếu chúng ta chưa có khả năng tròn đầy hiếu hạnh như Mục Kiền Liên, Thầy Tử Lộ, Lão Lai, Mãn Tử Khiên, Lã Vọng, hay ông U Thant của thời cận đại, thì ít nhất chúng ta cũng tránh được cái cảnh bỏ bê cha mẹ, hay bắt cha mẹ phục dịch như người ăn kẻ ở. Các người đã dọn cơm nấu canh cho chúng ta nhiều quá rồi, giờ các người ở tuổi xế chiều, bốn phận người con chí thành chí hiếu là hết lòng phụng dưỡng và khuyến tấn các ngài sống những ngày còn lại trong chánh đạo. Hãy lắng lòng nghe lời kinh Phật dạy về hiếu hạnh để thấy rằng “Báo Hiếu” không đơn thuần là một triết lý sống, mà lời kinh này còn mang một tư tưởng cách mạng, tư tưởng tự cởi trói và giải phóng tự thân thoát khỏi gông cùm của “tự kỷ.” Thật vậy, xin quý vị

hãy lắng nghe lời dạy của Thế Tôn trong Kinh Phạm Võng: “Chúng sanh muốn tu hành tốt ráo, phải luôn xem nam nhân trên đời là cha ta, và phải xem nữ nhân trên đời là mẹ ta.” Muốn làm được như vậy, trước hết chúng ta phải xem cha mẹ của chính mình là những người đáng được kính trọng và phụng dưỡng bằng tất cả tấm lòng thành.

Truyền thống hiếu hạnh của dân Việt Nam chẳng những được đề cao trong văn chương văn học, mà hiếu hạnh còn được truyền tụng từ đời này qua kiếp nọ với kho tàng ca dao truyền khẩu như:

“Uống nước nhớ nguồn

Làm con phải hiếu.”

“Ăn trái nhớ kẻ trồng cây.”

Bên cạnh truyền thống “hiếu hạnh,” ca dao truyền khẩu cũng có rất nhiều câu ca tụng về tình cha nghĩa mẹ, cũng như công ơn sâu dày của những đấng sinh thành:

“Còn cha gót đỏ như son,

Đến khi cha chết gót con lấm bùn.”

Hoặc: “Còn cha nhiều kẻ yêu vì,

Đến khi cha chết ai thì yêu con.”

Hoặc: “Con không cha như nhà không nóc.”

Nhà không nóc thì làm sao chống chỏi được với nắng mưa bão tố ? Con không cha thì lấy ai che chở bảo bọc ? Còn nói về mẹ thì ca dao truyền khẩu đã nói quá nhiều. Nghĩa mẹ hay tình mẹ được ví như biển Thái Bình hay suối nguồn vô tận.

“Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình.”

Hoặc: “Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Nếu hãy còn cha còn mẹ, xin quý vị hãy nói với cha mẹ một câu: “Ba ơi ! Mẹ ơi ! Ba Mẹ có biết là con thương ba mẹ lắm không ?” ngay từ bây giờ chứ đừng chờ đợi đến khi các ngài khuất núi rồi mới luyến tiếc không nguôi. Các bậc cha mẹ đã một đời đến với con cái, thế còn những người con như chúng

ta, đã có ngày nào chúng ta đến được với cha mẹ chưa ? Hãy lắng lòng nghe lời Phật dạy về cách làm sao con cái có thể đến với cha mẹ, chẳng những bằng vật chất mà cả về tinh thần nữa. Hãy nghe, hiểu và thực hành hiếu hạnh ngay từ bây giờ, hầu tránh được trạng huống ân hận một ngày nào khi cha mẹ không còn nữa. Thật tình mà nói, bản thân những bà mẹ Việt Nam không bao giờ muốn được tôn vinh. Muôn đời các bà mẹ Việt Nam lúc nào yên phận với những hạnh phúc nhỏ nhoi nơi góc vườn khuôn bếp, hay với gánh hàng rong lầm lũi nuôi con. Tuy nhiên, những người con hiếu thảo và sống có đạo đức, không thể nào quên được những tháng ngày thơ ấu, ai đã nằm chỗ ướt để nhường chỗ ráo cho mình ? Ai đã nhịn ăn nhịn mặc để mua sắm cái ngon cái tốt cho mình? Thời gian không chờ không đợi một ai, mẹ cha không sống đời được với chúng ta đâu, rồi cũng sẽ có một ngày, bóng mẹ bóng cha sẽ khuất. Trong thế giới vô thường giả tạm này, thậm chí chỉ một thoáng trôi qua là mẹ cha đã trở thành ký ức rồi.

Công cha như núi Thái Sơn, núi ấy cao sừng sững che chắn đời con, không có núi ấy chúng ta khó lòng vượt qua những phong ba bão táp của trường đời. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, trừ phi mẹ vĩnh viễn ra đi chứ nước từ mạch nguồn chảy ra thì có bao giờ khô cạn đâu? Không có nước nguồn bao la cũng như tình thương của mẹ, chắc hẳn chúng ta khó có được ngày hôm nay. Thân xác mẹ cha có thể héo mòn theo thời gian, chứ tình cha nghĩa mẹ không bao giờ mòn héo. Hãy cùng nhau ôn lại công ơn vô cùng vô tận của mẹ cha. Hãy thấy rằng nhiều lúc chúng ta tưởng mình đã báo ân, nhưng kỳ thật chúng ta chưa mãi mai đền đáp chút nào. Đúng như lời truyền khẩu trong những câu ca dao:

“Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng.

Con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày.”

Hãy cùng nhắc nhở nhau soi xét lại hành động, cử chỉ, ngôn ngữ của chính mình đối với các bậc sinh thành. Hãy nhìn lại hình ảnh Đại Hiếu Mục Kiên Liên với bát cơm chí hiếu. Hiếu hạnh của một Đại Tăng đã chứng đạo như Ngài đã để lại cho hậu thế chúng ta một tấm gương sáng ngời về gương báo hiếu và lòng biết ơn hai đấng sanh thành. Chính Đức Thích Tôn Từ Phụ, một Đại Đạo Sư của Trời Người đã dẫn đường chỉ dạy cho chúng ta rất nhiều về chân lý sống vui sống đẹp trên thế gian này. Ngài đã chỉ dạy cho chúng ta con đường đi đến an vui trọn vẹn. Ngài vẫn thường hay nhắc nhở tứ chúng trong các kinh điển của Ngài rằng: “Đạo Phật không rời thế gian. Không thể nào thành Phật nếu đạo đức thế gian chưa tròn.” Hãy lắng nghe lời Phật dạy để thấy rằng đạo đức thế gian không ở đâu xa, đạo đức ấy rất đơn giản trong từng cung cách cá nhân đối xử với gia đình và xã hội. Hễ cá nhân hiếu đễ với cha mẹ anh em, thì cũng sẽ đem cung cách ấy mà sống hòa hợp với xã hội và làng nước. Hãy cùng nhắc nhở cho nhau về “Đường sống đạo đức chính là con đường dẫn đến hạnh phúc miên viễn.” Trong con đường “Đạo Đức” ấy, hiếu đạo luôn đứng đầu. Chính Đại Văn Hào Victor Hugo của Pháp vào giữa thế kỷ 19 đã phải thốt lên: “Ôi ! Tình thương của Mẹ, một thứ tình khó quên, một thứ bánh nhiệm mầu, vì càng cho các con, bánh ấy càng tăng, chứ không bao giờ giảm.”

Đã trên hai mươi lăm thế kỷ với những thăng trầm của nhân loại với biết bao cuộc bể dâu đổi đời và biết bao điều tàn đổ nát, thế nhưng gương hiếu hạnh của Đại Hiếu Mục Kiên Liên vẫn còn đó và sẽ còn đó mãi mãi. Trên hai mươi lăm thế kỷ trước, một đại đệ tử của Đức Phật đã khai mở một kỷ nguyên “Hiếu Hạnh” cho loài người. Cha mẹ dù có làm bao điều quấy ác, cũng như chẳng biết gì đến thiện ác của luân hồi như quả, cũng vẫn là những bậc sanh thành ra chúng ta, không có các người, sẽ không có sự hiện hữu của chúng ta. Cha Mẹ dù bỗn sển, ích kỷ

và keo kiệt với kẻ khác thế đấy, thì núi Thái Sơn của cha vẫn sẵn sàng bảo bọc con và suối nguồn nơi mẹ vẫn luôn tuôn ra chất nước Cam Lộ vô tận cho con. Bỗng phận người con hiếu thảo là phải tìm phương cách làm thế nào khéo léo hướng dẫn mẹ cha xa lìa ác đạo.

Đạo lý báo hiếu trong đạo Phật không xa cách đạo lý cổ truyền của dân tộc. Kỳ thật, đạo lý ấy dạy cho con người biết thương yêu nhau hơn, biết gần gũi nhau hơn. Chính vì thế mà tự bao giờ, đạo lý ấy đã thâm nhập tận gốc rễ vào truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam chúng ta. Hãy cùng nhau nhắc nhở về hiềm họa khô cằn tình cảm của xã hội văn minh khoa học kỹ thuật. Hãy cùng nhau lắng nghe lời Chúa lời Phật Phật dạy, hầu tránh được tình trạng vô hồn của trái tim không còn biết xúc cảm quặn đau khi nhìn thấy chúng sanh lăn lóc khổ lụy trong biển đời sanh tử. Xin hãy dắt dìu con em chúng ta cùng nhau sống trong hiếu hạnh để thế hệ này dắt dìu thế hệ nọ, cùng tiếp nối truyền thống báo hiếu cao đẹp của dân tộc.

Chúng ta đang đứng bên bờ vực thẳm của viễn ảnh một ngày không có báo hiếu, không có xá tội vong nhân, không có đạo hiếu hay đạo đức gì cả trên cõi đời này. Nhứt là nơi hải ngoại này, nếu chúng ta không khéo thì ngay trong đời con của chúng ta, các em sẽ xa lạ với truyền thống báo hiếu. Hãy nhắc nhở con em về hiếu hạnh và công ân phụ mẫu, để các em hồi tưởng Lại công ân chín tháng cưu mang và xẻ da rách thịt khi mẹ phải lâm bồn sanh nở. Hãy hồi tưởng lại công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ, miếng ngon miếng ngọt cho con, miếng cay miếng đắng dành phần cho cha; chỗ hôi chỗ ướt mẹ nằm, chỗ khô chỗ ráo mẹ dành cho con. Ai đã khổ nhọc nuôi dưỡng cho chúng ta nên hình nên vóc. Ngoài ba năm bú mớm nơi mẹ, mẹ còn chịu cực chịu khổ, giặt quần giặt áo và lo cho con từ cái ăn cái uống, từ tằm bé cho đến khi con khôn lớn trưởng thành. Mỗi khi con đi

đâu là lòng mẹ không yên, đứng ngồi không ổn. Cha mẹ có thể vì con mà gây tội tạo nghiệp, dù con đã lớn khôn, không lúc nào mà cha mẹ không nhớ nghĩ, thương yêu và lo lắng cho con.

Trong Kinh “Bất Tư Nghì.” Đức Phật dạy:

“Nếu cha mẹ không tin,
Khuyên phát khởi lòng tin;
Nếu cha mẹ chưa có giới pháp,
Khuyên thọ trì giới pháp;
Nếu cha mẹ tánh tình bủn xỉn,
Khuyên tu hạnh bố thí;
Nếu cha mẹ không có trí huệ,
Khiến kia tu trí huệ;
Làm con được như thế,
Mới gọi là trả ơn.”

Chữ “hiếu” không chỉ là một biển tình, tình cha con, tình mẹ con; mà chữ hiếu còn là một đạo đức cao tốt của truyền thống dân tộc. Theo thuyết nhà Phật, sự báo hiếu là vô cùng vô tận, không có giới hạn của thời gian. Dân tộc ta ta vốn dĩ là một dân tộc hiếu hòa, nhưng chính nhờ thừa hưởng thêm giáo thuyết “Hiếu Hạnh” của đạo Phật, từ khi đạo này du nhập vào Việt Nam đến nay, đã khiến dân tộc ta thành một dân tộc hiếu hòa hơn. Nhụy vàng của những đóa hoa giải thoát trong đạo Phật chính là chữ “Hiếu.” Từ trong đầm lầy của Ta Bà Ngũ Trược Ác Thế, nhụy vàng của những cánh sen nẩy lên tình yêu thương và báo hiếu với cha mẹ, tình yêu thương và nhớ ơn chúng sanh. Hãy đón nhận những cánh sen “Hiếu Hạnh” ngay khi hãy còn chưa quá muộn màng. Hãy cùng nhau nhắc nhở về tình cảm “Báo Ân Báo Hiếu” trong giáo lý dễ thương của đạo Phật. Theo Phật, “Báo Ân Báo Hiếu” không dừng lại trong phạm vi gia đình, người con Phật phải luôn nuôi dưỡng và phát triển cho sự báo ân lòng báo hiếu với cha mẹ trở thành một thứ “từ bi, thương yêu

và thông cảm” với mọi khổ đau của chúng sanh trong cuộc sống hằng ngày. Trong đạo Phật, Đức Phật đã nâng chữ “Hiếu” lên ngang hàng với chữ “Đạo,” một thứ đạo thiêng liêng và cao cả: “Đạo Hiếu.” Ngày vẫn thường dạy dỗ tứ chúng: “Hiếu đạo là Phật đạo, hiếu hạnh là hạnh Phật.”

Trong quá trình lịch sử dân tộc, như là lịch sử cận đại, đã có biết bao anh hùng vì quốc vong thân, gần đây như là cuộc vượt thoát ngoài biển Đông, đã có biết bao oan hồn uổng tử vùi thây nơi biển cả. Hơn thế nữa, trong thập loại chúng sanh, có rất nhiều âm linh vất vưởng không nơi nương tựa. Hãy cùng trang trải tình thương đến cho nhau. Hãy cùng nhau tri ân những người đã nằm xuống cho sự sống của chính chúng ta.

Ông Pasteur, một nhà Vi Trùng Học nổi tiếng của Pháp, một bác học lỗi lạc đã khám phá ra vi trùng để cứu thoát hàng vạn triệu nhân loại, khi được chính phủ Pháp vinh danh tại Quốc Hội, ông chỉ xin một yêu cầu nhỏ là cho ông trở về ngôi nhà nơi ông chào đời để đọc một bài diễn văn rất ngắn nhưng đầy ý nghĩa: “Hỡi Cha và hỡi Mẹ! Những người thân yêu đã khuất, đã sống một cách khiêm tốn trong căn nhà nhỏ bé này ! Con nợ Cha Mẹ tất cả !” Thật đúng vậy, tất cả những gì ông có được là nhờ ai ? Nếu không có những bậc sinh thành ra ông, nhân loại hôm nay sẽ ra sao với bệnh tật ?

Dù chúng ta đang hân hoan vui sướng khi cha mẹ còn đủ đầy hay ngậm ngùi thương nhớ song thân đã nghìn thu vĩnh biệt, chúng ta vẫn như tâm cầu nguyện cho bảy đời phụ mẫu và hiện tại phụ mẫu đều được ân triêm công đức của chư Phật và chư Thánh Hiền Tăng mà luôn sống an vui và chết siêu thoát.

Mỗi ngày chúng ta hít thở không khí và dùng nước trong mọi sinh hoạt hằng ngày, nhưng thử hỏi có mấy ai quan tâm đến môi trường trong sạch của nước và không khí ? Cũng như vậy, tình thương của cha mẹ cũng cần cho đời sống chúng ta như sự cần

thiết của không khí và nước vậy. Tuy nhiên, ít ai trong chúng ta chịu trân quý cũng như quan tâm đến sự trọng yếu của chất liệu tình thương của cha mẹ. Hãy cùng nhau thắp sáng giá trị cao quý của tình cha nghĩa mẹ bằng cách thể hiện cuộc sống hiếu hạnh ngay từ bây giờ. Trong Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, Đức Phật đã khẳng định: “Ân đức sanh thành và dưỡng dục con cái của các bậc cha mẹ ngang bằng với ân đức giáo hóa của chư Phật, chư Bồ Tát và chư Thánh Tăng.” Chính vì vậy mà Phật luôn dạy tứ chúng rằng sự báo hiếu đối với cha mẹ hiện tiền cũng như phước lạc được theo hầu cạnh Như Lai không sai khác.” Trong Tứ Thư, Đức Khổng Phu Tử có nói: “Hiếu hạnh vi bách hạnh chi tiên.” Theo truyền thống Đông phương cổ truyền của dân tộc, thì hiếu hạnh đứng đầu trong trăm hạnh. Hãy luôn nhớ rằng chữ “Hiếu” là gốc của đạo làm người, nhờ đó chúng ta có thể cắt đứt được vòng sanh tử luân hồi mà chúng ta đã lẩn quẩn bấy lâu nay. Thói thường chúng ta ít chịu phản quang tự kỷ xem coi mình đã ăn ở với cha mẹ như thấy nào, thế nhưng đến khi có con lại muốn con mình hiếu hạnh. Làm sao có lẽ ấy ?

“Nếu mình hiếu với mẹ cha
Thì con cũng hiếu với ta khác gì
Nếu mình ăn ở vô nghì

Đừng mong con hiếu là gì uổng công !”

Ca dao truyền khẩu từ ngàn xưa đã hết lời ca tụng chữ “hiếu” rằng:

“Năm tiền một khúc cá buôi,
Cũng mua cho đặng mà nuôi mẹ già.”

Hoặc: “Đói lòng ăn hột chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.”

Hãy nhìn lại gương hiếu người xưa. Một khúc cá buôi dù năm hay mười tiền, người con hiếu thảo vẫn cố mua cho đặng mà nuôi mẹ già. Đừng nói đâu xa, Tổ Từ Hiếu ở Huế, dù đã

xuất gia và đã là một vị hòa thượng, nhưng vì hiếu đạo nên đã đem mẹ về chùa để sớm hôm vừa phụng dưỡng, vừa khuyến tấn mẹ theo đường chánh đạo. Một hôm mẹ muốn ăn cháo cá, Hòa Thượng vẫn ung dung xách giỏ đi chợ mua cá về, rồi tự tay ngài nấu cháo dâng mẹ. Một vị Hòa Thượng mà còn báo hiếu mẹ cha như thế đó, há là chúng ta ? Hãy học hỏi những gương hạnh lành của những người con hiếu thảo. Hột chà là dù cứng như đá nhưng cũng không cứng bằng lòng con hiếu thảo. Dù cứng nhưng con vẫn ráng nhai, để dành cơm nuôi mẹ già yếu răng. Hãy cùng nhau suy gẫm những câu nói đầy ý nghĩa của người xưa:

“Sống già thì chẳng cho ăn
Để chết giỗ kỵ cho ruồi nó xơi.”

Thật vậy, khi cha mẹ đã khuất bóng rồi thì mâm cao cỗ đầy còn có nghĩa lý gì? Lúc cha mẹ còn sanh tiền, dù chỉ dâng lên các ngài những thứ rất bình thường như củ khoai, bát gạo, chén nước, tách trà, vãn vãn, nhưng dâng lên bằng tất lòng thành, dâng lên một vui cung kính vui vẻ, cũng được xem là hiếu hạnh tròn đầy. Ngược lại, mặc dù đem của cải chất đầy nhà, địa vị cao sang mà không làm được những điều bình thường ấy, cũng không được xem là hiếu hạnh. Mặc dù xã hội phương Tây không mấy đề cao “đạo hiếu;” tuy nhiên, hằng năm họ vẫn có hai ngày để nhớ ơn Cha Mẹ (Mother’s Day và Father’s Day). Chúng ta tuy đã làm thân viễn khách trên 29 năm qua, tuy chúng ta không còn được nghe tiếng chuông siêu độ ngân nga vào những bình minh hay hoàng hôn trên đất người, nhưng chúng ta vẫn còn đây hình ảnh những vị Tăng thân yêu, đang cố gắng hết sức của các Ngài để trùng tuyên những lời Phật dạy. Hãy cùng nhau nhắc nhở về những lời kinh tha thiết trong “Vu Lan Bồn”

“Công dưỡng dục thâm ân dốc trả
Nghĩa sanh thành đạo cả mong đền
Làm con hiếu hạnh vi tiên.”

Hãy cùng nhau đốt hương đánh lễ, hoặc dự lễ cầu siêu nhờ ở đức chúng như hải của chư Tôn Đức, mà hương hồn của ông bà cha mẹ quá vãng sớm được siêu thăng Cực Lạc Quốc. Vu Lan rằm tháng Bảy, chẳng những là mùa tri ân cha mẹ, mùa xá tội vong nhân cho những oan hồn uổng tử, mà còn là mùa Chư Tăng và Phật tử thiết lập đàn tràng cầu siêu độ cho cửu huyền thất tổ. Hãy cùng nhắc nhở nhau về hạnh phúc tuyệt vời khi còn đủ đầy cha mẹ. Thấy được hạnh phúc ấy để biết trân quý những giây phút được cạnh kề các bậc sinh thành. Thấy để toan liệu nên làm những gì có thể làm được ngay từ bây giờ, chứ đừng chờ đợi. Người xưa thường nói:

“Mẹ già hết gạo treo niêu
Mà anh khăn đỏ khăn điều vắt vai.”

Hoặc: “Mẹ già ở túp lều tranh
Đói no không biết, rách lành không hay.”

Nếu chúng ta không biết trân quý những gì mình đang có ngay trong những giờ phút hiện tại, sẽ có ngày chúng ta vô vàn ân hận mỗi khi nghe ai nhắc đến hai câu ca dao:

“Lúc sống thì chẳng cho ăn
Chết rồi xôi thịt, làm văn tế ruồi.”

Hãy cùng nhau ôn lại công ơn sanh thành dưỡng dục của song thân qua những câu ca dao:

“Gió mùa Thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy thức đủ vừa năm.”

Hoặc: “Nuôi con chẳng quản chi thân
Chỗ ướt mẹ nằm chỗ ráo con lăn.”

Hoặc: “Ai rằng công mẹ như non
Thực ra công mẹ lại còn lớn hơn.”

Hãy cùng nhau nhắc nhở về hai kỳ quan tuyệt vời cũng như hai đại dương tình thương mệnh mệnh của mẹ và của cha. Không có hai đại dương tình thương mệnh mệnh này, chúng ta sẽ không

cách gì lớn khôn và trưởng thành được. Tháng Bảy nơi đây trời oi ả chứ không lất phất nhẹ mưa như tháng Bảy năm xưa. Hãy cùng nhau nói với mẹ cha những lời chưa kịp nói, để một mai bất ngờ hai kỳ quan này có đổ nát và để lại một khoảng trống trong đời, dù thường tình vẫn chạnh lòng thương nhớ, nhưng chúng ta cũng không ân hận, dù phải cài lên áo một bông hồng trắng.

Đa phần hoàn cảnh tha hương của chúng ta đều tương tự. Chúng ta đã cắt ruột mà xa lìa quê cha đất tổ để đến đây, một xứ văn minh vật chất dư thừa, nhưng tình người và tinh thần thì thiếu thốn, nếu không muốn nói là hầu như không có. Ngày trước ở Việt Nam, tại các chùa chiền tự viện, lễ Vu Lan thật là rộn rịp, khách thập phương tới lui tấp nập, vì ngày Vu Lan chẳng những trọng đại cho bá tánh, mà còn trọng đại cho chư Tăng Ni nữa. Ngày đó chư Tăng Ni đổi y thay áo và tự tứ sám hối cũng như tăng thêm hạ lạp. Bây giờ làm thân viễn khách nơi xứ lạ quê người, chùa chiền cũng nhiều, Vu Lan cũng rộn rịp, nhưng hình như có một cái gì trống vắng, có một cái gì ngăn cách giữa cha mẹ và con cái. Quả thật chính ta đang đứng trước ngã ba đường lựa chọn giữa xã hội văn minh vật chất và truyền thống hiếu hạnh cổ truyền. Xã hội hôm nay có thể bắt ép chúng ta phải vật lộn vô cùng chật vật để có được sống tiện nghi thoải mái, nhưng không một ai có quyền bắt chúng ta phải bất hiếu vô nghì đối với cha mẹ chúng ta. Hãy tìm hiểu một chút, chúng ta sẽ thấy rằng ngay cả loài vật mà còn biết sống hiếu hạnh. Loài kền kền kia khi cha mẹ già trụi lông trụi cánh, không còn bay xa được để kiếm mồi, thì đám kền kền con đã tìm mồi về nuôi cha mẹ. Loài dê rừng, khi cha mẹ già răng cỏ rụng hết, không còn nhai được cỏ nữa, thì chúng đã nuôi cha mẹ bằng sữa của chính mình. Loài voi kia còn biết an táng mẹ cha đàng hoàng. Loài cầm thú mà còn biết hiếu thảo với mẹ với cha chúng như thế ấy, làm người há để thẹn lòng với chúng hay sao quý vị? Không đâu, chúng ta quyết đem

đạo hiếu ra sống với mẹ cha mẹ ngay từ những giây phút các người còn sanh tiền linh mẫn, chứ không cam tâm làm mâm làm cỗ tế ruồi với những ân hận chất ngất. Chúng ta quyết sống hiếu hạnh và trao truyền hiếu hạnh lại cho đàn hậu bối mai sau, chứ không để một mai phải ân hận ray rứt suốt đời như bia miệng thế gian thường nói:

“Phận làm con lòng chớ vội phai mờ
Dù giàu sanh hay trĩu nặng đôi vai
Ân đức ấy nhờ ghi lòng tạc dạ.”

Hoặc “Đừng vội quên để miệng thế chê cười
Rồi hận lòng khi nhắm mắt xuôi tay
Tội bất hiếu đời đời lòng ray rứt.”

Hoặc “Cha mẹ thương con tợ biển trời
Làm sao đền trả được người ơi
Nếu không có hiếu, đừng bất hiếu
Bất hiếu làm ta khổ muôn đời!”

Ôi rõ ràng không sai chạy, bất hiếu là nhân mà quả phải trả là ray rứt, là khổ sở đến muôn đời. Chính vì thế mà ca dao Việt Nam có câu:

“Nếu mình hiếu với mẹ cha
Chắc con cũng hiếu với ta khác gì
Nếu mình ăn ở vô nghi

Đừng mong con hiếu làm gì uống công!”

Thật vậy, ở đời không có chuyện gì ngẫu nhiên mà đến, không có việc gì mà không có nhân duyên của nó. Nếu mình đối với mẹ cha hiếu thảo thì con cái mình sẽ hiếu thảo với mình không sai khác. Nếu mình bất hiếu tệ bạc với cha mẹ thì con cái cũng sẽ bất hiếu và tệ bạc với mình không sai khác.

“Hiếu thuận sinh ra con hiếu thuận
Ngõ nghịch con nào có khác chi!
Xem thử trước thêm mưa nhỏ nước

Giọt sau giọt trước chẳng sai gì!”

Chuyện kể ngày xưa ngày xưa có một người trung niên hãy còn một cha già tay yếu chân run, nên mỗi lần ăn cơm hay làm đổ bể chén bát. Vì sợ tốn kém nên anh ta lấy một cái gáo dừa mài cho nhẵn nhụi, định dùng làm bát cho cha ăn, nhờ cha tay run rẩy làm rót cũng không bể để đỡ hao tổn. Đứa con thấy cha ngồi gọt gáo dừa, bèn tò mò hỏi cha gọt gáo dừa để làm gì? Người cha bèn giải thích là gọt gáo dừa để làm bát cho ông nội ăn cơm, để lỡ ông nội có run tay làm rót cũng không bị bể. Nghe xong, đứa trẻ bỗng reo lên thích chí! Ba ơi, ôn nội dùng mà không bể, vậy khi ông nội qua đời ba nhớ đừng bỏ, mà để lại đó cho con. Người cha lấy làm lạ hỏi: “Để cho con để làm gì?” Đứa con tự nhiên đáp: “Để khi ba già như ông nội, tay chân run rẩy thì con lấy ra làm chén cho ba ăn cơm, khỏi mất công con làm cái gáo dừa khác.” Người cha chợt tỉnh ngộ. Từ đó về sau anh ta đối xử với cha mình hết mực hiếu thảo. Nếu bình tâm suy nghĩ một chút chúng ta sẽ thấy trái tim của cha của mẹ là một kho tàng chất chứa từ, bi, hỷ, xả và lòng yêu thương vô tận. Thế nhưng chúng ta đã bao lần hắt hủi hoặc ruồng bỏ cái kho tàng yêu thương ấy, đã bao lần chúng ta làm cho trái tim của mẹ của cha đau xót và chết dần theo năm tháng. Đến khi ta biết được thì lắm khi sự thể đã quá muộn màng. Chừng đó chúng ta phải ray rứt đến trọn đời hết kiếp với hai chữ “bất hiếu.” Chính vì vậy mà các bậc Thánh Hiền luôn đề cao chữ “Hiếu.” Đức Khổng Tử thì dạy: “Hiếu hạnh vi bách hạnh chi tiên.” Còn Đức Phật thì dạy trong Kinh Nhân Nhục: “Cùng tốt điều thiện, không gì hơn hiếu; điều ác cùng tốt, không gì hơn bất hiếu.” Thật vậy, muốn bữa rộng đạo đức đến tha nhân, trước phải hiếu nghĩa với cha mẹ. Người hiếu hạnh với cha mẹ, sẽ biết yêu thương anh em bà con, biết tôn kính thầy tổ và sẽ có mối tương quan tốt đẹp với thân bằng quyến thuộc và làng nước.

Hạnh phúc không phải là một cõi xa xăm huyền hoặc hay không tưởng. Hạnh phúc ở ngay trong mỗi người chúng ta, hạnh phúc ấy bắt nguồn ngay trong cung cách hiếu đạo của mình với cha mẹ ông bà, vì hiếu là cội gốc của mọi yêu thương, hiếu hạnh đời này được truyền trao cho hiếu hạnh đời kế tiếp, cứ thế mà chúng ta cùng nhau dắt dìu và gìn giữ truyền thống hiếu hạnh ngàn đời của dân tộc. Mong lắm thay!!!

501. NHỮNG CÁI LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI

1. Ác nghiệp lớn nhất của đời người là những lời nói giả dối, đâm thọc, thô lỗ, cộc cằn và nhảm nhí. Ác nghiệp ấy chỉ đến với những ai không biết làm những việc thiện nhỏ.
2. Ám chướng lớn nhất của đời người là sự si mê.
3. Ám muội lớn nhất của đời người là sự nóng giận, vì trên cõi đời này có một số chúng sanh có thể nhìn thấy vào lúc ban ngày, một số có thể nhìn thấy vào lúc ban đêm, nhưng người nóng giận đến cực độ thì ám muội đến độ không nhìn thấy gì hết cả ban ngày lẫn ban đêm.
4. An lạc lớn nhất của đời người có bốn: một là không chạy theo dục vọng, hai là thiếu dục tri túc để tiến tới chỗ dám buông bỏ tất cả, ba là phát từ tâm, bốn là an lạc chỉ đến với những ai chịu đựng nổi và vượt qua tai họa.
5. An lạc tự tại lớn nhất của đời người có mặt khi ta biết sống thiếu dục tri túc, nghĩa là sống theo điều ta có thể, chứ không sống theo điều mà ta ao ước.
6. An ổn lớn nhất của đời người là biết nhịn nhục. Nhịn nhục những cái đáng nhịn cũng như những cái không đáng nhịn.
7. An tĩnh và thanh thản lớn nhất của đời người là biết tiết chế tham vọng.
8. An tĩnh và siêu thoát lớn nhất của đời người là sự sống trầm tĩnh và chân chính.
9. An ủi lớn nhất của đời người là được sự tín nhiệm của người khác.
10. An vui lớn nhất của đời người có được khi bạn có thể vui vẻ trước những lời đùa cợt phê bình ác ý đang nhắm vào bạn và những ham tranh thắng bại.

11. Ánh sáng rực rỡ lớn nhất của đời người có hai: một là thật ngữ; hai là trí tuệ.
12. Ảo ảnh lớn nhất của đời người là giàu sang vinh hiển.
13. Ba điều khó lớn nhất của đời người là không nói thị phi, chịu đựng sự xúc phạm và sử dụng thích đáng thì giờ nhàn rỗi.
14. Ba nghiệp lớn nhất của đời người là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.
15. Ba pháp tu tâm lớn nhất của đời người là lấy tâm trí thành mà chế ngự lỗi nơi miệng, lấy lòng trong lành mà chế phục cái thân cương cứng, lấy trí huệ để diệt ngu si.
16. Ba việc làm dễ dàng cho việc tu học lớn nhất của đời người là không oán hận, không kiện tụng và không bài báng. Hoặc là không chấp tự tha, không khen mình và không chê người.
17. Ba việc làm trở ngại cho việc tu học lớn nhất của đời người là nghi Pháp, nghi Thầy và nghi mình. Nghi Pháp thì chẳng thấy Pháp để học; nghi Thầy thì chẳng hay kính thuận; còn nghi mình thì không thể tu học được.
18. Bạn đạo lớn nhất của đời người là ma quân.
19. Báo thù lớn nhất của đời người là không báo thù.
20. Bất an lớn nhất của đời người là nghĩ ác, nói ác, làm ác.
21. Bất hạnh lớn nhất của đời người có ba: một là những ham muốn vị kỷ lầm lạc, hai là bất hạnh chỉ đến với những ai không có việc gì để làm trên thế gian này, ba là bất hạnh chỉ xảy đến với những ai có tánh cả tin.
22. Bất lịch sự lớn nhất của đời người là cứ nói mãi hay cứ hỏi mãi, chứ không để cho ai nói hay hỏi gì cả.
23. Bất toại nguyện lớn nhất của đời người xảy đến cho những ai cứ miệt mài trong dục vọng.
24. Bể khổ lớn nhất của đời người là những thú vui và ham muốn.

25. Bệnh hoạn lớn nhất của đời người là sắc dục, vì sắc dục là xiềng cùm của đời.
26. Bi ai lớn nhất của đời người là lòng ghen tỵ.
27. Bí quyết sống hạnh phúc và thành công lớn nhất của đời người là nên làm những gì cần làm bây giờ, đừng lo lắng về quá khứ, đừng mơ tưởng tương lai.
28. Bí quyết thành công lớn nhất của đời người là làm chu đáo mọi việc mà không hề nghĩ tới danh vọng.
29. Bĩ nạn lớn nhất của đời người là xa lìa khổ não.
30. Biện bác lớn nhất của đời người là không biện bác.
31. Bối thí lớn nhất của đời người là bối thí bình đẳng, không bao giờ hỏi tại sao người cầu giúp, không có ý lợi dụng người được giúp, không bối thí rồi sung sướng mà tự khen, không bối thí rồi ác khẩu mắng chửi, không bối thí rồi sanh lòng nghi, không bối thí rồi đem lòng tiếc, không bối thí rồi cầu được đền đáp.
32. Bốn ân lớn nhất của đời người là ân cha mẹ, ân chúng sanh, ân thầy tổ và ân Tam Bảo.
33. Bốn chân lớn nhất của đời người là tứ diệu đế (khổ, tập, diệt, đạo).
34. Bốn pháp tu lớn nhất của đời người là gần gũi bạn lành, chuyên tâm nghe chánh pháp, chuyên niệm suy nghĩ và đúng pháp tu hành.
35. Bốn loại ma lớn nhất của đời người là ma chết, ma phiền não, ma ngũ uẩn và thiên ma Ba Tuần.
36. Bồn chồn và bất an lớn nhất của đời người là khi con người không đạt được những ham muốn dục vọng.
37. Cách cho hay nhất và lớn nhất của đời người là cho mà làm thình.
38. Cách cư xử công bằng lớn nhất của đời người là không phân biệt giai cấp giàu nghèo sang hèn.

39. Cách cứu độ lớn nhất của đời người không phải là làm cho người chết ra khỏi mê, mà là làm cho kẻ tội lỗi biết hoàn lương.
40. Cách diệt ác lớn nhất của đời người là lấy lòng từ tâm thương yêu kẻ thù, vì lấy oán báo oán thì oán thù chồng chất.
41. Cách hành xử lớn nhất của đời người là không nói dối, không khoe khoang, không nói lời đâm thọc, không chửi rủa, không nói lời vô ích, không cộc cằn, không thô lỗ, không tục tĩu, không nịnh hót, không bưng bít, không thiên vị, không che dấu tội lỗi cho ai, không nói lỗi ai, không làm việc bất lương.
42. Cách nhận hay nhất và lớn nhất của đời người là nhận mà biết nói lời ân nghĩa.
43. Cách sửa chữa lớn nhất của đời người là khi thấy khuyết điểm hoặc lỗi lầm của người không bao giờ khởi tâm trách móc, ngược lại còn giúp người sửa chữa lỗi cũ và tránh phạm lỗi mới.
44. Cách trả thù hay nhất và lớn nhất của đời người có hai: một là sự tha thứ, hai là biến kẻ thù thành người thân của mình.
45. Cách trưởng dưỡng bản ngã lớn nhất của đời người là chê người khen mình, ganh tỵ, hiềm khích và nhỏ nhen.
46. Cách trưởng dưỡng lòng khoan dung lớn nhất của đời người là tán dương công đức của người khác.
47. Cách tu hay nhất và lớn nhất của đời người là can đảm và hoan hỷ đón nhận lời chỉ trích mà không sợ hãi gì cả.
48. Cách tu lớn nhất của đời người là giữ cho tâm bình thường trước mọi dao động.
49. Cái ác lớn nhất của đời người là ác sân si.
50. Cái bậy lớn nhất của đời người là lời hứa.
51. Cái bậy lớn nhất của đời người là hứa bậy, tin bậy, nghe bậy, nghĩ bậy, nói bậy và làm bậy

52. Cái biết lớn nhất của đời người có bốn: một là tự biết mình, hai là biết những gì đáng biết và không biết những gì không đáng biết, ba là tự biết mình còn biết ít; bốn là thân mà không phụ họa với người quân tử, tránh mà không ruồng rẫy hận thù kẻ tiểu nhân.
53. Cái bóng lớn nhất của đời người là thiện và ác nghiệp, vì chúng sẽ theo ta qua bên kia đày mồ với sự luân hồi sanh tử của ta.
54. Cái búa lớn nhất của đời người là cái miệng, vì cái miệng ấy hay nói ác, nói bậy, việc đáng chê lại khen, việc đáng khen lại chê nên dễ rước họa vào thân.
55. Cái cho lớn nhất của đời người không chỉ đơn thuần là cho những gì mình dư, mà ngược lại lắm khi phải hy sinh những gì mình đang có và đang cần.
56. Cái đại lớn nhất của đời người là sự bươi móc lỗi nơi người khác.
57. Cái dễ lớn nhất của đời người chỉ đến với những ai biết trì chí kiên tâm.
58. Cái dễ chịu lớn nhất của đời người là cuộc sống trung thực.
59. Cái dễ phạm phải lớn nhất của đời người là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, không hiếu kính cha mẹ, ngu si tạo ác, gian xảo lọc lừa, bươi móc lỗi người, sát sanh hại vật, nói lưỡi hai chiều, nói lời dâm thọc, nói lời độc ác, ham mê sắc dục, mục hạ vô nhân, ngã mạn cống cao, khinh người, chê người khen mình, cố chấp bảo thủ, cậy quyền ỷ thế, thượng đội hạ đạp, nhún trề trước danh dự của người, nói xấu để hại tiếng tăm của người, đổ ky, kiêu căng, chạy theo quyền uy danh vọng, tâng bốc chủ, đánh đập tớ, phách lối, tự cao tự đại, thấy lỗi người chứ không thấy lỗi mình, đua tranh, ty hiềm, thù oán.

60. Cái dốt lớn nhất của đời người có ba: một là không biết những gì mình cần phải biết, hai là không rõ những gì mình biết, ba là biết những gì mình không nên biết.
61. Cái dở lớn nhất của đời người có hai: một là thái quá và bất cập, hai là biết hay mà không chịu tin theo.
62. Cái dũng lớn nhất của đời người là cái tánh khí không luận hơn thua và không kể lợi hại khi làm việc nghĩa.
63. Cái đáng ghét lớn nhất của đời người là sự nói nhiều về bản thân mình.
64. Cái đáng phục lớn nhất của đời người là sự can đảm chịu đựng khổ đau.
65. Cái đáng sợ lớn nhất của đời người có hai: một là sự nịnh nọt của bạn ta, chứ không phải là sự công kích của kẻ thù ta; hai là cuộc sống không giúp ích gì cho ai, chứ không phải là cái chết.
66. Cái đáng trách lớn nhất của đời người là có lỗi mà không biết nhận và sửa lỗi mà còn đổ thừa cho người khác.
67. Cái đẹp lớn nhất của đời người là phẩm hạnh cao quý, ăn nói lễ độ, biết kính trên nhường dưới, không làm chuyện sai trái, biết trọng lẽ phải, luôn giữ nhân nghĩa và thành tín, luôn ăn ở có nhân hậu với người và hiếu đễ với cha mẹ, anh chị em.
68. Cái giàu sang lớn nhất của đời người có hai: một là sự tu tâm dưỡng tánh của chính mình, hai là lòng bao dung đại độ.
69. Cái hay lớn nhất của đời người là khi sai trái dám nói rằng mình sai trái.
70. Cái họa lớn nhất của đời người đôi khi xuất phát từ sự suy nghĩ không cẩn thận hay làm việc gì không chu đáo.
71. Cái học lớn nhất của đời người có ba: một là học ít mà thông hiểu được nghĩa lý; hai là không phải biết được qua loa

nhieu việc, mà là biết rõ những gì cần biết và những gì đã biết; ba là phải biết phân biệt việc nghĩa và việc hại.

72. Cái khó lớn nhất của đời người có hai: một là tự mình nói lên sự thật với chính mình, hai là tự mình thấy lỗi của chính mình chứ không thấy lỗi người, và xem được kẻ oán thù như cha mẹ.
73. Cái khó làm lớn nhất của đời người là không khinh ai, không chê ai, không ghét ai, không nói xấu ai, không hại ai, không gian tham trộm cắp của ai, và làm sao luôn giữ được trầm tĩnh trước nghịch cảnh ngang trái.
74. Cái khó nói lớn nhất của đời người là ít nói chuyện quấy của người khác.
75. Cái khổ lớn nhất của đời người có ba: một là sự đua đòi, hai là sự lười biếng, ba là khổ ngũ âm thanh suy.
76. Cái khôn lớn nhất của đời người có chín: một là dám bỏ những cái khôn vặt; hai là tự sửa mình khi thấy khuyết điểm của người; ba là từ chối không giận hờn ai; bốn là biết rõ cái ngu của chính mình; năm là biết người và biết mình, vì cổ nhân có dạy “Biết mình biết người trăm trận trăm thắng”; sáu là thấy cái gì cũng mới lạ; bảy là biết hy vọng cho điều tốt nhất và biết chuẩn bị cho điều xấu nhất; tám là những ai dám tự vấn về lỗi lầm của chính mình; chín là những ai luôn biết mình biết người.
77. Cái “không” lớn nhất của đời người là tánh không của vạn sự vạn vật.
78. Cái lo lớn nhất của đời người không phải là lo người ta không biết mình, mà chỉ lo mình không biết phân biệt người.
79. Cái mạnh lớn nhất của đời người thường có ở những ai biết lấy đức dạy người.

80. Cái mê đại lớn nhất của đời người có hai: một là biết mình dở mà không chịu sửa sai, hai là biết người hay mà không chịu học hỏi.
81. Cái nói đáng giá lớn nhất của đời người là nói năng thân trọng.
82. Cái nói hay nhất và lớn nhất của đời người là cái nói sau khi đã được suy nghĩ nhiều lần.
83. Cái nói lớn nhất của đời người là biết nói cái gì đáng nói, không nói cái gì không đáng nói, cũng như biết những gì mình đã, đang và sắp nói.
84. Cái nghe lớn nhất của đời người là nghe Chánh Pháp.
85. Cái nghèo lớn nhất của đời người là nghèo đức hạnh.
86. Cái ngu lớn nhất của đời người có năm: một là không biết mà cứ oang oác; hai là nghe ai chê là vội giận; ba là nghe ai khen là vội mừng; bốn là quá tự kiêu và quá tự hạ mình; năm là chỉ thấy người ta ác mà không biết mình ác, chỉ thấy cái lành của mình chứ không thấy cái lành của người, chỉ cho mình là trí còn người thời ngu, mình ở chỗ sáng còn thiên hạ thời ở chỗ tối; chỉ thấy cái kiêu ngạo của người chứ không thấy mình kiêu ngạo, học hỏi được ba mớ là đem khoe khoang khoe lác.
87. Cái nguy hiểm lớn nhất của đời người là lòng tự phụ.
88. Cái nguy lớn nhất của đời người đến với những ai đức ít mà ân sủng nhiều và tài kém mà ở địa vị cao.
89. Cái nhìn lớn nhất của đời người là chỉ biết nhìn mình chứ không nhìn người.
90. Cái nhìn tệ hại lớn nhất của đời người là nhìn theo cách nhị biên.
91. Cái phản ảnh bản tánh lớn nhất của đời người là những tật xấu mà ta nhìn thấy nơi người khác.

92. Cái phi thường nhất của đời người chỉ đến với những ai chịu cố gắng làm những việc bình thường nhất.
93. Cái quý lớn nhất của đời người không phải là của cải vật chất mà là thời giờ chúng ta đang có.
94. Cái sáng suốt lớn nhất của đời người là tự biết mình.
95. Cái sung sướng lớn nhất của đời người có bốn: một là sống không thù oán giữa những người thù oán, giữa những người thù oán ta sống không thù oán, hai là sống không bệnh tật giữa những người bệnh tật, ba là sống không tham dục giữa những người tham dục, bốn là sống không bị điều gì chướng ngại (Kinh Pháp Cú).
96. Cái tâm lớn nhất của đời người là cái tâm biết đặt lên trên mọi oán thù, bất công, đau khổ và ngạo mạn.
97. Cái tệ hại lớn nhất của đời người sẽ đến với những ai tự cho mình là tài giỏi vì tai kẻ ấy không còn chỗ để nghe và tâm trí không còn chỗ để chứa những điều hay lẽ thiệt nữa.
98. Cái thông minh lớn nhất của đời người có hai: một là khi mình biết sử dụng lời khuyên, hai là sự học hỏi hợp lý hợp thời.
99. Cái thừa thãi lớn nhất của đời người là nhàn đàm hý luận.
100. Cái trí lớn nhất của đời người có mười bảy: một là biết mà vẫn chịu lắng nghe, hai là bỏ cái vui tạp nhạp để được hưởng cái vui lớn, ba là gieo vui và cầu vui cho người, bốn là làm việc đáng làm, không làm việc không đáng, năm là thường quán sát tự thân, sáu là luôn tự giác, bảy là chỉ bày lỗi lầm và tự khiển trách lấy mình, tám là khuyên răn dạy dỗ và can ngăn tội lỗi của kẻ khác, chín là lo tự điều phục lấy tâm mình, mười là thường xa lìa chứ không bàn luận đến những điều tham dục hay những niềm mừng lo, mười một là không làm điều sai quấy, mười hai là không mong cầu thành công bằng những phương tiện bất chánh, mười ba là rời bỏ ác pháp để tu

hành thiện pháp, mười bốn là gội sạch mọi cấu uế trong tâm, mười lăm là xa lìa cố chấp, mười sáu là bỏ tâm ái nhiễm, mười bảy là diệt hết mọi não phiền.

101. Cái tu lớn nhất của đời người là không bao giờ dùng lời lẽ thô lỗ và thiếu nhã nhặn để sỉ vả hay bắt bẻ ai.
102. Cái tự khinh lớn nhất của đời người là không dám tỏ ra mình như thế nào.
103. Cái u tối lớn nhất của đời người là học mà không chịu suy nghĩ.
104. Cái uổng lớn nhất của đời người là không chịu học những gì mình chưa biết.
105. Cái vô hạn lớn nhất của đời người là những điều mình chưa biết.
106. Cái vui lớn nhất của đời người có năm: một là sống không buồn lung, hai là sống không làm điều ty liệt, ba là sống không làm các điều ác, bốn là sống chuyên làm các việc lành, năm là luôn giữ cho tâm ý luôn thanh sạch.
107. Cái xấu lớn nhất của đời người hiện hữu trong những ai lấy của để thắng người.
108. Cái yếu lớn nhất của đời người là nóng giận, nản chí, ngạo mạn, phách lối, tự cao tự đại, ý mạnh hiếp yếu, ý giàu hiếp nghèo, ý sang hiếp hèn.
109. Can đảm lớn nhất của đời người là khi nghe người chê mình mà vẫn giữ được nét thản nhiên; khi nghe ai ca ngợi mình mà mình không thay đổi sắc mặt.
110. Căn bệnh lớn nhất của đời người là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sát, đạo, dâm, vọng, sự buồn thảm, phiền não, tật đố và quấy ác.
111. Cầu tài lợi phi đạo lớn nhất của đời người là đánh bạc, uống rượu buồn lung, gằn gỏi ác tri thức, vui đàn hát, biếng nhác, và lợi dụng

112. Cây búa tạ lớn nhất của đời người là cái miệng của chính mình.
113. Con quỷ gian trá lớn nhất của đời người là chẳng nghe nói nghe, chẳng thấy nói thấy.
114. Con quỷ đói lớn nhất của đời người là lòng tham.
115. Cơ hội tu hành lớn nhất của đời người là những chuyện trái tai gai mắt trên đời.
116. Công đức lớn nhất của đời người là niềm tin.
117. Cuộc sống an bình lớn nhất của đời người là sống không sát sanh.
118. Cuộc sống lớn nhất của đời người là cuộc sống biết phân đầu làm việc thiện chứ không làm ác và luôn giữ cho tâm ý thanh sạch.
119. Cứu cánh lớn nhất của đời người là sự bắt đầu.
120. Chánh cần lớn nhất của đời người là tứ chánh cần (việc thiện chưa sanh, chuyên cần làm cho phát sanh; việc thiện đã sanh, chuyên cần làm cho tăng trưởng; việc ác chưa sanh, chuyên cần làm cho đừng sanh; việc ác đã sanh, chuyên cần làm cho chấm dứt).
121. Chân lý lớn nhất của đời người là Tứ Diệu Đế.
122. Chất nước vô vị lớn nhất của đời người là sự giao thiệp với những người có tình cảm mà thiếu lý trí.
123. Châu báu lớn nhất của đời người là nghe được một câu pháp mà ta chưa từng nghe.
124. Chiến thắng lớn nhất của đời người là tự chiến thắng chính mình.
125. Chuyện tốt đẹp lớn nhất của đời người đến với những ai không ghen ghét và không cầu cạnh.
126. Chương môn lớn nhất của đời người là những niệm sân hận.

127. Chương ngại thiện pháp lớn nhất của đời người là không chịu tinh tấn tu tâm dưỡng tánh mà chỉ dùng đa văn hý luận để khinh để người khác.
128. Chương nghiệp lớn nhất của đời người là vọng tưởng.
129. Dòm ngó lớn nhất của đời người là dòm ngó chính mình.
130. Dục vọng lớn nhất của đời người dễ sanh khi thân thể người ấy không bệnh hoạn.
131. Đại sự nhơn duyên lớn nhất của đời người là sự xuất hiện của Đức Phật nơi đời để khai thị cho chúng sanh được ngộ nhập tri kiến Phật.
132. Đáng hổ thẹn lớn nhất của đời người chỉ khống chế những ai luôn mang tâm sân hận.
133. Đáng khâm phục lớn nhất của đời người là vươn lên sau khi ngã.
134. Đáng thương lớn nhất của đời người có hai: một là tự ty; hai là lý luận bướng bỉnh và chấp chặt chỗ kiến giải của mình.
135. Đạo đức lớn nhất của đời người có hai: một là sống không buông lung, ngược lại luôn sống với giáo pháp nhà Phật; hai là sự trong sạch và lòng trung thành.
136. Đạo thanh tịnh lớn nhất của đời người chỉ có ở những ai giác ngộ được rằng chư pháp vô thường, khổ và không.
137. Đạo thù thắng và lớn nhất của đời người là Bát Thánh Đạo.
138. Đau khổ lớn nhất của đời người là sự trống rỗng.
139. Đê tiện lớn nhất của đời người là nịnh nọt.
140. Địa ngục lớn nhất của đời người là sự sân hận; hai là địa ngục này chỉ đến với những ai nói lời vọng ngữ, có làm nói không, không trừ ác hạnh, buông lung theo tà dục, giải đãi, nhiễm ô và hoài nghi chánh pháp, phóng dăng rong chơi, việc không đáng hổ thẹn lại hổ thẹn, việc đáng hổ thẹn lại không hổ thẹn, việc không đáng sợ lại sợ, việc đáng sợ lại không,

việc đáng sợ lại không sợ, việc không lỗi cứ tưởng lỗi, có lỗi lại không tưởng.

141. Điều ác lớn nhất của đời người là bất hiếu.
142. Điều cao quý lớn nhất của đời người có hai: một là tự chế được mình, hai là tự mình giác ngộ chân lý.
143. Điều chế ngăn lớn nhất của đời người là chế ngăn thân khẩu ý.
144. Điều đáng phục lớn nhất của đời người là tự thắng được chính mình.
145. Điều đáng sợ lớn nhất của đời người là tính ích kỷ.
146. Điều lợi ích lớn nhất của đời người đến với những ai biết vui mừng chế phục tâm mình.
147. Điều nên có lớn nhất của đời người là sự ngay thẳng.
148. Điều nên làm lớn nhất của đời người là sự tha thứ.
149. Điều quan trọng lớn nhất của đời người là là giữ được đạo đức trong khi thành công.
150. Điều thiện lành lớn nhất của đời người là hiếu hạnh, vì Kinh Đại Tập dạy: “Gặp thời không có Phật, nếu biết khéo phụng sự cha mẹ tức là phụng sự chư Phật vậy.”
151. Độc hại lớn nhất của đời người là tham lam và trộm cắp.
152. Đội quân hùng cường và lớn nhất của đời người là nhẫn nhục. Đức Phật dạy trong Kinh Pháp Cú: “Người nhẫn nhục khi bị đánh mấn không sanh lòng sân hận.”
153. Đức cả lớn nhất của đời người là nhẫn nhục.
154. Đức hạnh lớn nhất của đời người là lòng can đảm.
155. Giá trị lớn nhất của đời người ở nhân cách của người ấy, chứ không phải là tài sản hay của cải.
156. Giác ngộ lớn nhất của đời người là dứt bỏ được tham, sân, si.
157. Giải thoát lớn nhất của đời người có năm: một là không tham dục, vì từ tham dục nảy mầm đau khổ và sợ hãi; hai là

- dứt bỏ các ác nghiệp; ba là tu hành thanh tịnh; bốn là diệt trừ bỏ cấu uế; năm là chế phục mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.
158. Giặc cướp công đức lớn nhất của đời người là giận dữ.
159. Giặc hại năm căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) lớn nhất của đời người là sự buông lung của chính mình.
160. Gốc giải thoát lớn nhất của đời người là khi gây tạo điều ác mà biết ăn năn sám hối như Kinh Vị Tăng Hữu dạy: “Tiền tâm làm ác như mây che trời, hậu tâm làm lành như đuốc tiêu tối.”
161. Gốc tội lỗi lớn nhất của đời người là gây tạo điều ác không biết sám hối mà còn đổ thừa cho người.
162. Gương sáng lớn nhất của đời người là sự chuyên cần tu niệm.
163. Hai điều sai lầm lớn nhất của đời người là bất chấp lý lẽ, và chỉ chấp nhận có lý mà không hiểu được tình.
164. Hai điều trái ngược lớn nhất của đời người là thích nghe chuyện xấu của người mà lại thích nghe người nói tốt về mình.
165. Hai việc dễ và khó lớn nhất của đời người: một là thấy lỗi người thì dễ, lỗi của người thì quan sát tởm; hai là thấy lỗi mình thì khó khăn vô cùng, lỗi của mình thì luôn giấu kín.
166. Ham muốn ngu xuẩn lớn nhất của đời người là tiền tài vật chất và danh thơm tiếng tốt.
167. Hành trang lớn nhất của đời người là tâm từ bi, lòng quảng đại và đức bao dung.
168. Hạnh phúc lớn nhất của đời người có mười hai: một là phụng dưỡng cha mẹ, hai là không gieo khổ đau cho người khác, ba là sống giữa những kẻ thù ta mà ta không thù họ, bốn là hãy cố gắng làm một điều gì cho tha nhân, năm là thương yêu và cảm thông với tha nhân, sáu là sống thấm nhuần giáo pháp, bảy là sống không khao khát dục vọng, tám là sống với

trí tuệ giới hạnh và niềm tin, chín là hạnh phúc ấy nằm ngay nơi chính mình chứ không từ ai khác hay không ở đâu xa, mười là hạnh phúc chỉ đến với người biết cho với lòng quảng đại, mười một là hạnh phúc này chỉ có trong một thân thể lành mạnh và tinh thần minh mẫn, và mười hai là hạnh phúc này chỉ đến với những ai hiểu biết chân thật và thông đạt chánh pháp.

169. Hèn hạ và đáng bị khinh rẻ lớn nhất của đời người là phát lộ những bí ẩn thâm kín của người khác.
170. Hối hận lớn nhất của đời người là không cố gắng để tiến bộ.
171. Hương thơm lớn nhất của đời người là hương thơm của đức hạnh, vì Đức Phật dạy: “Hương các loài hoa thơm đều không thể bay ngược gió, nhưng hương thơm đức hạnh có thể ngược gió bay đến khắp mọi nơi.”
172. Kẻ dối gạt lớn nhất của đời người là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của chính mình.
173. Kẻ làm hại lớn nhất của đời người là sự tham dục, lòng đố kỵ và ganh ghét trong ta.
174. Kẻ thù lớn nhất của đời người có hai, một những tư tưởng tham dục và hai là chính mình.
175. Kẻ thù tệ hại và lớn nhất của đời người là những tên nịnh nọt.
176. Kham nhẫn lớn nhất của đời người là thành khẩn nhận chịu sự phê bình và sửa sai từ người khác.
177. Khiếm khuyết bi thảm lớn nhất của đời người là thiếu lương tri.
178. Khiếm khuyết lớn nhất của đời người có hai: một là kém hiểu biết, hai là tham sân si.
179. Kho thuốc súng lớn nhất của đời người là lòng kiêu căng.

180. Khổ đau lớn nhất của đời người có bốn: một là ngũ uẩn, hai là xao lãng việc tu tập để chạy theo dục lạc, ba là sống theo tà hạnh, bốn là chạy theo tà kiến.
181. Khôn ngoan lớn nhất của đời người có sáu: một là sự bình tĩnh và kiên trì tự tâm, lúc vui cũng như lúc buồn; hai là biết tự kềm chế tâm mình; ba là tinh tấn trau dồi đức hạnh; bốn là nhìn cái gì cũng thấy lạ từ đó mới chịu khởi tâm học hỏi; năm là luôn tự biết mình; sáu là luôn biết lắng nghe.
182. Khuyết điểm lớn nhất của đời người là chính những gì chúng ta đã biết sẽ ngăn cản không cho chúng ta học hỏi những gì chúng ta chưa biết.
183. Kiêu căng lớn nhất của đời người khởi lên khi được mọi người đều thuận theo ý mình.
184. Kiêu sa lớn nhất của đời người nổi dậy khi người ấy không gặp hoạn nạn.
185. Kính trọng lớn nhất của đời người là tự trọng và trọng người.
186. Lãng phí lớn nhất của đời người là nói chuyện dong dài và bàn luận thế sự tạp nhạp.
187. Lễ vật lớn nhất của đời người là khoan dung.
188. Liều thuốc độc lớn nhất của đời người là ngã mạn, cống cao, gian tham, ái nhiễm và ỷ lại.
189. Lo sợ lớn nhất của đời người thường xảy đến cho những ai gieo khủng khiếp cho người khác.
190. Loạn động lớn nhất của đời người khởi lên khi mình tìm cách vượt thắng người khác.
191. Lòng quảng đại lớn nhất của đời người là sự công bằng.
192. Lối đi lớn nhất của đời người là lối đi hướng thiện và hướng thượng.
193. Lỗi lầm lớn nhất của đời người là moi móc tìm lỗi của người khác và không chịu nhận tội lỗi của mình.

194. Lời nói hay lớn nhất của đời người là không nói, nhưng nếu phải nói nên nói lời thật, thanh tao, êm dịu, hiền hòa, nhân từ và đạo đức.
195. Lời nói lớn nhất của đời người là một lời nói hữu ích, vì nó có giá trị hơn ngàn lời vô dụng.
196. Lời nói tốt nhất và lớn nhất của đời người là đừng nói xấu ai.
197. Lợi lạc và hạnh phúc lớn nhất của đời người là không tham ái, không sân hận và không si mê.
198. Lửa thiêu đốt rừng công đức lớn nhất của đời người là lửa sân hận.
199. Mất mát lớn nhất của đời người xảy đến cho những ai cậy sức để thắng người.
200. Mất mát và khổ đau lớn nhất của đời người là tham ái, sân hận và si mê.
201. Mê đại lớn nhất của đời người là trí tưởng tượng.
202. Mê muội lớn nhất của đời người có hai thứ, một là dùng trò chơi trí thức chữ nghĩa mà không có thực dụng, hai là mỗi khi phạm lỗi chẳng những ta không nhận không sửa mà còn qui lỗi cho người khác.
203. Món ăn nhạt nhẽo lớn nhất của đời người là sự giao thiệp với những người có lý trí mà thiếu tình cảm.
204. Món nợ lớn nhất của đời người là tình cảm.
205. Mối lửa lớn nhất của đời người là sự chỉ trích.
206. Mười điều học lớn nhất của đời người là chớ vui sát sanh, chớ trộm cướp của người, chớ tà dâm tà hạnh, chớ cố ý nói dối, chớ nói dối của người, chớ nói lưỡi hai chiều, chớ nói lời độc ác, chớ nói lời thô lỗ, chớ tự khen mình chê người, chớ mua bán những chất cay độc.
207. Nhân hậu lớn nhất của đời người là không ngồi nhìn người khác khổ đau.

208. Nhân nhục lớn nhất của đời người là nhân nhục trước sự chê bai, cũng như nhân chịu mọi điều phỉ báng.
209. Những dòng nước lũ lớn nhất của đời người là tham, sân, si, mạn, nghi, sát, đạo, dâm, vọng, tà kiến, thân kiến, biên kiến, ác kiến.
210. Những điều phụng dưỡng cha mẹ lớn nhất của đời người là cúng dường đầy đủ đừng để thiếu thốn, trình thưa với mẹ cha trước khi làm việc gì, kính thuận chẳng nghịch, chẳng dám chống trái lệnh của mẹ cha,
211. Niềm an lạc lớn nhất của đời người là sống trong trần nhơ mà không vương mắc trần nhơ.
212. Niềm hỷ lạc lớn nhất của đời người là tâm chứa thiện sự.
213. Niềm sung sướng lớn nhất của đời người là luôn biết đủ.
214. Niềm tin lớn nhất của đời người có ba: một là chánh tín, hai tin và tu theo Phật, ba là tin sâu ở luật nhân quả.
215. Nỗi khổ đau và sợ hãi lớn nhất của đời người là tham dục.
216. Nỗi khổ lớn nhất của đời người có hai, một là tâm chứa ác sự, hai là không biết sanh ra để làm gì chứ không phải là sự nghèo đói vật chất, nghịch cảnh hay sự chết chóc.
217. Nuối tiếc lớn nhất của đời người là quyết định một vấn đề gì khi đang bị bức bối, đang bị khiêu khích hoặc đang sân giận ai.
218. Ngày lớn nhất của đời người là ngày hôm nay, vì hôm qua đã qua rồi còn ngày mai thì chưa đến.
219. Nghèo nàn lớn nhất của đời người đến với những ai chỉ biết ham mê xa hoa vật chất.
220. Nghệ thuật làm dễ dàng những việc khó và lớn nhất của đời người chỉ có ở những người có nhân nại làm hoàn hảo những việc dễ dàng và nhỏ nhất.
221. Nghiệp luân hồi lớn nhất của đời người là dâm dật.
222. Nghiệp lực lớn nhất của đời người là sát sanh.

223. Ngọn lửa lớn nhất của đời người là lửa tham dục.
224. Ngu dốt lớn nhất của đời người là đối trá.
225. Ngu xuẩn lớn nhất của đời người xảy đến khi mình tự để cho người khác khơi dậy lòng tức giận nơi mình.
226. Nguy hại lớn nhất của đời người là dục tình.
227. Nguy hiểm lớn nhất của đời người có hai: một là cơn giận dữ, hai là sự ham muốn về tài, sắc, danh, thực, thù.
228. Người bạn lớn nhất của đời người là nghiệp, dù thiện hay dù ác, chúng sẽ theo bạn xuống tận đáy mồ.
229. Người chủ lớn nhất của đời người là chính mình.
230. Người thân lớn nhất của đời người là tinh tấn, phục thiện, tỉnh thức, nhẫn nhục và trí huệ.
231. Người thầy lớn nhất của đời người là người dám chỉ trích những lỗi lầm của mình.
232. Nhân cách lớn nhất của đời người là làm thiện không làm ác.
233. Nhẫn nhục lớn nhất của đời người là biết can đảm đương đầu với những chỉ trích chê bai.
234. Nhục nhã lớn nhất của đời người sẽ xảy đến với những ai tin rằng mình đã biết những gì mình chưa biết.
235. Những cái nguy hiểm lớn nhất của đời người thường xảy đến từ những việc nhỏ.
236. Oán tặc lớn nhất của đời người là phiền não.
237. Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng.
238. Pháp thù thắng và lớn nhất của đời người là pháp ly dục.
239. Phẩm chất cao thượng lớn nhất của đời người có hai: một là lòng khiêm tốn, hai là lòng biết hy sinh và vị tha.
240. Phẩm chất chơn chánh lớn nhất của đời người nằm trong cách họ sống chứ không ở cách họ nói hay hay những gì họ có.

241. Phẩm hạnh lớn nhất của đời người là sự tu tập của chính mình.
242. Phiền não lớn nhất của đời người là sân hận.
243. Phúc họa lớn nhất của đời người đa phần phát xuất từ những hành sử hằng ngày của người ấy.
244. Phung phí thời giờ lớn nhất của đời người là sự tưởng nghĩ đến kẻ thù.
245. Phước báu lớn nhất của đời người có hai, một là bố thí, hai là những hành động đem lại sự an vui cho mình và cho người trong hiện tại và tương lai.
246. Phương pháp tu tập lớn nhất của đời người là rõ biết lỗi phiền não mà chẳng chạy theo phiền não, hay nhẫn chịu ác khổ mà chẳng sanh lòng sợ hãi, chẳng làm điều ác, ưa tu pháp lành, biết phân biệt lành dữ, gần gũi chánh pháp, thương xót chúng sanh, nghe người chê mà lòng vẫn an nhẫn, nghe người khen lòng thấy hổ thẹn, thấy người chia lìa thì tìm cách khiến họ hòa hiệp, nêu điều hay của người, không nói lỗi của người, không chê người khen mình, không tự cao tự đại, không đa văn hý luận, tránh xa tà kiến và luôn biết thiếu dục tri túc. Đối với phiền não nên nghĩ như kẻ oán tặc, đối với thiện pháp nên xem như thân thuộc. Thà thân mạng mất quyết xa lìa các hạnh tà dục, xa lìa lời nói giả dối, hai chiều, thù dật và đâm thọc.
247. Quyết định lớn nhất của đời người có hai: một là khi thấy việc gì không lợi lạc mà ngược lại có thể đem lại tai hại và khổ đau cho mình và cho người, mình dám can đảm bỏ đi; hai là khi thấy điều có lợi lạc và mang lại an sinh và hạnh phúc cho mình và cho người, dù khó thế mấy mình cũng tuân theo.
248. Sai lầm lớn nhất của đời người có hai: một là đánh mất chính mình, hai là thị phi về người.

249. Sai trái lớn nhất của đời người là nói một đằng làm một nẻo.
250. Sáng suốt lớn nhất của đời người là sớm biết tính ngộ và lo tu tập.
251. Sáu con đường lớn nhất của đời người là lục đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người và trời).
252. Sở trường lớn nhất của đời người là sự nhường nhịn.
253. Suy nghĩ lớn nhất của đời người là biết những gì mình đã, đang và sắp suy nghĩ, cũng như sự suy nghĩ phải làm một điều gì đó có lợi cho người khác.
254. Sự bội bạc lớn nhất của đời người là sự vội vã trả ơn.
255. Sự cao quý lớn nhất của đời người có hai: một là sự cao quý trong lòng mình; hai là luôn nhất tâm tu hành theo chánh pháp, dù cho việc gì xảy ra cũng quyết kiên trì chứ không buông lung theo thú vui trần tục.
256. Sự cao thượng lớn nhất của đời người là lòng biết ơn.
257. Sự chán chường lớn nhất của đời người là nói chuyện với người lúc nào cũng tán đồng với ý kiến của mình.
258. Sự điên dại lớn nhất của đời người là tìm cách sửa chữa cá tánh của người khác.
259. Sự giải tỏa ưu phiền lớn nhất của đời người đến với những ai tận tâm lo giải tỏa ưu phiền cho những người khác.
260. Sự gian dối lớn nhất của đời người bắt nguồn từ sự gian dối trong việc nhỏ nhất.
261. Sự giáo dục lớn nhất của đời người đến từ nghịch cảnh.
262. Sự hèn hạ lớn nhất của đời người chỉ xảy ra ở người thiếu trí.
263. Sự hèn nhất lớn nhất của đời người là sự cam chịu trước nghịch cảnh.
264. Sự hiểu lầm lớn nhất của đời người xảy ra khi người ta tưởng rằng nhượng bộ là hạ mình và nhận lỗi là nhục nhã.

265. Sự hùng biện lớn nhất của đời người là nói năng thận trọng.
266. Sự kết thân lớn nhất của đời người là kết thân với người thiện.
267. Sự khó tha thứ lớn nhất của đời người là tha thứ cho người khác, vì thói thường mình hay tự tha thứ cho mình chứ ít khi chịu tha thứ cho người.
268. Sự khó thay đổi lớn nhất của đời người là sự thay đổi cá tánh của một người.
269. Sự khôn ngoan lớn nhất của đời người có năm: một là biết lắng nghe lời chỉ trích chơn thành, hai là biết khéo léo đối thù thành bạn, ba là đừng nói với người khác là mình khôn hơn họ, bốn là biết chấp nhận và hành sử theo lời khuyên, và năm là biết tự trách lấy mình chứ không trách người.
270. Sự lãng phí thì giờ và năng lực lớn nhất của đời người xảy ra khi chúng ta bị kích thích, nổi cơn thịnh nộ hay nuôi dưỡng lòng oán hận người khác.
271. Sự lịch thiệp lớn nhất của đời người đến với những ai biết giúp đỡ người khác mà không hề kể công.
272. Sự lo sợ lớn nhất của đời người xảy đến với những ai gieo sự khủng khiếp cho người khác.
273. Sự mất mát lớn nhất của đời người là mất mát chữ tín.
274. Sự nghèo nàn lớn nhất của đời người thường đến với những kẻ thiếu tài.
275. Sự nghiệp lớn nhất của đời người là những thử thách trong đời sống hằng ngày.
276. Sự ngu dại lớn nhất của đời người có ba: một là vội tin mọi người, hai là vội vàng chỉ trích người khác, ba là không chịu thay đổi thiếu kiến của chính mình.
277. Sự ngu dốt lớn nhất của đời người có hai: một là không dám hỏi khi mình không biết, hai là biết dở mà không dám bỏ.

278. Sự ngu độn lớn nhất của đời người là sự bất đồng ý với cả người ngu lẫn người khôn.
279. Sự sa bầy lớn nhất của đời người xảy ra khi bạn bị xáo trộn bởi kẻ thù của bạn gây ra và làm đúng theo những ước vọng của họ.
280. Sự tha thứ dễ dàng và lớn nhất của đời người thường được dành cho chính mình.
281. Sự thách đố lớn nhất của đời người là lời giễu cợt.
282. Sự thành công lớn nhất của đời người có hai: một là sự cố gắng của chính mình, hai là sự thành công ấy chỉ đến với những ai cố gắng và cẩn thận.
283. Sự thành đạt lớn nhất của đời người là hành động chứ không phải là lời nói hay sự hiểu biết.
284. Sự thiếu khoan dung lớn nhất của đời người phát xuất từ việc không hiểu biết người khác nghĩ gì và cần gì.
285. Sự thô lỗ lớn nhất của đời người xảy đến khi người ấy không đủ thông minh để nói lời thích hợp và không đủ khôn ngoan để im lặng đúng lúc.
286. Sự thông minh lớn nhất của đời người chỉ có ở những ai khi không biết dám nói mình không biết và khi sai trái dám nói mình sai trái.
287. Sự thông thái lớn nhất của đời người chỉ có ở những ai luôn biết rõ cái ngu của mình.
288. Sự thừa thãi lớn nhất của đời người là sống một ngày mà không nghe được một câu nói đạo đức, không trông thấy được một việc làm có đạo đức, hay không làm được một việc có đạo đức.
289. Sự toàn thiện lớn nhất của đời người là lòng phục thiện của chính mình.
290. Sự xác xược lớn nhất của đời người chỉ có ở những kẻ đần độn.

291. Sự yên vui lớn nhất của đời người khởi lên từ lòng vị tha.
292. Sức chịu đựng lớn nhất của đời người là chịu đựng một mình chứ không bắt ai phải chịu đựng với mình.
293. Sức mạnh lớn nhất của đời người có sáu: một là lòng kiên nhẫn, hai là tự hào và không quy lụy trong thất bại khi bạn đã cố gắng hết sức mình, ba là khiêm nhường và nhã nhặn khi chiến thắng, bốn là tự biết mình yếu hay mạnh, năm là đủ can đảm để đối phó với sợ hãi, sáu là ý chí bắt đầu công việc một cách đúng lúc.
294. Tai hại lớn nhất của đời người có ba: một là những tai hại này xảy đến khi nào mình trông chờ vào người khác làm thỏa mãn những nhu cầu của mình; hai là nguyên nhân của những tai hại này đến từ chính mình chứ không từ ai khác; ba là những ai có tánh hay phô trương, vì sẽ có lắm kẻ ghen ghét đố kỵ.
295. Tai họa lớn nhất của đời người là mưu sâu kế độc của chính mình.
296. Tài năng lớn nhất của đời người là sự nhẫn nại lâu dài.
297. Tài năng khó nhất và lớn nhất của đời người là tài năng của người chịu nhìn nhận người khác có tài.
298. Tài sản lớn nhất của đời người là sức khỏe và trí tuệ.
299. Tám món chơn chánh lớn nhất của đời người là thấy biết chơn chánh, suy nghĩ chơn chánh, nói lời chơn chánh, nghề nghiệp chơn chánh, lối sống chơn chánh, tinh tấn chơn chánh, nghĩ nhớ chơn chánh và định tĩnh chơn chánh.
300. Tâm bất động lớn nhất của đời người là tâm không dao động vì sự khen chê.
301. Tâm hồn lớn nhất của đời người là tâm hồn luôn hy vọng chứ không tuyệt vọng.
302. Tâm kiên cố lớn nhất của đời người là tâm không chạy theo dục vọng.

303. Tâm lớn nhất của đời người là tâm Bồ Đề, vì tâm Bồ Đề là con đường lớn có thể đưa chúng sanh đến cõi nhất thế trí, tâm Bồ Đề là con mắt sáng có thể xem thấy hết thấy đường chánh nẻo tà, tâm Bồ Đề là nước sạch có thể tẩy sạch mọi phiền não, tâm Bồ Đề là chủng tử Phật có thể sanh chư pháp của chư Phật.
304. Tâm lương hảo lớn nhất của đời người là tâm thương người.
305. Tâm niệm lớn nhất của đời người là chớ làm các điều ác, chăm làm các điều lành, và giữ trong sạch nơi tâm ý.
306. Tâm tệ hại lớn nhất của đời người là tâm ghét người.
307. Tâm thanh tịnh lớn nhất của đời người là tâm không bị tham ái thúc giục, không bị sân hận thâm nhiễm, tâm đã vượt lên trên những thiện và ác nghiệp.
308. Tâm thật tu lớn nhất của đời người là nghe ai nói tốt về mình thì không lấy làm vui, nghe ai nói xấu về mình không lấy làm khó chịu.
309. Tệ hại lớn nhất của đời người là sợ sệt và lo âu.
310. Tích lũy và bất an lớn nhất của đời người là sự tích lũy của cải và tài sản.
311. Tịch tịnh lớn nhất của đời người là thân ngữ thanh tịnh, xa lìa dục lạc và tâm an trú trong định tĩnh.
312. Tiến bộ lớn nhất của đời người là mỗi khi phạm lỗi ta biết lắng nghe và sửa lỗi.
313. Tiếng lành lớn nhất của đời người là sống chơn chánh.
314. Tội lỗi lớn nhất của đời người có hai: một là bất hiếu, hai là lạc thú.
315. Tu sửa lớn nhất của đời người là tu sửa lấy mình.
316. Tu tập lớn nhất của đời người là sự tu tập cho chính mình.
317. Thản nhiên lớn nhất của đời người là đi đến đâu cũng cảm thấy an lạc, tỉnh thức và hạnh phúc.

318. Thanh tịnh lớn nhất của đời người là không oán hận, không bài báng, và không tranh tụng với ai.
319. Thành công lớn nhất của đời người có ba: một là sự thành công này chỉ đến với những ai biết học hỏi kinh nghiệm của những lần thất bại; hai là sự thành công này bắt đầu từ những việc nhỏ nhất; ba là sự thành công này là tích số của sự làm việc, may mắn và tài năng.
320. Thành đạt lớn nhất của đời người có hai: một là tâm bình thường, hai là biết nhận lỗi và biết sửa lỗi.
321. Thành quả lớn nhất của đời người là chẳng còn phân biệt chức phận, địa vị, học lực, tiền của và tài năng.
322. Thành thời lớn nhất của đời người là không màng đến vật chất.
323. Thắng phục lớn nhất của đời người là thắng phục dục tình.
324. Thân hữu lớn nhất của đời người là người hay làm việc khó làm, hay cho việc khó cho, hay nhận việc khó nhận, tương thân tương trợ lẫn nhau, gặp khổ chẳng bỏ nhau, nghèo hèn chẳng khinh nhau, thấy sai bèn can gián, thấy việc tốt thời hoan hỷ, nguy nan chẳng bỏ nhau.
325. Thân thuộc lớn nhất của đời người là thiện pháp.
326. Thần được lớn nhất của đời người là nụ cười.
327. Thất bại lớn nhất của đời người có ba: Một là sự nóng nảy, hai là tánh tự đại, ba là vì mình không dám thực hiện những gì mình muốn làm.
328. Thệ nguyện lớn nhất của đời người có hai thứ: một là Tứ Hoằng Thệ Nguyện, hai là Thập Hạnh Phổ Hiền Nguyện.
329. Thiện nghiệp lớn nhất của đời người là tránh xa ác nghiệp.
330. Thiếu giáo dục và lễ độ lớn nhất của đời người là chỉ nói về mình chứ không chịu lắng nghe người nói.

331. Thông minh lớn nhất của đời người chỉ có ở những ai biết chấm dứt cuộc tranh luận, vì thường thường người ta quên mất chân lý trong các cuộc tranh luận.
332. Thử thách lớn nhất của đời người là dám sống theo chơn lý hay Chánh Pháp.
333. Trách nhiệm lớn nhất của đời người là biết những gì mình đã, đang và sắp làm.
334. Tu tập lớn nhất của đời người là dứt bỏ ác nghiệp, hiển bày thiện nghiệp và tự tịnh kỳ ý.
335. Tự tại, an lạc và hạnh phúc lớn nhất của đời người là trong đời ngũ trước ác thế mà mình không nghĩ ác, không nói ác, không làm ác; cũng như không xúi ai ai nghĩ ác, nói ác và làm ác.
336. Tự tại lớn nhất của đời người là không bị khuất phục bởi quyền uy danh vọng và tiền tài địa vị.
337. Tưởng tượng sai lầm lớn nhất của đời người là tưởng tượng có tốt có xấu, có giàu có nghèo, có sang có hèn.
338. U mê lớn nhất của đời người có hai: một tà kiến, hai là mê tín.
339. Ưu điểm lớn nhất của đời người là sự mềm dẻo của chính mình.
340. Vết nhơ lớn nhất của đời người là sự ngu dốt.
341. Viên ngọc lớn nhất của đời người là công đức tu tập của chính mình.
342. Vô ích lớn nhất của đời người là học mà không hành.
343. Vương bận lớn nhất của đời người là tưởng nhớ về quá khứ và bận tâm lo tưởng cho tương lai.
344. Vương mắc lớn nhất của đời người có hai thứ: một là thị phi, hai là còn được nhiều người ưa thích.
345. Xao lãng lớn nhất của đời người là xao lãng giới, định, huệ.

346. Xấu hổ lớn nhất của đời người là sự xấu hổ khi không chịu học hỏi chứ không phải xấu hổ khi không biết.
347. Ý chí lớn nhất của đời người là ý chí khắc phục dự vọng.
348. Yên ổn lớn nhất của đời người có được khi mình luôn biết tự thắng lấy mình.
349. Yếu đuối lớn nhất của đời người thường tới với những tấm thân nhân hạ.